

7 GIA THUYẾT 7

PAUL HALTER
Robert Aboud dịch



nhà xuất bản
HỘI NHÀ VĂN

**GIẢ
THUYẾT
THỨ 7**

PAUL HALTER
Huân Hồng dịch



PHẦN MỘT
ĐÊM 31 THÁNG TÁM

1

CÁI BÓNG LẠ

Khoảng 10 giờ tối, cảnh sát Edward Watkins đi ngang cung điện St. James như ông vẫn làm nửa tiếng một lần vào những buổi tối phải trực thế này. Nhiều năm qua, ông đã đều đặn thực hiện đúng lộ trình đó mà không gặp sự cố gì. Thi thoảng chạm trán một tay say xỉn có phần ngỗ ngược không thể bỏ qua, nhưng đám đó cũng chỉ đếm trên đầu ngón tay. Khu vực này rất yên bình, yên bình như cuộc đời cảnh sát viên của ông, khi ông đã đi mòn gót, tâm trí chỉ nghĩ về thời khắc nghỉ hưu sắp tới bên người vợ yêu quý của mình. Một cuộc đời chẳng có biến cố gì, thực vậy - cho tới đêm 31 tháng Tám năm 1938.

Hai bàn tay đan chéo sau lưng, chiếc mũ cát kéo sụp xuống đầu, thứ âm thanh duy nhất ông nghe được là tiếng bước chân của chính mình trong cái khu vực đang say ngủ, chìm trong bóng đổ của những tòa nhà góm ghiếc cao ngất bao quanh. Đêm khá lạnh và màn sương nhẹ lững lờ buông xuống phần mặt tiền đầy vẻ hăm dọa. Ông rẽ xuống phố King, đi được nửa chừng thì dừng lại ngó qua vai, như một việc rất bình thường. Đúng lúc ấy, ông nghe tiếng bước chân ở đâu kia phố King, ngay chỗ ngã tư với phố Bury. Nhưng khi vòng trở lại, ông chỉ thấy cái bóng của một kẻ qua đường, hắt lên bức tường cách đó hơn chín mét nhờ một ngọn đèn đường nằm ở góc ngã tư.

Cảnh sát Watkins đứng yên vài giây, miệng há hốc. Mặc dù chỉ thấy cái bóng trong một thoáng, ông cũng đủ nhận ra một điểm dị thường: Nó có cái mũi dài lạ lùng. Không phải dài hơn mức bình thường vài phân, mà dài một cách *quái đản*, dễ chừng bằng cả vành mũ rộng mà kẻ đó đang đội.

Quý quái gì vậy? Một gã cải trang thành chim chăng?

Edward Watkins đứng yên thêm vài giây nữa, tâm trí quay cuồng. Khi trấn tĩnh lại, ông rảo bước tới góc phố Bury và nhìn dọc xuống lối đi, vừa kịp thấy nhân vật kia sắp rẽ phải vào một hẻm ở quãng giữa phố, nơi hình như có

thêm nhân vật khác đã đến từ trước. Watkins chưa xác định được nhân dạng của kẻ thứ hai, nhưng thoáng thấy thứ gì đó rất giống áo choàng.

Diễn biến tiếp theo khá nhanh. Nhân vật kia, có lẽ bị đánh động bởi tiếng chân bước của viên cảnh sát, quay phắt lại đối diện với ông và, lộ rõ vẻ ngạc nhiên, nó vọt nhanh vào ngõ hẹp.

Trong những tình huống bình thường, viên cảnh sát sẽ lập tức bám theo. Nhưng những gì ông vừa thấy - và đặc biệt là vào thời điểm đó - lạ lùng đến mức phải mất vài phút quý giá tâm trí ông mới phục hồi được. Nhưng các giác quan thì không hề phản bội ông và hình ảnh dị thường kia vẫn rõ rệt trong tâm trí: áo choàng dài đến mắt cá chân, đôi tay đeo găng, chiếc mũ rộng vành, và thay vì khuôn mặt, lại chình ình một chiếc mặt nạ trắng ớn mà ở chính giữa là cái mũi dài ít nhất cũng hơn ba mươi phân. Mặc dù chưa bao giờ nhìn thấy hình ảnh ấy bằng xương bằng thịt, nhưng ông đã xem đủ minh họa để hiểu ra: *Ông vừa nhìn thấy một bác sĩ dịch hạch.*

Một bác sĩ dịch hạch.

Đã từng có dịch hạch ở Luân Đôn.

Những câu chuyện về bệnh dịch khủng khiếp vụt qua tâm trí ông: Người chết nhiều như ruồi trên đường phố, quần quai trong đau đớn, thân thể đầy mụn mủ, mí mắt thâm đen, gương mặt teo tóp. Xác chất đống lên xe đẩy, rồi trút xuống hào sâu bên ngoài thành phố, nơi một sự hoảng loạn không tên ngự trị, nơi gần như không thể trốn chạy, và nơi người sống trong những ngôi nhà bị nhiễm bệnh chết vì đói hơn là vì dịch hạch.

Viên cảnh sát xua dòng ý nghĩ hắc ám ấy đi và định thần lại. Ba trăm năm nay không còn dịch hạch ở Luân Đôn, đã có nhiều hiện pháp hiện đại để kiểm soát nó. Hơn nữa, các bác sĩ không còn lang thang trên đường phố trong bộ trang phục kỳ dị này nữa. Người ông vừa nhìn thấy hoặc là một người đi dự tiệc hoặc một dạng tội phạm nào đó đang chuẩn bị ra tay. Không, như thế thật vô nghĩa. Có nhiều cách kín đáo hơn để che giấu nhân dạng. Vậy thì là gì chứ?

Ông không cố suy luận nữa và chạy tới đầu ngõ hẻm. Không nhìn thấy bóng dáng ai trong con ngõ im ắng, tối om này cả. Ông tiến bước, thật chậm, mắt và tai căng ra cảnh giác. Ánh đèn lờ mờ phía sau những ô cửa sổ buông rèm. Ông tiến bước, quàng sáng từ chiếc đèn cầm tay lia qua lại cùng nhịp chân. Không có dấu hiệu nào của tay bác sĩ quái dị hay bất kỳ ai khác, nhưng

có nhiều chỗ để ẩn náu: hiên, hốc tường, và lối vào các sân sau.

Nhất thời, viên cảnh sát tính gõ từng cánh cửa và thăm vấn, nhưng rồi ông nhanh chóng từ bỏ ý định. Đám cư dân bị đánh thức sẽ nghĩ là ông điên khi làm nhảm về các bác sĩ dịch hạch, hoặc ông sẽ tạo ra tình trạng náo loạn không kiểm soát nổi.

Bởi vậy vừa đến cuối hẻm, ông liền quay lại và quyết định tiếp tục đi dọc phố Bury như bình thường. Ông cân nhắc mọi giả thuyết trong đầu nhưng không giả thuyết nào giải thích được sự hiện diện của một gã đàn ông từ thế kỷ trước với chiếc mặt nạ mũi dài màu trắng. Một lúc sau, ông bắt đầu tự hỏi phải chăng mình đã bị đôi mắt đánh lừa, nhờ đâu đó chỉ là ảo giác sinh ra để cân bằng với sự đơn điệu quá đỗi trong công việc thường ngày, nhờ đâu đó chỉ là tưởng tượng của một viên cảnh sát vốn chưa từng gặp bất ngờ nào nên trong tiềm thức luôn thèm muốn một chút thay đổi hứng khởi. Tương tự một dạng phiêu lưu mà đám thanh niên choai choai vẫn thường mơ tưởng. Rất có thể như vậy, thậm chí chắc chắn vậy. Vì đúng là chẳng có gì xảy ra với ông cả. Như câu nói ưa thích của cấp trên ông, “Anh Watkins, tất cả những gì chúng tôi cần làm để trả lại sự bình yên là cứ anh đến đó.”

Lộ trình quen thuộc đưa ông ngược phố Bury, ngoặt vuông góc, rẽ phải sang Bevis Marks, từ đó lại rẽ phải vào phố Duke và trở lại cung điện St. James.

Lúc 10 giờ rưỡi, khi băng ngang quảng trường lần nữa, Edward Watkins càng thêm tin chắc rằng mình đã mất trí ngắn hạn, và bắt đầu cho rằng về hưu sớm có thể là một ý hay. Không chỉ vì bản thân ông, mà còn vì cả các cư dân trong khu vực, những người có thể không còn tin rằng ông không hề bị điên nữa...

Chuông nhà thờ gần đó điểm 11 giờ, ngân những hồi u sầu trong đêm tối. Cảnh sát viên Watkins mỉm cười với chính mình trong lúc ngẫm nghĩ xem có nên kể với vợ về những sự kiện kỳ quái vừa rồi không. Chồng bà ấy, người vốn chưa gặp chuyện gì đáng kể, đã tình cờ đụng phải một tay bác sĩ dịch hạch ở Luân Đôn trong thế kỷ hai mươi! Nhưng ngẫm kỹ, tốt hơn là ông nên im lặng; nếu không, vợ ông sẽ chế giễu mãi chuyện này cho tới tận ngày ông nhắm mắt lìa trần. Ông thay đổi lộ trình của mình, rẽ trái ra khỏi phố Bury để vào Bevis Marks, rồi rẽ phải đi dọc theo phố Goring. Và đó là nơi cơn ác mộng bắt đầu.

Đi được nửa phố Goring thì ông nhìn thấy một người đàn ông đứng dựa vào thùng rác bên phải đường, cách ông một quãng. Ánh sáng từ ngọn đèn bên kia phố soi tỏ khung cảnh. Lối đi nhỏ hẹp chạy giữa hai tòa nhà rộng chỉ khoảng ba mét và chiều dài gấp đôi chiều rộng đó. Có một vòi nước uống nhỏ ngay trước bức tường cuối ngõ, một thùng rác kê sát tường bên phải, và hai thùng rác nữa kê bức tường bên trái. Người đàn ông vừa càu nhàu vừa lục lọi thùng rác gần mình hơn.

Lần thứ hai trong đêm Watkins ngạc nhiên dừng bước. Rõ ràng người đàn ông kia không phải dân lang thang, nếu không viên cảnh sát đã chẳng bận tâm. Chính việc anh ta ăn vận rất lịch sự với mũ chóp cao và áo choàng đen mới khiến ông thấy tò mò. Dưới chân anh ta là cây can bịt bạc và cái túi bác sĩ. Một bác sĩ, Watkins giả định như vậy, nhưng là người từ thế kỷ trước, đang lục lọi thùng rác vào lúc 11 giờ đêm.

“Đến lúc rồi, Kosminski,” người đàn ông lầm bầm mà chẳng buồn ngó lại. “Tôi nghĩ cậu chuồn rồi chứ. Bối khí, tôi hy vọng đừng ai phát hiện ra hãn quá sớm,” gã nói thêm, đóng chặt nắp thùng rác lại. “Lẽ ra chúng ta nên quẳng hãn ở chỗ nào khác. Tôi nói đấy, Kosminski, cậu nghe chưa?”

“Tôi sợ rằng ông nhầm lẫn rồi, thưa ông,” viên cảnh sát tuyên bố rất lịch sự nhưng cương quyết. “Tên tôi không phải Kosminski, tôi là Watkins và tôi là cảnh sát.”

Gã đàn ông quay phắt lại về kinh ngạc, đúng như viên cảnh sát dự đoán.

“Ôi, ông sĩ quan,” gã thở hốt hên. “Ông làm tôi giật mình đấy.”

Watkins im lặng quan sát gã. Mớ tóc đỏ quạch phóng tưng lộ rõ dưới chiếc mũ chóp cao, bên trên chiếc kính kẹp mũi dày cộp là hai hàng lông mày dày rậm, và bộ râu chải chuốt buông dài tới tận sợi dây xích đồng hồ lấp loáng vắt ngang ngực gã. Gã xỏ đôi găng tay màu bơ và đôi giày bóng nhoáng. Có một chi tiết gợi tò mò: gã đeo một chiếc túi vải bố nhỏ có quai quàng quanh cổ, bên ngoài chiếc gi-lê màu trắng.

“Ôi,” gã lạ mặt nói, như để phá vỡ sự im lặng. “Tôi nhẹ người khi thấy ông. Nhất thời tôi đã nghĩ có khi ông là một tay lưu manh chẳng có ý định tốt đẹp gì.”

Watkins vẫn im lặng. Ánh mắt ông đối xuống chỗ rác rưởi vương vãi khắp nền đường, cuối cùng đến cái thùng rác là chủ thể vừa bị lục lọi. Một lúc sau, ông hỏi:

“Thưa ông, ông có thể giải thích cho tôi xem ông là ai, ông đang làm gì ở đây, và ông đang tìm kiếm gì trong cái thùng rác đó được không?”

“Bác sĩ Marcus xin phục vụ ông,” gã đàn ông trả lời với cái cúi mình mà Watkins đánh giá là quá kịch. “Về những gì tôi đang làm ở đây, đó là một câu hỏi rất hay. Một câu hỏi tuyệt vời, mặc dù cũng là một câu hỏi khá tế nhị. Thưa ông thanh tra đáng mến của tôi, ông có thể thông tin cho cấp trên của ông tại Sở... Ông thanh tra, tên ông là gì nhỉ?”

“Tôi không phải thanh tra và tôi không làm việc cho Sở Cảnh sát Luân Đôn,” Watkins nói vẻ gay gắt. “Ông có thể gọi tôi là sĩ quan và cho tôi biết về công việc của ông ở đây.”

Bác sĩ Marcus mỉm cười và gặt đầu vẻ suy nghĩ.

“Dĩ nhiên rồi. Rất xin lỗi. Hệ thống thứ bậc trong quân đội và cảnh sát không phải là điểm mạnh của tôi. Tôi cho rằng sơ suất của tôi ‘sẽ không bị xem là nghiêm trọng’ chứ?”

‘Hoặc là gã đang công khai mĩa móc mình để chọc tức,’ Watkins nghĩ, và phải rất cố gắng giữ hình tỉnh, ‘hoặc gã vừa trốn khỏi một trại tâm thần.’ Ông đổi chiến thuật:

“Cho tôi biết, *bác sĩ Marcus*, ông có thường ăn vận như thế này không?”

Kẻ lạ mặt nhìn nhanh xuống trang phục của mình và lại nhìn lên vẻ phẫn nộ.

“Trang phục của tôi thì sao chứ? Không đủ nhã nhặn với các quý ông ở Sở Cảnh sát Luân Đôn chẳng?”

“Dĩ nhiên không phải thế,” Watkins đáp nhẹ nhàng, giờ tin chắc mình đang phải xử lý một bệnh nhân tâm thần trốn viện. “Rất nhã nhặn, chỉ hơi lỗi thời, nếu ông hiểu ý tôi.”

“Tôi hiểu rất rõ ý ông,” Marcus đáp trả, vẻ hung hăng thấy rõ. “Ông là một trong những kẻ cử vương vào cái mốt hiện đại nhất thời, xem thường quá khứ và không có năng lực nhận thức về đẹp đích thực...”

“Không, tôi...”

“Xin hiểu rằng, thưa ông thanh tra, tôi chỉ đi lại bằng ngựa và xe kéo. Cũng xin hiểu rằng tôi đã rời bỏ căn hộ của mình khi đèn khí đốt được thay bằng đèn điện. Xin hiểu thêm...”

“Đủ rồi,” Watkins ngắt lời dứt khoát. “Giờ cho tôi biết ông đang làm gì ở đây và ông đã giấu cái gì trong thùng rác đó, *bác sĩ Marcus*. Và chính xác

ông là bác sĩ chuyên khoa gì?” Giọng ông đánh lại với câu hỏi cuối cùng.

Bác sĩ Marcus cười nhăn nhó.

“Tôi có ấn tượng rất rõ ràng rằng, thưa ông thanh tra, ông nghi ngờ tôi phạm lỗi gì đó, hoặc có khi là một trọng tội thậm chí có thể là giết người! Tôi sẵn sàng đi xa hơn nữa: Ông tin chắc tôi vừa vứt một cái xác vào đây,” gã nói, chỉ vào thùng rác mà viên cảnh sát thấy gã đang dựa vào.

“Chà...” Watkins do dự, có phần e dè. “Dù thế nào, nếu cứ nhìn chỗ rác rưởi tung tóe này, không hề phi lý khi nghĩ ông đang muốn tạo chỗ để chứa một thứ rất lớn. Thêm nữa, nếu lật lại những gì ông nói lúc trước: ‘Tôi hy vọng đừng ai phát hiện ra hãn quá sớm... Lẽ ra chúng ta nên quăng hãn ở chỗ nào khác,’ thì tôi có xu hướng nghĩ đó là một cái xác.”

“Ông đúng rồi!” Bác sĩ Marcus reo lên, vung hai tay như một kẻ chuyên quảng cáo ở hội chợ đang nêu tên người trúng số. “Điều đó đưa tôi đến một câu hỏi nữa của ông: Tôi là bác sĩ Marcus, Bác sĩ Tội phạm!”

‘Nói huyền thuyên rồi,’ Watkins nghĩ thầm, ‘và có khi khả nguy hiểm.’

Không đợi lâu hơn được nữa, viên cảnh sát bước lại chỗ thùng rác và nhắc nắp lên: chẳng có gì. Nó trống trơn ngoại trừ ít rác dưới đáy. Ông nhìn xoáy vào bác sĩ Marcus lúc này đang tỏ vẻ ngạc nhiên.

“Chẳng có gì ư?” gã hỏi.

“Không có gì,” viên cảnh sát gầm gừ.

Gã bác sĩ tự xưng lắc đầu, rồi trầm tư nhìn thùng rác đối diện.

“Có lẽ đằng kia chẳng?”

Watkins bước lại và nhắc nắp lên, ném choang xuống đất. Thùng rác đầy ắp. Ông giận dữ sục tìm qua những thứ kinh tởm bên trong nhưng rồi bỏ cuộc ngay. Ông quay lại, ném vào Marcus một cái nhìn đặng đặng sát khi. Gã phản ứng lại bằng cách nhắc nắp thùng rác thứ ba, nằm kề thùng đầu tiên.

“Ngớ ngẩn thật,” gã nói. “Cái này cũng chẳng có gì.”

Viên cảnh sát đích thân kiểm tra, rồi đứng ngay cạnh gã bác sĩ tự xưng trong khi gã cúi người nhặt cây cần và túi thuốc của mình lên. Ông trở vào túi vải bố lủng lảng trên cổ gã.

“Mà ông có thể cho tôi biết đây là gì được không, ông Marcus?”

“Đương nhiên. Túi này đựng bột thơm, một hỗn hợp gồm cánh kiến trắng, oải hương và hương thảo. Rất tốt khi mang theo người nếu phải xử lý một số loại tử thi nhất định.”

Edward Watkins không trả lời. Ông đang phân vân không biết có nên đưa gã điên này về đồn không thì bị một thứ mùi hăng nồng xộc vào mũi. Thứ mùi ông dễ dàng nhận ra ngay.

“Tôi khuyên ông, ông Marcus, ông nên về nhà và tắm thật kỹ cho hết mùi dấm chua. Tôi nghĩ ông ngấm mùi này trong lúc mò mẫm thùng rác...”

“Ông nhầm rồi, thanh tra ạ. Tôi xoa dấm lên má để...”

“Phải, phải. Thế là đủ. Nào, về nhà thôi, ông Marcus.”

“Bác sĩ Marcus,” gã kia trả lời. “Bác sĩ Tội phạm.”

Nói đoạn, gã giơ tay chào viên sĩ quan cảnh sát, xoay gót, vừa bước đi vừa vung vẩy cây cần. Đến đầu ngõ hẻm, gã quay người lại:

“Hãy ngó qua thùng rác đầu tiên đi. Làm sao biết được...”

Edward Watkins rửa thầm, chỉ cần gã điên này nói thêm một câu thì ông sẽ lôi cổ gã về đồn. Nhưng thực tế đó là những lời cuối cùng của bác sĩ Marcus, vì gã lập tức xoay gót và biến mất cùng động tác tung áo choàng.

Viên cảnh sát nghe tiếng bước chân xa dần, sau đó xem xét thùng rác gã vừa nhắc đến. Ông nhún vai. Gã còn điên rồ hơn ông tưởng. Gã hy vọng làm ông tin có xác chết trong cái thùng vừa này còn rỗng không. Chuyện đó không chỉ ngớ ngẩn, mà còn tuyệt đối không thể. Ông mỉm cười, nhắc nắp lên.

Và không thể tin vào mắt mình.

Quả nhiên có một xác chết.

Trong thùng.

2 ĐIỀU KHÔNG THỂ

Phản ứng tức thì của Edward Watkins là móc cây đèn cảnh sát ra để bảo đảm mình không phải là nạn nhân của một trò chơi khăm. Rồi ông lao bổ tới phố Goring để đuổi theo Marcus. Đến ngã tư giao với Bevis Marks, không nhìn thấy một bóng người nào, ông dừng lại. Kẻ bỏ trốn kia chỉ cần chuồn trước ông độ hai mươi giây là kịp lẫn được vào bất kỳ lối đi và ngõ hẻm nào trong số cả nửa tá mà gã nhìn thấy. Watkins rúc mạnh còi, chạy trở lại phố Goring một cách vô vọng. Ông lao qua Bevis Marks, lòng sục phố Bury và phố Duke, nhưng đều vô ích. Một lúc sau, ông gặp cảnh sát viên Harvey đang đi tuần gần đó. Ông giải thích tình hình và cả hai trở lại ngõ hẻm kia. Dưới ánh sáng của hai cây đèn, họ im lặng xem xét cái xác nằm trong thùng rác. Đó là một thanh niên đã được gặp người lại để hai đầu gối co lên tận cằm. Watkins kéo mạnh mớ tóc đen gọn sóng để nhìn rõ mặt. Nước da nạn nhân bệch bạc còn nét mặt co cứng biểu thị sự đau đớn cùng cực. Dưới mắt có quầng và mí mắt thâm tím. Một vết thương rất kỳ lạ dưới cổ và hai gò mà có những đốm lớn.

“Trừ phi tôi lú lẫn,” Harvey nhận xét, “còn không, anh chàng tội nghiệp này ốm rất nặng. Cứ nhìn mặt anh ta xem.”

Watkins buông mái tóc như thể nó đang đốt cháy tay ông vậy. Sau đó, theo đề nghị của đồng nghiệp, ông kể lại các chi tiết liên quan đến phát hiện ghê rợn của mình.

“Một câu chuyện thật khó tin,” Harvey nói. “Anh có chắc cái xác không hề ở đó trong lần đầu tiên anh nhìn vào thùng rác không?”

“Chắc chắn,” Watkins trả lời. “Tôi biết đó là điều không thể và sẽ chẳng ai chịu tin tôi...”

“Khoan đã,” Harvey nói. “Khi kiểm tra thùng rác đối diện, anh quay lưng lại Marcus à?”

“Tôi hiểu ý anh. Gã có thể tranh thủ lúc bấy giờ để nhét cái xác đang nằm... đầu đó vào thùng rác.”

“Đúng, và anh sẽ không phát giác ra hành động này do những tiếng ồn anh tao ra trong lúc lục soát thùng rác kia.”

Watkins lắc đầu.

“Rất tiếc, không thể như vậy được. Như anh thấy đấy, chỗ này đủ sáng. Làm gì có chuyện tôi không nhìn thấy cái xác nếu nó nằm đó. Chẳng có chỗ nào mà giấu. Thêm nữa, không hề có lấy một ô cửa sổ nhìn xuống ngõ hẻm này. Còn một khả năng mong manh nữa là nó có thể bị bức tường đằng sau thùng rác kia che khuất,” ông trở thùng rác bên cạnh cái thùng chứa nạn nhân xấu số.

“Hoặc thậm chí bên trong.”

“Khả năng đó còn thấp hơn, bởi tôi chỉ xoay lưng lại chừng năm, sáu giây. Không lâu hơn, tôi dám chắc như vậy. Anh biết rõ mang vác một cái xác chết khó khăn như thế nào rồi đấy. Không thể nào nhét cái xác vào thùng trong khoảng thời gian ngắn như vậy được. Đặc biệt với tình trạng của anh chàng tội nghiệp này. Chắc chắn đó là công việc cực kỳ khó khăn.”

“Đúng,” Harvey rầu rĩ thừa nhận. “Đúng, để tôi gọi thêm chi viện.”

Watkins theo đồng nghiệp tới góc phố Bevis Marks. Những hồi còi vang vọng của ông đã đánh thức cả khu. Một vài cánh cửa sáng lên, bên trong ô cửa sổ tầng trệt của một ngôi nhà ở góc phố Goring nằm cách ngõ hẻm ít nhất ba mươi thước, ông nhìn rõ hai khuôn mặt áp vào kính. Cảm thấy bản khoăn với những biểu hiện tò mò bệnh hoạn như vậy, ông trừng mắt nhìn họ lúc băng qua.

Được vài bước, Watkins nghe tiếng cửa sổ mở ra sau lưng mình. Ông xoay lại, sẵn sàng nện bất cứ kẻ nào xuất hiện nhưng vẻ mặt phờ phạc của người đàn ông ló đầu ra đã khiến ông thay đổi ý định.

“Xin lỗi ông, ông sĩ quan,” một giọng run run cất lên, “ông đã tìm thấy anh ấy chưa?”

“Ông đang nói về ai vậy?”

“Người ở trọ chỗ chúng tôi, David Cohen. Anh ấy bị ốm nặng và...”

“Ôi dào!” Watkins xãng giọng, vì cả tiếng qua đã rất bận rộn rồi. “Còn đi dạo được tức là không ốm nặng quá đâu.”

“Nhưng ông không biết ư?” Người đàn ông sợ hãi. “Anh ấy biến mất khỏi

hành lang và anh ấy mặc dịch hạch.”

Watkins cảm thấy hai đầu gối mình nhũn ra. Ông đang sống trong cơn ác mộng. Ông đứng đó một lúc lâu để quan sát lão giả như vừa bước ra từ một cuốn tiểu thuyết của Dickens. Một bóng ma, hay chính xác hơn là Lão Hà Tiện, với cái mũi nhọn và đôi môi mỏng. Một người phụ nữ tóc bạc đứng sau lão, cũng mang nét mặt hốc hác: chắc là bà vợ. Chính vào thời khắc đó, ông nhận ra trên cổ họ cũng đeo cái túi vải bố giống bác sĩ Marcus.

“Các bác sĩ không cảnh báo ông ư?” lão già hỏi.

“Bác sĩ nào?” Watkins cảm thấy khó khăn lắm mình mới bật ra được những lời ấy.

“Bác sĩ Ross, Sheldon và... tên người kia là gì nhỉ, Emily?”

“Bác sĩ Marcus,” mẹ vợ trả lời.

Watkins móc khăn tay, nhắc mũi lên, và lau mồ hôi trên trán. Đêm càng dài, ông càng thấy thắc mắc vì mọi việc. Những lời tiếp theo của hai vợ chồng nhà Minden cũng chẳng giúp ích gì. Ngược lại, lời khai vắn tắt và rời rạc của họ còn khó hiểu hơn bất kỳ điều gì ông từng nhìn thấy hoặc nghe thấy.

Nhưng ít nhất ông biết mình không hề nằm mơ. Phần mô tả của họ về bác sĩ Marcus khớp với nhân dạng gã điên ông gặp trong ngõ hẻm. Còn bác sĩ Ross và Sheldon, đeo mặt nạ trắng, đội mũ rộng vành và có mũi dài, không còn nghi ngờ gì nữa, ông đã nhìn thấy một trong số họ vào lúc 10 giờ trên phố Bury. Nhưng xử lý mọi việc sao đây? Và còn anh chàng thuê trọ đột nhiên bị nhiễm dịch hạch, kẻ đã biến mất khỏi hành lang như có phép thuật thì thế nào?

“Anh chàng David Cohen này,” ông hỏi, “là một thanh niên có mái tóc gợn sóng màu đen phải không?”

Họ gật đầu.

Bằng một cử chỉ đột ngột, viên cảnh sát giơ cánh tay lên và hời hợt nhìn bàn tay phải của mình, bàn tay đã nắm tóc người chết.

“Sao vậy, ông sĩ quan?” Louise Minden thắc mắc.

“Không sao. Không có gì.”

“Ông không nghĩ chúng tôi nên tới bệnh viện sao? Với căn bệnh về...”

“Đừng lo. Một bác sĩ, một bác sĩ đích thực, sẽ đến đây trong vài phút nữa. Cho nên, giờ tôi muốn ông bà cho tôi vào trong để có thể ghi lại chi tiết lời

khai của ông bà.”

Mất chừng mười giây, cánh cửa bên trái ô cửa sổ mở ra. Louis Minden mời viên cảnh sát vào một tiền sảnh nhỏ, cánh cửa kính mờ mịt hơi nước dẫn tới một hành lang dài chìm trong bóng tối lờ mờ. Ngay bên trái là lối vào buồng cầu thang, còn bên phải là cửa căn buồng của chủ nhà. Mụ Minden đứng gần lối vào cầu thang, cái bóng gầy gò hiện lên trong ánh sáng lờ mờ.

Mụ ngoảnh nhìn về phía cầu thang và rầu rĩ nói:

“Tất cả khách thuê phòng của chúng tôi đều sống trên gác... Trừ anh Cohen,” mụ nói thêm, trỏ một ngón tay xương xẩu vào ô sáng hình chữ nhật phía cuối hành lang.

Watkins xem xét cái lối đi hẹp kết thúc ở cửa phòng vị khách trọ đã chết. Cánh cửa phòng mở toang, hắt thử ánh sáng âm ỉ lên hành lang lát gạch sẫm màu bốc mùi ẩm mốc. Trời lạnh và ẩm, nhiệt độ trong nhà còn thấp hơn bên ngoài. Chẳng hề thấy chút hơi ấm nào tỏa ra từ căn buồng của vợ chồng Minden, nơi dường như cũng lạnh lẽo và hắc ám như chính chủ nhân của nó.

Watkins nhìn quanh.

“Ở đây không có đèn à?”

“Ờ... không,” Louis Minden yếu ớt trả lời. “Hành lang này chỉ dẫn tới phòng anh Cohen thôi, cho nên chúng tôi thấy không cần phải... Nhưng ở buồng cầu thang thì có đèn.”

“Phải. Chà, tôi vẫn đang nghe đây.”

“Chúng tôi ở trong phòng khách lúc nghe thấy những tiếng rên rỉ và kêu gào vọng ra từ phòng anh Cohen. Chúng tôi đến xem có chuyện gì.”

“Lúc ấy là mấy giờ?”

“Khoảng 10 giờ 20 phút. Tôi có nhìn đồng hồ. Chúng tôi ở đúng chỗ chúng tôi đứng lúc này, và vô cùng ngạc nhiên khi nhìn thấy cái bóng, phải là vài cái bóng, trong phòng anh Cohen. Cửa phòng anh ta mở, ông thấy đấy. Họ xếp hàng lần lượt, đối diện với chúng tôi, và có vẻ đang mang thứ gì đó ở giữa. Nhưng thực lòng, điều thật sự làm chúng tôi ngạc nhiên là trang phục lạ lùng cũng những cái mặt nạ nhợt nhạt... và những cái mũi dài ngoẵng của họ. Có một người đội mũ chóp cao, gật đầu chào khi ông ta nhìn thấy chúng tôi. Ông có thể tới ngó phòng Cohen nếu ông muốn. Chúng tôi thì ở đây thôi. Ông có thể kiểm tra hành lang. Ông sẽ thấy không hề có khoảng hở nào từ đây đến phòng đó.”

Sau một thoáng lưỡng lự, Watkins đi tới. Đúng là không hề có lối mở nào: không có cửa sập dưới sàn hay trần nhà, và không có cửa sổ hay cửa ra vào trong hành lang. Chẳng có gì ngoại trừ những viên gạch lát màu đỏ thẫm và giấy dán tường màu lục đã cũ, phủ lên những chỗ vữa thủng bên dưới. Nửa chừng bên tay phải, ông nhận ra hình thù một khuôn cửa bên dưới lớp giấy dán tường đã bạc màu. Ông ngoái lại:

“Cái gì đây?” ông chỉ tay hỏi.

“À, vâng,” lão Minden giải thích. “Trước kia, có một cánh cửa nữa dẫn tới căn hộ của chúng tôi. Nó đã bị bịt kín khi chúng tôi sửa chữa.”

Watkins đích thân kiểm tra để biết chắc rằng bức tường thực sự chắc chắn, rồi mới tiếp tục đi tới ngưỡng cửa phòng David Cohen. Ông dừng lại, úp tay che miệng và nhìn vào bên trong. Đó là một nơi tồi tàn với rất ít đồ đạc, bức tường ẩm thấp được sơn màu vàng nay đã bong tróc. Có một ô cửa sổ có chấn song nhưng không có rèm che trên bức tường đối diện cửa. Bên trái của sổ là một bồn rửa và bên phải là một lò nhỏ hình trụ. Có một chiếc tủ quần áo bằng gỗ thông dựa vào bức tường bên phải. Gần đó, ngay bên tay phải Watkins, là một cái giường sắt, cạnh đó là hộp đựng nhạc cụ, một đồng bàn nhạc, một gói thuốc lá, và cái gạt tàn.

Viên cảnh sát lần trở lại chỗ vợ chồng Minden và hai người này tiếp tục câu chuyện của họ mà chẳng cần phải giục.

“Thế là chúng tôi cùng họ vào trong phòng. Hai vị bác sĩ dịch hạch đứng ở đây, khiêng một cái cáng đặt anh Cohen tội nghiệp đang rên rỉ rất đau đớn. Gương mặt anh ta nhợt nhạt kinh khủng và trên mặt có những đốm lớn... cùng một vết thương đáng sợ ở cổ. Cái người có râu đó và đội mũ chóp cao cầm một ống tiêm trên tay. Ông ta cứ nói ‘Đừng sợ. Đừng sợ. Tôi chắc các vị là chủ nhà.’ Đương nhiên chúng tôi đáp ‘Phải’, và ông ta nói tiếp: ‘Tôi là bác sĩ Marcus, còn đây là bác sĩ Ross (người đứng ở phía trước cáng) và bác sĩ Sheidon (ông này gật đầu và lâm bầm vài từ). Người thuê nhà của ông bà bị ốm rất nặng. Chúng tôi có mọi lý do để tin rằng đó là dịch hạch.’ ”

Louis Minden dừng lại rồi kể tiếp:

“Ông có thể hình dung chúng tôi sốc thế nào không. Chúng tôi cứ đứng đờ ở đó mà chẳng nói được một lời, không tài nào hiểu được chuyện gì đang xảy ra. Sau đó bác sĩ Marcus nhấc cái túi của ông ta lên và ra hiệu cho chúng tôi theo ông ta. Ra hành lang, ông ta bảo chúng tôi đừng lo, nhưng tốt nhất là nên

phòng ngừa trước. Ông ta lấy từ túi ra hai cái lọ nhỏ, cùng hai gói được buộc với nhau bằng một sợi dây. Tôi không nhớ chính xác lời ông ta nói, nhưng đại để ông ấy nói thế này: ‘Đây, hai vị thân mến, đeo những thứ này quanh cổ. Bên trong có đủ các thảo dược khiến mọi loại sâu bọ tránh xa. Lọ này thì chứa dấm. Bôi một ít lên mặt và tay các vị. Uống vài viên thuốc trong lọ này và chắc chắn các vị sẽ ổn.’

“Chúng tôi làm theo lời ông ta, chắc ông cũng hình dung được. Rồi Emily hỏi tại sao hai vị bác sĩ kia lại ăn vận như thời xưa vậy.

“ ‘Đó là luật. Vâng, nó vẫn còn hiệu lực, mặc dù có thể hơi lạ lùng. Việc vận chuyển những người bị nhiễm dịch bệnh này luôn phải được thực hiện bởi những bác sĩ ăn mặc thế này để cảnh báo những người khác. Dĩ nhiên, ngày nay trông có vẻ kỳ cục, bởi chẳng hề có trường hợp nào đã hơn hai trăm năm rồi. Có thể đây là một sơ sót trong luật, nhưng tôi không muốn mạo hiểm làm trái quy định. Giờ, tôi có vài câu hỏi cho ông bà. Để mở đầu, xin hỏi ông bà biết gì về anh Cohen?’

“ ‘Không nhiều, mặc dù anh ta thuê nhà chúng tôi khoảng ba năm rồi. Tôi nghĩ anh ta vốn từ Ba Lan đến. Anh ta là một nhạc sĩ và thường về nhà rất khuya, nên chúng tôi không thường xuyên gặp. Và anh ta cũng không hay trò chuyện. Dù sao thì, không hay trò chuyện với chúng tôi.’

“ ‘Lần cuối ông bà nhìn thấy anh ta là khi nào và trông anh ta ra sao?’

“ ‘Hôm kia, trông hoàn toàn bình thường. Ý tôi là, chẳng có gì lạ lùng trong cách hành xử của anh ta cả.’

“ ‘Anh ta có tiếp xúc với những người ở trọ khác không?’

“ ‘Không, tôi không nghĩ vậy. Thực ra, tôi chắc chắn rằng anh ta không hề gặp ai.’

“ ‘Hừm... Các vị biết đấy, thưa ông bà Minden, dịch hạch vẫn là một bệnh rất nguy hiểm, ít nhất là khi đã đến một giai đoạn nhất định.’

“ ‘Ông nghĩ anh Cohen sắp chết u?’

“ ‘Việc đó không nằm ngoài khả năng. Tình hình anh ta rất tệ.’

“ ‘Nếu anh ta chết thì ai sẽ trả cho chúng tôi ba tháng tiền nhà anh ta còn nợ đây?’

“ ‘Tôi nghĩ lúc này có nhiều ưu tiên khác. Tôi đặt cho ông bà những câu hỏi này bởi chúng tôi muốn biết liệu anh ta có lây nhiễm cho bất kỳ ai khác trong nhà không và cả chuyện anh ta có thể nhiễm bệnh từ đâu nữa. Hãy cho

tôi biết, những phòng khác ông bà cho thuê cũng tồi tàn như phòng của anh Cohen à?’

“ ‘Bác sĩ Marcus, chúng tôi chỉ thu tiền nhà rất khiêm tốn, và chúng tôi không thể trang bị đồ đạc sang trọng hơn cho các phòng được.’

“ ‘Đây không phải là lời khiển trách mà là cảnh báo. Tôi phải nói với ông bà rằng toàn bộ căn nhà này có thể sẽ bị kiểm tra y tế chặt chẽ. Chúng tôi biết dịch hạch chỉ xảy ra ở nơi có các điều kiện không vệ sinh. Nếu cuộc kiểm tra xác thực rằng đúng như vậy thì ông bà sẽ tổn kém đấy. Nhưng lúc này chuyện đó chỉ là tiểu tiết. Ngay bây giờ, ông bà có cảm thấy đau chỗ nào không?’

“ ‘Không hề, mà ông vừa bảo rằng chúng tôi không gặp nguy hiểm sau những bài thuốc ông đưa mà.’

“ ‘Hiện giờ thì ông bà không thể bị lây bệnh. Nhưng nếu ông bà đã tiếp xúc với nguồn bệnh thì đó lại là vấn đề khác. Nhưng cứ yên tâm, tôi sẽ quay lại và khám cho ông bà sau. Trong lúc đó, tôi muốn ông bà nhìn bệnh nhân lần cuối cùng trước khi chúng tôi mang anh ta đi, chỉ để bảo đảm không nhận diện nhầm. Cẩn tắc vô áy náy mà.’

Thế là chúng tôi quay trở vào phòng anh Cohen. Cùng chút lo lắng, tôi xin bố sung như vậy. Anh Cohen nằm trên cáng và vẫn kích động như trước. Chúng tôi xác nhận đúng là anh ấy. Hai vị bác sĩ kia bận luôn chân luôn tay. Bác sĩ Ross cứ loạng choạng vì bệnh nhân quằn quại còn bác sĩ Sheldon thì thờ dài đầy ngụ ý. Bác sĩ Marcus tuyên bố: ‘Chà, chúng tôi sẽ đi. Ông bà Minden, tôi gợi ý ông bà nên trở lại phòng mình và đợi tôi trở lại.’ Bác sĩ Marcus đưa chúng tôi quay lại hành lang, tới tận cửa phòng chúng tôi ở đây và tạm biệt. Rồi ông ta ra hiệu cho đồng nghiệp vẫn đang đợi trong phòng anh Cohen.”

“Tôi nhớ có nhìn theo họ vào lúc đó,” mẹ Minden chen vào. “Họ đi chuyển rất chậm và khó nhọc như thể đang gặp khó khăn vì thứ họ phải khiêng cứ xoay trở dữ dội. Mọi thứ tạo thành một cái bóng rất khó xác định trong hành lang. Khi đi được nửa đường, họ ngã xuống. Ít nhất là có một bác sĩ ngã, nhưng ông ta đứng lên rất nhanh. Có một vài tiếng hô và ai đó nói: ‘Coi chừng! Hẳn đang bỏ chạy.’ ”

“Rất khó nhìn rõ chuyện gì xảy ra,” Louis Minden tiếp tục, “bởi vì chúng tôi chỉ nhìn được mấy cái bóng do ánh sáng yếu quá. Chúng tôi chạy lại chỗ họ. Đến đây, tôi phải nhấn mạnh, chẳng thấy ai chạy qua chúng tôi, cũng

chẳng thấy ai chạy tới cầu thang, tới phòng chúng tôi, hay tới cửa ra phố. Tôi sẵn sàng thề như vậy và vợ tôi cũng thế, và bác sĩ Marcus cũng vậy nếu ông ta có mặt ở đây. Như ông thấy đấy, ông sĩ quan, trong hành lang không sáng lắm, nhưng vẫn đủ để biết nếu có ai đó chạy qua mình. Đặc biệt, chúng tôi lại đang rất cảnh giác vì cứ ngỡ bệnh nhân tìm cách chạy qua. Sheldon và Ross cứ sục sạo tới lui từ vị trí cái cáng ụp xuống bức tường... *tới vị trí đã bị xây bít.*

“ ‘Chuyện quái gì thế?’ Marcus càu nhàu.

“ ‘Hắn nhảy khỏi cáng,’ một bác sĩ trả lời. ‘Nhưng tôi không biết sau đó hắn biến đi đâu.’

“ ‘Đúng là hắn biến mất,’ bác sĩ kia lặp bặp. ‘Cứ như thể hắn đi xuyên qua tường... chỗ kia,’ chỉ tay về chỗ cánh cửa đã bị xây bít.

“ ‘Các anh điên rồi à?’ Bác sĩ Marcus quát, đá rất mạnh vào cái cáng, khiến nó lật nhào. ‘Hắn quay trở lại phòng hắn rồi, có vậy thôi. Ross, ra chặn trước cầu thang phòng trường hợp hắn tìm cách thoát khỏi chúng ta. Sheldon, đi với tôi. Đi với chúng tôi, ông bà Minden, để ông bà chỉ cho chúng tôi biết những chỗ ẩn nấp được trong phòng hắn.’

“Chúng tôi làm theo. Nhưng chẳng có ai ở đó. Căn phòng trống trơn. Không hề có dấu vết nhỏ nhất của anh Cohen. Ông vừa xem căn phòng rồi đấy, ông sĩ quan. Chỗ ẩn nấp duy nhất là cái giường và cái tủ. Rõ ràng chúng tôi đã tìm kiếm trong tủ, trong đó chẳng có gì ngoài quần áo. Cũng chẳng có ai dưới gầm giường. Còn cửa sổ có chấn song và không thể lọt qua được. Thêm nữa, nó lại được khóa từ bên trong.

“Bác sĩ Marcus đứng ở cửa, nhìn chúng tôi tìm kiếm và càng lúc càng thắc mắc giống như chúng tôi. Ông ta quay lại hành lang. Một lúc sau, chúng tôi theo ông ta, cùng với bác sĩ Sheldon, người giúp chúng tôi lục soát căn phòng. Bác sĩ Marcus giữ cánh tay bác sĩ Ross, ông này đứng dựa vào bức tường gần cầu thang. Có vẻ ông ấy thì thăm gì đó vào tai bác sĩ Ross. Khi chúng tôi đến gần, ông ta nhìn bác sĩ Sheldon rất lạ. Thế rồi, tay vẫn giữ bác sĩ Ross, ông ta nói: ‘Đừng lo, ông bà Minden, chúng tôi sẽ thu xếp mọi việc. Chúng tôi sẽ tìm hắn, đừng sợ. Quay trở lại phòng ông bà và khóa cửa lại. Lát nữa tôi sẽ quay lại sau.’

“Chúng tôi làm theo, trong trạng thái khiếp hãi. Lúc đó chắc phải 11 giờ kém 20 phút. Chúng tôi nghe thấy họ thì ào trong hành lang, sau đó họ bỏ

đi. Là họ không đi xe hơi. Hoặc nếu có đi thì họ không đỗ gần đây vì chẳng hề thấy tiếng động cơ. Chúng tôi cũng không nhìn thấy họ đi qua trước cửa sổ phòng mình. Chắc họ đi ra phố theo mé bên kia. Nửa tiếng sau, chúng tôi nghe thấy tiếng còi cảnh sát và rồi thấy ông.”

Im lặng. Watkins nhìn cặp vợ chồng già một lát. Bất chấp thứ ánh sáng mờ mờ trong hành lang, ông có thể thấy vẻ cau có lo lắng cũng như những nét hốc hác tiêu tụy của họ. Họ đang xoa xuyết hai bàn tay xương xẩu và môi run run. Lại một lần nữa, viên cảnh sát nhớ đến nhân vật Lão Hà Tiệp và những bóng ma của lão.

“Tôi biết ông đang nghĩ gì, thưa ông sĩ quan,” lão già nói. “Ông nghĩ chúng tôi hóa rồ và dựng lên mọi chuyện.

Xin Chúa chứng giám, mọi thứ chúng tôi vừa kể với ông đều là sự thật.”

Đúng lúc đó vang lên tiếng còi cảnh sát. Watkins vội rời đi với lời hứa sẽ trở lại ngay cùng với một bác sĩ và các đồng nghiệp.

Khi đã ra ngoài, viên cảnh sát hít vài hơi thật sâu, như thể để xua đi thứ không khí của ngôi nhà hắc ám. Những ngọn đèn đường vẫn đứng cạnh con phố yên ắng và hắt thứ ánh sáng hung hiểm lên những viên đá lát gồ ghề. Bên tay phải, ông nhìn thấy ánh đèn xe cảnh sát. Ông từ từ đi về phía đó, sợ hãi khi nghĩ đến việc phải thuật lại chi tiết cho cấp trên từng sự kiện kinh khủng mà ông vừa chứng kiến: một kẻ bị nhiễm dịch hạch mất hút khởi hành lang có người canh chừng, để rồi không lâu sau xuất hiện trở lại trong tình huống kỳ quái không kém - ngay trong một thùng rác cách hành lang chưa đầy trăm thước.

3 BẾ TẮC

Và đây là sự thật, không có gì khác ngoài sự thật,” một giọng nói cất lên trong làn không khí đặc mùi khói thuốc của quán Ba Con Chuột Mù vào chập tối vài ngày sau đó. “Tôi từng nghe vài chuyện lạ lùng trong sự nghiệp của mình, như anh biết đấy, Twist, nhưng anh phải thừa nhận câu chuyện này đủ khiến anh phải vò đầu bứt tai. Mỗi sự thật lại càng làm mọi chuyện thêm phi lý. Ở giới, chúng tôi đã tìm cách bịt miệng báo chí rồi. Cứ hình dung xem phản ứng ra sao nếu tất cả các chi tiết được tiết lộ. Đám kèn kèn chết tiệt ngoài kia sẽ tha hồ bầu sâu vào.”

Thanh tra Archibald Hurst, một người to béo tầm tuổi 50 với nước da hồng hào, vừa cùng bạn ông là tiến sĩ Alan Twist đọc báo cáo của cảnh sát viên Edward Watkins về buổi tối ngày 31 tháng Tám.

“Như vậy, anh Twist,” ông tiếp tục, “anh nghĩ sao về vụ này?”

Ở phía đối diện, người đàn ông ngoại ngữ tuần dánh dập sang trọng đang trầm ngâm vuốt bộ ria mép hoàn hảo của mình. Cao và rất gầy, thoát nhìn, Alan Twist có vẻ là một quý ông hòa nhã và thanh thản chào đón mỗi ngày mới của tuổi hưu trí bằng sinh lực và hứng thú mới. Chỉ có ánh nhìn như xuyên thấu từ đôi mắt xanh biếc phía sau cặp kính kẹp mũi gợi ý rằng: trên thực tế, ông là một nhà tội phạm học nổi tiếng. Cái dáng cao lêu nghêu của ông là hình ảnh quen thuộc trong văn phòng Sở Cảnh sát Luân Đôn danh tiếng, và luôn được chào đón bất cứ khi nào có vấn đề khó khăn cần giải quyết.

“Chà, chắc chắn quá độc đáo, người ta thậm chí có thể nói là nực cười,” ông khẽ trả lời. “Dĩ nhiên, ngoại trừ chàng nhạc sĩ bất hạnh.”

Viên thanh tra uống một hơi dài cho cạn cốc bia và bực hội càu nhàu:

“Lẽ ra tôi nên biết. Vụ việc càng cường điệu, thì nó càng kích thích, mê hoặc anh giống như anh gặp tình huống rắc rối trong kịch vậy. Khó chịu ở

chỗ, tôi rất ghét kiểu rối rắm này. Nhưng, như thường lệ, nó lại cứ rơi vào tôi. Thậm chí người ta còn chẳng tỏ ra tôn trọng tôi bằng việc gõ cửa nhà và nói rằng tình huống này cần đến những khả năng đặc biệt của tôi cơ. Họ cứ thế vút toẹt hồ sơ lên bàn tôi thôi!”

“Thôi nào, Archibald, đừng than phiền nữa. Cá nhân tôi thấy trường hợp cũng khá thú vị. Giờ kể tôi nghe phần còn lại của câu chuyện, vì tôi không cho rằng anh chàng tội nghiệp kia chết vì dịch hạch.”

“Dĩ nhiên là không. Anh ta bị đâm hai nhát vào bụng, như báo chí đã đưa tin. Những đốm trên mặt, mí mắt thâm quầng, vết thương ở cổ: chỉ là phần hóa trang khéo léo. Theo giám định viên, anh ta chết lúc 11 giờ kém 15 phút, nói cách khác là không lâu sau khi biến mất khỏi hành lang. Cha mẹ anh ta là người Do Thái gốc Ba Lan, đều đã qua đời. David Cohen là con một và dường như không có họ hàng nào ở Anh Quốc. Anh ta chơi kèn clarinet tại một hộp đêm ở Soho. Các thành viên khác của nhóm nhạc nói anh ta vui vẻ nhưng khá kín tiếng. Theo họ được biết, anh ta không có kẻ thù nào cả. Về cuộc sống riêng của Cohen, họ chỉ có thể nói là từng nhìn thấy anh ta đi cùng một cô gái vài lần lúc khá muộn, và mô tả đó là ‘một cô búp bê thật sự với mái tóc đen óng ả’. Không ai biết cô ấy là ai, nhưng họ tin chắc sẽ nhận ra được nếu trông thấy. Họ nói Cohen tiêu rất nhiều tiền kể từ hồi gặp cô ta. Điều đó có thể lý giải tại sao anh ta lại nợ tiền thuê nhà ba tháng liền.

“Giờ chúng ta chuyển sang gia đình Minden. Chẳng có gì đáng nói ngoại trừ chuyện họ rất cẩn thận với tiền bạc của mình. Thậm chí có thể nói là keo kiệt. Họ sống tằn tiện dù tài khoản ngân hàng cho phép họ chi tiêu rộng rãi hơn... cho dịch vụ sưởi ấm căn hộ của họ chẳng hạn. Nói một cách khác, họ gần như khổ sở với ý nghĩ bị mất ba tháng tiền nhà. Liệu đó có thể là động cơ phạm tội không? Phải chăng họ bịa đặt toàn bộ câu chuyện kỳ quái này để che giấu những việc đã làm? Không, như thế rất vô lý. Trước hết, anh không đời nào giết thịt con ngỗng đang đẻ trứng, thứ lỗi cho cách diễn đạt của tôi. Và tôi không cho rằng họ có khả năng nghĩ ra một câu chuyện ngớ ngẩn đến thế. Dù thế nào, cảnh sát Watkins cũng đã nhìn thấy một ‘bác sĩ dịch hạch’ và trực tiếp trò chuyện với bác sĩ Marcus. Bản thân tôi biết Watkins, có thể bảo đảm về tính chính trực và theo đó là những lời khai của ông ấy. Chứng tỏ nhà Minden không hề bị ảo giác. Tôi bất đắc dĩ mới phải nói vậy, nhưng ba nhân chứng của chúng ta đều nói sự thật, dù có thể nghe rất vô lý.”

“Tôi đồng ý, Archibald,” Twist đáp lời, với vẻ thích thú không kìm nén. “Có manh mối nào không?”

“Không nhận ra dấu vân tay nào cả. Đám bác sĩ Marcus, Sheldon và Ross đều đeo găng và, khỏi nói cũng biết, chẳng có biên chế ở cơ sở y tế nào. Tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu mấy cái túi tí xíu bọn họ đưa cho nhà Minden có thể dẫn ta tìm đến họ. Mấy điều thuốc trong cái gói tìm thấy dưới chân giường khác loại với số còn lại, đều được vắn bằng tay. Có một ít *hashish* trộn lẫn với thuốc lá. Về lý thuyết, có thể đó là một đường dây ma túy, nhưng dù sao tôi vẫn không nghĩ vậy, vì chơi thuốc là chuyện không hiếm gặp trong giới nghệ sĩ và nhạc sĩ. Mà liều lượng cũng chẳng cao lắm.”

“Một lần nữa, tối tán thành với anh. Thêm vào đó, những kẻ buôn bán ma túy giải quyết vấn đề rất nhanh và tàn nhẫn, không có thời gian để biên soạn những chuyện kỳ quặc đâu. Còn gì nữa không?”

“Không. À khoan... có đấy. Có người đã mang tới Văn phòng Đồ thất lạc một cây can bịt bạc. Người ta nhặt được nó trước cửa một căn nhà trong hẻm gần phố Bury, vào khoảng 10 giờ rưỡi đêm 31 tháng Tám. Watkins tin rằng đây chính là cây can bác sĩ Marcus sử dụng, nghe chừng hợp lý vì không hề có dấu vân tay nào. Một mẫu can cũ, vẫn còn được sử dụng. Nó có thể là một manh mối mà cũng có thể không.”

“Kỳ quái,” tiến sĩ Twist lăm bằm, mắt lim dim.

“Cái gì kỳ quái? Anh nghĩ bác sĩ Marcus cố tình vứt lại chẳng?”

“Không, dĩ nhiên là không. Rõ ràng gã bỏ nó lại trong lúc lẩn trốn. Điều kỳ quái là... thôi khỏi bận tâm. Cùng trở lại những sự kiện chính trong buổi tối đáng nhớ ấy theo đúng trật tự diễn biến nào. May ra nó giúp chúng ta hiểu thêm điều gì đó:

“10 giờ tối. Watkins bắt gặp một ‘bác sĩ dịch hạch’ ở phố Bury. Ông ấy nghĩ mình nhìn thấy một kẻ mất dạng vào ngõ nhỏ. Tôi không cho rằng mình cầm đèn chạy trước ô tô khi nhận định thế này: cái bóng là một trong những kẻ tự xưng bác sĩ, đang trên đường tới gặp David Cohen sống cách đó chỉ chưa đầy hai trăm thước.

“10 giờ 20 phút tối. Vợ chồng Minden nghe thấy tiếng người ở trọ của họ kêu rên. Họ đi ra hành lang và bắt gặp vài người lố nhố tụ tập trong phòng David Cohen.

“10 giờ 35 phút tối. David Cohen biến mất khỏi hành lang.

“10 giờ 40 phút đến 10 giờ 45 phút tối. Marcus, Ross và Sheldon bỏ đi. Chính trong khoảng thời gian này, David Cohen bị giết bằng vài vết đâm vào bụng.

“11 giờ 5 phút tối. Watkins phát hiện bác sĩ Marcus đang đứng tựa vào một thùng rác rỗng... và thấy xác David Cohen năm phút sau đó trong chính cái thùng rác ấy.

“11 giờ 20 phút tối. Watkins thăm vấn vợ chồng Minden.

“11 giờ 45 phút tối. Xe cảnh sát và nhân viên kiểm tra y tế đến.

“Ít nhất người ta có thể nói rằng có rất nhiều câu hỏi còn để ngỏ. Giả thuyết đơn giản nhất là, coi mọi chuyện là kết quả của tình trạng bất ổn về tâm thần của ai đó, nhưng việc biến mất và về sau lại tái xuất hiện của người quá cố cho thấy giả thuyết này không chính xác. Vậy thì tại sao, tại sao phải dàn dựng một màn kịch công phu đến thế? Phải chăng tất cả chỉ để nhắm vào nhà Minden?”

“Đương nhiên chúng tôi đã tính tới khả năng đó,” Hurst nhã nhặn đáp, “nhưng không tìm thấy bằng chứng nào dù là mong manh nhất về động cơ cho vụ này. Nhà Minden sống khép kín và chẳng ai quan tâm đến họ, họ cũng không có con cái. Thêm nữa, chỉ có Watkins chứng kiến ‘màn trình diễn’ của tay bác sĩ Marcus trong ngõ hẻm. Gã bày ra cốt để cho viên cảnh sát xem chẳng? Không hề, bởi không ai biết ông ta sẽ gặp vợ chồng Minden và nghe kể về hoạt cảnh lúc trước, tôi dám nói như thế. Chỉ chắc chắn một điều, ba kẻ tự xưng bác sĩ là đồng phạm. Liệu David Cohen có chung nhóm với bọn chúng không? Trong trường hợp nào thì cũng không đúng, vì anh ta bị sát hại kia mà. Có thể ba kẻ kia đánh thuốc anh ta và hóa trang làm anh ta nghĩ mình mắc bệnh dịch hạch. Nhưng trong trường hợp đó, tại sao phải loại bỏ anh ta quá sớm nếu ý định là làm cho anh ta hoang mang? Và mục đích của màn ‘tái xuất hiện’ trong thùng rác là gì?”

“Điều đáng quan tâm là liệu vụ giết hại David Cohen là mục tiêu cuối cùng hay chỉ là một chi tiết nhỏ trong cả bức tranh lớn. Tôi không biết anh thì sao, Twist, nhưng tôi thiên về giả thuyết sau. Khó mà hình dung được là bọn sát nhân lại mạo hiểm tìm cách đánh lạc hướng các điều tra viên như vậy.”

“Tôi đồng ý, nhưng như thế cũng chẳng giúp chúng ta tiến xa hơn được chút nào. Chúng ta vẫn không biết mục đích. Tất cả chuyện này có ý nghĩa gì?”

Không gian lặng hắt đi, ít nhất ở chỗ bàn của họ, trong một góc tối của quán rượu. Những chỗ khác, khách khứa vẫn la hét om sòm, mãi mê với cuộc trò chuyện nên chẳng chú ý gì đến hai nhà thám tử. Mấy ngón tay khỏe khoắn của viên thanh tra ngừng gõ lên bàn. Ông nhìn thẳng vào mắt bạn mình:

“Tôi nghĩ chúng ta có thể khẳng định chắc chắn có sự đồng lõa giữa ba tay bác sĩ. Tạm thời, chúng ta hãy quên đi động cơ của bọn họ. Tôi không nói cả ba đến sát hại anh chàng nhạc sĩ, nhưng Marcus chắc chắn có liên can. Cuộc trò chuyện ngắn của gã với Watkins đã khẳng định điều này. Nào, về sự xuất hiện của cái xác, Watkins quả quyết rằng ông ấy đã nhìn thấy một xác chết thật sự và, rất có khả năng, khi cảnh sát Harvey đến thì thi thể họ nhìn thấy vẫn là cái xác ấy. Anh đồng ý với tôi chứ? Như thế chúng ta có thể loại trừ khả năng một kẻ mạo danh lén chui vào thùng rác giả chết, đợi viên cảnh sát quay đi rồi mới thay xác thật vào. Làm sao một xác chết xuất hiện được trong thùng rác lúc trước còn trống không? Watkins thề rằng ông ấy chỉ rời mắt khỏi nó có một lúc để quay sang kiểm tra cái thùng ngập rác kê áp vào bức tường đối diện thôi. Chúng ta đã xác minh được rằng một người không thể tự mình di chuyển một cái xác vào vị trí đó trong khoảng thời gian ngắn như vậy được. Hai người phối hợp cùng nhau thì có thể. Nhưng bác sĩ Marcus là kẻ duy nhất có mặt. Và trong bất kì trường hợp nào thì rốt cuộc cái xác từ đâu chui ra? Anh vẫn đang nghe đấy chứ, Twist?”

Nhà tội phạm học có vẻ quan tâm đến chuyện nhồi tẩu thuốc hơn là những giả thuyết của người bạn. Ông ngước lên và viên thanh tra nhận thấy ánh nhìn ranh mãnh quen thuộc trong mắt ông.

“Thực tế đúng là vậy. Những nhận xét của anh rất sắc sảo. Nhưng tôi quan tâm đến vụ biến mất trong hành lang hơn. Tôi đoán chừng rằng khu vực đó đã được tìm kiếm rất kỹ càng và chẳng phát hiện ra lối đi bí mật nào, phải không?”

“Việc đó quá dễ. Chẳng có gì cả, dĩ nhiên vậy rồi. Chúng tôi đã kiểm tra mọi bức tường, nền, trần nhà, thậm chí cả chấn song cửa sổ. Chẳng thấy gì. Chúng tôi đã thẩm vấn nhà Minden về hoạt cảnh trừ danh trong hành lang, từ lúc hai gã bác sĩ dịch hạch bắt đầu xuất hiện cho tới khi Cohen biến mất. Họ khẳng định rằng lời khai của họ là đúng và như thế loại trừ được những giả thuyết suy đoán.

“Trước khi tiến xa thêm theo hướng này, tôi muốn trở lại với ba gã bịp

bộm và cách giả trang của chúng. Tôi nói ba bởi vì rõ ràng bác sĩ Marcus cũng mang đồ hóa trang. Bộ tịch một bác sĩ từ thế kỷ trước của gã quá hoàn hảo nên khó lòng là thật được. Bộ râu, mái tóc giả và chiếc kính cặp mũi với mắt kính dày cộp: Toàn bộ đều là giả và có khi cả giọng nói nữa. Watkins và nhà Minden không thống nhất về âm sắc, nhưng họ đều nhất trí rằng giọng nói đã cố tình bị làm méo đi. Ross và Sheldon đều mặc trang phục bác sĩ dịch hạch giống nhau với áo choàng dài cùng các phụ kiện. Chúng tôi đã hỏi nhà Minden xem họ có phân biệt được bọn chúng không, và họ nói là có. Ross, kẻ cầm phần đầu cáng, mặc thêm một chiếc áo khoác ngắn màu đen buông đến thắt lưng. Gã cũng bè người hơn kẻ có chiều cao trên mức trung bình là Sheldon. Có một chi tiết nữa anh cần biết, sau đây anh sẽ nhận ra tại sao: áo choàng của bọn chúng dài chấm mắt cá, có rất nhiều khuy ở đằng trước.

“Bản khai của nhà Minden khiến tôi nảy ngay ra ý này. Trước khi hai kẻ khiêng cáng dừng lại vì lỡ trốn, rất có thể cả đám đã đi dọc hành lang với Cohen luôn lách ở giữa. Vợ chồng Minden đảm bảo rằng bác sĩ Marcus, bấy giờ đang vội vã tiến về phía họ, không che khuất gì hết và họ vẫn bao quát được nếu có người bỏ trốn. Họ quả quyết là không có ai dưới cáng, nói cách khác là trên sàn nhà. Họ cũng chắc chắn cả Ross lẫn Sheldon khó lòng che giấu ai đó trên vai mình, dưới lớp áo choàng dài chẳng hạn. Cũng tức là, họ cam đoan vào thời điểm ấy không có ai khác trong hành lang ngoại trừ hai bác sĩ dịch hạch, Marcus, và vợ chồng họ.”

Thanh tra Hurst dừng lại một lúc để ra hiệu lấy thêm đồ uống.

“Trước thái độ khăng khăng của nhà Minden, chúng tôi phải từ bỏ giả thuyết của mình. Chúng tôi thậm chí đã kiểm tra thị lực họ, và thấy rất ổn. Đành nghĩ đến một hướng tiếp cận khác: liệu có sự thay thế nào giữa nạn nhân và một trong những kẻ khiêng cáng không, đặc biệt là bác sĩ Ross. Ý tưởng này này ra dựa vào thực tế là, ngay trước khi ba kẻ bị bộm của chúng ta rời đi, vợ chồng Minden bắt gặp bác sĩ Marcus dìu đỡ Ross một cách khá dị thường, như thể Ross bị mệt.... Nói cách khác, tên này mới chính là nạn nhân. Nhưng một vụ thế thân sẽ hàm ý sự đồng lõa của Cohen. David Cohen khỏe mạnh lại giả vờ bị ốm chằng? Không hợp lý lắm. Thêm vào đó, việc thay thế chỉ thực hiện được ở một thời điểm duy nhất. Vợ chồng Minden đã nhìn thấy người ốm trong phòng, khi anh ta còn sống và đúng là nằm trên cáng.

“Sau đó, họ quay lại hành lang để tới cửa buồng của mình, bác sĩ Marcus đi theo. Chưa đầy một phút tiếp theo thì cuộc đón rước nho nhỏ kia bắt đầu tiến ra hành lang. Vợ chồng nhà Minden không nhìn rõ được, nhưng họ có thể thấy chuyển động của những cái bóng. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi và trong điều kiện như thế, làm sao Cohen khoác lên mình cái áo choàng vừa thay ra của một trong các bác sĩ dịch hạch được chủ? Một tên cời khuy chiếc áo choàng dài của mình, còn tên kia cài khuy lại, đại để như vậy chẳng?”

“Tôi đồng ý là việc đó khó lòng xảy ra,” Twist bình tĩnh đáp lời. “Có thể làm được, nhưng không phải vào lúc nhà Minden vẫn đứng chình ình ở đầu kia của hành lang.”

“Và, trong trường hợp nào,” Archibald Hurst nói tiếp kèm một tiếng thở dài chán nản, “điều đó cũng không làm thay đổi bản chất của vấn đề, vì bác sĩ Ross đã biến đi đâu? Bởi lẽ, xin thề có Chúa, có người nào đó thật sự đã biến mất! Hoặ từ trong phòng hoặ từ hành lang.”

“Và chưa đầy nửa giờ sau, David Cohen hiện hữu lần nữa trong một thùng rác.”

Viên thanh tra nện mạnh nắm đấm xuống bàn.

“Đó là điều khiến tôi bực hội nhất, anh Twist! Chi tiết biến mất rồi xuất hiện trở lại kỳ lạ không kém. Không thể được.”

“Tôi chưa hiểu, bạn thân mến.”

“Ý anh là sao, anh không hiểu tôi à?”

“Nếu một người có khả năng biến mất, thì việc anh ta có khả năng xuất hiện trở lại cũng hợp lý thôi.”

Hurst chùng như sắp nổi đóa. Vừa hay người ta bưng ra cốc bia mới với lớp bọt hấp dẫn làm ông bình tĩnh lại.

“Tôi cho rằng anh nghĩ anh thật hài hước,” ông nói, sau khi uống hết nửa cốc.

“Nghe đây, Archibald, nếu tôi được phép đưa ra nhận xét về cách anh xử lý vụ này...”

“Cứ tự nhiên. Tiếp tục đi!”

“Chà, xem chừng anh bị ám ảnh với mấy phen xuất hiện rồi biến mất quá nên chẳng để tâm đến tất cả những gì còn lại.”

“Chẳng lẽ vậy?” Viên thanh tra nói, kèm theo nụ cười nhả nhở cho thấy ông còn nhiều là bài khác sắp đặt lên bàn. “Thoải mái mà nói, tôi thừa nhận

anh có hơi làm tôi thất vọng. Bởi vì hình như anh không tiếp nhận được một chi tiết quan trọng: những lời nói của bác sĩ Marcus khi Watkins nhìn thấy gã dựa vào thùng rác. Gã nói về chuyện không được phát hiện quá sớm và lẽ ra nên để ở chỗ khác, rõ ràng là đang đề cập đến cái xác của David Cohen, và cả về một gã Kosminski nào đó, kẻ mà gã nghĩ là mình đang nói chuyện cùng. Chúng ta có đủ lý do để tin rằng hoạt cảnh này không phải là dàn dựng và bác sĩ Marcus bị bắt quả tang. Watkins có nhắc đến một chi tiết trong báo cáo của ông ấy, rằng: Marcus có vẻ khá run khi bị cảnh sát chất vấn.

“Nếu chúng ta xem xét hành vi của gã ngay sau đó, mọi việc không có vẻ phi lý như bề ngoài. Gã chỉ bị bất ngờ, cho nên cố gắng kéo dài thời gian bằng một màn trình diễn kỳ quái và gây trở ngại, gần như điên rồ. Nhưng đó là sự điên rồ có liên quan đến tội ác, vốn rất láu cá bởi viên cảnh sát đang đối diện gã nghi ngờ rằng có một xác người trong thùng rác nhưng rồi tỏ ra bối rối trước những trò hề lạ thường của nhân vật tự nhân là một Bác sĩ Tội phạm. Điều tôi định nói là nếu bác sĩ Marcus hành xử khác đi thì Watkins sẽ lập tức nghi ngờ rằng gã đang tìm cách đánh bài chuồn. Sự thực, Marcus đã sử dụng mảnh khỏe để đánh lừa Watkins.

“Do đó chúng ta có thể suy luận như sau:

“Một. Bác sĩ Marcus có một kẻ tòng phạm tên là Kosminski.

“Hai. Kosminski chắc chắn là một trong mấy bác sĩ dịch hạch.

“Ba. Tính cách Marcus rất đáng chú ý. Gã bình tĩnh, hoạt ngôn, nhanh chân và có khả năng diễn xuất.”

“Rất tuyệt vời, Archibald,” Twist lên tiếng, kèm ánh mắt ngưỡng mộ khiến ông bạn phải phác một cử chỉ thể hiện sự khiêm tốn.

“Cực kỳ tuyệt vời. Tôi biết chắc anh sẽ không tin nếu tôi nói đó là một trong những suy nghĩ đầu tiên vụt đến với tôi.” Nụ cười tự mãn đọng trên gương mặt viên thanh tra vài giây rồi mới tan hẳn. “Đáng tiếc, có quá nhiều Kosminski ở Luân Đôn này nên không thể xác định được kẻ chúng ta cần. Chúng tôi đã tìm cách, nhưng đành phải bỏ cuộc. Nói thật lòng, Twist, tôi sợ vụ việc bí ẩn khó hiểu này sẽ không có lời giải trừ phi vài ngày tới xuất hiện thêm yếu tố mới để mọi việc sáng tỏ hơn.”

Mặc dù xuất hiện hơi muộn, yếu tố mới mà Hurst hy vọng cuối cùng cũng đến. Thậm chí có thể nói nó tìm tới tận nơi đập của nhà viên thanh tra. Nhưng nói nó làm cho mọi việc sáng tỏ hơn thì không hề. Trên thực tế, chuyện lạ lùng xảy ra đêm cuối tháng Tám vừa qua chỉ là khúc dạo đầu của một trong những vụ án khó khăn và xương xẩu nhất trong sự nghiệp của Archibald Hurst.

PHẦN HAI
THÁCH THỨC CHẾT NGƯỜI

4

VỊ KHÁCH

*Chiều thứ sáu
tuần đầu tháng Mười một.*

Hai tháng sau, khi những tia nắng cuối cùng của vầng dương đang hạ xuống và biến mất sau màn sương, tiếng chuông cửa reo vang trong căn hộ dễ chịu gần quảng trường Trafalgar của tiến sĩ Twist khiến ông và ông bạn thanh tra Hurst choàng tỉnh khỏi trạng thái mơ màng. Hai người đàn ông đã có một buổi chiều thu tuyệt vời, bình tĩnh trò chuyện trên những chiếc ghế bành thoải mái và, ít nhất là một lần, chủ đề của họ không phải về vụ án mới nhất. Lúc này đây, câu chuyện bí ẩn vẫn chưa có lời giải đáp ở phố Goring đã là một ký ức xa xăm. Sau này, Hurst nói rằng âm sắc của tiếng chuông cửa hôm ấy khác hẳn hình thường, rằng âm thanh vốn trong như pha lê của nó bỗng đổi ra lạo xạo và thô lương, nghe như một điềm xấu. Tuy vậy, ông vẫn giữ nụ cười hòa nhã trên gương mặt hồng hào lúc Twist rời khỏi phòng khách. Một lúc sau, Twist trở vào cùng người đến thăm.

Đó là một người đàn ông khoảng ba mươi tuổi, cao gầy với mái tóc nâu cắt rất ngắn. Anh ta mặc áo choàng rộng, đơn giản nhưng được cắt thanh lịch. Trong đôi mắt màu xám sít gần nhau có sắc thái do dự. Hai thám tử im lặng quan sát anh ta, tin chắc rằng họ chưa hề gặp người này bao giờ.

“Tôi là Peter Moore,” anh ta nói, hơi cúi người. “Tôi rất biết ơn ông, tiến sĩ Twist, vì đã đồng ý gặp tôi dù chỉ mới được báo trước. Tên tôi chẳng có ý nghĩa gì với ông, tôi tin chắc vậy, nhưng ông chủ của tôi thì chắc chắn là có.” Đến lúc này anh ta mới chú ý đến Archibald Hurst và dừng lại.

Tiến sĩ Twist giới thiệu viên thanh tra Sở Cảnh sát Luân Đôn, và vị khách run rẩy.

“Tôi chắc anh có điều gì đó rất quan trọng cần nói với tôi, anh Moore,”

tiến sĩ Twist vui vẻ nói. Phản ứng của vị khách không thoát khỏi sự chú ý của ông.

“Có lẽ sự hiện diện của nhân viên hành pháp khiến anh bối rối,” Hurst nói, kèm theo một nụ cười hằn học. “Mà trong trường hợp này thì tôi có thể suy luận...”

“Không, không, không hề,” người mới đến lịch sự trả lời. “Tôi chỉ hơi ngạc nhiên trước cơ hội được diện kiến ông. Vì những gì tôi phải kể có lẽ cũng sẽ là mối quan tâm của cảnh sát.”

“Ồ? Đó là chuyện gì vậy?” viên thanh tra hỏi với vẻ quan tâm khác hẳn.

Peter Moore nghiêng đầu:

“Tôi có đủ lý do tin rằng có kẻ đang lên kế hoạch cho một vụ giết người.”

Bầu không khí lặng đi. Mái tóc chải chuốt cẩn thận trên đầu viên thanh tra hất về phía trước. Tiến sĩ Twist giúp vị khách của mình cởi áo choàng và mời anh ta ngồi xuống.

Mất vài giây, Peter Moore gõ gõ những ngón tay dài lên tay vịn của ghế rồi mở lời, vẻ ngập ngừng:

“Trước khi tôi bắt đầu, các ông phải hứa giữ kín câu chuyện, ít nhất là hiện giờ, khi chưa có gì xảy ra. Nếu bất kỳ chi tiết nào của việc này lọt đến tai ông chủ tôi, tôi sẽ bị sa thải đấy.”

“Nếu chắc chắn là có một vụ giết người đang được lên kế hoạch thật, anh bạn của tôi,” Hurst càu nhàu, “không thể trông đợi tôi giữ im lặng được.”

“Vấn đề là, tôi không dám chắc. Các nhân vật tôi sắp nói đến đều khá đặc biệt. Một mặt, người ta có thể nghĩ đây chỉ là trò đùa, nhưng mặt khác nó có thể nghiêm túc đến mức chết người. Các ông sẽ hiểu sau một phút nữa thôi. Các ông hứa với tôi được không, thưa các ông?”

“Tôi xin hứa với anh,” tiến sĩ Twist khẽ trả lời.

“Rất tốt,” Archibald Hurst lầm bầm. “Dù thế nào đi chăng nữa, xem ra chúng tôi không có nhiều lựa chọn rồi.”

Peter Moore đặt một ngón tay lên gò má mình vẻ trầm ngâm.

“Lúc này, tôi nói có lẽ các ông nhận ra tên ông chủ của tôi. Đó là ông Gordon Miller.”

Đôi mắt Twist ánh lên phía sau cặp kính kẹp còn Hurst sững lại lúc đang chăm điếu xì gà của mình. Cả hai đều nhìn vị khách nhưng chẳng thực sự để tâm.

Gordon Miller là một nhân vật được biết đến rộng rãi trong ngành biểu diễn. Các nhà sản xuất sân khấu và điện ảnh xun xoe để có được từng dự án mới của ông. Chỉ riêng tên tuổi Gordon Miller đã là một sự bảo đảm cho thành công. Ông luôn viết những kịch bản bí ẩn, nhưng thế mới là kịch bản chứ! Những cốt truyện, những kiệt tác nho nhỏ về các tình huống không giải thích được với phần kết đơn giản đến ngoạn mục của ông thu hút ngày càng đông đảo khán giả và người ái mộ, trong đó có cả tiến sĩ Twist và thanh tra Hurst. Đánh giá của Gordon Miller về các vấn đề hư cấu kỳ bí có sức ảnh hưởng lớn, và rất nhiều tác giả âm thầm tị nạnh với trí tưởng tượng phong phú của ông. Bốn mươi lăm tuổi, có khuôn mặt với những đường nét hài hòa nhẹ nhõm bên dưới làn tóc dày phóng túng, ông sống trong một ngôi nhà lộng lẫy ở Nam Kensington. Người ta nói tài sản của Gordon đủ để ông sống thoải mái nốt phần đời còn lại, và rằng ông tiếp tục làm việc chỉ vì tình yêu nghệ thuật.

Tên tuổi của Gordon Miller gắn chặt với tên tuổi một nam diễn viên cũng rất nổi tiếng là Donald Ransome, người Mỹ, nhưng đã rời khỏi nước Mỹ được năm năm. Ransome là một người điển trai vạm vỡ, năm nay bốn mươi tuổi mà trông chỉ như ba mươi, xuất hiện trong phần lớn sản phẩm của ông Gordon. Tác giả này thậm chí còn viết những vở kịch riêng cho anh ta, và anh ta biểu diễn đặc biệt hăng hái. Công chúng, cho dù đã quá quen với tác phẩm của Gordon, vẫn thường xuyên rơi vào những cái bẫy ác hiểm mà ông giương ra và liên tục ngạc nhiên khi nhân vật phản diện bị vạch mặt, mặc dù gần như chắc chắn đó luôn là nhân vật của Donald Ransome. Ngoài tài năng của một tài tử, Ransome còn thể hiện thái độ điềm tĩnh đặc biệt và những kỹ năng ứng khẩu, như cư dân Luân Đôn đã được chứng kiến một năm trước trong buổi trình diễn cuối cùng vở *Án mạng ảo thuật*. Một trong các diễn viên bị mệp ngay trên sân khấu... đúng vào thời điểm quan trọng, nhưng Ransome cực kỳ nhanh trí đưa ra phương án chữa cháy cho một trong những cốt truyện phức tạp nhất của Gordon Miller bằng việc ứng khẩu đoạn kết mới. Đó là một thành công phi thường khiến cho nhiều người tin rằng tác giả đã tìm được nghệ sĩ diễn xuất hoàn hảo các vở kịch của mình.

Hai người đàn ông ấy là bạn bè thân thiết của nhau, bất chấp vô số lời đồn đại về điều ngược lại. Người ta thường thấy họ ở các buổi tiếp tân, trao cho nhau những nụ cười và thân thiện vỗ lưng nhau, nhưng có người nói rằng đó

chỉ là giả bộ và rằng sự thật họ ghét nhau kinh khủng. Một số bài báo đã đăng tải những vụ cãi vã nảy lửa của họ trong tiệc cocktail. Dư luận bị chia rẽ. Với một số người, Gordon và Ransome là hai kẻ hay pha trò đem chính họ ra mua vui khiến báo chí mất uy tín; với những người khác, họ đang cố gắng nói dối để bảo vệ lợi ích của mình. Còn với Twist, ông có quan niệm rằng nếu một trong hai người ấy tìm cách áp dụng nghệ thuật của mình vào đời thực thì đó sẽ là một đối thủ ghê gớm.

“Tiến sĩ Twist và tôi,” Hurst tuyên bố, giấu đi ánh mắt thăm dò đằng sau làn khói thuốc, “từng gặp ông Gordon một hai lần tại tiệc chiêu đãi. Ông ấy tuyên dụng anh trong mảng nào vậy, anh Moore?”

“Tôi là thư ký riêng và thỉnh thoảng làm lái xe cho ông ấy. Nhưng tôi còn có những nhiệm vụ khác, như trông nom bộ sưu tập vũ khí của ông chẳng hạn, đây cũng là vấn đề không nhỏ chút nào. Tôi phục vụ ông ấy được hai năm rồi, ngay sau khi bà Miller mất.”

Twist nghĩ mình phát hiện được một thoáng thay đổi trong ngữ điệu ở câu cuối cùng, nhưng không nói gì cả. Cũng như Hurst, ông biết rõ kết cục buồn thảm của bà vợ Gordon, kết hôn được ba năm thì qua đời vì chết đuối.

“Anh là nhân viên duy nhất của ông ấy à?” Hurst hỏi.

“Không, nhưng tôi là người duy nhất sống trong cùng một mái nhà. Có một phụ nữ dọn vệ sinh đến làm bốn lần một tuần và một đầu bếp chỉ đến vào buổi sáng.”

“Vậy anh nghi ngờ một tội ác đang được lên kế hoạch,” Hurst chậm rãi tiếp tục, như thể nhấm nháp từng âm tiết. “Chắc chắn anh không có ý định thử thuyết phục chúng tôi rằng chính ông Gordon đang lên kế hoạch việc đó chứ?”

Moore nhìn thẳng vào mắt viên thanh tra, nhưng gương mặt anh tái nhợt đi.

“Chính xác lại là như vậy.”

Sự im lặng sau câu nói đó càng rõ rệt bởi tiếng ồn của phương tiện giao thông trên phố.

“*Chính xác là như vậy,*” viên thanh tra lặp lại. “Tôi muốn biết làm sao anh đoán chắc được về một vụ án mạng ở thì tương lai.”

Peter Moore gật đầu về suy tư và rút ra một bao thuốc lá.

“Tốt nhất là kể từ đầu,” anh ta nói. “Nhưng một lần nữa tôi phải đề nghị

các ông không tiết lộ bất kỳ điều gì tôi nói chừng nào chưa xuất hiện tình tiết mới khẳng định thật sự có một âm mưu giết người. Ông Gordon vừa cho tôi nghỉ phép một tuần, và ngày mai tôi sẽ đi Leeds để thăm bố mẹ.”

“Tôi nghĩ là tôi hiểu,” tiến sĩ Twist nói, hơi nghiêng đầu và mỉm cười. “Anh nghi ngờ sẽ có chuyện xảy ra trong thời gian anh đi vắng và anh nghĩ có ai đó cần phải biết.”

“Đúng như vậy,” Peter Moore đáp lời, mắt hơi nheo lại và gương mặt sáng lên nhờ ánh diêm anh ta đưa lên để châm điếu thuốc. “Nào, bắt đầu từ đây...”

5

CÂU CHUYỆN CỦA PETER MOORE

Lúc gần 3 giờ chiều ngày hôm kia, tôi ra ngoài để lau rửa chiếc Bentley. Có lẽ các ông biết nhà ông Gordon ở Nam Kensington chứ? Ngôi nhà xây bằng gạch đỏ từ thời Victoria, nằm phía sau khu Harrington Gardens, từ ngoài phố nhìn vào thì chỉ thấy được chóp nhà. Trước nhà có một vạt cỏ dài, trải thoải thoải xuống đến chân hàng rào sắt trồng cây thủy lạp. Đường xe chạy viền cây bụi dẫn vào được vài mét thì quặt sang phải, đánh một vòng rộng quanh vạt cỏ rồi tiếp tục chạy thẳng đến cửa nhà. Chính giữa vòng rộng này có một đài phun nước bằng đá rất trang nhã, trên đỉnh gắn pho tượng tiểu nữ thần tạc từ cẩm thạch trắng.

Chiếc Bentley đậu bên trái cửa nhà, cho nên tôi nhìn rất rõ đài phun nước. Tôi cũng nhìn thấy một kẻ lang thang đang đứng tựa vào đó. Lão mặc một chiếc áo choàng tả tơi và đôi cái mũ nhàu nhĩ cùng đôi giày thủng lỗ chỗ. Lão đeo chiếc khăn màu vàng quanh cổ, mặc dù thời tiết khá ấm áp. Cái bóng xấu xí của lão trông như một đốm đen không thích hợp ngay giữa vạt cỏ ngập nắng.

Lão này là ai mà lại dám xấc xược lang thang vào tư dinh nhà người ta vậy nhỉ? Một kẻ lang thang muốn rửa tay chẳng? Hiển nhiên là không, bởi lão chỉ ngấm nhìn làn nước và thỉnh thoảng khua khoảng nhè nhẹ. Tôi lập tức gọi to. Lão thôi mơ màng và nhìn chòng chọc vào tôi lúc tôi sai bước lại gần, làm như thể tôi là kẻ nhúng mũi vào chuyện người khác vậy.

Tôi cảm nhận ngay được rằng có gì đó rất kỳ quái ở kẻ này. Không chỉ thái độ, mà là tất cả mọi điều. Có vẻ lão đã gần năm mươi với bộ râu ria màu nâu rối bù. Lão có cặp lông mày rậm rịt và, chính ình trên cái mũi củ hành láng bóng là một cặp kính gọng sừng.

Tôi hỏi lão đang làm gì ở đây, bằng giọng cung kính hơn mức cần thiết trong tình huống này. Lão nhìn tôi, rồi ngấm nhìn làn nước thêm lần nữa mới

chịu trả lời:

“Vui lòng vào bảo với ông Miller! Jack Radcliffe.”

Mặc dù hỏi lại một cách khá chậm chọc rằng, liệu ông chủ tôi có hoan nghênh ông không, tôi vẫn thấy cái tên hơi quen tai, và nhận ra lý do khi lão trả lời, cũng bằng giọng vẫn tắt như cũ:

“Không, nhưng sẽ gặp thôi. Tôi là anh họ Anna, vợ quá cố của ông ấy.”

Lão nhặt một cái là khô lên, khễ khàng giữ bằng những ngón tay rời thả lên mặt nước, để nó nổi một lúc thì ẩn chìm xuống. Hành động này thật kỳ lạ, nhưng tôi không muốn mất thời gian để tìm hiểu ý nghĩa của nó.

Tôi thoái lui để báo cho ông Gordon. Ông có vẻ ngạc nhiên và thậm chí bối rối. Theo ông nhớ thì bà Miller chưa bao giờ nhắc đến người anh họ Jack nào cả. Nhưng ông có ấn tượng là bà từng nhắc đến một ông bác chưa từng gặp hiện sống ở Scotland, vốn có hiềm khích với cha mẹ bà. Ông này có con cái song ông Gordon không rõ tên tuổi họ là gì.

Ông đi tới bên cửa sổ, trầm ngâm nhìn vị khách bên đài phun nước, và bảo tôi dẫn lão vào văn phòng mình.

Văn phòng, rộng rãi và có trần cao, cũng dùng làm phòng khách. Ánh sáng hướng Nam tràn ngập căn phòng nhờ một cửa sổ lớn, tạo cho không gian trong phòng một khoảng tròn lổm giữa hai khung cửa sổ khác. Đây là nơi bố trí bàn làm việc cùng máy đánh chữ của ông Gordon, và phải đi xuống vài bậc thềm mới đến được.

Bên mé Đông của căn phòng kê vài cái xô-pha, đối diện với một lò sưởi. Xung quanh lò sưởi ấy là những tủ sách xa hoa gắn trên tường. Gần giữa phòng có hai cây cột bát giác, một cái đỡ bộ áo giáp hoàn chỉnh từ thế kỷ 15, còn cái kia treo rất nhiều khiên và những thanh gươm bắt chéo nhau. Có lẽ người ta khó hình dung được hiệu ứng tổng thể nếu chưa nhìn thấy; chỉ xin nói, nó nằm trong ý niệm của ông Gordon, với nét bay bướm sân khấu theo phong cách Gothic. Về mé Đông Nam, có một bức vách gỗ sồi làm giá đỡ cho bộ sưu tập vũ khí rất ấn tượng, đủ loại từ kích đến súng lục, rồi bàn chông và dao găm. Các hốc tường chứa hình sập của những tên tội phạm khét tiếng và điểm xuyết quanh phòng là mặt nạ đủ loại. Hầu hết đều là đồ cổ đắt tiền, nhưng một số lại do chính ông Gordon tạo ra. Khi không bận rộn với một vở kịch mới, ông dành rất nhiều thời gian trong nhà xưởng dưới tầng ngầm để chế tạo những thứ này.

Buổi tối, toàn bộ phòng trưng bày hải hùng đó hiện ra sống động nhờ hệ thống chiếu sáng khéo léo và tôi có thể quả quyết với các ông, tôi vẫn thấy rùng mình mỗi khi nhìn tất cả các món đồ cổ hung hiểm ấy. Còn có một chiếc bàn dài, nơi các đội quân đồ chơi tham gia những trận chiến không hồi kết; một pho tượng Kali bằng đồng đặt trên nóc cái rương cũ; và nhiều món đồ lạ lùng khác. Tôi nghĩ, tôi đã cung cấp đủ thông tin để hình dung về không khí và hiệu ứng tổng thể của gian phòng nơi ông Gordon tìm kiếm cảm hứng, và là nơi một cảnh tượng lạ lùng sắp xảy ra.

Tôi dẫn Jack Radcliffe vào văn phòng và thoái lui. Tôi không phải kẻ có thói quen nghe lén, nhưng vị khách này tạo ấn tượng rất kỳ lạ và tôi tự nhủ ông chủ của mình có thể gặp nguy hiểm. Sau một lúc do dự, tôi nhón chân quay lại, ghé mắt nhòm qua lỗ khóa...

“Như vậy,” ông Gordon nói, rót hai ly Whisky, “anh là con trai của ông bác mà Anna chưa hề gặp.”

“Ồi chà!” Jack Radcliffe bật kêu, ngược nhìn bộ sưu tập vũ khí của chủ nhà. “Đó là một tranh chấp gia đình từ xưa không đáng nhắc đến. Thế Anna có bao giờ kể với chú về tôi không?”

“Tôi không thể nhớ ra điều gì cả.”

“Cũng không phải là lạ. Tôi chỉ gặp cô ấy một lần và đã khá lâu rồi. Cô ấy tới thăm chúng tôi ở Scotland, ngay sau khi ba tôi mất. Chúng tôi hòa hợp ngay với nhau. Tôi cho cô ấy xem đàn cừu của tôi, có vẻ cô ấy rất thích. Chúng tôi hứa sẽ gặp lại, nhưng chú biết tiếp theo thế nào rồi đấy. Cô ấy gặp chuyện không may, ôi người phụ nữ tội nghiệp. Tôi có đọc về vụ tai nạn trên báo. Chuyện đã hai năm rồi, phải vậy không?”

“Thực ra là hơn hai năm. Vào dịp tháng Tám. Chính xác là ngày 23. Tôi chẳng bao giờ quên được...”

“Tôi không có ý...”

“Anh biết đấy, tôi đã quá quen với chuyện này. Chẳng điều gì có thể đưa cô ấy trở lại được nữa.”

Jack Radcliffe buồn bã gật đầu, rồi nói thêm:

“Anna là người duy nhất tôi biết về phía gia đình bên nội và rất tự nhiên, tôi thấy thực sự gần gũi với cô ấy. Tôi muốn tìm hiểu thêm về Anna. Chú có thể kể cho tôi không? Mà làm thế nào chuyện bất trắc đó lại xảy ra?... Nhưng này, chú Miller, chắc tất cả mớ dao kiếm với súng ống kia phải mất cả đồng

tiền ấy nhỉ! Với đàn cừu, tôi chẳng bao giờ tậu được những thứ như vậy.”

“Chắc thế,” ông chủ tôi trả lời kèm nụ cười ngạc nhiên. “Nhưng anh cứ tự nhiên, anh Radcliffe, để tôi cởi áo khoác giúp anh.”

“Hiện tại mặc thế này tôi thấy ổn, cảm ơn chú. Có lẽ lát nữa tôi sẽ cởi.”

Mắt Radcliffe ánh lên giễu cợt trong khoảnh khắc, nhưng mau chóng bình thường trở lại, lão tiếp tục:

“Nhắc đến đàn cừu, tôi sắp phải bán chúng đi. Năm ngoái khó khăn quá... và có trời mới biết tôi sẽ làm gì tiếp theo... Nhưng chúng ta đang nói chuyện gì nhỉ? À, phải. Cô Anna tội nghiệp.”

Ông Gordon nhấp một ngụm Whisky rồi tháo kính để lên bàn. Ông nhặt bốn quả bi thép nhỏ nhả lên và chuyền lách cách giữa mấy ngón tay. Đây là thói quen của ông mỗi khi suy nghĩ về kịch bản hay một vấn đề gì đó.

“Tôi có thể nói gì với anh về Anna?” Ông bắt đầu. “Chắc anh cũng biết cô ấy từng kết hôn một lần. Tôi quen cô ấy từ dạo đó rồi, nhưng chúng ta không đi sâu vào chi tiết làm gì. Thực tế, cuối cùng cô ấy cũng ly dị tay người Mỹ ngu ngốc vốn chỉ nghĩ đến chuyện đếm tiền. Và chúng tôi kết hôn ngay. Một sự sum vầy hạnh phúc, nhưng ngăn ngủi, lạ Chúa.”

“Một sự sum vầy hạnh phúc,” Radcliffe nhắc lại, vẻ trầm tư, mắt nhìn quanh phòng. “Thật buồn cười, tôi không hình dung được người phụ nữ như Anna lại hạnh phúc ở nơi này. Nó khiến tôi sầu não, chắc chắn là vậy. Với tất cả mớ mặt nạ cứ trừng trừng nhìn xuống như thể muốn làm hại ta kia. Cô ấy có thường đến đây không?”

Ông chủ tôi mỉm cười bao dung với vị khách của mình.

“Thằng thằn là không. Tôi nghĩ anh biết tôi viết những câu chuyện bí hiểm chứ?”

“Có ai lại không biết chú, chú Miller? Chỉ vì tôi chặn cừu ở Scotland không có nghĩa tôi mù tịt chuyện xã hội.” Lão tợp một ngụm whisky. “Không tệ, tôi phải nói vậy. Thu hoạch từ đầu cừu không đủ cho tôi mua được những thứ này.”

“Thế mà chúng nó lại đến từ vùng đất của anh đấy.”

“Tôi có ấn tượng rằng Anna tội nghiệp chẳng thiếu thốn gì cả, khi sống với chú.”

“Vâng, đúng là cô ấy không hề thiếu thốn gì.”

“Chú biết đấy, chú Miller, tôi không ghét bỏ những ngôi nhà sang trọng,

nhưng chúng lại có khuynh hướng khiến tôi khó chịu. Khi chú dành cả đời mình ở thôn quê, chủ yếu là chăn cừu, thì rất khó quen được với lối sống này.”

“Tôi hiểu.”

“Chắc chú cũng hiểu, Anna chưa bao giờ biết đến một cuộc sống như của tôi. Bố cô ấy có hoàn cảnh khác ông anh vợ, tức là ông già nhà tôi. Nhưng, suy cho cùng, tôi lại nghĩ có khi cô ấy sẽ hạnh phúc hơn với một cuộc sống hướng ngoại, chú thấy sao?”

“Rất có thể,” ông Gordon trả lời, nhã nhặn song không giấu nổi đôi chút mai mỉa. “Mà chúng ta đến đâu rồi nhỉ? À, phải. Anh muốn tôi kể cho anh nghe về hoàn cảnh cái chết bi thảm của Anna.”

Ông chủ tôi vẫn duy trì được thái độ bình tĩnh, sự xuất hiện của kẻ lạ mặt kỳ cục này có vẻ làm ông ấy thích thú. Tôi hình dung ông đang phân tích lão để khai thác cho một cốt truyện tương lai. Nhưng dần dần, tôi nhận ra ông đang chuyềnh những viên bi nhỏ nhanh hơn, đây không phải một dấu hiệu tốt.

“Hôm đó, ngày 23 tháng Tám, tôi buộc phải ở lại Luân Đôn để gặp một giáo sư người Bỉ, Anna thì lấy xe ra bờ biển vịnh Heme. Lúc cô ấy xuống bãi biển là khoảng 2 giờ. Một vài người chứng kiến trông thấy cô ấy nằm trên cát. Chừng mười lăm phút sau, Anna ngồi dậy và lội xuống biển. Cô ấy bơi không giỏi, nhưng dĩ nhiên là những người chứng kiến không biết điều đó. Tôi có thể mô tả chính xác vị trí bởi sau sự việc đáng buồn này, tôi đã đến nơi ấy nhiều lần.

“Đó là một vịnh nhỏ với bãi biển cát đen lẫn cuội sỏi, thiếu hẳn nét hấp dẫn thường thấy ở các bãi biển Eastbourne. Có lẽ vì thế mà nó không thu hút nhiều người đến. Nhưng điều Anna tìm kiếm là không khí bình lặng và yên tĩnh. Đứng ở vịnh nhìn ra, có thể thấy bên trái là một chuỗi đá tảng nhô ra biển ba mươi thước, tảng cuối cùng đủ bằng phẳng để nằm lên. Có thể đến đó bằng cách bước từ tảng đá này sang tảng đá kia, nhưng như thế rất nguy hiểm. Tốt hơn là tiếp cận nó từ phía biển. Và Anna đã làm thế. Đó là một nơi vô cùng yên bình, với những con sóng vỗ nhịp nhàng vào bờ đá.

“Cô ấy ở tảng đá khoảng mười lăm phút, không mấy người tắm biển để ý. Nhưng một hai người đã lưu tâm khi Anna rời tảng đá và trượt xuống nước. Họ nhìn thấy Anna bơi ra biển và, chưa được hai mươi sải tay thì cô ấy biến mất dưới những lớp sóng. Một người đàn ông lập tức nhận ra cô ấy sắp đuối

nước. Vốn là tay bơi rất giỏi, không đây ba mươi giây ông ta đã ra tới vị trí cô ấy biến mất. Theo những người chứng kiến, ông ta lặn xuống vài lần, cuối cùng trôi lên với xác Anna và mang vào bờ. Chẳng thể làm gì được nữa. Kiểu tai nạn như thế gần như mùa hè nào cũng xảy ra.”

Im lặng. Ông Gordon mở một hộp xì gà và đưa mời vị khách. Lão thong thả chọn lấy một điếu, châm lửa, bập bập vài hơi, và nói:

“Đúng là một kết cục đáng buồn, chú Miller. Rõ ràng Anna không sinh ra cho lối sống này.”

Những viên bi thép trên tay ông Gordon dồn lại với nhau kèm một tiếng cách khó khốc.

“Chính xác thì ý anh là gì, anh Radcliffe?”

“Chà, không muốn công kích gì đâu, nhưng chắc sẽ tốt hơn cho cô ấy nếu sống với ai đó không phải chú.”

Đôi mắt đen của ông Gordon thoáng lóe lên. Ông hỏi, chậm rãi và dứt khoát:

“Anh ám chỉ cô ấy tự tử phải không?”

“Tôi chẳng ám chỉ gì cả, chú Miller. Tôi chỉ nói chú không làm cô ấy hạnh phúc. Nhìn quanh chú xem. Cứ như hang ổ của quỷ Sa-tăng. Chú nghĩ mọi người đều giống chú ư? Rằng bất kỳ ai bình thường cũng sẽ vui vẻ sống giữa căn phòng này?”

“Điều gì khiến anh nghĩ Anna không hạnh phúc với tôi, anh Radcliffe?”

Ông chủ tôi rít lên như một con rắn, nhưng có vẻ chẳng hề gây ấn tượng với ông anh họ Jack. Lão đáp lại:

“Nếu tôi không lầm thì cô ấy có nhân tình.”

Ông Gordon đứng bật dậy, mặt tái mét, bước tới gần lão già chần cừ, đứng khựng lại ở cự ly vài phân, chỉ một ngón tay vào cái mũi đỏ của lão.

“Nhân tình? Anna ư? Và làm sao mà biết, thằng ăn mày nát rượu kia?”

Một nụ cười nở rộng trên mặt Jack Radcliffe. Gương mặt lão biến đổi khi lão gỡ cái mũi giả và vẩy vẩy trước mặt vị chủ nhà.

“Làm sao ư, ông Miller? Lý do rất đơn giản, tôi chính là nhân tình của cô ấy.”

Mặt ông Gordon biến sắc, hàm răng nghiến chặt. Thế nhưng, vị khách vẫn chưa dừng lại:

“Chẳng có gì phải ngại khi thú thật với ông rằng tôi không phải là Jack,

không phải anh họ cô ấy, và chẳng hề quan tâm đến chuyên chăn cừu. Tôi cũng chưa bao giờ ám chỉ Anna tự tử, bởi vì tôi biết đích xác rằng *chính ông đã giết cô ấy.*”

6

CÂU CHUYỆN CỦA PETER MOORE

Đến đây, tôi bắt đầu băn khoăn không rõ cuộc trò chuyện lạ lùng này sẽ kết thúc thế nào, nhưng hóa ra phía trước vẫn còn rất nhiều điều đáng ngạc nhiên.

Trên gương mặt ông Gordon, tuyệt nhiên không một thớ thịt nào cử động, nhưng tôi thấy rõ ông siết những viên bi thép chặt đến mức khớp xương đốt tay trắng bệch ra. Sau đó, rất bất ngờ, ông đột ngột hát đầu ra sau và bật lên một tràng cười ha hả. Phải mất vài giây ông mới lấy lại bình tĩnh. Ông đặt những viên bi xuống bàn, cẩn thận sắp cho chúng thẳng hàng với cái máy đánh chữ, và quay sang vị khách kèm một nụ cười giễu cợt.

“Tôi đoán chừng anh ở đây để đưa tôi tới một nơi tốt đẹp hơn.”

“Việc đó rất hấp dẫn, tin tôi đi, nhưng tôi thích giải quyết việc này như những quý ông.”

“ ‘Như những quý ông.’ Anh có ý hăm dọa tổng tiên chăng?”

“Thực ra thì tôi không thích từ đó, nhưng phải thừa nhận là đúng như vậy. Đàn cừu của tôi đang già và cũng ít đi.”

“Phải, mùa đông vốn khắc nghiệt, phải vậy không? Nhưng trước khi chúng ta bắt đầu thương thuyết, tôi muốn biết rõ xem chính xác thì anh đang định bán cái gì, anh... anh là...?”

“Ông có thể gọi tôi là Jack. Thế rất ổn. Còn về thứ tôi muốn bán, để tôi nhắc cho ông nhớ một câu ngạn ngữ xưa: ‘Im lặng là vàng.’ “

“Tôi hiểu, anh Jack, nhưng tại sao tôi lại cần mua sự im lặng của anh? Anh có bằng chứng về bất kỳ điều gì cho lời cáo buộc anh vừa đưa ra không?”

Jack mỉm cười, uống cạn ly rượu, rồi với lấy mấy viên bi thép. “Ông không phiền chứ?”

Câu hỏi được nêu ra với một vẻ lịch sự thái quá. Ông Gordon đáp lời bằng

giọng tôn kính và nhã nhặn không kém, “Xin mời.”

Jack nhặt mấy viên bi lên, bước lại phía ô cửa sổ lồi, chăm chú xem xét chúng dưới ánh nắng.

“Kỳ thật: một viên bi có vẻ mới hơn những viên khác. Nó bớt xỉn hơn... nói cách khác là sáng hơn. Cho tôi biết, thưa ông Miller, ông chuyên những viên bi này trên tay bao lâu rồi? Tôi đoán là cũng đã được một thời gian.”

“Tôi không hiểu chuyện đó thì...”

“Anna vẫn thường kể về mấy viên bi. Và tôi tin chắc chẳng mới mẻ gì khi nói với ông rằng chúng khiến cô ấy phát điên. Nhưng cứ tạm gác mọi việc qua một bên và quay trở lại với chứng cứ ngoại phạm của ông vào buổi chiều ngày 23 tháng Tám. Vị giáo sư người Bỉ nổi tiếng ông định gặp tên là Charles Dufour có phải không? Nếu không nhầm thì ông ấy là một chuyên gia về đạn đạo. Nói chứng cứ ngoại phạm là đẩy mọi việc đi hơi xa, bởi ở thời điểm đó, ông không hề bị nghi ngờ gì cả. Nhưng, chắc chắn một chuyên gia như ông chẳng muốn đánh liều.

“Đoán xem, ông Miller, một tháng sau sự cố tôi đã tới Brussels gặp giáo sư Dufour và phát hiện ra vài chuyện thú vị. Trước hết, các ông chỉ mới gặp nhau hai hoặc ba lần trước đó. Thứ hai, ông ấy bị mù. Giờ chúng ta nói về cuộc trò chuyện chuyên môn của các ông hôm ấy: nhiều luận điểm về lý thuyết đạn đạo, mà ông định sử dụng cho những câu chuyện kỳ bí của mình, ông ăn trưa với Dufour tại một nhà hàng ở đại lộ Shaftesbury rồi tiễn ra ga Paddington bởi giáo sư phải đi gặp một số bạn bè ở Oxford. Tóm lại, các ông ngồi với nhau bốn tiếng và *ông liên tiếp đặt câu hỏi*. Nhưng mỗi lần giáo sư hỏi lại để biết thêm thông tin cụ thể thì ông đều lảng tránh một cách khôn khéo. Dufour không kể chi tiết, chắc chắn rồi, nhưng đó đích xác là những gì đã diễn ra.

“Chốt lại, đây là một người ông quen biết qua loa, thị lực rất kém. Chẳng có gì chứng minh người tiếp chuyện giáo sư hôm ấy có kiến thức về tội phạm học. Ông thừa sức để một kẻ tòng phạm đóng vai mình và học thuộc lòng bảng danh sách câu hỏi. Trong nghề của ông, tìm một diễn viên làm việc đó đâu có khó khăn gì. Nói cách khác, chứng cứ ngoại phạm của ông vô giá trị.”

Ông Gordon gật đầu, như thể đang đánh giá một diễn viên có màn trình diễn xuất sắc.

“Tôi phải thừa nhận phân tích của anh khá thú vị. Cũng làm rõ luôn rằng

thái độ của tôi với giáo sư Dufour nhất quán như sau: tôi mong muốn thu được thông tin cụ thể từ ông ấy, nhưng không có nghĩa vụ cung cấp điều gì cho ông ấy cả. Phải thừa nhận, chứng cứ ngoại phạm này không vững chắc. Nhưng nếu anh định dựa vào đó để cứu nguy cho đàn cừu của mình thì tôi buộc phải nói anh đang mất công toi rồi.”

Jack vượt vượt bộ râu, hai vai rung lên vì điệu cười nhăn nhó.

“Giờ tôi sẽ nói với ông điều mà ông thừa biết: ông đã dìm chết vợ ông như thế nào. Nhìn nhận một cách khách quan, vụ giết người này khá xuất sắc, xét ở chỗ nó được thực hiện ngay trước mũi vài nhân chứng chẳng hề biết những gì đang thực sự diễn ra. Điểm tuyệt đối cho một vụ giết người hoàn hảo. Ông lại có được sự hợp tác của vợ mình, rất vô tình, rõ ràng là thế, nhưng không hề khó khăn, ông đề nghị cô ấy nằm xuống tảng đá đó và rồi, một lúc sau, xuống biển tắm. Cô ấy làm theo.

“Người đàn ông cố gắng cứu Anna một cách vô vọng là một du khách Pháp có tên Pierre Lemoine, theo hồ sơ ghi lại. Sẽ không ai tìm ra người này. Những cố gắng rất anh hùng của ông ta nhằm cứu Anna được các nhân chứng hoan nghênh. Họ thấy ông ta lặn xuống vài lần để cứu cô ấy khỏi nguy hiểm, nhưng thực tế những gì ông ta làm là *nhấn chìm* cô ấy. Đạt mục đích rồi, ông ta chỉ việc mang cái xác vào bờ và lắc đầu tuyệt vọng. Rất kỳ lạ, phần mô tả về tay Lemoine mà các nhân chứng cung cấp lại rất *giống với ông* đấy. Cần tôi nói thêm không?”

Ông Gordon bàng hoàng thấy rõ. Ông giận dữ nhìn kẻ cáo buộc, rồi đáp trả, “Khốn kiếp! Tất cả chỉ là giả thuyết. Anh đâu có bằng chứng dù là mong manh nhất.”

“Ông nghĩ là không có ư?”

Jack buông câu hỏi lơ lửng trong không khí, đủ lâu để châm thêm điếu xì gà vừa khoan khoái rút ra, rồi tiếp tục, “Thành thật mà nói, tôi không có đủ bằng chứng hữu hình để khiến ông bị bắt. Nhưng tôi có chút ít bằng chứng trong túi đây, cùng với nhiều thứ khác, có thể đưa ông ra công lý. Điều đáng chú ý là bằng chứng này lại *không thể hủy hoại* được.”

“Không thể hủy hoại?” ông George bật kêu lên, vừa ngạc nhiên vừa lo lắng.

“Phải, do bản chất của nó. Và, cho dù có biến mất, nó sẽ vẫn hiệu quả.

“Chúng ta cùng trở lại buổi chiều xảy ra tấn bi kịch nhé. Tôi gặp Anna vào

ngày hôm trước, cô ấy nói sẽ ra biển, nhưng không cho biết ông cũng đi cùng. Cô ấy đề nghị tôi đừng mạo hiểm đi theo. Tuy nhiên, tôi quyết định ghé vịnh Herne bởi cơ hội quá hấp dẫn, không thể bỏ qua. Tôi đến nơi lúc 4 giờ rưỡi thì biết rằng thảm kịch vừa xảy ra. Tôi sẽ cho ông biết các chi tiết dẫn tới kết luận Anna không bị tai nạn chết đuối.

“Trong lúc dò hỏi các nhân chứng vẫn còn ở đó, tôi đã gặp may. Một cậu bé hãnh diện khoe với bạn nó thứ vừa tìm được trên bãi biển. Đánh đổi một số tiền nhỏ, tôi đã dễ dàng có được thứ ấy. Cậu bé kia tìm thấy nó ở chính nơi người đàn ông tự nhận là Pierre Lemoine đã đứng.”

Jack ngừng lại, móc từ trong túi áo khoác ra một viên bi thép giống hệt các viên xếp trên bàn. Giơ nó lên bằng mấy ngón tay, gã ngắm nhìn nó một lúc.

“Ông mắc sai lầm khi mang đám bi theo vào ngày hôm ấy. Tôi nhận ra rằng khi ông nổi giận, chúng giúp ông giữ bình tĩnh. Nhưng đây vẫn là một sai lầm, của ông, nhưng lại là may mắn cho tôi vì ông để mất một viên. Ông nhận ra tầm quan trọng của mất mát này rồi chứ? Có lẽ không, bởi tôi cho rằng ông không nhớ nổi vị trí để mất nó.

“Tôi rất muốn ông kiểm tra thật kỹ bốn viên bi như tôi vừa làm. Thậm chí bằng mắt thường ông cũng có thể thấy một trong số đó không xin bằng những viên kia. Viên ông mua hai năm trước thay thế cho viên tôi đang cầm trên tay.

Tôi biết ông đang nghĩ gì, ông Miller: có lẽ sẽ tốt hơn nếu xô ngã tôi và cướp lấy viên bi. Để tôi cảnh báo ông rằng việc đó chẳng có tác dụng đâu. Tin tôi đi, tôi từng xử trí những kẻ còn khó chơi hơn ông. Nhưng dù cố thành công đi chăng nữa, thì tình hình cũng chẳng khá khẩm hơn. Nghe cho kỹ, tôi sẽ cho ông biết tại sao. Tôi đã tính toán hết mọi khía cạnh. Chắc chắn ông không nghĩ tôi lại mang nó theo mình nếu có rủi ro gì, phải không nào?

“Để mở đầu, tôi xin cam đoan với ông rằng bất kỳ nhận xét nào tôi có về tình trạng trầy xước trên những viên bi thép này đều dựa trên phép phân tích qua kính hiển vi. Ba viên bi này rõ ràng không sáng như khi chúng còn mới, bởi ông đã lăn chúng trên tay vài năm rồi. Chúng trầy xước kha khá. Viên trong tay tôi ít hơn hai năm nên mới bị trầy xước sơ sơ. Còn viên ông mua để thay thế cho nó thì chỉ mới hơi trầy xước thôi.

“Nếu ngày mai tôi mời cảnh sát can thiệp để xác nhận những nghi vấn của tôi thì họ sẽ kiểm tra những viên bi và thấy ba viên trầy xước nhiều, một viên chỉ trầy chút xíu. Từ đó khẳng định lời cáo buộc của tôi. Bất kể biện bạch thế

nào, ông cũng sẽ rơi vào diện tình nghi.

“Nếu ông định đoạt viên bi trong tay tôi bằng cách nào đó, rồi thế chỗ viên mới nhất trên bàn kia, cảnh sát sẽ có ba viên rất trầy xước và một viên trầy sơ sơ, bấy giờ tôi sẽ khai thêm rằng ông đã dùng vũ lực đoạt viên bi. Tình thế của ông vẫn tệ hại như vậy, thậm chí tệ hơn.

“Có một điều cực kỳ rõ ràng: ông không thể chế ra bốn viên bi có cùng mức độ trầy xước như nhau. Dĩ nhiên, lúc nào ông cũng có thể vứt chúng đi và mua bốn viên mới. Nhưng khi đó, ông sẽ phải giải thích sự trùng hợp kỳ lạ của việc để mất chúng đúng vào thời điểm tôi đưa ra lời cáo buộc. Ông hiểu ý tôi chứ? ‘Ông đánh mất chúng ở đâu?’, ‘Làm thế nào mà ông để mất toàn bộ chúng cùng lúc vậy?’ Vẫn có những cách hoán vị khác như chỉ thay thế hai viên bi, để lái cảnh sát đi chệch hướng. Hoặc khai với họ ông đã ngừng thói quen lăn bi từ lâu rồi - như thế sẽ làm cho mọi việc càng tệ hại bởi tôi tin chắc có nhân chứng khẳng định điều ngược lại.

“Tôi nghĩ ông phải đồng ý rằng cho dù ông có bao biện thế nào thì xét trong lời cáo buộc của tôi, đều sẽ rất đáng ngờ. Và tôi thậm chí còn chưa nói về lời khai của cha mẹ thằng bé. Tôi thấy rằng tất cả những điều này đang khiến ông trầm tư, ông Miller.”

Bốn viên bi xinh xắn ánh lên trong nắng, như viên bi Jack đang cầm, nhưng không viên nào lấp lánh bằng thứ ánh sáng trong mắt ông chủ tôi. Cái nhìn chăm chăm dữ dằn không báo trước điều gì hay ho cho kẻ quấy rầy kia.

“Bao nhiêu?”

“A ha, cuối cùng ông cũng nói được một câu ý nghĩa. Trước khi chúng ta thỏa thuận xem ông chuẩn bị trả cho tôi bao nhiêu, tôi cần nói với ông chuyện khác nữa. Sở Cảnh sát Kent có thể không phải là Sở Cảnh sát Luân Đôn, nhưng ông không nên đánh giá thấp họ. Một nhân viên của họ, thanh tra John Sterling, đã từng để mắt đến ông rồi. Từ ngày xảy ra vụ án mạng, thật đấy. Tôi biết ông ấy rất rõ. Vấn đề với ông là ông ấy cũng biết rõ như tôi vậy. Ông phải thừa nhận rằng nếu ông ấy có mặt trong suốt cuộc trò chuyện của chúng ta thì sẽ chẳng cần nghi ngờ gì về tội trạng của ông nữa, bởi ông vừa thừa nhận sự thật rồi.”

“Tôi hiểu, anh còn mang theo thiết bị ghi âm và tất cả đều đã nằm trên băng. Giờ tôi biết tại sao anh từ chối bỏ mũ và áo khoác.”

Jack cười nhả nhổ và giơ tay trong không khí. “Cứ việc, ông có thể tự

mình bỏ ra.”

Sau một thoáng do dự, ông Gordon làm đúng như vậy.

Jack, mặc một bộ đồ xám, giờ có một sức hút khác hẳn, kể cả đôi giày tả tơi của gã. Gã nhìn thẳng vào mắt ông chủ tôi rồi bất ngờ giật tung bộ râu. Nó bung ra trong tay gã, cùng lúc lời tuyên bố vang lên, “Tôi chính là thanh tra Sterling và tôi bắt giữ ông vì tội đã sát hại vợ mình là Anna Miller.”

7

CÂU CHUYỆN CỦA PETER MOORE

Đôi mắt ông Gordon mở lớn hơn và ông bước lùi lại.

Thanh tra John Sterling,” ông ấy nhắc lại. “Chà, tôi chưa bao giờ biết! Gần một tháng trước đây tôi có gặp sếp của anh tại buổi tiệc chiêu đãi của Donald Ransome, ông ấy có nhắc đến anh bằng những lời lẽ khen ngợi. Ông Hardcastle thế nào nhỉ?”

“Ồ. Nhân tiện, nếu ông nghĩ sẽ gây ấn tượng với tôi bằng việc nhắc đến Hardcastle thì tôi phải nói luôn rằng suốt hai năm nay, kể từ khi giao cho tôi nhiệm vụ điều tra, ông ấy vẫn theo kịp mọi tiến triển của vụ án. Ông Hardcastle hiểu rằng cái chết của vợ ông không phải vụ chết đuối thông thường. Còn về cuộc trò chuyện tháng trước, nó không hề ngẫu nhiên như ông tưởng: hãy cố gắng theo sát sự thay đổi của mọi sự kiện khi chúng diễn ra. Và giờ, tôi phải đề nghị ông thu xếp một ít tư trang cá nhân và đi theo tôi.”

“Nhưng... anh có thật sự tin tôi...”

“Trông tôi giống như đang đùa lắm sao, ông Gordon? Trí nhớ của ông kém đến mức ông quên mất thực tế là ông đã thú nhận rồi sao?”

Tôi không nghe được câu trả lời của ông chủ bởi đúng lúc ấy cánh cửa phục vụ cuối hành lang bật mở. Tôi chỉ đủ thời gian lẩn vào sau chiếc tủ dùng làm chỗ cất mũ áo.

Đó là Sheila Forrest, con gái ông Gordon. Hay đúng hơn là con gái riêng của bà Anna Miller quá cố, nữ danh Anna Radcliffe, ra đời trong cuộc hôn nhân đầu tiên với Roy Forrest - ‘cái gã người Mỹ ngu ngốc chỉ nghĩ đến đếm tiền.’ Các ông có biết cô ấy không? Tôi nghĩ là không, cô hiếm khi theo cha dượng tới các sự kiện xã hội. Tôi không có ý rằng họ không hòa hợp với nhau, còn ngược lại ấy. Ông Gordon đối xử với cô ấy như thể con gái ruột và

có lẽ còn chu đáo hơn cả cha đẻ.

Cô theo mẹ tới Anh lúc bà ly thân với Forrest, nhưng hai năm sau, khi bà tái hôn thì cô quay lại Hoa Kỳ để theo đuổi việc học hành, nếu tôi không nhầm. Cho nên, cô không có mặt ở đây vào thời điểm xảy ra thảm kịch và chỉ mới trở về vào đầu năm tiếp theo: tức là năm ngoài đây.

Vì tôi chỉ biết cô ấy kể từ thời điểm đó nên không dám nói liệu tất cả những biến động này và cái chết của người mẹ có phải nguyên nhân cho vẻ buồn rầu của cô ấy không. Tôi khá chắc chắn rằng cô không phải là người đáng thương: hầu hết các thiếu nữ cùng tuổi đều sẽ vui mừng nếu được đổi chỗ cho cô ấy. Cô rất xinh đẹp và cha dượng thì quan tâm hết mực. Nếu các ông có thể tượng tượng ra một nàng búp bê sống với làn da trắng bóc, mái tóc đen dài buông xuống vai và đôi môi đỏ tự nhiên, thì đó chính là Sheila, vừa bước sang tuổi hai mươi. Tuy nhiên, ở cô vẫn phảng phất nét buồn. Đôi mắt đen luôn sáng ngời nhưng có cảm giác chỉ là giả tạo, như thể cô chẳng thực lòng quan tâm đến điều gì. Không hẳn là buồn, cũng không thể coi là hạnh phúc, cô khá kiệm lời, chỉ ít là khi ở nhà. Cô hiếm khi ra ngoài, nếu có thì thường chỉ vào các buổi tối. Rõ ràng tôi chẳng có tư cách gì mà nhận xét nhưng, mặc dù bị đánh giá là hơi giống một bạo chúa, ông Gordon vẫn rất nhân hậu với cô.

Thực tế, thái độ của cô đã thay đổi trong vài tuần qua bởi sắp công bố đính hôn với Donald Ransome. Tôi không chắc chắn về những cảm xúc của ông chủ trước chuyện này. Không hiểu vì lý do gì, ông ấy có vẻ đau khổ. Người ta sẽ cho rằng ông phải hân hoan khi ‘Sheila bé bỏng’ của mình không kết hôn với một kẻ xa lạ, nhưng có gì đó đang gặm nhấm ông. Mặc dù không hề phản đối, nhưng thái độ của ông khá trầm lặng. Có lẽ do sự khác biệt tuổi tác giữa Ransome và cô ấy.

Mà thôi, trong lúc tôi nấp ở tủ thì cô Sheila đi dọc hành lang và lên gác. Tôi muốn nói rõ rằng không có gì bất ổn với việc cô ấy sử dụng cửa phục vụ cả. Tất cả chúng tôi đều sử dụng khi đi vào từ phố Cromwell bởi như thế nhanh hơn hẳn là vòng qua đằng trước. Bữa trưa, cô Sheila đã nói sẽ ra ngoài vào buổi chiều, khiến tôi nghĩ cô chỉ định ghé về phòng và sẽ mau chóng trở xuống. Vì thế, tôi không dám quay lại chỗ khóa cửa nữa. Tôi vẫn nghe được tiếng nói nhưng không rõ từng lời. Tuy nhiên, cuộc trò chuyện đến lúc này có vẻ không còn gay gắt. Năm phút sau, tiếng bước chân trên cầu thang

báo hiệu cô Sheila quay xuống và không lâu sau đó tôi nghe thấy tiếng đóng cửa bên ngoài. Tôi nhanh chóng trở lại vị trí quan sát của mình.

Tất cả vẻ ngạo mạn của thanh tra Sterling dường như đã biến mất khi nhìn ông Gordon đi tới đi lui trước bàn làm việc.

“Không biết lần thứ bao nhiêu, anh thanh tra, tôi đề nghị anh đặt mình vào vị trí của tôi và vận dụng tâm lý học một chút. Anh đến đây, ăn mặc như một kẻ lang thang, vờ là anh họ người vợ quá cố của tôi, rồi là nhân tình của cô ấy, cuối cùng thì cáo buộc tôi về vụ giết người. Tiếp đến, anh là kẻ tổng tiền bậc thầy định nhắm vào tôi, Gordon Miller, một chuyên gia về mọi hình thức tội phạm. Thật khôi hài! Tôi đã theo đến cùng chuyện này chỉ để xem ‘anh Jack’ sẽ còn đi xa tới đâu. Nếu tôi thật sự có tội, anh nghĩ tôi vẫn bình thản sau hàng tràng cáo buộc sỉ vả và vu khống kia ư? Lẽ ra tôi đã chết lặng vì phần nộ và nổi cơn tam bành rồi. Tôi đã quen với những tình huống thế này, xin nhớ cho. Không định công kích đâu, nhưng tôi thấy cố gắng tổng tiền của anh thật quá dễ lật tẩy, mặc dù tôi công nhận anh khá thuyết phục và tôi cũng thích cuộc đấu khẩu này. Lạy Chúa, đừng có bảo với tôi rằng anh chẳng hề chú ý đây.”

“Tôi không biết. Tôi không biết nữa. Chính ông Hardcastle giao việc cho tôi.”

“Hắn sẽ được nghe tôi nói trực tiếp, đồ rắn độc! Lẽ ra hắn bị về vườn từ rất lâu rồi. Chà, người ta nói chỉ lúc hoạn nạn mới biết bạn bè thật sự. Hắn chẳng làm được điều gì tốt đẹp ngoài việc tìm cách buộc án, gán tội cho tôi: một tội danh vu khống.”

“Thế nhưng, vẫn có vấn đề với viên bi tìm thấy trên bãi biển. Ông phủ nhận nó là của mình chẳng?”

“Không, nhưng...”

Ông Gordon ngừng bật. Một lúc sau, ông nói khẽ: “Mà này, anh thanh tra, anh không bẻ cong sự thật liên quan đến viên bi đó đấy chứ?”

“Chà, vẫn lại là ý của ông Hardcastle thôi. Nó được tìm thấy ở chỗ tôi đã nói, nhưng mãi vài ngày sau.”

Ông chủ tôi cười chế giễu nhưng đầy khoan dung: “Tôi chẳng đã nói với anh rằng vài ngày sau thăm kịch, tôi có đến hiện trường ư? Tôi không đủ lý do chính đáng để đau buồn hả? Tôi chưa dám chắc về vị trí nhưng nhờ tôi đánh rơi vào lúc ấy thì sao?”

“Chà, có vẻ rất hợp lý,” viên thanh tra gật gật đầu. “Giờ tôi mới để ý, thưa anh thanh tra, Sở Cảnh sát Kent có cách bắt giữ nghi phạm thật lạ lùng. Mà nhân tiện, giả sử đúng là có âm mưu hiểm độc từ trước, lẽ nào không phải nó xảy ra ngoài địa bàn của anh sao?”

Chính lúc đó có chuyện xảy ra, thậm chí còn lạ lùng hơn các diễn biến lúc trước. Viên thanh tra quay đi, tay ôm đầu như thể đang khóc.

“Anh bạn, tôi nói vậy không sao chứ?”

Tôi mất vài giây mới nhận ra viên cảnh sát không hề khóc mà đang rung lên với vẻ vui thích không kiềm chế nổi, và vẻ bối rối trên gương mặt ông Gordon biến thành sự giận dữ. Ngược lại, trợn cười của viên thanh tra lên tới đỉnh điểm. Anh ta quay lại và, lần thứ ba trong buổi chiều hôm ấy, trưng ra một gương mặt khác. Anh ta gỡ bỏ mái tóc, cặp kính và bộ ria.

“Donald,” ông Gordon sững sốt, nhận ra người bạn của mình.

“Lạy Chúa!” nam diễn viên tiếng tăm thở hổn hển. “Trong đời mình, tôi chưa bao giờ gặp khó khăn đến thế khi nhập vai. Anh phải thừa nhận rằng, Gordon, tôi đã làm cho anh mắc lừa.”

8

CÂU CHUYỆN CỦA PETER MOORE

Gìờ đứng đây, tôi rất muốn nói tôi thấy cách hành xử của vị khách nọ kỳ quái và đáng ngờ ngay từ đầu; rằng nhiều manh mối cho thấy đó là một trò lừa đảo; và nếu vậy, nó chỉ có thể là do Donald Ransome thực hiện. Nhưng vào thời điểm ấy tôi sững sờ chẳng kém gì ông Gordon, ông há hốc miệng đứng im. Tôi nghĩ, Donald Ransome cũng đang tự hỏi liệu mình có đi quá xa không, và liệu trò đùa tinh nghịch này có chấm dứt tình bạn của họ không. Thế rồi ông chủ tôi bật ra tiếng cười ha hả và ngay lập tức Ransome hòa theo, và hai người đứng đó cười lăn lộn đến vài phút, không sao nói ra được lời nào.

“Tưởng tượng xem, tôi cũng đã theo trọn vẹn vở này,” ông Gordon thở hổn hển, rót đầy tràn hai ly rượu. “Tôi vẫn thường khâm phục cậu trên sân khấu, Donald, nhưng hôm nay thì cậu vượt xa bản thân. Có vẻ tôi vẫn còn phải học rất nhiều về nghệ thuật chơi khăm, mặc dù chính xác đó không phải điểm yếu của tôi.”

“Trực giác mách bảo tôi rằng đòn trả thù của anh sẽ rất kinh khủng.”

“Tôi đang nghĩ. Khó hình dung ra được một vở kịch ngạc hơn thế. Tôi thật đáng trách! Bậc thầy về trinh thám kỳ bí lại mắc phải trò bịp thế này.”

Ông nâng ly lên.

“Một lần nữa, xin chúc mừng,” ông Gordon nhắc lại. “Trong tất cả những trò khôi hài của chúng ta, vở này rõ ràng là xuất sắc nhất.”

“Lẽ ra tôi không nên đi quá đà như thế. Anh còn nhớ lần anh thuyết phục tôi, với sự hỗ trợ của mấy người bạn, rằng sắp có một buổi trình diễn từ thiện không? Nhưng khi tôi ra sân khấu, cả rạp vắng tanh.”

“Nhưng chuyện đó xảy ra cũng một thời gian rồi. Nào, nói tôi nghe xem, Donald, cái gì làm đầu óc cậu nảy ra ý tưởng này?”

Donald ngập ngừng lùa một tay qua mái tóc vàng.

“Phải thú thật rằng tôi sợ anh sẽ không thấy khoái đâu. Suy đến cùng, coi tai nạn bi thảm của Anna như một án mạng mà chính anh là hung thủ có lẽ không hay ho gì. Nhưng anh biết tôi mà: quy tắc lừa gạt số một là chọn mánh khiến nạn nhân rối trí nhất, và dễ dàng chơi xỏ anh ta.”

Ông chủ tôi gạt đầu ranh mãnh, rồi nhặt mấy viên bi trên bàn và bắt đầu chuyền trên tay.

“Nhưng để trả lời câu hỏi của anh,” nam diễn viên tiếp tục, “ý tưởng đến với tôi vào một tối lão Hardcastle ghé chơi. Tôi không biết liệu anh còn nhớ không, nhưng khi chúng ta đang nói về Anna, lão nhìn anh rất lạ. Tôi dám chắc, trong một thoáng, lão hình dung anh là kẻ sát nhân... kẻ giết Anna.”

“Không, tôi không để ý. Nhưng rồi sẽ đến lúc tôi tổng thẳng khốn già đó về chỗ của hắn. Hắn đa nghi đến mức không thành thật với chính bản thân mình.”

“Cũng chỉ là một cảm giác thôi, và nó chẳng quan trọng, nhưng nó làm tôi suy nghĩ. Tôi nhớ đến viên bi anh đánh mất, anh đã kể với tôi. Anh không dám chắc, nhưng có thể mất trên bãi biển khi anh tới đó vài ngày sau thảm kịch.”

Ông Gordon đập đập tay lên đầu mình. “Phải rồi! Tôi đang già đi rồi. Lẽ ra tôi phải nhớ ra chuyện này chứ.”

“Đó là mầm mống cho ý tưởng. Phần còn lại cứ lần lượt đến dần. Rõ ràng, tôi không thể bịa ra mọi chuyện và kết tội anh giết người được. Hiển nhiên, tôi chưa bao giờ tìm thấy viên bi trên cát. Nhưng tôi không cần phải kể với anh làm thế nào tôi lại ngầm đặt ra âm mưu này.”

“Thế còn người anh họ Jack với đàn cừu? Thực sự ông ta có tồn tại không?”

“Sheila tin rằng anh trai của mẹ cô ấy có ít nhất một người con trai. Còn có phải ông ấy tên Jack và chăn cừu ở Scotland không lại là chuyện khác.”

Và hai người bạn bật cười lồi nhô lần nữa, để uống mừng sức khỏe ông anh họ Jack cùng đàn cừu nổi tiếng của ông ta.

Lúc đó, tôi nhớ ra tôi vẫn chưa lau rửa chiếc Bentley. Tôi vừa định đi, thấy hơi áy náy về sự thiếu suy xét của mình, nhưng không hề hối tiếc về nửa giờ thú vị toàn những điều ngạc nhiên, thì vẻ mặt ông Gordon khiến tôi chú ý. Trái ngược với Ransome vẫn đang cười trong lúc nhâm nhi whisky, ông Gordon không cười nữa.

Cho đến lúc ấy, những cảnh tượng tôi quan sát được, thậm chí vào thời khắc căng thẳng nhất, vẫn luôn có hơi hướng nửa bi nửa hài. Nhưng mọi chuyện sắp thay đổi, và lời lẽ cùng giọng điệu ông Gordon Miller sau đây sẽ khiến các ông thấy rõ khuynh hướng của sự thay đổi ấy.

“Cái hay của cả vụ này, Donald thân mến của tôi, là cậu vừa tạo ra một kịch bản mà, rất vô tình, lại gần sát với thực tế. Bởi vì quả thực, tôi đã giết vợ mình.

“Tôi không đùa đâu, Donald, bất kể cậu nghĩ gì, thì tôi cũng muốn cậu nghe cho kỹ mà đừng phản đối vội. Để bắt đầu, cậu cần biết rằng Anna có nhân tình thật.” “Nhân tình ư, Anna? Nhưng...”

“Cô ấy có nhân tình,” ông Gordon lặp lại rất chắc chắn, bằng ngữ điệu không chấp nhận sự phản đối. “Đó không phải là giả thuyết hay nghi vấn, đó là sự thật. Tôi nghĩ cậu biết tôi đủ rõ để hiểu tôi không phải loại người nhắm mắt làm ngơ trước hoàn cảnh ấy. Sẽ rất sai lầm nếu cho rằng tôi phải chần chừ một thời gian dài rồi mới đưa ra quyết định: cách hành xử của cô ấy đáng bị trừng phạt.

“Cách cậu giải thích vụ án rất tài tình, nhưng như thế rất khó có cơ hội để đảm bảo thành công, cũng khá mạo hiểm nữa. Tất cả những người chứng kiến đều dán mắt vào người đàn ông tìm cách cứu cô ấy và họ sẽ nhận thấy sự đối trá: một người vùng vẫy dưới nước vô cùng khó kiểm soát và càng khó nhấn chìm hơn nữa.

“Tôi khó mà tranh thủ được cơ hội nào. Đúng là tôi gợi ý Anna nằm trên tảng đá cuối cùng, nói rằng tôi sẽ ra nằm với cô ấy, và tôi đã làm vậy. Nhưng tôi không đi từ phía bãi biển lên mà bơi từ phía ngoài vào, ở mé đá bên kia, cách xa các nhân chứng. Tôi đến tảng đá điểm hẹn, vẫy tay ra hiệu cho Anna xuống nước. Cô ấy không bao giờ rời khỏi chỗ đó nữa, ít nhất là khi còn sống. Tôi mang theo một bộ đồ bơi giống hệt bộ Anna đang mặc.

“Sau khi giấu cái xác an toàn dưới chân tảng đá, tôi mặc bộ đồ và về chỗ Anna vừa ngồi. Có thể có người sẽ để ý thấy cô ấy vắng mặt một lúc, nhưng ở khoảng cách xa như vậy chẳng ai biết được người trên tảng đá đã bị thay thế, đặc biệt lại mang đồ tắm và mũ như nhau. Khi tôi chắc chắn mọi người đều đang nhìn, tất cả những gì tôi phải làm là biến mất dưới những con sóng một lúc, cởi bộ đồ tắm, đem cái xác giấu dưới tảng đá lên và thả nó ở chỗ người ta cho rằng cô ấy biến mất. Sau đó, tôi tìm lối quay trở lại bờ biển, ăn

sau những tảng đá, chỉ xuất hiện với tư cách người cố gắng cứu Anna. Thực tế, dễ như ăn bánh.”

Không khí im ắng đầy khó chịu. Donald Ransome đứng sững trong khi Gordon Miller bình thản rót đầy mấy ly rượu.

“Vậy là...” nam diễn viên thờ đốc, “anh đã thật sự chìm chết cô ấy?”

“Ô hay! Không khó mà. Anna bơi rất tệ. Đây, uống chỗ này đi.”

“Nhưng như thế là giết người!”

“Đúng là giết người, chính xác hơn là một vụ giết người hoàn hảo, xuất sắc ở sự đơn giản; nhưng, lạy Chúa, lại chẳng bao giờ đem công khai được.

“Điều đáng nói là, thậm chí đến hôm nay, tôi không hề cảm thấy hối tiếc gì. Nhưng khoan đã: Cậu không định đem chuyện đi kể lung tung chứ? Tôi không nghĩ là nhiều người tin... Đặc biệt, Sheila sẽ không hạnh phúc. Cậu hiểu ý tôi chứ?”

Sau khi liếc nhìn người bạn đang vô cùng bối rối, ông Gordon nhún vai và đi tới bên ô cửa sổ lồi.

“Chẳng ai thay đổi được con đường của số phận,” ông tự đắc tuyên bố. “Mỗi chúng ta đều mang theo di sản của tổ tiên Adam, người...”

Ông không nói thêm mà bật cười ngặt nghẽo, và tôi nhận ra rằng đó lại là một vở chơi khăm khác. Donald Ransome gật đầu kèm theo một nụ cười mím chặt, thừa nhận vở lừa vừa xong nhưng tỏ ra khó chịu với bản thân vì mắc lừa quá nhanh. Ông chủ nhà vừa cười vừa nói, “Cậu nên trông thấy vẻ mặt mình, Donald. Cậu nhìn tôi cứ như thể tôi là một con quái vật vậy, một tay bác sĩ Crippen hoặc lão Landru. Buồn cười không tả được. Cậu tin tôi thấy rõ!”

“Anh quá thuyết phục, Gordon.”

“Ôi, thôi nào! Tôi chưa bao giờ là một diễn viên tồi cả. Mà làm sao cậu lại sập một cái bẫy thô thiển như vậy được?”

“Đó là chỗ sai lầm của anh đấy, Gordon. Tôi không phải người sập bẫy đâu.”

“Chuyện xong rồi, Donald. Đừng tìm cách ứng tác một đòn đáp trả cuối cùng nữa. Vô dụng thôi.”

“Tôi xin nhắc lại những gì tôi vừa nói: Tôi không phải người bị sập bẫy, mà chính là *anh*.”

“Giải thích đi, anh bạn.”

“Đơn giản thôi. Tôi giả vờ ngạc nhiên trước câu chuyện phạm tội của anh.”

“Tôi cũng nghĩ đến điều đó chán ra rồi. Thật là một lời biện minh sơ sài đấy.”

“Tôi không nghĩ anh nhận ra ý tôi là gì. Tôi chẳng hề ngạc nhiên, lý do đơn giản vì tôi chính là nhân tình của Anna, và tôi luôn biết *chính anh đã giết cô ấy.*”

9

CÂU CHUYỆN CỦA PETER MOORE

Ông Gordon sẫm soi Ransome hồi lâu qua đôi mắt khép hờ. Ông bước lại bức tường xa nhất, chọn lấy một con dao găm, và chậm chậm lướt ngón tay dọc lưỡi dao. Nụ cười hiền hòa, nhưng ánh mặt trời phản chiếu từ lưỡi dao hắt vào mắt ông tạo ra một biểu cảm hoàn toàn khác.

“Tình huống đang bắt đầu trở nên thú vị, Donald thân mến của tôi,” ông nói. “Tôi phải thừa nhận tôi đã không được vui vẻ suốt một thời gian dài. Thực tế, hôm nay tôi rất vui.”

“Vậy anh vẫn nghĩ đây là một trò chơi à?” Ransome hỏi, vẻ mặt khó đoán định.

Ông Gordon nhẹ nhàng đặt lại con dao lên tường, và xoay về phía người bạn. “Một trò chơi không có mục đích gì ngoài việc đem lại sự giải trí, dưới hình thức này hoặc khác, cho người tham dự. Cho nên, đương nhiên, câu trả lời của tôi là ‘phải.’ “

Nam diễn viên gật đầu.

“Tốt. Chúng ta tiếp tục. Chúng ta đến đâu rồi nhỉ? À, phải. Cậu tuyên bố mình là người tình của Anna. Tôi sẽ không bình luận gì lúc này và dành tất cả cho cậu. Nhưng hãy nhớ, theo luật chơi, mọi khẳng định đều phải được xác thực qua bằng chứng cụ thể hoặc tình tiết hoàn cảnh thật thuyết phục.”

“Anh rất cừ, Gordon,” Ransome chậm rãi đáp lời. “Dù thế nào, tôi cũng không hề có ý định giấu giếm chi tiết nào với anh cả. Tôi cho rằng không cần thiết phải bàn đến chuyện Anna là tuýp phụ nữ gì...”

“Không cần, vì tôi dám chắc tôi cũng biết rõ cô ấy không kém gì cậu. Cô ấy là vợ tôi, tôi nhớ là thế.”

“Trước khi tiếp tục, tôi cần quay lại một chút để nhấn mạnh một khía cạnh trong cá tính của anh: thói tự kỷ, nghĩ mình là trung tâm, sự ích kỷ bệnh hoạn, khát khao tỏa sáng đến mức ám ảnh và luôn có nhu cầu gây bất ngờ.”

“Từ góc độ một diễn viên vốn chỉ dành thời gian chiều theo thị hiếu công chúng trong nhà hát hoặc trong mắt mọi người như cậu, điều đó không trách được. Ở Manchester tôi từng gặp một người bạn của cậu, biết cậu từ khi cậu mới bước chân ra sân khấu. Tôi không nhớ chính xác từng lời, nhưng đại ý là anh ta chưa bao giờ gặp bất kỳ ai có tham vọng và tự phụ như cậu cả. Tham vọng của cậu lớn đến mức đáng ngại: còn hơn tất cả những người khác mà anh ta biết gộp lại. Nhưng tôi chỉ vô tình nhắc đến thôi. Xin thứ lỗi vì đã ngắt lời.”

Donald bình thản kiểm tra móng tay mình.

“Tôi cứ nói mãi đến tính cách của anh, Gordon, đó là vì có một lý do. Anh có biết lần đầu tôi gặp Anna là khi nào không? Tôi nghĩ tôi đã từng kể rồi: ở Mauretania vào năm 1933. Cô ấy trở về tổ quốc cùng con gái sau khi ly hôn Forrest. Tôi thì rời Mỹ để sang Anh một thời gian... nhưng hóa ra lại lâu hơn dự kiến, vì tôi vẫn đang ở đây. Anh có biết một chuyến hải trình là thế nào không? Rất thú vị và thư thái: Có thời gian để ngồi trò chuyện với mọi người. Người ta hé lộ về bản thân nhiều hơn thường lệ, đương nhiên bởi người ta sẽ chẳng gặp lại bạn đồng hành nữa. Tôi đã gặp Anna và Sheila như thế.”

“Tôi biết cả, Donald.”

“Phải. Nhưng điều anh không biết là chúng tôi đã nói rất nhiều về anh. Cô ấy đã nói về anh như một người chồng tương lai, và nhắc đến bức thư cầu hôn của anh dù cô ấy vừa mới ly dị.”

“Chắc là cậu huyễn hoặc rồi, Donald, bởi Anna không thuộc dạng thích kể lể tâm sự những điều thầm kín với người lạ. Dù cho lúc đó cậu đã có chút tiếng tăm.”

“Tôi còn biết được một điều,” Donald tiếp tục không chút nao núng, “là hai người biết nhau từ thời niên thiếu. Cả hai đều sống ở Bristol, và hồi hai tư, hai lăm tuổi gì đó, hai người gặp nhau thường xuyên... Cho tới khi Roy Forrest xuất hiện. Anh ta chẳng phải một diễn viên được phái nữ ái mộ và chỉ ở Anh có vài tuần. Nhưng khi về nước, anh ta mang theo tất cả những thứ quý giá nhất với anh. Một tháng sau, Anna trở thành bà Forrest rồi công dân Mỹ. Đó là hồi tháng Mười năm 1917 phải không nhỉ?”

“Đúng, lúc đó đang chiến tranh,” ông chủ tôi trả lời vẻ lảng tránh, châm một điếu xì gà.

“Anna bộc bạch với tôi rằng anh giữ liên lạc suốt thời kỳ hôn nhân của cô

ấy bằng cách thường xuyên viết thư, khiến cô ấy thoải mái vào những thời điểm khó khăn, và cái ‘tình bạn’ bền chắc đó càng có giá trị khi cô ấy quyết định rời bỏ Roy Forrest. Tóm lại, Anna xem anh như một hiệp sĩ trong bộ giáp phục sáng ngời chỉ quan tâm đến hạnh phúc cho người phụ nữ của họ: một người bạn trung thành và thủy chung, người rõ ràng không hề oán giận vì đã bị bỏ rơi khi cô ấy kết hôn với Forrest. Ít nhất, đó là suy nghĩ của cô ấy vào thời điểm ấy.

“Nhưng một vài tháng làm vợ chồng đủ để Anna thay đổi quan niệm. Cô ấy nhanh chóng nhận ra rằng anh muốn có cô ấy chỉ vì ghen tuông, nhằm trả thù: anh chưa bao giờ bỏ qua hành động si nhục nhứt nhối đã làm gián đoạn mối quan hệ êm đẹp của hai người và đã thề giành lại cô ấy cốt để thỏa mãn niềm kiêu hãnh bị tổn thương của mình.

“Chưa đầy một năm sau đám cưới của hai người, chúng tôi trở thành nhân tình. Và tôi đảm bảo với anh rằng, cô ấy tự nguyện. Chúng tôi có rất nhiều khoảnh khắc... Chà, không cần quan tâm đến chuyện đó. Một điều chắc chắn là, Gordon: anh chưa bao giờ hiểu cô ấy.”

“Thật ư? Nếu hai người rất hiểu nhau thì tại sao Anna lại không đề nghị ly hôn?”

“Cô ấy định làm thế, anh biết thừa mà, Gordon. Chỉ là cô ấy e ngại phản ứng của anh.”

“Đó đơn thuần là cách lý giải mọi việc của riêng cậu thôi, anh bạn ạ. Nhưng cứ tiếp tục đi.”

“Một câu hỏi là đủ làm sáng tỏ vấn đề. Chúng ta là ‘bạn bè’ bao lâu rồi nhỉ?”

Ông Gordon cau mày.

“Sao chứ, từ đám cưới của tôi. Từ khi chúng ta làm việc với nhau.”

“Không. Khi đó, mối quan hệ của chúng ta là công việc: thân mật nhưng mang tính công việc.”

“Ồ vậy thì... thật ra là từ cái chết của Anna.”

Vị khách diễn viên gật đầu và mỉm cười mệt mỏi. “Đúng thế. Anh vẫn chưa hiểu sao? Tôi trở thành bạn thân nhất của anh từ sau cái chết của Anna. Từ khi anh giết cô ấy.”

Ông Gordon uể oải phả khói vào mặt người bạn. “Vậy thì, nếu tôi hiểu đúng, đây là một tình bạn giả dối từ phía cậu: một thủ đoạn để tiếp cận tôi và

âm thầm bày mưu tính kế trả thù.”

Vẻ đắc thắng hiện rõ trên mặt Ransome, anh ta nhặt một khẩu súng và chìa vào mặt đối thủ.

“Hai năm đằng đẵng chờ đợi. Hai năm sống chỉ vì khoảnh khắc này. Thời khắc của anh đến rồi, Gordon. Anh sẽ phải trả giá cho tội ác của mình.”

Ông Gordon bình thản lắc đầu. “Thôi nào, Donald, để thứ vũ khí đó lại đi kẻo tôi sẽ chẳng tin cậu nữa đâu. Thật sự, màn giả vờ này không xứng đáng với cậu đâu.”

Đến lúc này, tôi mong cả hai sẽ phá lên cười, đúng hơn, tôi hy vọng như thế vì tôi có ấn tượng rất rõ rằng họ không đùa cợt nữa và tôi đang chứng kiến một màn đấu tay đôi sinh tử. Nhưng không.

“Anh sẽ không tin tôi nữa ư?” Ransome chua chát nhắc lại, đặt khẩu súng trở về chỗ cũ. “Điều đó có nghĩa...”

“Là tôi luôn biết rằng cậu bồ bịch với Anna! Và tôi biết thừa hai năm qua cậu vẫn đang ấp ủ vạch trần một âm mưu bẩn thỉu nào đó. Chỉ có một chi tiết nhỏ mà chúng ta không nhất trí được: nhân dạng kẻ giết hại Anna.”

“Không chê vào đâu được! Nếu không phải là anh thì còn ai vào đây?”

Ông Gordon mỉm cười thật tươi với vị khách.

“Ai ư? Hơn ai hết cậu là người biết rõ câu trả lời, Donald, bởi đó không phải kẻ nào khác ngoài cậu.”

“Tôi ư? Nhưng tại sao? Và bằng cách nào?”

“Nào, nào, đừng ngớ ngẩn thế. Cậu biết là tôi biết, và tôi biết cậu biết là tôi biết. Cậu giết cô ấy theo cái cách tôi vừa mới mô tả. Còn về động cơ, tôi rất vui lòng được giải thích.

“Trước hết, xin hãy hiểu rằng Anna không hề giấu giếm mối quan hệ với cậu từ rất lâu rồi và tôi không hẳn là con quái vật ghen tuông như cậu nghĩ. Tôi không vui về gì, phải thừa nhận thế. Như cậu biết rõ, cô ấy chán ghét cậu rất nhanh nhưng không biết làm thế nào để cắt đứt vì cậu thống thiết đeo bám. Cuối cùng, cô ấy ngán ngấm đến mức đề nghị tôi làm cho cậu hiểu.

“Cậu là kẻ phát điên vì ghen, Donald ạ, cậu không chịu chấp nhận ý nghĩ rằng cô ấy muốn quay lại với tôi. Theo ý kiến riêng của tôi, chẳng có gì tệ hại hơn với một kẻ đang yêu khi biết rằng, suy nghĩ cho kỹ, người tình của anh ta lại muốn quay trở lại với chồng mình. Chẳng có gì đau khổ hơn thế.

“Và tôi hiểu cậu, Donald, kẻ đang yêu hoàn hảo, bị dồn đến hành động

cực đoan ấy: chẳng thể làm gì để kéo cô ấy lại nhưng cũng không chấp nhận được việc cô ấy rời xa. Nên cậu đã giết cô ấy.”

“Thật vớ vẩn. Chính anh đã làm cô ấy chết đuối, và anh biết điều đó rõ hơn ai hết.”

“Chỉ có hai chúng ta ở đây thôi, Donald,” ông chủ tôi mệt mỏi đáp. “Không cần phải diễn trước khán giả không tồn tại đâu.”

“Tôi đang định nói thế đây.”

“Đủ rồi. Tôi nhắc lại: Tôi biết tất cả.”

“Anh định coi tôi là thằng ngốc chắc, Gordon? Anh thật sự hy vọng thuyết phục tôi rằng tôi là tác giả của một tội ác do anh thực hiện à?”

Họ cứ tiếp tục như thế suốt vài phút và không khí càng lúc càng căng thẳng. Những lời nhận xét trở nên gay gắt và những ánh mắt đăm đăm sát khí hơn. Họ không đi đến chỗ động chân động tay, nhưng có khi động chân động tay lại khiến không khí bớt nặng nề hơn ấy, thay vào đó, đôi bên vẫn tiếp tục công kích một cách ngang ngược và kiên quyết theo quan điểm của mình. Không thể xác định ai đang nói dối.

“Chẳng đi đến đâu cả, Donald. Chúng ta kết thúc chuyện này thôi.”

Anh chàng diễn viên sững lại, tỏ vẻ nghi ngờ đây là một cái bẫy, “Kết thúc chuyện này ư? Ý anh là sao?”

“Thằng thẩn nhè: một trong hai chúng ta phải ra đi.”

“Tôi đồng ý,” Ransome rít lên.

“Hãy quên Anna: còn có Sheila nữa mà. Tôi sẽ không đời nào để con bé kết hôn với một kẻ giết người. Nói cách khác, chứng kiến con bé kết hôn với cậu là điều tôi không bao giờ chịu đựng được. Vì cậu thật sự có ý định lấy nó làm vợ, phải không?”

“Đúng. Mặc kệ anh nghĩ gì, cuộc hôn nhân này không dính dáng gì đến chuyện trả thù ác ý. Tôi yêu cô ấy.”

“Tôi sẽ thận trọng đánh giá điều đó. Quay lại với chuyện tôi đang nói: cậu có đồng ý một trong hai chúng ta phải ra đi không?”

“Nhất trí.” Mặt Ransome rạng một nụ cười. “Đừng có nói với tôi rằng anh đang cân nhắc một màn đấu tay đôi nhé?”

“Có đấy, nhưng có một điều hơi khác bình thường. Một điều thật sự xứng đáng với chúng ta, nếu tôi có thể nhìn nhận như thế. Chúng ta sẽ không vớ lấy súng ống hay gươm giáo và tàn sát nhau. Tôi đang nghĩ đến chuyện tình

tế hơn nhiều. Nó sẽ đòi hỏi sự trung thực từ cả hai ta, và tôn trọng quy tắc đến từng chi tiết.

“Chúng ta quá quen thuộc nhau để hiểu rằng, bất kể căm ghét nhau đến đâu, trong chuyên môn vẫn có sự tôn trọng nhất định. Đó là điều đưa tôi tới ‘môn nghệ thuật’ của chúng ta, đến mỗi dây găng kết chúng ta: diễn xuất và biên kịch, cụ thể hơn, trong trường hợp này, là *trò chơi và án mạng*.”

Nói xong, ông Gordon đi tới một hốc tường và, vẫn để mắt tới Ransome phía sau, nhặt lên một con búp bê cao khoảng 30 centimet. Tuy nói búp bê, nhưng là một con búp bê rất lạ. Nó mặc một chiếc áo choàng dài đến mắt cá chân, đội mũ rộng vành, và trên mặt là cái mặt nạ trắng, chính giữa có cái mũi rất to... giống như các bác sĩ dịch hạch ngày xưa vậy.

Ông ấy đặt nó xuống và xoay người lại.

“Đây là những gì tôi đề xuất: chúng ta tung một đồng xu để xem ai sẽ gây ra một vụ án mạng hoàn hảo, dĩ nhiên rồi, theo cách khiến kẻ kia bị buộc tội. Kẻ sát nhân có thể hành động tùy thích, cung cấp cho mình một bằng chứng ngoại phạm vững chắc, và để lại thật nhiều manh mối để đổ tội cho người kia. Người kia có thể biện hộ cho mình bằng bất kỳ cách nào - kể cả cáo buộc kẻ sát nhân, nếu cần - *nhưng người đó không được, tuyệt đối không, ám chỉ về cuộc chơi*; tương tự với kẻ sát nhân khi tình thế đảo ngược.”

“Hừm, độc đáo đấy,” Ransome nhận xét với vẻ thỏa mãn ánh lên trong mắt. “Mới đầu, kẻ sát nhân có vẻ có lợi thế, nhưng người kia - người biết chuyện gì đang xảy ra ngay từ đầu - không phải không thể tự vệ, đặc biệt nếu anh ta có khả năng hủy bỏ chứng cứ ngoại phạm của kẻ giết người.

“Tuyệt vời đấy, bởi rõ ràng một trong hai chúng ta sẽ đi tới tận cùng của sợi dây. Nhưng, giờ tôi nghĩ về chuyện này, ai sẽ là nạn nhân đây?”

“Không thành vấn đề, anh bạn. Có thể là bất kỳ ai... Ngoại trừ một trong hai chúng ta, dĩ nhiên rồi!” Ông cười khẩy.

“Bất kỳ ai,” Ransome trầm ngâm nhắc lại. “Rất hay. Và chúng ta có bao nhiêu thời gian?”

“Ồ, tôi không biết... Trước cuối năm được chứ? Thế nào, cậu đồng ý không?”

Donald Ransome gật đầu và hai người bắt tay nhau thật chặt, cam kết sẽ theo đúng quy định.

“Giờ chỉ còn việc tung đồng xu,” Ransome nói. “Cho phép tôi.” Nói xong,

anh ta móc từ trong túi ra một đồng shilling.

“Được thôi. Ngửa, tôi là đao phủ. Sắp thì cậu.”

Chắc chắn là, từ chỗ mình tôi không thể nhìn được những gì đã diễn ra. Tệ hơn nữa, tôi không thể phân biệt, qua những biểu hiện như tượng nhân sư trên gương mặt hai người, xem ai được phân công thực hiện vụ giết người.

10

BẢY GIẢ THUYẾT

Peter Moore nhún vai vẻ chán chường, kết luận: “Họ bắt tay mà chẳng nói một lời và Donald Ransome đi ra cửa. Tôi vội rời đi không dám nấn ná thêm. Tôi không hiểu nổi. Xin hiểu cho, cá nhân tôi không có gì đối nghịch với ông Gordon hay ông Ransome, nhưng tôi cảm thấy không thể giữ riêng việc này cho mình.”

Tiến sĩ Twist và thanh tra Hurst im lặng nghe hết câu chuyện kỳ lạ, chỉ thỉnh thoảng mới trao cho nhau vài ánh nhìn.

“Anh đã hành động rất đúng khi đến chỗ chúng tôi,” viên thanh tra trấn an. “Đừng lo, câu chuyện của anh sẽ không rời khỏi nơi này đâu, ít nhất là hiện tại. Chúng tôi hiểu rõ vị thế của anh. Nhưng trước khi tiến xa hơn, chúng tôi cần hỏi anh một vài câu hỏi. Trong suốt cuộc đời, anh có nhận thấy bất kỳ điều gì bất bình thường về ngày tháng, hay bất kỳ sai lệch gì không? Nói cho rõ ràng thì anh có nhận thấy bất kỳ ai nói dối ở bất kỳ thời điểm nào không?”

“Không, tôi không thể nói rõ các chi tiết ấy. Ví dụ, tôi không dám chắc ngày tháng mà họ nhắc đến, nhưng tôi có thể khẳng định, nghe rất kín kẽ, rất bình thường. Còn về chuyện bà Miller có nhân tình thật hay không, dù đó là ông Ransome hoặc ai khác thì tôi chịu. Thỉnh thoảng, họ có nhắc đến bà ấy, nhưng không để lộ chi tiết gì liên quan cả.”

“Thế anh có chợt nghĩ rằng có thể họ đang trích thoại một vở kịch, hay thậm chí là tập dượt một cảnh không?”

Peter Moore lắc đầu.

“Ý tưởng ấy nảy ra ngay từ đầu, rất tự nhiên, nhưng tôi không tin như vậy, vì một số lý do, mặc dù rất khó giải thích. Chẳng hạn như tại sao họ cứ tiếp tục như thế mãi mà không gián đoạn chút nào? Thật vô lý.”

Hai vị thám tử gật đầu tán thành, rồi Hurst nói tiếp: “Anh Moore, anh kể

với chúng tôi rằng Donald Ransome chỉ mới hẹn hò với cô Sheila được vài tuần. Còn ai trước anh ta không? Một mối quan hệ trước đó ấy?”

Vị khách đỏ mặt thấy rõ, và hắng giọng trước khi trả lời, hiển nhiên đầy bối rối. “Có, nhưng không phải là một... xin nói là một người thuộc đẳng cấp khác hẳn. Thực tế là cả ông chủ tôi lẫn ông Ransome đều không muốn đề cập đến mối tình ấy.”

“Anh biết người này à?”

“Rất ít. Anh ta có tới nhà một hai lần.”

“Anh mô tả anh ta được chứ?”

“Cao tầm thước, khá trẻ, tóc quăn đen...”

“Họ tên anh ta là gì?”

“Tôi chỉ biết tên anh ta, David.”

Một nụ cười kỳ lạ xuất hiện trên gương mặt nặng nề của viên thanh tra.

“Anh có thể cho chúng tôi biết cô Sheila thôi gặp người đó từ khi nào, và vì lý do gì không?”

Sự thay đổi trong cuộc thăm vấn khiến anh chàng thư ký ngạc nhiên.

“Tôi chẳng hề biết gì, ngoại trừ việc mấy tuần liền tôi không còn thấy anh ta và không nghe ai đã động đến anh ta nữa. Cũng bình thường thôi, xét đến mối quan hệ giữa cô Sheila và ông Ransome.” Anh ta nhìn đồng hồ trên tường. “5 giờ rồi. Tôi không ngờ lại muộn thế. Có lẽ tôi phải đi.”

Sau khi yêu cầu hai nhà thám tử hứa hẹn một lần nữa sẽ không hé lộ những gì vừa nghe kể, vị khách ra về. Tiến sĩ Twist tiễn anh ta tới cửa và quay lại phòng khách, thấy bạn mình đang rảo bước đi tới đi lui.

“Tôi đến chết mất. Nếu chuyện này không phải là một manh mối dẫn tới cái vụ lộn xộn phức tạp hồi tháng Tám thì tôi sẽ vô cùng kinh ngạc đấy. Có thể anh không tin, Twist, nhưng vừa nghe cậu ta mô tả Sheila Forrest giống một nàng búp bê xinh đẹp có mái tóc đen là tôi nhớ ngay đến buổi tối hôm ấy. Mấy người bạn nhạc sĩ của David Cohen sử dụng đúng cách diễn đạt này khi bàn tán về vợ chưa cưới của anh ta. Còn cái con búp bê kia, cái con trong nhà Miller ăn vận giống bác sĩ dịch hạch, và đặc biệt là những gì ông ta nói sau khi nhắc nó lên... Không thể có chuyện đó chỉ là sự trùng hợp. Tôi dám cá với anh bất kỳ thứ gì rằng vụ này có liên hệ đến vụ án mạng của Cohen. Đúng. Cách xử lý đầu tiên là gọi điện về văn phòng. Xin phép anh.”

Vài giây sau, giọng ông đã oang oang trên điện thoại, “Ừ, thanh tra

Briggs. Nhưng đừng bảo anh ta là tôi gọi kéo anh ta trốn biệt đấy. Được rồi, tôi đợi... Briggs? Cậu đang đi nghỉ à?... Dĩ nhiên là tôi rồi. Tôi cần một vài thông tin ngay. Lưu ý chuyện này nhé: trong khả năng có thể, hãy moi móc mọi điều liên quan đến Donald Ransome... Đúng, tay diễn viên ấy, và ông Gordon Miller cùng cái chết của vợ ông ta. Một việc nữa: lục lọi xem có lấy được tấm ảnh nào của con gái ông ấy là Sheila Forrest không... Con gái hay con gái riêng của vợ mà chả thế!... Ý cậu là sao, ở chỗ nào á? Sử dụng cái đầu mình đi, anh bạn, không khó khăn lắm đâu! Xong xuôi thì đến câu lạc bộ Cohen vẫn sinh hoạt... David Cohen chứ ai, cái anh chàng chúng ta tìm thấy trong thùng rác. Anh ta có một cô người yêu mà đến giờ vẫn chưa xác định được... Đúng rồi, tôi nghĩ có khả năng cô ta chính là con gái nhà viết kịch. Hôm nay cậu chậm chạp thế. Và thận trọng quá mức... Rất tốt. Gặp cậu sau nhé.”

Thanh tra gác ống nghe, nở nụ cười hài lòng, rồi ngồi phịch xuống ghế.

“Kể hết cho tôi nghe đi nào, Archibald,” tiến sĩ Twist lên tiếng, nhìn bạn mình với ít nhiều thích thú. “Có vẻ anh nắm rõ vụ này hơn tôi.”

“Ôi chà,” Hurst nhũn nhặn đáp. “Cứ tạm gọi là có đôi chút ánh sáng phía chân trời đi. Giờ ngẫm lại, toàn bộ câu chuyện nhằm nhí trước và sau án mạng hồi tháng Tám đã chứng minh rất hùng hồn về tư duy rối rắm của mấy tay tác giả. Lẽ ra chúng ta phải nhận ra sớm hơn, vụ việc thấp thoáng có bàn tay nghệ thuật nhúng vào. Màn đạo diễn đại quy mô và kinh khủng đến mức chỉ có thể khởi phát từ hai nhân vật nghệ sĩ nhất Luân Đôn này: Gordon Miller và Donald Ransome. ‘Nghệ thuật của chúng ta: trò chơi và án mạng’ như ông Gordon nói, lúc nhìn con búp bê bác sĩ dịch hạch. Với tôi, mọi việc xem chừng đã khá rõ ràng rồi. Và đừng quên bác sĩ Marcus nổi tiếng, ‘Bác sĩ Tội phạm’. Tôi dám đánh cược rằng hai tay này đều dính líu sâu vào vụ Cohen. Bác sĩ Marcus, bác sĩ Sheldon và bác sĩ Ross, chúng ta chưa xác định được gã nào là gã nào, nhưng giờ chúng ta biết tên thật của chúng: Miller, Ransome và Kosminski - kẻ có lẽ chỉ là một tông phạm rất phụ. Nếu đúng là, và tôi tin chắc là, người yêu của David Cohen không phải ai khác ngoài Sheila Forrest, thì đó sẽ là một động cơ rất tuyệt vời. Miller nhìn nhận Cohen như một nỗi ô nhục tiềm tàng đối với thanh danh gia đình và Ransome thì theo đuổi cô gái. Cả hai đều muốn loại bỏ anh chàng nhạc sĩ lôi thôi kia.”

Tiến sĩ Twist mân mê bộ ria.

“Có lý đấy, nhưng tất cả chuyện này, với việc biến mất rồi tái xuất hiện của nạn nhân, chỉ để loại bỏ một kẻ gây rối thôi sao? Có lẽ nào động cơ của vụ án là như anh nói, cốt để trừ khử chàng trai một cách kín đáo? Hay như anh phán đoán, hai kẻ tình nghi của chúng ta coi mình là thiên tài tội phạm và vô duyên vô cớ phạm một tội ác chỉ để mua vui cho bản thân. Là thế nào đây?”

“Nhưng hai lý do không phải là không tương hợp. Có người cản đường họ: tại sao lại không trừ khử và tiện thể vui vẻ một chút chứ?”

“Tôi bắt buộc phải thừa nhận rằng nhân quan của họ về cuộc sống có thể chịu ảnh hưởng bởi nghề nghiệp, nhưng bọn họ không điên. Khi anh có lý do để giết người, nói cách khác là có một động cơ để người ta lần ra anh, anh không đời nào mua vui cho mình bằng việc chấp nhận những rủi ro không cần thiết. Nghĩa là, tôi thực sự tin rằng bọn họ - hoặc một trong mấy người họ - có can dự vào vụ án mạng của David Cohen bằng cách này hay cách khác, dù thế nào đi chăng nữa. Nhưng chúng ta hãy tạm gác chuyện đó sang một bên. Chuyện khẩn cấp ngay lúc này là cần tìm hiểu xem liệu lời thách thức mà Peter Moore nói đến có phải là một trò đùa không, hay đúng là có một vụ án mạng đang được chuẩn bị.”

“Cứ đợi Briggs quay về với tin tức mới thu thập được đi,” Hurst trả lời, mắt liếc nhìn điện thoại, “rồi chúng ta sẽ biết thêm. Nếu vụ chết đuối của Anna Miller có dấu hiệu đáng ngờ, thì suy ra họ - hoặc một trong hai người họ - không nói dối. Nghĩa là họ quả thực rất ghét nhau và chúng ta phải xem xét vụ việc này một cách nghiêm túc.”

“Lạy Chúa, anh biết rõ hơn tôi rằng cách điều tra như thế sẽ tiêu tốn rất nhiều thời gian và chưa chắc đã hé lộ được bằng chứng gì mới mẻ. Tốt hơn hết chúng ta sẽ xử lý bằng những gì chúng ta đang biết thôi, cân nhắc mọi giả thuyết có thể, và tiến hành bằng quy trình loại trừ.” “Tôi cũng nghĩ thế,” viên thanh tra nói kèm theo nụ cười của một người chơi bài poker (ở trình độ nhập môn) vừa mới có được bốn quân át. “Thực tế tôi nhìn thấy sáu giả thuyết.”

“Hôm nay tế bào chất xám của anh làm việc quá sức rồi, bạn của tôi! Tôi lắng nghe đây.”

“Nếu anh có bất kỳ lý lẽ phản bác nào, đừng ngại ngắt lời nhé. Như thế này đây:

“Một. Gordon Miller và Donald Ransome bịa ra mọi việc để mua vui,

khiến anh chàng thư ký mắc lừa.”

“Cho phép tôi ngắt lời anh luôn. Họ không hề biết Peter Moore đang nhìn qua lỗ khóa.”

“Tán thành lời phản đối.

“Hai. Peter Moore nghĩ ra toàn bộ vụ việc từ đầu tới cuối. Xem xét vài động cơ có thể nào. Hãy tập trung vào động cơ phiền toái nhất, rằng chính anh ta đang lên kế hoạch giết người với những manh mối nhắm tới Miller hoặc Ransome. Và câu chuyện này giúp anh ta thoát khỏi diện tình nghi.”

“Nếu đúng như vậy, tôi ngả mũ bái phục Moore. Một âm mưu phi thường! Tuy nhiên tôi không thấy thuyết phục. Quá nguy hiểm cho anh ta. Hôm nay, Moore kể cho chúng ta về cuộc đọ sức kỳ lạ và ngày mai có một vụ giết người gán cho Ransome nhưng lại chỉ ra Miller là thủ phạm, ví dụ thế. Chúng ta vạch trần kẻ tình nghi dựa trên câu chuyện Moore đã kể. Hai người ấy sẽ cực lực bào chữa cho bản thân một cách chính đáng. Và kiểu gì chúng ta cũng phải quay lại khả năng anh chàng thư ký nói dối và đánh dấu hỏi vào anh ta. Bởi thế có thể loại bỏ giả thuyết này được.”

“Ba. Miller, Ransome và Moore đều có dính líu. Tại sao ư? Để khiến điều tra viên đi chệch hướng khỏi một tội ác họ đang lên kế hoạch tiến hành. Xem ra rất phức tạp và, suy đến cùng, rất nguy hiểm. Có thể là một trò đùa nhắm tới hai chúng ta chăng?”

“Giả thuyết này cũng phải loại bỏ. Họ quen biết chúng ta, nhưng đâu thấu hiểu sâu sắc lắm để mạo hiểm đùa như thế. Chưa hết, trong câu chuyện của Peter Moore có một chi tiết phủ nhận giả thuyết này: sự thật là ông Gordon có lựa chọn con búp bê ‘bác sĩ dịch hạch’ Nếu xét đến thực tế rằng chúng ta đều biết chắc ông ta hoặc Ransome, hoặc cả hai, có can dự vào cái chết của Cohen, có họa diên họ mới để lộ một manh mối khiến mình dây dướng với vụ án đó.”

“Dĩ nhiên,” viên thanh tra đồng ý, giọng thoáng chút tiếc nuối. “Đây là giả thuyết ít bi thảm nhất, nhưng tôi đồng ý với anh.

“Bốn. Moore và Miller cùng một phe và nghĩ ra câu chuyện từ đầu tới cuối. Nếu thế thì mục đích của họ là gì? Nhắm vào Ransome chăng? Tôi không thấy vậy. Đánh lạc hướng chúng ta chăng? Khả năng này đã bị bác bỏ. Như thế chỉ còn lại vụ án mạng sắp tới. Họ chuẩn bị giết ai đó, có lẽ là kẻ thù của một trong số họ, khiến cho ông Gordon bị buộc tội, minh chứng cho câu

chuyện của Moore, từ đó hướng mọi nghi ngờ vào Ransome. Cộng thêm vài manh mối được thiết lập tinh vi, cuối cùng Ransome sẽ bị gán tội.”

“Đúng,” Twist ngập ngừng nói, tay vịn dọc cái tẩu của mình, “dù miên cưỡng. Nhưng tôi cũng vẫn đưa ra phản bác như lúc trước: tại sao lại đưa một con búp bê ‘bác sĩ dịch hạch’ vào câu chuyện của họ?”

“Quả thật, điểm này đáng lưu ý. Nó không có giá trị trong giả thuyết thứ năm, vốn cũng giống giả thuyết thứ tư, nhưng lần này là Moore và Ransome cùng một phe.

“Giả thuyết thứ sáu và cũng là cuối cùng. Peter Moore đã tường thuật chính xác những gì anh ta thấy và nghe. Nghĩa là ông Gordon và Ransome nhất trí về một lời thách thức chết người. Nghe qua hết sức lạ thường và thậm chí lỗ bịch, nhưng tôi không thấy lựa chọn nào khác. Lý lẽ phản bác của anh là gì, Twist?”

Nhà tội phạm học vẫn im lặng, một tay che trên mắt, tay kia giữ tẩu thuốc. Ông đắm chìm trong suy nghĩ đến quên cả châm lại tẩu.

Một lúc sau, ông nói, “Có một giả thuyết thứ bảy nữa, Archibald.”

“Giả thuyết thứ bảy ư? Nhưng tôi nghĩ tôi đã tính hết mọi khả năng rồi.”

Đằng sau cặp kính, mắt tiến sĩ Twist lóe lên kỳ lạ.

“Đúng, dĩ nhiên rồi, xét theo khía cạnh toán học. Nhưng trong nghề này, chúng ta không chỉ giải quyết vấn đề khoa học nhằm chán, tuân theo những quy luật nghiêm ngặt và cứng nhắc đến mức chẳng giúp gì cho cuộc điều tra. Anh có thể đặt bao nhiêu ẩn số vào một phương trình tùy thích, nó vẫn dễ giải quyết gấp trăm lần một vụ án hình sự nào đó. Bởi, trong các vụ án có một nhân tố tối quan trọng mà không khoa học nào lý giải đầy đủ được: nhân tố con người.

“Anh bảo đã tính hết mọi khả năng, thật là sai lầm nghiêm trọng. Phân tích của anh xây dựng trên một nguyên tắc chỉ đúng ở khía cạnh nhất định, còn thì hạn chế một cách nguy hiểm khi xem xét từ khía cạnh khác. Anh khẳng định việc này là đúng hay là sai, anh A nói thật hay dối. Nhưng hãy nhớ cho rằng, nói dối không phải hành vi cố định. Có lúc người ta nói dối chút ít, vô thường vô phạt, nhưng gặp tình huống khác người ta lại nói dối rất nhiều, nói dối ghê gớm. Giữa những người chuyên môn nói thật và những người chuyên môn nói dối vẫn tồn tại những người chỉ nói dối ở chừng mực nào đấy. Chưa kể cách thức và bản chất của sự dối trá ấy lại còn thiên biến vạn hóa. Một số

người che giấu sự thật để tránh phiền phức, số khác làm vậy cốt mua vui. Rồi có người chỉ nói dối trong những chủ đề nhất định... Nhưng tôi sẽ dừng ở đây thôi, nếu không danh sách dài lắm.

“Cho đến giờ, tình hình vẫn tương đối bình thường, nhưng mọi việc sẽ phức tạp hơn hẳn khi chúng ta phải xử lý những người mà phản ứng của họ chẳng theo quy luật logic nào cả, những người phun ra toàn điều vô nghĩa và sáng tạo toàn chuyện bịa đặt.”

“Nói cách khác là những kẻ điên,” viên thanh tra kêu lên.

“Đúng vậy. Nếu tính điên ấy bộc lộ rõ ràng thì không thành vấn đề. Nhưng nhiều khi...”

“Điều anh đang muốn nhấn mạnh,” Hurst ngắt lời, “xem chừng rất phù hợp với vụ này. Hãy nhớ lại lời khai của cảnh sát Watkins, rồi vợ chồng Minden chủ nhà của Cohen, và giờ là câu chuyện kỳ lạ theo lời kể của anh thư ký. Mọi chuyện chúng ta nghe được đều nhuộm màu hoang đường qua miệng những kẻ hoang đường, Họ điên cả rồi, Twist, anh nghe tôi nói chứ? Điên rồ, lũ loạn óc, bị chập mạch...”

“Khoan đã, đừng quá nản lòng, ông bạn. Suy cho cùng, có vẻ anh đi đúng đường rồi. Điểm duy nhất tôi muốn nói là mọi việc không phải lúc nào cũng đơn giản, và chúng ta không tính được hết mọi nhẽ. Chân lý ấy được khẳng định qua tất cả các vụ điều tra: lời giải duy nhất chúng ta không nghĩ đến lại thường là lời giải đúng. Đó là lý do khiến tôi nhắc đến giả thuyết thứ bảy, giả thuyết vẫn đang nằm ngoài tầm với của chúng ta.”

“Được đấy, nhưng nó cũng không mang tới bước tiến nào đáng kể. Đôi khi anh rất hài hước, Twist ạ: Tôi đặt ra rất nhiều khả năng khác nhau, anh lần lượt bác bỏ từng cái hoặc gần như vậy. Anh làm đục nước bằng những lời bay bổng mà chẳng có ý nghĩa gì. Và anh đặc trưng nói về một giả thuyết khác, chỉ để thú nhận anh cũng không biết nó là gì. Giờ thì anh sẽ mời tôi một ly rượu mạnh tuyệt hảo để lên tinh thần cho tôi chứ?”

Twist cười tươi và làm đúng như vậy. Bữa rượu lên tinh thần diễn ra trong im lặng, sau đó chuyên gia tội phạm bọc đi tới bên cửa sổ và nói, “Tôi nghĩ anh nói đúng, Archibald, không cần phải phức tạp hóa bất cứ điều gì ngoài những điểm cần thiết. Điều quan trọng ngay lúc này là cần kiểm tra xem thực tế thì liệu Ransome và ông Gordon đã bắt tay thực hiện lời thách thức chưa. Nếu rồi thì mạng sống của một con người đang gặp nguy hiểm, và tôi xin nói

thêm, cơ hội sống sót của người đó rất mong manh. Chúng ta phải hành động, nhưng tôi không chắc nên làm như thế nào. Chẳng thường nêu vấn đề với họ chẳng? Nhưng chúng ta sẽ không tin tưởng họ nên cuối cùng cũng khó mà gạt hái thêm điều gì.”

Tiến sĩ Twist áp mũi vào chiếc ly và dường như đắm mình trong không khí trầm mặc của thủ đô, vốn đang chậm chậm chìm vào bóng tối và sương giá. Ông rầu rĩ nói tiếp, “Chúng ta không thể cứ đứng ở đây, Archibald, một mạng người có thể đang gặp nguy hiểm... và tôi cảm nhận được mùi tội ác trong không khí.”

11

ĐIỀU TRA SƠ BỘ

Tối thứ Sáu.

Đồng hồ Big Ben điểm 9 giờ. Tiếng chuông vang vọng dọc Pall Mall, nhưng đến Green Man thì tan ra, nhòa vào giữa tiếng trò chuyện ồn ào pha lẫn âm thanh của những trái bi-da chạm nhau cùng tiếng phi tiêu cắm lên bia phầm phập. Ngồi cách không xa chỗ chơi phi tiêu, hai nhà thám tử của chúng ta cố gắng tập trung vào bàn cờ trước mặt. Quầy rượu nơi họ ngồi dành cho các tay chơi phi tiêu, và chính vì lý do đó mà Tvvist và Hurst chọn cắm chốt tại đây.

Hai giờ trước, trong một khoảnh khắc đầu óc sáng láng, Twist nhớ ra rằng ông Gordon và Ransome thường xuyên đến đó vào các tối thứ Sáu để thách nhau chơi phi tiêu. Không nhớ nổi ai là người cung cấp mẫu thông tin này, nhưng ông tin tưởng hoàn toàn vào tính chính xác của nó, và vạch ra một chiến lược khẩn cấp.

Bề ngoài có vẻ dán mắt vào bàn cờ, nhưng hai người đàn ông liên tục liếc về phía cửa.

Archibald Hurst rất tập trung, một là vào ván cờ với mơ ước chưa bao giờ thực hiện được là đánh bại ông bạn mình, hai là vào bài diễn thuyết mà ông buộc phải nghe trên đường đi từ căn hộ của Twist đến đây. Hai luồng suy nghĩ khác nhau này giăng co đòi ưu thế trong bộ não tội nghiệp của ông.

“Nếu cuộc so tài chỉ đơn thuần là một phát minh của Moore, anh Archibald ạ, thì rõ ràng chẳng có gì đáng ngại. Nhưng mặt khác, một hớ hênh nhỏ nhoi nhất cũng có thể gây khó khăn cho chúng ta và khiến anh chàng Moore mất việc như chơi. Cho nên, một lần nữa, hãy cân nhắc từng lời của anh và chỉ nói ra những điều mà chúng ta đã nhất trí. Hai đối thủ của chúng ta, như anh biết rõ, đều rất tinh quái và có lẽ còn mẫn cảm như Holmes, Fell và Poirot gộp lại đấy.”

‘Mình cần một nước cờ xuất sắc để đá tay Twist về chỗ của hắn. Thật không chịu nổi hắn nữa rồi. Tức thật! Lẽ ra mình phải nhận thấy hắn mất con hậu không phải do thiếu tập trung. Tập trung vào nào, Archibald, còn lâu mới đến nước chịu thua. Hắn chỉ còn một quân tượng và một quân xe...’

“Và đừng có bị đánh lừa bởi bề ngoài, Archibald. Dù tỏ vẻ thân thiện với nhau đến mức nào, vẫn không loại trừ khả năng họ là những địch thủ nguy hiểm của nhau. Hai người đàn ông này đều là ‘diễn viên’, và - vì đều chấp nhận màn thử thách - họ sẽ diễn đến cùng. Hãy nghĩ về trường

hợp xấu nhất đi. Anh còn nhớ mấy trò đùa trước đây của họ không? Họ dễ dàng làm cho báo chí và công chúng mắc lừa. Hãy luôn nhớ kỹ sự tinh tế của ông Gordon đối với những cái bẫy hiểm ác và tài ứng biến xuất chúng của Ransome.”

‘Một quân xe và một quân mã, mình có thể đi hậu lên đây để bảo vệ chúng nó. Không, trước mắt không có nguy hiểm. Nào, bắt đầu thôi. Twist, anh sắp tiêu rồi. Lướt anh đi. Anh sẽ làm được gì chứ? Tôi bị chiếu tướng à? Anh ta chỉ còn ba quân bên trái và đang tìm cách...’

“Cho nên càng giả bộ lơ đãng càng tốt. Chúng ta không thể để họ bắt được bài của mình. Hãy tạo ra sự nghi ngờ trong tâm trí họ. Và trên hết, hãy quan sát những phản ứng của họ, nhưng kín đáo thôi, rất kín đáo. Cứ tự nhiên hết mức và luôn nhủ mình rằng chúng ta chỉ tình cờ ở đây, chúng ta gặp họ cũng là tình cờ, chúng ta...”

‘Bình tĩnh, bình tĩnh, và chơi tiếp một cách cẩn trọng. Chỉ có ba cách thoát. Chọn cách một và mình thua. Cách hai tệ chẳng kém. Chỉ còn cách ba. Không thể, sẽ bí cờ ngay nước tiếp theo!’

Một giọng nói du dương, trầm lắng xen vào cuộc đấu trí của viên thanh tra.

“Xin chào các ông. Thật là một ngạc nhiên thú vị!”

Hurst ngược lên.

“Ông Gordon,” ông lầm bầm. “Đúng là ngạc nhiên làm sao. Thật tình cờ!”

Nhà viết kịch lừng danh trông rất bình thân, tự tin. Có sẵn vóc dáng khỏe khoắn, cộng thêm tài năng tuyệt vời của thợ may thể hiện qua bộ trang phục, trông ông gọn ghẽ và trẻ trung chỉ bằng nửa tuổi thật. Một chiếc nhẫn bằng vàng khắc chữ cái đầu tên tô điểm cho ngón tay và sợi dây đồng hồ cũng bằng vàng buông trên chiếc áo gi-lê. Khuôn mặt với những đường nét cân đối

không mang dấu hiệu của tuổi tác, cũng không hề bộc lộ vết tích bê tha của thói ham mê cuộc sống về đêm, nụ cười cởi mở phô ra hàm răng tuyệt đẹp. Không có lấy một sợi tóc bạc trên đầu, còn đôi mắt biết cười thì đen láy, dễ gây được thiện cảm ở người đối diện.

“Các ông ở đây để theo dõi tội phạm à?” ông hỏi bằng vẻ ranh mãnh, đầy bí ẩn.

Hurst bật cười. “Không, dĩ nhiên là không rồi. Chỉ là tình cờ chúng tôi gặp nhau ở đây và...” (Twist hăng giọng.) “Tôi mời ông một ly được không, ông Gordon?” Hurst hỏi, lóng ngóng xóa bàn cờ bằng một cái gạt tay.

“Rất hân hạnh. Không phải lúc nào cũng có được cơ hội uống với các nhà thám tử lừng danh như thế này. Thêm nữa, tôi có thể đem chuyện công việc mua vui nếu các ông đồng ý kể với tôi những ký ức về một số vụ điều tra ấn tượng nhất của các ông. Tôi đang bắt đầu cạn kiệt ý tưởng rồi.”

“Bất kỳ ai xem vở kịch mới nhất của ông đều sẽ thấy khó tin điều đó,” Twist nhận xét, không một chút ác ý gì trong giọng nói. “Thừa đủ tư liệu cho bốn cuốn tiểu thuyết.”

Gordon Miller gõ gõ ngón tay để thu hút sự chú ý của người phục vụ rồi đáp, “Vấn đề là ở chỗ đó, nó vất kiệt tôi.”

“Mà nhân tiện,” Hurst hỏi đầy vẻ tình cờ, “anh bạn Ransome của ông thế nào rồi? Lần cuối cùng tôi gặp anh ta...”

“Cậu ấy đến đây bây giờ đây. Chúng tôi có công việc cần giải quyết.”

“Công việc ư?” viên thanh tra nhắc lại, với vẻ ngạc nhiên, và nhận ngay một cú đá vào ống chân.

Ông Gordon móc một điều thuốc từ trong hộp, từ tốn châm lửa, và cuối cùng cũng đáp, “Vâng, cuộc đấu hằng tuần của chúng tôi. Nó... ông thanh tra, ông cảm thấy có gì không ổn chẳng?”

“Sao cơ? Ổn chứ. Ổn. Tôi đang nghĩ đến... nhưng cứ tiếp tục đi, ông Gordon.”

“Đến đâu rồi nhi? Vâng, tôi đang nói về ván đấu phi tiêu của chúng tôi. Tuần trước Donald hạ tôi rất thuyết phục và tôi định trả thù. Nhưng giờ, tôi bỗng nghĩ thế này, tại sao chúng ta lại không chơi tay bốn nhi?”

“Đây là một cuộc họp về tội phạm chẳng, thưa các ông? Chào ông, tiến sĩ Twist, chào ông thanh tra. Để tôi đoán xem điều gì mang các ông tới đây nhé: Gordon đã hết ý tưởng và muốn tận dụng bộ óc của hai ông.”

“Chính xác,” nhà viết kịch nói, ngoảnh sang người bạn vừa nhập hội. “Nhưng nếu là cậu thì tôi sẽ chẳng dám xem nhẹ việc đó đâu, bởi thiếu đi những ý tưởng của tôi, tên tuổi cậu cũng chẳng đáng một xu.”

Tay diễn viên bật cười và ngồi xuống. Tóc vàng, da trắng, nụ cười có lúm đồng tiền, anh ta đứng trong hàng ngũ những người ngừng già đi khi chạm ngưỡng ba mươi. Các nếp nhăn nhỏ quanh mắt khi cười chỉ càng khiến anh thêm quyến rũ. Cao ngang Gordon Miller nhưng mảnh mai hơn và gây được ấn tượng sống động hơn, nhờ cả vẻ linh hoạt lẫn phong cách ăn mặc khỏe khoắn nhưng trang nhã của mình.

Vài phút sau, bốn người đàn ông đứng trước bia phi tiêu: ông Gordon và tay diễn viên đấu với tiến sĩ Twist và viên thanh tra. Cuộc chơi không kéo dài lâu, vì phải nhường cho những khách quen khác. Hai thám tử khởi đầu khá tốt khi Hurst ném ngọn tiêu đầu tiên trúng tâm, khiến cho không chỉ Miller và Ransome sửng sốt, mà ngay cả Twist cũng vậy. Biết rõ khả năng thực sự của Hurst, Twist toát mồ hôi quan sát viên thanh tra nhắm một mắt và đề lưỡi giữa hai hàm răng, chuẩn bị ném lần nữa.

Cố gắng ban đầu của Hurst làm dậy lên những tiếng rì rầm thán phục và không ai, ngoại trừ Twist biết đó là nhờ may mắn. Ngọn tiêu thứ hai xuyên thẳng vào cây xà trên trần. (Hurst quắc mắt nhìn cô gái phục vụ vừa đi phía sau ông đúng vào thời khắc then chốt, nhưng không hề chạm vào ông.) Ngọn tiêu thứ ba bắn trúng mông một bà chơi bài bridge vừa cúi xuống nhặt lá bài trên sàn làm bà ta bật thẳng người lên kèm tiếng hét rợn người.

Sau này, nhắc lại việc đó, Hurst ưỡn ngực nói rằng ông đã cố ý vụng về để các đối thủ tự mãn mà chủ quan, mắc sai lầm. Vốn hiểu bạn mình hơn ai hết, Twist không có ý kiến gì về phiên bản đã biên tập của Hurst, vốn tảng lờ hẳn chuyện phóng ngọn tên lửa nhọn hoắt về hướng một dải đất mà phép lịch sự thông thường cấm chỉ định danh. Archibald Hurst là một tay tiêu vớ vẩn hay một nhà chiến lược kiểu Machiavelli? Đây là vấn đề có thể đem ra tranh luận. Sự thật là màn trình diễn thất bại này cùng không khí vui nhộn tiếp theo sau đó quả thực đã tạo tâm trạng thư thái và thoải mái cho các đối thủ của ông.

Đến tận khi bốn người trở lại bàn, ông Gordon và tay diễn viên vẫn cười sáng sủa. Hurst còn mang nguyên dấu vết hai cái tát phẫn nộ của quý bà kia. Tới 10 giờ, mấy vết đỏ mới lặn hẳn. Viên thanh tra bắt đầu nói vài chuyện

khiến Ransome và ông Gordon thích thú quan tâm.

“Như vậy, thưa ông thanh tra,” tay diễn viên hỏi, “ông đang có kế hoạch viết hồi ký của mình đây à?”

“Tôi tin chắc việc đó sẽ rất thú vị, nhưng như thế quá đơn giản. Không, việc tôi muốn làm là viết tiểu thuyết kiểu như ông cơ, ông Gordon.”

“Anh định viết truyện trinh thám à, Archibald?” Twist kêu lên, tháo cặp kính kẹp của mình ra. “Anh chưa hề nói với tôi.”

“Ồ, tôi chỉ vừa mới nghĩ đến chuyện đó một lúc trước.”

“Anh biết không,” Twist nói, “việc đó khó hơn anh hình dung rất nhiều. Tôi biết thế, bởi tôi đã thử vài lần mà không thành. Nhưng chúng ta nên chuyển chủ đề này cho ông Gordon xem xét.”

Nhà viết kịch trích thượng nhìn viên thanh tra, từ tốn giải thích, “Có hàng nghìn cách để nghĩ ra một kịch bản với nhiều độ khó khác nhau. Thậm chí, nếu tôi tổng kết lại, thì cũng phải mất vài giờ vì chủ đề này quá phức tạp. Lời khuyên tốt nhất tôi có thể dành cho ông, thưa ông thanh tra, là có được một ý tưởng sơ bộ thật vững chắc trước khi bắt đầu.”

“Đó là một cách nữa khẳng định trí tuệ siêu việt của anh ấy.” Ransome cười chế giễu, uống cạn ly của mình.

Nhà viết kịch ngừng một lúc, rồi chậm rãi quay sang nhìn thẳng vào mắt bạn mình.

“Chẳng thể sánh nổi với quan điểm mà một số người nhận định về chính họ,” ông nói thêm.

“Đúng thế,” tay diễn viên cười khùng khục. “Muốn như ý thì phải tự làm thôi.”

Anh ta giơ chiếc ly rỗng lên để gọi thêm một lượt nữa, sau đó ngoảnh sang nhìn viên thanh tra với ánh mắt lấp loáng. “Thế đấy, ở đây tôi phải tán đồng với anh Gordon. Ý tưởng cơ bản phải thật vững vàng và, tôi xin nói thêm, độc đáo.”

“Chính là như vậy,” Hurst nói sau khi uống một ngụm. “Tôi nghĩ tôi đã có một ý tưởng ít ai biết.”

“Cẩn thận nhé, ông thanh tra, tôi thấy đôi tai ông bạn tôi đang dỏng lên. Tôi cảnh báo ông, anh ấy trơ tráo lắm đấy. Nếu thấy thú vị, anh ấy sẽ đánh cắp ngay ý tưởng của ông mà chẳng cần nghĩ ngợi.”

Ông Gordon ngược mắt nhìn trần nhà. “Tôi không biết tại sao tôi lại phí

thời gian của mình với thằng cha này. Hắn luôn làm bẽ mặt tôi.”

“Đơn giản thôi mà. Anh sẽ chẳng bao giờ tìm được ai khác để đóng những vụ án mạng rùng rợn trong những vở kịch rùng rợn không kém của mình. Điều thú vị là lần nào tôi cũng chiều theo ý anh.”

“Đó là vì, về cơ bản, cậu thậm chí còn khốn kiếp hơn cả tôi, anh bạn ạ.”

“Thì đó chính là điều tôi đang nói với anh mà.” Ransome trả miếng trước sự vui vẻ của tất cả mọi người.

Sau khi cô gái phục vụ đã đặt thêm bốn ly whisky lên bàn, anh tiếp tục nói nhỏ, “VẬY thì, ông thanh tra, ý tưởng đó là gì?”

“Chà, tôi chưa nghĩ được toàn bộ, chỉ mới bắt đầu thôi mà. Có rất ít nhân vật chính... thực tế, chỉ có hai thôi. Hai tác giả trình thám thấy chán việc viết sách và quyết định...”

“Đưa những luận thuyết của họ vào thực tiễn,” Ransome nói, nhìn Hurst qua ly rượu của mình bằng đôi mắt khép hờ. “Thế chưa hẳn có tính văn học, ông thanh tra. Hai tay tội phạm cung cấp chứng cứ ngoại phạm cho nhau trong khi chúng tiến hành một loạt vụ giết người.”

Hurst chặn anh lại với một cái vung tay đầy uy lực. “Không, không phải là nỗ lực để phạm tội, ngược hẳn lại; đó là một kiểu đấu tay đôi giữa những gã khổng lồ, một cuộc chiến hiểm ác và chết chóc giữa hai bộ óc ghê gớm. Các ông hiểu ý tôi chú? Một loạt mảnh lời, cạm bẫy, án mạng giả, tự sát giả và những nút thắt kịch tính, cái sau lại khéo léo hơn cái trước.”

Hurst ngừng lại để nhấp một ngụm rượu còn Twist trầm ngâm nhồi tẩu thuốc. Một người quan sát sắc sảo sẽ thấy ngay rằng hai nhà thám tử, cho dù đầy vẻ vô tư, lúc này đang chăm chú hơn bất kỳ thời điểm nào khác trong suốt buổi tối. Ông Gordon và Donald Ransome nhìn nhau, sau đó gật gật đầu về tán thành. Thái độ của họ chẳng hé lộ chút ngạc nhiên nào.

“Tôi hiểu,” ông Gordon nói. “Ý tôi là, kiểu... Vậy là hai người đó là kẻ thù đấu với nhau bằng những xác người.”

“Theo ý kiến của tôi,” Ransome nói, “nó có thể tạo nên một vở kịch hay với một cảnh duy nhất. Hai đối thủ dưới ánh đèn sân khấu với xác chết xung quanh: những con người bình thường gục ngã như những con tốt thí, nhìn từ trên cao xuống trông như một bàn cờ.”

“Rất hay, nhưng vẫn còn quá mơ hồ,” nhà viết kịch xen vào. “Lý do cho cuộc đấu là gì? Nguồn gốc của thách thức là gì? Ông có thể nói chính xác

hơn được không, thanh tra?”

Hurst húng hắng ho và cố gắng xua tan màn khói thuốc từ tẩu thuốc của Twist.

“Lạy Chúa, không hẳn. Như tôi nói, chỉ là mở đầu thôi. Về động cơ, chẳng hạn liên quan đến một phụ nữ, xuất thân con hoang hoặc không phải, đại để thế. Nhưng dù sao đi chăng nữa, điều đó không quan trọng, quan trọng là câu chuyện về cuộc đấu và đây là chỗ chưa rõ rệt trong đầu tôi. Nó phải rất đặc biệt, một dạng đặt cược, một thỏa thuận, một thách thức... Tôi cần nghĩ thêm. Cái mà tôi nhìn thấy rõ là các cảnh, những cảnh khác nhau, trong đó họ lần lượt thực hiện để lộ mặt nạ của nhau.”

“Mặt nạ à?” Ransome lặp lại với một nụ cười thích thú. “Là loại mặt nạ gì thế?”

Archibald Hurst đáp lại nụ cười của tay diễn viên. “Tất cả các loại mặt nạ. Những nhân dạng khác nhau mà mỗi người có thể sử dụng để lừa người kia. Thậm chí có thể là những hình thức thay thế cho mặt nạ để hướng sự nghi ngờ về phía đối thủ. Mặt nạ dùng trong lễ hội, có lẽ vậy.” Ông ngừng lại, cau mày, như thể một ý nghĩ vừa chợt nảy đến, ông quay sang phía bạn mình. “Twist, anh còn nhớ cái vụ bí ẩn đó không?”

“Cụ thể là vụ nào chứ, bạn của tôi?” nhà tội phạm học hỏi khẽ, tay gỡ cặp kính.

“Cái vụ mà...” Hurst dừng lại, hắng giọng, bối rối nhìn ông Gordon và Ransome. “Tôi e rằng tôi không được nói về vụ đó, thưa hai ông.”

“Bí mật nghề nghiệp à?” ông Gordon hỏi với vẻ thấu hiểu. “Ít nhất ông cũng có thể nói cho chúng tôi mối liên hệ với mấy cái mặt nạ lễ hội chứ?”

Hurst ngẫm nghĩ một lúc, rồi nhún vai.

“Suy đến cùng thì, sao lại không được? Đây đâu phải là một bí mật quốc gia. Chuyện là thế này, để thực hiện tội ác, có hai kẻ đã giả trang làm các bác sĩ dịch hạch.”

PHẦN BA ĐẾN VÀ ĐI

12

BẤT KỲ AI

Tối thứ Bảy.

Ngày hôm sau, quãng 10 giờ đêm, thanh tra Archibald Hurst tắt ngọn đèn ngủ và rúc dưới chăn. Không tài nào chợp được mắt, ông lướt lại trong đầu mọi điều xảy ra ngày hôm đó. Cuối buổi sáng, Briggs đến văn phòng, bấy giờ ông đang thảo luận về buổi tối ở quán Green Man với tiến sĩ Twist. Như thường lệ, thuộc cấp của ông đã bước đầu hoàn tất một báo cáo khá đầy đủ về kết quả điều tra trong khoảng thời gian ngắn ngủi.

Để bắt đầu, anh ta khẳng định nghi vấn về nhân dạng người yêu của David Cohen, những người bạn nhạc công đã lập tức nhận ra Sheila Forrest qua bức ảnh họ được cho xem. Briggs cũng liên hệ với một sĩ quan được cử tới bãi biển ở vịnh Herne sau vụ chết đuối của Anna Miller. Sự tình đúng như lời Peter Moore kể, và không có lý do để nghi ngờ. Anh cũng thăm định hết mọi điều lợm lặt được về Miller và Ransome từ nhiều nguồn. Lại một lần nữa, không hề có sự mâu thuẫn với lời khai của Peter Moore.

Anna Radcliffe, cũng như ông Gordon, sinh ra ở Bristol. Bà rời Anh năm 1917 để sang Mỹ kết hôn với Roy Horrest. Đứa con duy nhất của họ, Sheila, chào đời một năm sau đó. Bà Forrest ly hôn với chồng và trở về Anh cùng con gái. Rất có thể, mặc dù chưa chứng minh được, là bà đã đi cùng chuyến tàu thủy với Donald Ransome. Trong năm ấy bà kết hôn với Miller, như rất nhiều bài báo và bức ảnh đăng tải, khuôn mặt Donald Ransome xuất hiện thường xuyên bên cạnh hai vợ chồng. Tiêu đề một trong những bài báo là, ‘Chàng kết hôn cùng mối tình đầu’, một sự khôn khéo quen thuộc của tay phóng viên.

Còn liệu Anna Miller có nhân tình hay không, tạm thời chưa thu thập được bằng chứng. Chỉ mới khẳng định được Donald Ransome là bạn thân của bà. Không chắc việc điều tra thêm có thể cung cấp được thông tin gì hơn về câu

chuyện được cho là ngoại tình, diễn ra từ ba năm trước, hoặc về cái chết của Anna Miller hay không.

Sau khi Briggs đi khỏi, cuộc trò chuyện quay lại những sự kiện trong buổi tối hôm trước.

Twist tuyên bố, “Giờ chúng ta biết chắc rằng hai kẻ quỷ quyệt xảo trá đó nắm rõ vụ Cohen. Phản ứng của chúng khi anh đề cập đến đám bác sĩ dịch hạch giúp chúng ta chẳng còn nghi ngờ gì nữa, thậm chí còn hơn cả xác nhận của Briggs liên quan đến cô Sheila. Ransome ngạc nhiên đến suýt đánh rơi ly. Gã mỉm cười lại nhanh hơn ông Gordon. Điều đó là bình thường, như cái nghề của gã.”

“Đúng đấy, nhưng bọn chúng không hề phản ứng chút nào khi tôi khái quát ý niệm của mình về âm mưu của chúng, một sự ám chỉ mơ hồ đến cuộc ganh đua; ít nhất không thể hiện rõ như tôi kỳ vọng, nếu chúng có chuyện phải che giấu. Chẳng có gì cả. Chúng thậm chí chẳng hề chớp mắt. Hãy nói thẳng với tôi, Twist, thật sự anh có nghĩ hai gã bạn thân ấy ghét nhau như chúng ta đã được dẫn dắt để tin như vậy, tới mức chúng sẵn sàng thực hiện cuộc ganh đua quái đản này không? Nếu đúng thế, thì chúng đang hành xử rất kỳ lạ, đùa cợt và uống rượu với nhau như bọn trẻ ranh.”

“Đúng vậy. Tất cả đều hết sảy. Màn trình diễn trong vai những chiến hữu vui vẻ khiến tôi có ấn tượng quá hoàn hảo. Chúng hành động như thể bốn chúng ta là một nhóm bạn bè không thể chia xa vậy. Tôi không chắc, nhưng tôi có cảm nhận rất rõ rằng chính chúng đang chơi trò mèo vờn chuột với chúng ta. Chúng ta bị kẹt trong cái bẫy của chính mình bởi hai kẻ lừa gạt hạng nhất. Đó là lý do tôi cảm thấy chắc chắn, Archibald ạ, rằng giả thuyết về lời thách thức chết người vẫn còn nguyên giá trị. Đằng sau những chiếc mặt nạ giả dối ấy là hai đối thủ quyết tâm đấu tới cùng.”

“Điều tôi không hiểu là mỗi kẻ trong số chúng đều đóng vai của mình rất hoàn hảo trong suốt buổi tối, cho tới tận khi tôi bóng gió nhắc đến vụ Cohen, lúc đó cả hai dường như mới thấy bồn chồn. Anh hiểu ý tôi chứ? Nếu chúng nghi ngờ rằng chúng ta đã biết về cuộc đấu, hẳn chúng sẽ nghĩ chúng ta đã biết về búp bê *dịch hạch* và mối liên hệ của nó với vụ Cohen. Anh không nghĩ điều đó kỳ lạ sao?”

“Có kỳ lạ. Chúng không hề ngờ tới điều đó, chắc chắn là thế. Từ đó, chúng ta có thể suy đoán rằng cả hai đều dính sâu vào vụ sát hại anh chàng

nhạc công, nhưng câu chuyện của Peter Moore về lời thách thức là thêu dệt. Nhưng, về phần mình, tôi vẫn cứ tin cả hai gã đều can dự vào mấy vụ này, và tôi lo sợ điều tồi tệ nhất sẽ xảy ra.”

Mấy lời này cứ ong ong trong tai Archibald Hurst lúc ông nằm lơ mơ. Những hình ảnh hiện lên trong đôi mắt nhắm chặt của ông: ông Gordon... Donald Ransome... cúi xuống nhìn một đồng xu... sau đó đứng thẳng lên, cùng cười: ‘Ngửa, tôi là sát thủ.’ ‘Không, sấp, là tôi.’ ‘Một trong hai chúng ta sẽ giết người sao cho người kia phải chịu tội.’ ‘Nhưng ai là nạn nhân?’

Viên thanh tra vừa thiếp ngủ thì điện thoại réo vang. Ông càu nhàu và quờ quạng trong bóng tối. Cuối cùng cũng áp được ống nghe vào tai, “A-lô?”

“Xin chào, ông thanh tra. Hạ sĩ Sewell đây. Có chuyện rồi...”

“Sevvell à? Sao lại gọi cho tôi? Không còn ai khác trực ở Sở à?”

“Có, thưa ông, nhưng tôi vừa nhận một cuộc gọi của thanh tra Briggs. Anh ấy bảo tôi báo với ông. Tôi đang gọi từ nhà ông Gordon Miller. ông ta vừa giết một tên trộm. Chính là anh chàng thư ký riêng, Peter Moore.”

13

VỤ TAI NẠN

Gần nửa đêm, chiếc xe của Hurst lao vào tư dinh Gordon Miller. Tiến sĩ Twist đã im bật suốt mười phút qua, kể từ lúc leo lên xe người bạn. Một khi chưa biết chính xác tình hình sự việc, mọi bình luận xem chừng đều vô nghĩa. Cũng như Hurst, ông thầm hy vọng được gặp Peter Moore lần nữa, thậm chí tiến hành thăm vấn anh ta nếu cần, để có thêm chi tiết về vụ thách thức, làm lá át chủ bài dự phòng nếu diễn biến xấu đi. Và giờ diễn biến xấu đi thật, còn lá át chủ bài đã tự rớt khỏi bàn.

Đánh một vòng qua đài phun nước, hai thám tử tới cửa trước tư dinh Miller, thấy hai xe cảnh sát đã đỗ ngay ở đây. Bên phải có một ô cửa sổ lớn nằm giữa hai ô cửa sổ nhỏ hơn chiếu sáng một mảng cỏ hình chữ nhật lớn.

Hurst dừng xe khiến sỏi bắn tung, tắt máy và hất cằm, trở mấy ô cửa sổ sáng đèn. “*Hang ổ* của hãn, tôi đoán vậy. Đến giờ tôi có thể nói, đó là hiện trường xảy ra sự cố.”

Một lúc sau, họ đã ở trong văn phòng của ông Gordon. Đúng như Peter Moore mô tả: rộng rãi, lộng lẫy và đầy sát khí. Nhưng, lúc này, đặc điểm cuối cùng ấy không phải chỉ do những thứ vũ khí loang loáng dưới ngọn chùy đài bằng sắt rèn cực lớn, cũng không phải do những chiếc mặt nạ khiến người ta rờn rợn và những hình người bằng sáp với cặp mắt dường như dán theo từng cử động của các vị khách. Trên sàn là một xác người nằm dài bên cạnh bộ áo giáp đồ sộ sập đè lên chiếc khiên, ngay cạnh cây cột vốn là chỗ đứng của nó. Cận chiếc mũ sắt có tấm che mặt được nâng lên là một chiếc đèn pin đã vỡ mặt kính. Nạn nhân nằm nghiêng bên phải, tay đeo găng và mặc áo mưa màu nâu, có một vết thâm ở ngực. Hai nhà thám tử không khó khăn gì nhận ra ngay Peter Moore. Vẫn còn thấy nồng nặc mùi thuốc súng không khói, mặc dù có gió thoảng vào nhờ ô cửa sổ thấp hơn phía bên phải đã được nâng lên.

Có vài cảnh sát trong phòng và một trong số họ đang ghi chép lời khai của

ông Gordon Miller, hiện đang ngồi rũ trong chiếc ghế bành gần lò sưởi. Tiến sĩ Twist và thanh tra Hurst bước lại chỗ họ.

“Tôi không nghĩ được gặp các ông sớm vậy, và chắc chắn là không phải trong tình cảnh như thế này.”

Hai nhà thám tử im lặng gật đầu. Ông Gordon, gương mặt rầu rĩ và đầu tóc rối bù, đang mặc chiếc áo khoác màu huyết dụ và trầm ngâm nhìn một ly whisky như thể nó chính là nguyên nhân cho những rắc rối trước mắt. Ông ta quay sang nhìn cái xác với vẻ hoang mang, và nói tiếp, “Tôi chẳng bao giờ ngờ đó lại là anh ta. Hai năm làm cho tôi. Hạnh kiểm không có gì đáng chê trách. Chắc anh ta phải ở tình cảnh cực kỳ éo le mới phải làm việc này. Anh ta biết tôi cất giữ một vài thứ giá trị trong két.”

“Ông có thể mô tả chính xác những gì đã xảy ra chứ, ông Gordon...” Hurst lịch sự nói, không mấy may tỏ ra thương cảm.

“Về phương diện nào đó, chẳng có gì ngoài... một tai nạn bi thảm thường thấy. Tôi đi nằm sớm và đã ngủ rồi. Thật không may, tôi vốn là người thính ngủ và phòng của tôi lại ngay phía trên. Có tiếng động làm tôi thức giấc. Mới đầu tôi nghĩ là Sheila về, nhưng nhìn đồng hồ thì chưa đến 11 giờ, con bé không thể về sớm như vậy được bởi nó đi dự một bữa tiệc cùng Donald. Tôi chăm chú lắng nghe, nhưng vô ích. Tuy nhiên tôi biết chắc mình có nghe thấy động tĩnh gì đó. Không thể là Peter bởi anh ta xin nghỉ một tuần. Tôi đi xuống nhà kiểm tra cho cẩn thận. Tới phòng này, tôi nhìn qua lỗ khóa và thấy một quầng sáng quét vào vị trí đặt két. Dứt khoát là có trộm và tôi lờ mờ nhận ra hình dáng gã. Làm sao tôi ngờ được đó lại là anh chàng thư ký của mình chứ? Tôi thận trọng mở cửa và rón rén bước vào.

“Tôi luôn để một khẩu súng đã lên đạn trong phòng, giấu phía sau bộ giáp. Khi đến chỗ cây cột có đặt bộ giáp, tôi yêu cầu kẻ đột nhập giơ tay lên và không được cử động. Tôi đã sai lầm khi không mang theo đèn pin. Kẻ đột nhập nhận ra bóng tối chính là lợi thế của gã và ném ngọn đèn về phía tôi. Đèn va trúng bộ giáp, giáp đổ loảng xoảng, đèn tắt ngấm.

“Lợi dụng thời khắc tối tăm bất ngờ ấy, tên đột nhập lao bổ vào tôi. Tôi ngã ra sau, nhưng kịp nổ một phát súng và gã nằm vật ra đất. Tôi hiểu ngay mình vừa giết chết ai đó. Cho dù hành động này nằm trong phạm vi tự vệ chính đáng, nhưng nó vẫn là chuyện tệ hại. Thế rồi, tôi bật đèn sáng và nhận ra là Peter...” Ông ta rùng mình và bật ra một tiếng thở dài. “Tôi đã gọi cho

cảnh sát.”

“Lúc ấy là mấy giờ?” Hurst hỏi.

“Tôi không biết chính xác... khoảng 11 giờ.”

“Đúng vậy,” một viên cảnh sát mặc sắc phục xác nhận. “Chúng tôi nhận cuộc gọi lúc 11 giờ kém 10 phút.”

“Điều quan trọng...”

Ông Gordon bị ngắt lời bởi sự xuất hiện của một người đàn ông thấp nhỏ, ăn mặc bảnh bao, hờ hững vẫy tay với Hurst và người bạn rồi bước tới chỗ xác chết và đặt cái túi của mình xuống đất. Hurst muốn nói chuyện với ông ta, nhưng cuối cùng quyết định không lên tiếng, để tránh chạm trán với khiếu hài hước đặc biệt của bác sĩ Lawrence, chuyên gia pháp y mà rất nhiều lần ông phải hợp tác trong các cuộc điều tra của mình. Thay vào đó, ông đề nghị Gordon khai lại một cách chi tiết hơn. Nhà viết kịch làm theo nhưng bản khai lần này chẳng khác gì những lời ông ta tường thuật lúc trước.

“Tôi không còn điều gì để kể với các vị cả,” ông ta nói, mặt lạnh như tiền.

Nhưng vẻ mặt của ông ta dần thay đổi, khi chạm phải sự im lặng kéo dài và ánh nhìn nghiêm nghị của các nhà thám tử.

“Tôi biết đó là một tai nạn đáng tiếc, nhưng tôi biết làm gì khác đây? Tôi không thể nhận ra anh ta.”

“Một vụ tai nạn,” Hurst chậm rãi nhắc lại. “Chúng tôi có những lý do nhất định để nghi ngờ chuyện đó, ông Gordon!”

“Các ông đang buộc cho tôi tội giết người chẳng?” nhà viết kịch hỏi, vẻ ngạc nhiên nhiều hơn là khó chịu.

“Không. Không phải ông. Tôi yêu cầu ông cứ kiên nhẫn, chúng ta sẽ quay lại chuyện đó sau. Chúng tôi cần thời gian để xác minh vài điều.”

Vài phút sau, các thám tử đã đứng bên ngoài chỗ ô cửa sổ mở hé, chăm chú nhìn phần mặt đất ngay bên dưới. Không xuất hiện dấu chân nào trên luống hoa hẹp, nhưng người đứng ngoài có thể với tới ô cửa sổ mà chẳng cần giẫm lên luống hoa đó. Họ phát hiện ra một mẫu gỗ nhỏ dường như không phải của khuôn cửa sổ.

“Nó được dùng làm nêm giữ giữa khung và cánh để cửa sổ khỏi trượt đóng lại,” Hurst giải thích. “Một phương pháp truyền thống, nhưng không

phải cách khôn ngoan, bởi nó cho thấy hành động này được thực hiện từ bên trong. Lẽ ra hẳn có thể đập vỡ một ô để khiến chúng ta mất phương hướng, như thế sẽ đỡ mạo hiểm hơn. Chúng ta đi xem cái két nào.”

Cái két nằm phía sau một hốc tường nhỏ. Đó có lẽ là nơi đặt bức tượng nhỏ giờ đang nằm trên sàn, ngay cạnh đấy. Ẩn sau một tấm gỗ đã bị phá tan hoang, cánh cửa két chỉ có một ổ khóa duy nhất và xem chừng một kẻ đào tường khoét vách nghiệp dư cũng dễ dàng phá bung được. Có nhiều vết trầy xước xung quanh bản lề.

Theo yêu cầu của Hurst, ông Gordon mở nó ra nhờ chiếc chìa giấu dưới đế một bức tượng gần đó.

Ông ta đứng lùi lại, “Các ông xem, còn không đến năm mươi bảng ấy.”

Hurst cầm tệp tiền, kiểm tra sơ qua, đặt trở lại két và bước ra chỗ bác sĩ Lawrence.

“Thế nào?” ông lầm bầm.

“Ồn,” người đàn ông nhò bé nói. “Không có gì bất thường. Chết tại chỗ. Bắn trực diện, có nhiều khả năng là với khẩu súng mà người của anh đã cho tôi xem. Tất nhiên là anh sẽ phải đợi phân tích đường đạn. Thời gian, xem nào, giờ mới vừa sau nửa đêm và anh ta chết được hơn một giờ một chút. Thời gian chết: khoảng 11 giờ.”

“Spall!” Hurst gọi một sĩ quan cấp dưới. “Đi vòng quanh hàng xóm xem có bất kỳ ai nghe thấy tiếng súng không. Sewell, đến đây. Có dấu tay không?”

“Có.” Chuyên gia nhân trắc học xác nhận.

“Đem so với vân tay của ông Gordon.”

“Tôi nhớ rằng, thưa thanh tra,” nhà viết kịch lên tiếng, xác nhận một cách miễn cưỡng, “tôi có nói với ông là ai bắn phát súng rồi mà.”

Hurst mặc kệ câu nói đó và nhìn khẩu súng mà chuyên gia kia đang cầm.

“Một khẩu Remington,” Sewell nói. “Rất đẹp. Chế tác vào đầu thế kỷ này. Súng của dân sưu tập, được bảo quản rất tốt. Sáu viên đạn trong ổ và mới bắn có một viên.”

“Anh tìm thấy ở đâu?”

“Ở kia, giữa xác chết và bộ giáp; nòng vẫn còn ấm. Nhiều khả năng đây là hung khí gây án.”

Hurst ném một cái nhìn hoài nghi về phía người chết.

“Thăng xuyên tim, thừa thanh tra,” Sewell nói tiếp. “Một viên đạn cỡ 45 ly. Ông có thể thấy dấu thuốc súng quanh miệng vết thương đấy.”

“Anh vẫn chẳng thay đổi, thanh tra ạ,” Lawrence xen vào, vẻ châm chọc. “Càng có nhiều cơ sở lập luận thì anh càng thấy đáng ngờ. Chính tôi đã nói với anh...”

“Đừng có dạy khôn tôi nữa đi, Lawrence.” Hurst quay sang ông Gordon. “Ông vui lòng cho tôi xem tay được không, bàn tay cầm súng ấy?”

Không chút nao núng, chủ nhân ngôi nhà tuân lệnh ngay. Các nhà thám tử nhìn rõ bàn tay ông ta lấm tẩm những đốm đen li ti.

“Ông có cần thêm bằng chứng không, ông thanh tra?” viên bác sĩ châm chọc. “Chà, nếu không ai phản đối thì tôi đi đây. Các vị sẽ có báo cáo chi tiết của tôi nhanh thôi.”

Hurst trầm ngâm nhìn bác sĩ rời đi trong khi những người chụp ảnh thu dọn đồ nghề của họ. Sau khi liếc nhanh ví và chùm chìa khóa tìm thấy trong túi Peter Moore, ông ra lệnh cho chuyển cái xác về và bước đến chỗ Gordon Miller.

“Nào, chúng ta cùng tái hiện các tình tiết nhé. Sau khi thấy một bóng đen gần cái két, ông lặng lẽ lén vào phòng. Nguồn sáng duy nhất là quầng sáng từ ngọn đèn pin. Ông đến chỗ cây cột, *cầm lấy thứ vũ khí mà ông không nhìn rõ* và đánh động kẻ đột nhập. Anh ta ném ngọn đèn vào ông, nó va trúng bộ giáp và vỡ tan. Lúc đó, trời tối om. Anh ta lao vào ông, ông nổ súng và anh ta ngã xuống chết. Chính xác thì sau đó có chuyện gì?”

“Ông thanh tra, tôi không biết cụ thể ông đang cố chứng minh điều gì, nhưng...”

“Xin hãy trả lời câu hỏi, ông Gordon. Và cụ thể vào. Mọi chi tiết về mấy phút tiếp theo, xin mời.”

“Được rồi. Tôi sẽ cố gắng. Việc đầu tiên tôi làm, tôi nghĩ vậy, là buông khẩu súng. Rồi đứng yên một lúc vì sốc. Tiếp theo, tôi lần mò ra chỗ công tắc đèn gần cửa.”

“Việc đó mất bao lâu?”

“Mười giây, khoảng vậy. Tôi thực sự không rõ. Tôi không nhìn thấy gì cả, và tôi không còn là mình nữa.”

“Liệu mất đến hai mươi giây không?”

“Có thể.”

“Bấy giờ ông có nghe thấy tiếng động nào không?”

“Không, tôi nghĩ thế. Tại tôi vẫn còn ong ong tiếng súng nổ. Bật đèn xong, tôi quay lại và thấy Peter.”

Hurst gật đầu, một nụ cười điểm trên môi.

“Còn bây giờ, ông Gordon, để tôi kể với ông một câu chuyện nho nhỏ được chuyển tới tôi và ông bạn Twist của tôi mới chỉ chiều hôm qua thôi, vài tiếng trước khi chúng tôi gặp ông và Donald Ransome ở Green Man. Tôi tin chác giờ ông nhận ra cuộc gặp gỡ đó không hề ngẫu nhiên.”

Và rồi, Hurst tiếp tục kể lại câu chuyện của Peter Moore. Không một thứ thật nào chuyển động trên mặt Gordon Miller trong lúc lắng nghe Hurst nói. Đến đoạn cuối, ông ta dăm dăm nhìn viên thanh tra và tiến sĩ Twist một lúc lâu, rồi tuyên bố bằng giọng bình thản, “Đời tôi đã nghe vài câu chuyện phóng đại rồi, thưa ông thanh tra, nhưng không thể so sánh được với những gì ông vừa kể, chẳng là gì ngoài một chuỗi những lời bịa đặt từ đầu chí cuối.”

14

ĐÚNG HAY SAI

Không ai nói gì một lúc lâu. Sau đó, nhà viết kịch phá vỡ sự im lặng với một nụ cười.

“Tôi bắt đầu hiểu ra. Theo ông, thưa ông thanh tra, tôi là nạn nhân của một âm mưu của Donald Ransome. Cậu ta chiến thắng trong trò chơi sắp ngửa quyết định ai sẽ là người gây tội ác, nên đã tiến hành thủ tiêu thư ký Moore theo cách thức đặc biệt để đổ tội cho tôi. Giả định là đúng như vậy, và rằng Donald với tôi thực sự ghét nhau như các ông nhận định - nói cách khác, coi như câu chuyện của các ông là đúng đi, mặc dù chứa đựng rất nhiều chi tiết hoang đường - thì các ông có nghĩ tôi lại đi dựng lên một lời khai như vậy để biện hộ cho mình không? Giả vờ là chính tôi đã bắn một tên trộm không?”

“Tôi không nghi ngờ lời khai của ông, ông Gordon. Ông đã kể lại đúng thực tế ông trải qua.”

“Vậy thì, đâu là vấn đề? Chắc ông không bảo rằng tôi mơ tưởng mọi chuyện chứ? Rằng tôi say thuốc hay gì đó chứ?”

“Tôi chưa có thời gian rà soát một lượt vụ việc trong đầu, nhưng tôi nhìn thấy một khả năng. Giả định rằng thư ký của ông đã chết *từ trước lúc ông xuống nhà*, bị bắn bằng khẩu Remington có lắp giảm thanh, xác anh ta được đặt tựa vào bộ giáp hoặc thậm chí đặt ngay dưới chân. Sau đó giả định rằng súng được thay một vỏ đạn rỗng - cùng loại vỏ đạn, cùng loại thuốc súng, nhưng không có đạn và đặt lại đúng chỗ. Ông vẫn không hiểu ư? Ông bảo tên trộm giơ tay lên, anh ta bèn ném đèn pin vào ông và trúng bộ giáp nên vỡ tan dưới sàn. Anh ta lao về phía ông và ông bắn - thực tế là một phản xạ tự động trong hoàn cảnh đó và dự đoán được, qua việc ông vớ lấy khẩu súng, mà tôi cho là thứ vũ khí nạp đạn duy nhất trong phòng - rồi kẻ tấn công gục xuống sàn. Ông lăn ra chỗ công tắc, mất hai mươi giây trong bóng tối thì đèn bật sáng.”

“Tôi hiểu. Kẻ đột nhập, vốn chưa chết và không ai khác hơn là Donald Ransome, có đủ thời gian tẩu thoát qua ô cửa sổ để ngỏ.”

Hurst hỏi kèm một nụ cười khích lệ, “Ông nghĩ sao, ông Gordon? Liệu có thể xảy ra như thế chẳng?”

“Chắc chắn là có thể,” nhà viết kịch thừa nhận kèm một tiếng thở dài bực bội. “Mọi việc xảy ra quá nhanh và trong tình cảnh hiểm nghèo, tôi không thể nghĩ được chi tiết gì trái ngược với chuỗi sự kiện của ông. Nhân tiện, ông thanh tra, tôi phải nói rằng ông có bộ óc xem chừng còn ranh ma hơn cả tôi đây, và tôi rất khích lệ ông viết những ý tưởng phi thường ấy ra giấy càng nhanh càng tốt.

“Nhưng quay lại chủ đề đang bàn, tôi phải chỉ ra một sai sót trong lập luận của ông. Cứ cho rằng Donald đã tạo ra tình huống để đổ tội cho tôi đi, tôi vẫn phải nói thật kế hoạch của cậu ta không hiệu quả cho lắm. Suy cho cùng, vị thế của tôi ở thời điểm đó là gì chứ? Tôi giết một người, nhưng đây là tự vệ chính đáng. Chính ông cũng thừa nhận tôi khó lòng hành động khác trong hoàn cảnh ấy. Trong trường hợp tệ nhất, tôi phải đối mặt với vài tháng trong tù, nhưng thế cũng chẳng ảnh hưởng gì nhiều đến sự nghiệp viết trinh thám của tôi. Cho nên tôi phải kết luận rằng ý tưởng của ông về một kế hoạch thâm hiểm do Donald vạch ra nhằm đẩy tôi tới giá treo cổ là không vững vàng.”

Hurst nhìn Twist vẻ thất vọng, nhưng vị tiến sĩ, mắt nhắm, dường như chìm trong một giấc ngủ nhẹ nhàng, trái ngược với những làn khói vẫn đều đặn tỏa ra từ tẩu thuốc của ông.

“Như tôi đã nói với ông, ông Gordon, đó chỉ là những suy nghĩ ban đầu của tôi. Cũng có thể chuỗi các sự kiện của ông không thật sự chính xác, và ông thấy xác Peter Moore trong tình cảnh còn dễ bị đổ tội hơn so với mức ông đã khiến chúng tôi tin - dĩ nhiên đây là kết quả do Ransome dựng lên rồi. Cho nên ông bịa ra câu chuyện về việc giết tên trộm để tự vệ chính đáng bằng cách thay đổi một hai chi tiết nhỏ đâu đó, làm cho câu chuyện của mình có giá trị.”

Ông Gordon cười vẻ rầu rí.

“Cho tôi được nhắc ông, thưa ông thanh tra, rằng tôi gọi cho cảnh sát ngay khi sự việc xảy ra. Làm sao tôi có thể sắp đặt tất cả các điều kiện cho một câu chuyện như vậy chỉ trong vài giây? Tôi biết tôi được xem là một bậc thầy về ngụy tạo, nhưng cho dù như vậy...”

“Phải, tôi đồng ý là không thể làm được,” Tiến sĩ Twist ngát lời, mở bừng mắt. “Tôi muốn ông nói về Peter Moore, ông Gordon. Anh ta là ai? Anh ta hành xử như thế nào trong mấy ngày vừa qua, lý do anh ta nghỉ việc, và bất kỳ điều gì khác có thể liên hệ đến tình hình hiện nay?”

Gương mặt nhà viết kịch thoáng chút do dự, ông ta suy nghĩ rất lâu rồi mới trả lời.

“Giờ tôi nhận ra rằng tôi không biết nhiều về Peter Moore, mặc dù anh ta làm việc cho tôi đã hai năm. Tôi tìm được anh ta qua một quảng cáo trên báo. Những lời giới thiệu về anh ta đều rất ổn và anh ta gây được ấn tượng tốt. Tôi chưa bao giờ có lý do để hối tiếc về lựa chọn của mình. Thông minh, lịch thiệp và kín đáo, đôi tay rất khéo léo. Anh ta chưa bao giờ mở lời khi chẳng có gì để nói; thực tế, chúng tôi chỉ mới trao đổi về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến công việc của anh ta. Peter sống ngay trong nhà và hiếm khi ra ngoài. Điều duy nhất tôi biết về cuộc sống riêng của anh ta là anh ta còn độc thân. Mỗi tháng một lần, anh ta về nghỉ cuối tuần với bố mẹ ở Leeds - ít nhất đó là những gì anh ta nói với tôi.

“Thứ Tư tuần trước anh ta bảo tôi bà mẹ bị ốm nặng và xin nghỉ một tuần. Tôi đồng ý và anh ta lên đường vào buổi sáng hôm nay, khoảng 10 giờ. Hừm, thật kỳ quặc, giờ tôi mới nghĩ đến; bình thường anh ta chỉ mang theo một chiếc túi du lịch nhỏ, nhưng lần này anh ta mang một cái va li to.”

“Về phía tôi,” Hurst đứng dậy nói, “đã đến lúc chúng ta xem xét phòng anh ta.”

Mười phút sau, hai nhà thám tử và ông Gordon quay trở lại ghế của họ, sau khi khám xét phòng Peter Moore. Một cuộc kiểm tra nhanh chóng nhưng lại tiết lộ nhiều điều: vài cuốn tiểu thuyết tinh báo trên chiếc bàn cạnh giường, mấy chiếc áo choàng màu lam, một bộ com-lê cũ cùng một đôi giày trong tủ quần áo.

“Chúng ta chấp nhận đi,” viên thanh tra lầm bầm, kèm theo động tác từ chối nhẹ nhàng khi vị chủ nhà mời một ly whisky đây, “tay thư ký hoàn hảo không hề có ý định ở lại với ông. Rất lạ lùng đấy, ông Gordon, tôi tin chắc ông cũng đồng ý về điểm này. Ông nói với chúng tôi anh ta biết ông chỉ giữ một ít tiền trong két. Tôi biết vài kẻ giết người chỉ vì số tiền ít hơn năm mươi bảng đấy, nhưng cho dù vậy...”

“Đúng vậy.” Ông Gordon lùa một bàn tay to khỏe qua mái tóc rối bời.

“Thực tế, thỉnh thoảng tôi có để mấy món tiền lớn trong két. Tôi chỉ không tin được là Peter lại mạo hiểm chấp nhận bị nghi ngờ và đánh mất vị trí của mình vì một khoản tiền chẳng đáng là bao như vậy. Nó đâu có đáng gì. Nhưng giờ...”

“Giờ anh ta đã chết, và ông thay đổi suy nghĩ của mình,” viên thanh tra ngắt lời, có vẻ đang nhìn nhận mọi việc theo hướng khác.

“Vâng, đặc biệt từ khi... chà, sự thật vẫn là sự thật.”

Lại thêm một lúc im lặng nữa. Sau đó hạ sĩ Sewell xuất hiện.

“Có vài người nghe thấy tiếng nổ, thưa sếp, nhưng họ cứ đinh ninh đó là tiếng nổ của xe cộ. Bà cụ già ở số 12 chỉ nghe thấy một tiếng động xa xăm, nhưng cặp vợ chồng ở số 8, vì phải mất đến nửa tiếng tìm cách ru con ngủ, thì có để ý. Họ bảo đảm lúc đó khoảng 11 giờ, xê dịch một vài phút.”

Hurst cử một sĩ quan cấp dưới đến kiểm tra phòng Peter Moore thật kỹ càng, rồi quay sang nhà viết kịch và nói khẽ nhưng kiên quyết, “Ông Gordon, tôi có ấn tượng rất rõ rằng ông chưa nói với chúng tôi toàn bộ câu chuyện về tay thư ký.”

“Thật sao!”

Sắc thái ngạc nhiên bật ra rất thành thực, nhưng trước đó vẫn có một thoáng ngập ngừng, và không thể qua mắt hai nhà thám tử.

“Tôi nghĩ thế,” Hurst tiếp tục, “và tôi cũng tin ông sẽ không nói thêm gì vào lúc này. Tôi chỉ muốn nhắc rằng chúng tôi cũng có những bí mật nho nhỏ của mình đây,” ông nói thêm, ngoắc ngoắc ngón tay trỏ.

Twist ho khẽ, xen vào, “Chúng ta cùng thảo luận nhé. Tay thư ký của ông quyết định bỏ việc và kiếm một ít tiền của ông như lời tạm biệt. Không có lý do gì để quả quyết anh ta chỉ lấy đi có thế. Một số mẫu trong bộ sưu tập vũ khí của ông chắc chắn rất đáng tiền.”

Ông Gordon gật đầu và Hurst cũng vậy, thầm tự trách mình vì đã không nghĩ đến điều này trước.

Nhà tội phạm học tiếp tục, “Vấn đề là tại sao anh ta lại tìm đến chúng tôi vào chiều thứ Sáu để kể câu chuyện kỳ lạ như vậy? Anh ta là một tên trộm và một kẻ dối trá, đồng ý, nhưng tôi không tin anh ta điên. Vậy thì tại sao? Tại sao, ông Gordon? Chắc hẳn ông có phán đoán gì đó chứ, dù chỉ mới lờ mờ.”

Nhà viết kịch mím môi và cau mày trầm tư trong lúc ngắm nghía chiếc nhẫn dấu khắc tên mình lấp loáng trên ngón tay, dường như bị giằng xé giữa

hiều cảm xúc. Ông ta chậm rãi trả lời, “Không, thật sự, tôi chẳng thể giúp các ông.”

Viên thanh tra vừa định lên tiếng thì Twist chặn lời ông bằng một cử chỉ kín đáo và nhắc lại câu hỏi, “Ông Gordon, ông có nói rằng tối nay Ransome đưa con gái ông đến dự một buổi khiêu vũ hóa trang. Có xa đây không nhỉ?”

Nhà viết kịch trả lời, môi thoáng nét cười. “VẬY là các ông vẫn đang nghĩ đến một âm mưu đen tối nào đó của bạn tôi?”

“Càng ngày càng bớt đi. Nhưng nếu anh Ransome có thể nói cho chúng tôi biết anh ta ở đâu lúc 11 giờ, thì chúng tôi sẽ loại trừ được giả thuyết đó.”

“Cả buổi tối họ ở chỗ Guy Williams. Ông ấy là một nhà sản xuất và sống ở mé bên kia thành phố.”

“Tôi hỏi để biết chắc xem liệu lát nữa họ có quay về sớm không.”

Ông Gordon liếc nhìn đồng hồ.

“Trong vòng một tiếng nữa là họ có mặt ở đây thôi. Donald nói cậu ấy sẽ về lúc 2 giờ.”

“Biết đâu lời khai của họ rất hữu ích,” tiến sĩ Twist nói tiếp. “Chẳng hạn như con gái ông có thể tiết lộ một vài điều về tính cách anh chàng thư ký. Trong lúc chúng ta chờ đợi, ông Gordon, tôi có thể xem nhanh bộ sưu tập vũ khí của ông - với tư cách một kẻ nghiệp dư thôi, được không?”

Suốt mười lăm phút tiếp theo, cuộc trò chuyện tập trung vào lĩnh vực đạn đạo, một chủ đề mà tiến sĩ Twist không hề nghiệp dư tí nào. Về sau, cuộc trò chuyện chuyển sang các vụ án lừng danh, mà một vài nhân vật chính trong đó đã được lưu danh muôn thuở bằng sáp hoặc thạch cao ở bốn góc phòng. Hai nhà thám tử không thể không quan sát qua mô hình bác sĩ dịch hạch đã được nhắc đến trong câu chuyện của Peter Moore, nó được đặt trong một hốc tường gần cái két. Nhưng một lần nữa Twist lại ngăn không cho bạn mình có ý kiến gì.

“Tôi có thể hiểu rằng đích thân ông tạo ra một số bức tượng này phải không, ông Gordon?” Twist hỏi, dừng lại trước bức tượng bác sĩ Crippen.

“Vâng, đó là một sở thích của tôi. Nó giúp tôi thư giãn và thoát khỏi vòng lặp hằng ngày mà vẫn hợp với các đề tài tôi ưa chuộng. Nó mang lại nhiều cảm hứng cho tôi hơn là ngồi trước máy đánh chữ. Tiện thể, một phần tầng hầm ở đây đã được thiết kế như nhà xưởng.”

“Hắn là rất thú vị.”

“Các ông muốn đến xem không?”

“Thế thì tốt quá.”

Hurst, dù đang khá bức bối sau lưng hai kẻ đầy nhiệt tình kia, cũng cùng đi xuống hầm. Ông biết rõ bạn mình để hiểu rằng khi tìm được ai đó cũng đam mê nghiên cứu tội phạm học thì chẳng thể ngăn Twist lại được, ông sẽ đắm mình trong cuộc trò chuyện đến mức gạt bỏ hết mọi thứ khác. Ông có thể không tập trung chú ý vào những vấn đề cấp thiết của vụ việc hiện tại.

Ngay khi ông Gordon mở cửa gian xưởng, tiến sĩ Twist lập tức thấy lại những năm tháng thanh xuân của mình. Ông ngây ngất nhìn quanh như một đứa trẻ đã rất lâu không được tới cửa hàng đồ chơi.

Cụm từ ‘cửa hàng đồ chơi’ không chỉ là một ẩn dụ: có đủ loại búp bê, con rối, mặt nạ và hình nộm chất đầy trên các giá quanh bốn bức tường. Ấn tượng đầu tiên là về một cuộc vui của trẻ con, giống như cuộc họp mặt của những kẻ vui nhộn đang đắm đắm nhìn hay thì thầm vào tai người bên cạnh. Đám mặt nạ cũng không mang vẻ nanh ác như những thứ trên tầng. Dường như sâu trong tâm hồn ông Gordon vẫn là một đứa trẻ nhưng lại không muốn khách khứa đến văn phòng mình biết điều đó, cho nên ông ta cất bất cứ kho báu nào có vẻ không ‘mang tính nghề nghiệp’ của mình xuống tầng hầm.

Nhưng càng nhìn gần người ta càng thấy bản khoản, vì những cái đầu được tạo hình thô mộc với đường nét lờ mờ còn phần thân bị tháo rời lại tạo ấn tượng chúng sẵn sàng nhảy bổ lên bất kỳ lúc nào. Có gì đó thật sự không an tâm trong cái thế giới gồm toàn những khuôn mặt sơn vẽ tươi vui và những nụ cười đông cứng này.

Gian hầm được chia thành hai phần, bên phải dành cho các dụng cụ làm mộc, hàn nguội, sơn vẽ và thậm chí chế tác đồng hồ. Chắc chắn chính gian phòng bên trái, với tất cả những sáng tạo của ông Gordon, mới thu hút sự chú ý của Twist. Sau khi xem qua vài con rối mặc quần áo sặc sỡ, ông quay sang vị chủ nhà. “Tuyệt vời, ông Gordon, quá tuyệt vời. Từ tất cả những gì tôi thấy ở đây, hẳn ông phải bỏ ra không ít thời gian...”

“Vâng, đúng là vậy,” nhà viết kịch xác nhận, hài lòng và hãnh diện thấy rõ nhờ vẻ quan tâm từ nhà tội phạm học. “Thật may, Donald thỉnh thoảng cũng giúp tôi một tay. Tôi chẳng cần ép buộc, mà là cậu ấy cũng ham thích những thứ này như tôi.”

“Khá dễ hiểu với một con người của kịch nghệ. Mặt nạ và đạo cụ là một

phần vũ trụ của anh ta mà.”

“Tôi đoán chắc anh ta cũng rất thành thạo hóa trang,” Hurst nhận xét, lơ đãng nhắc chân của một con rối lên.

“Chà, đương nhiên rồi, tôi phải thừa nhận vậy. Nhưng tôi đâu có ngu, ông thanh tra, tôi có thể hiểu ông ám chỉ đến lời thách thức đặc biệt khi bạn tôi diễn rất thành công các vai người chần chừ Scotland, một người tình cả ghen và rồi một cảnh sát. Điều mà các ông vẫn tiếp tục nghi vấn, có phải thế chẳng?”

“Không đâu, ông Gordon, tôi không nghĩ đến chuyện đó. Tôi đang nghĩ đến chuyện khác kia. Ối!”

Hurst đột nhiên nhảy bật lại vài bước, một ngón tay run bần trở con rối ông vừa chạm vào.

“Ông thanh tra, chuyện gì thế?”

“Nó cử động. Tôi bảo đảm như vậy.”

Ông Gordon cố nén nụ cười. “Cho phép tôi giới thiệu Margot, với tài năng đặc biệt là có thể hạ cánh tay xuống và ngẩng đầu lên khi có người nhắc mũ của nàng, chắc là hành động vừa rồi đấy.”

“Nhờ hệ thống bánh răng à?” Twist hỏi, vẻ thích thú thấy rõ.

“Không, chẳng có gì phức tạp cả. Đó là một kỹ thuật phát minh từ thời Ai Cập cổ đại và được sử dụng, cùng nhiều phương tiện khác, để bít lối vào các kim tự tháp. Khi phá phần đế của một ống dẫn, nó nhả cát ra và dần dần tạo không gian để cho các khối đá granite sập xuống, bít kín ngôi mộ. Margot sử dụng đúng nguyên lý đó: khi mũ của nó được nâng lên, tức là giải phóng một lượng cát nhỏ, cho phép một quả cân rơi xuống, quả cân đó nối với hai tay và đầu bằng một đòn bẩy đơn giản...”

“Vâng, đơn giản như trò trẻ con.” Hurst lầm bầm, cẩn thận xem xét Margot.

“Vì sự quan tâm thấy rõ của ông, ông thanh tra, tôi sẽ cho ông xem một thứ còn kỳ diệu hơn nhiều: một người máy có thể đánh thắng cờ bất kỳ ai.”

Ông Gordon đi về phía một góc phòng, dịch chuyển vài ma-nơ-canh trông như mấy con bù nhìn lạc chỗ, và hãnh diện chỉ vào một cái tủ lớn có hai cánh cửa. Ngồi trên đó là một người Ấn Độ bằng kích thước người thật trầm ngâm bên một bàn cờ.

“Xin đừng nói với tôi đó chính là nguyên bản kỳ thủ của Maekel nhé!”

Twist kêu lên, đẩy về ngưỡng mộ.

“Maelzel? Chưa bao giờ nghe đến,” Hurst lau bà, đứng cách vài thước và nhìn cái tủ đầy về ngờ vực.

“Không, dĩ nhiên là không rồi,” ông Gordon trả lời. “Chỉ là một bản phục dựng thôi. Bản gốc, như ông biết rõ, bị thiêu cháy ở Philadelphia. Nhưng, ông thanh tra, hãy lại gần hơn và mở hai cánh cửa ra. Ông không thể biết điều gì đang chờ đợi bên trong đâu.”

Hurst làm theo, với đôi chút lo lắng. Ông thận trọng mở cửa, như thể lo ngại một sinh vật độc ác sắp nhảy ra, sau đó trân trân nhìn cỗ máy phức tạp. An tâm với một thứ chỉ là máy móc, ông khoác lác, “Tôi sẽ treo cổ tự sát nếu đồng sắt vụn này có thể đánh thắng tôi.”

“Ngay lúc này, nó không thể hoạt động vì đang bị thiếu một thứ quan trọng,” ông Gordon nói. “Nhưng nếu nó hoạt động, tôi khuyên ông không nên đánh cược như vậy, trừ phi ông muốn kết thúc bằng việc lủng lảng trên chiếc thòng lọng. Nó đã đánh bại Nữ hoàng Áo và cả Napoleon rồi đấy. Lời giải thích rất đơn giản: có một người nấp bên trong.”

“Cái gì? Bên trong đấy à? Một người bình thường làm sao vừa được.” Ông nhìn lại bản thân như thể đang tự ướm thử mình vào chiếc tủ.

“Hừm. Rõ ràng so với anh thì hơi khó,” Twist trả lời. “Thực tế, đó là một sĩ quan người Ba Lan bị cụt hai chân và rất giỏi chơi cờ. Trước mỗi ván đấu, cửa tủ *được mở ra từng bên một*, cho phép anh chàng đó ẩn sau cánh cửa vừa đóng. Khi cả hai cánh cửa đều đóng lại, anh ta chui vào hình người Ấn Độ rỗng ruột. Anh ta có thể quan sát ván cờ từ một cái khe nhỏ ở bộ râu và đặt tay vào bên trong người máy để di chuyển quân cờ.”

“Vâng, chỉ đơn giản vậy thôi!” ông Gordon nói, bật cười và nhìn viên thanh tra. “Anh ta lách vào *phần thăn rỗng*. Anh ta nấp *bên trong người máy* và...” Ông dừng lại khi nghe thấy tiếng động cơ xe hơi và tiếng đóng cửa. “Tôi nghĩ con gái tôi và Donald vừa quay về.”

15

CHỮNG CỬ NGOẠI PHẠM

Nét vui vẻ và hạnh phúc trên mặt Sheila và người tình của cô biến mất ngay khi biết tin dữ. Họ tái mét khi nghe kể lại cụ thể tình huống cái chết của Peter Moore.

“Anh nghĩ sao về toàn bộ chuyện này, anh Ransome?” Hurst hỏi.

“Tôi nghĩ gì về chuyện này à?” tay diễn viên nhắc lại, người cứng đờ trong bộ trang phục dạ tiệc hoàn hảo không chê vào đâu được. “Ông muốn tôi nói gì đây? Đó là một tai nạn, một vụ tai nạn khủng khiếp.”

“Dĩ nhiên rồi,” viên thanh tra nói với nụ cười thỏa mãn không thoát khỏi sự chú ý của Ransome.

Hurst quay sang cô con gái của ông Gordon.

“Cô Forrest, lát nữa chúng tôi muốn hỏi cô vài câu về anh Moore. Còn bây giờ, chúng tôi cần trao đổi với người yêu cô và ông Gordon về một số việc có lẽ không liên quan đến cô.”

Cô gái trẻ nhìn cha dượng vẻ kỳ lạ, ông ta mỉm cười dịu dàng với cô:

“Con vui lòng để chúng ta ngồi lại vài phút chứ, con yêu, và đợi các quý ông đây ở thư viện nhé?”

Sheila thầm thể hiện sự đồng ý bằng cách đứng lên và đi ra, sau đó Hurst kể câu chuyện lời thách thức, như đã được Peter Moore thuật lại, với sự chính xác tuyệt đối, chỉ bỏ lơ một chi tiết nhỏ.

Ransome lắng nghe viên thanh tra với vẻ chăm chú và không hề ngắt lời. Rất lạ lùng, câu chuyện xem ra có tác dụng củng cố sự tự tin thường lệ cũng như phong thái thoải mái xác xược của anh ta. Mắt Ransome ánh lên thích thú khi viên cảnh sát kết thúc phần kể.

“Tôi bắt đầu hiểu vài việc,” anh ta châm chọc. “Trước hết là sự có mặt của các ông ở Green Man buổi tối hôm kia. Thật khó tin. Các ông không định nói với tôi các ông tiếp nhận câu chuyện một cách nghiêm túc đấy chứ? Hãy nhìn

chúng tôi xem. Trông chúng tôi có giống những kẻ thù đáng sợ của các ông không?”

Hurst đáp lại, “Ba mươi sáu tiếng trước, một người đến chỗ chúng tôi kể rằng một trong hai ông sẽ gây án. Giờ người đó chết. Nói rất thành thực, anh Ransome, anh sẽ nghĩ gì nếu ở vị trí của chúng tôi?”

Tay diễn viên ngả người trên ghế và bắt chéo chân. “Tôi hiểu mà. Theo ông, số phận chọn tôi cho những điều cao cả hơn. Cứ cho rằng nhận định đó đúng đi thì, thưa ông thanh tra, tôi sẽ để lại sau lưng thật nhiều manh mối nhằm vào Gordon - *cho anh ấy bị buộc tội sát nhân* - chứ không phải thực hiện một tội ác nhằm vào kẻ xa lạ vô danh trong quá trình đột nhập một căn hộ.”

“Tin tôi đi, anh Ransome, chúng tôi đều đã tự hỏi mình nhiều câu hỏi, kể cả câu hỏi đó, và chúng tôi đã đạt được một chút tiến triển trong cuộc điều tra. Và cũng xin nhớ cho rằng chúng tôi có lý do chính đáng để tin những gì anh Moore kể là một chuyện bịa đặt và anh chẳng có liên can gì đến cái chết của anh ta. Nhưng chúng tôi cần loại bỏ những nghi vấn còn lại về vai trò của anh. Vì thế, hãy cho chúng tôi biết anh ở đâu lúc 11 giờ.”

Vẫn nhìn thẳng vào Hurst, tay diễn viên nghĩ một lúc rồi trả lời, “Tôi nghĩ anh Gordon đã nói với các ông, Sheila và tôi ở đâu: nhà Guy Williams trên phố Fenchurch.”

“Trong một buổi khiêu vũ hóa trang, phải không nhỉ?” Hurst nói bằng giọng gợi ý thấy rõ.

Donald Ransome bật cười khùng khục.

“Đúng vậy. Một buổi khiêu vũ hóa trang. Nhưng tôi làm ông thất vọng mất, ông thanh tra, bởi vì thứ tôi dùng để hóa toang, cũng như Sheila, chỉ là một dải satin đen nhỏ chẳng đánh lừa được ai. Nói cách khác, ngoài người yêu tôi ra, tôi có thể mời cả tá những người đáng tin cậy; sẵn sàng khẳng định họ đã thấy tôi trong suốt buổi tối từ 9 giờ kém 15 phút đến tận 1 giờ rưỡi sáng. Không chỉ có thế, tôi còn thường xuyên có mặt ở quầy rượu, dưới sự giám sát của một người có lẽ ông biết, ông Bill Masters, trung sĩ điều tra của Sở Cảnh sát Luân Đôn.”

Hurst gật đầu. “Tóm lại, anh có thể kể lại từng phút hoạt động được chứ?”

“Đương nhiên không thể từng phút. Thêm nữa, có chuyện hơi kỳ quặc...”

Ransome cười nhảu nhỏ.

“Tôi muốn kể với ông ngay lập tức, bởi vì nếu nghe từ người khác ông sẽ lại nảy ra vài ý tưởng. Khoảng 11 giờ, hay có lẽ trước một chút, một người đến chỗ tôi, bảo rằng tôi có điện thoại. Tôi đi ra sảnh và - ông sẽ phì cười, nhưng nhiều cô hâm mộ tôi thuộc loại rất bạo dạn - một cô tên Jill hay Jenny gì đó ở đầu dãy bên kia đòi gặp tôi bằng được để xin chữ ký. Không hiểu sao cô ấy biết tôi có mặt ở bữa tiệc của Guy, tình cờ bấy giờ cô ấy lại ở nhà một người bạn, ngôi nhà ấy lại tình cờ ở gần nhà Guy, nên hỏi liệu cô ấy có thể ghé qua được không? Cô ấy nói chỉ hai phút nữa sẽ có mặt ở cửa trước và nài nỉ tôi ra gặp.”

Anh ta châm một điếu thuốc và nhún vai về thờ ơ.

“Ông biết đấy, trong nghề của chúng tôi, xem thường công chúng không phải là chuyện hay ho gì, cho nên tôi ra ngoài và viết vội mấy dòng lên mảnh giấy của cô ấy và quay vào. Xin đừng bắt tôi mô tả nhân dạng chi tiết. Đó là một người ngăm đen không có điểm gì đặc biệt ấn tượng cả và mặc chiếc áo choàng sáng màu. Tôi chỉ kể được đến thế thôi.”

“Tất cả mất bao lâu?”

“Kể cả cuộc điện thoại, khoảng mười phút Dù thế nào thì Bill Masters, Sheila và rất nhiều người khác cũng có thể làm chứng tôi không hề đi vắng quá mười lăm phút.”

Hurst rút sổ ghi chép ra, hí hoáy viết rồi nói, “Như vậy sự việc diễn ra từ 11 giờ kém 5 phút đến 11 giờ 5 phút.”

“Loanh quanh khoảng ấy. Tôi đâu có nhìn đồng hồ. Bây giờ nếu có thể, tôi xin hỏi ông một câu, thưa thanh tra. Mất bao lâu để đi từ đây đến phố Fenchurch bằng xe hơi?”

“Để xem nào... vào giờ này buổi tối và với lái xe có kinh nghiệm, theo tôi khoảng mười lăm phút.”

“Như thế là rất gấp gáp, nhưng chúng ta cứ nói rằng nửa tiếng đi và quay về. Cộng thêm thời gian thực hiện hành vi ném đá giấu tay mà các ông nghi ngờ cho tôi. Tôi xin để ông làm phép tính.”

“Rất tốt,” Hurst đáp, gõ gõ cuốn sổ bằng đầu bút chì. “Nếu tất cả mọi người xác nhận câu chuyện của anh, thì chẳng có gì phải sợ cả. Quay trở lại câu chuyện của Peter Moore, ông Gordon: theo ông, đây toàn là những lời nói dối từ đầu tới cuối.”

“Đúng, mà cũng không hẳn. Donald có đến gặp tôi vào chiều thứ Tư. Các

chi tiết về đời tư của vợ chồng tôi là chính xác, và quả tình là tôi có đánh mất một viên bi sau thảm kịch của vợ tôi.”

“Nói cách khác, anh ta dựng lên câu chuyện từ các dữ kiện có thật?”

“Đúng. Và chẳng có gì lạ, Peter ở vị thế biết được hết mọi chi tiết.”

Vị thám tử nhẹ nhàng tiếp tục, “Liên quan đến những chi tiết ấy, thưa các quý ông, có một điều trong câu chuyện của anh Moore mà tôi chưa đề cập. Nó có thể chẳng là gì, nhưng tôi muốn nghe ý kiến của các ông.”

Nói xong, Archibald Hurst nhắc thân hình ngót chín mươi cân của mình khỏi ghế, đường bệ đi ngang qua phòng, nhặt một vật trong hốc tường và quay trở lại, giấu vật đó sau lưng. Bằng một động tác đột ngột, ông đặt con búp bê bác sĩ dịch hạch lên bàn.

Cả phòng im lặng, ông Gordon và Donald Ransome bất động như chính con búp bê mũi dài kia.

“Chỉ hơn hai mươi tư giờ trước, thưa các quý ông, chúng ta đã nói về mặt nạ và tôi có nhắc đến một vụ án hình sự trong đó hai kẻ sát nhân mặc trang phục giống như người bạn nhỏ của chúng ta ở đây. Một nhân vật tương tự xuất hiện trong câu chuyện của Peter Moore vào đúng thời điểm ông Gordon giải thích những quy tắc của cuộc đọ sức trắc việt, ông nói với anh Ransome về ‘mối dây gắn kết chúng ta: diễn xuất và biên kịch, cụ thể hơn, trong trường hợp này, là *trò chơi và án mạng* ông còn nhớ chứ? Rất tốt. Nhưng điều tôi chưa hề đề cập là, trong lúc nói những lời ấy, ông Gordon đã nhặt con búp bê nhỏ bé đây lên và đưa mắt nhìn anh Ransome, như thể mấy từ *trò chơi và án mạng* có liên hệ trực tiếp đến vị đại diện của ngành y khoa này vậy.”

Tay diễn viên và nhà viết kịch cứng đờ người như thể được đeo từ đá, nhưng có gì đó trong mắt họ đã tiết lộ một cảm xúc mãnh liệt.

“Thưa các quý ông, các ông nói rằng câu chuyện của Peter Moore dựa trên một số điểm không phải là hư cấu. Vậy thì đây là câu hỏi của tôi: ý nghĩa của *hoạt cảnh* đó là gì? Nói cách khác, Peter Moore đang ám chỉ đến cái gì?”

Donald Ransome toan mở miệng, nhưng ông Gordon Miller đã ngắt lời anh ta, “Tôi có chút khó chịu khi nghe ông nói đấy, ông thanh tra. Làm sao ông có thể gán chuyện quan trọng như vậy với một chi tiết vớ vẩn đến thế, đặc biệt khi chính ông thừa nhận rằng gã thư ký của tôi đã bịa ra phần lớn câu chuyện? Nhưng để trả lời câu hỏi của ông, *hoạt cảnh* đó không có ý nghĩa gì

hết. Cậu thì sao, Donald?”

“Không, tôi còn không nhớ nữa.”

“Còn có một cách giải thích rất đơn giản,” ông Gordon nói tiếp. “Peter Moore chắc chắn đã nghĩ ra chi tiết đó để thêm mắm dặm muối câu chuyện của gã và nhấn mạnh đến tính chất đáng ngại của nó. Gã thừa sức bảo tôi đã nhặt cái đầu của Landru, hay của Crippen lên.”

“Đúng là như vậy,” Hurst trả lời, gật gật đầu. “Giờ, tôi sẽ nói với các ông về vụ án tôi vừa nhắc đến, nó xảy ra chỉ vài tháng trước.”

Viên thanh tra kể lại vụ án mạng kỳ quặc xảy ra vào đêm 31 tháng Tám. Đến cuối cùng ông mới hé lộ nhân dạng của nạn nhân.

“Người đàn ông bị giết bằng hai nhát đâm của một con dao ấy có tên David Cohen. Một cái tên, tôi xin cam đoan, không hề xa lạ với các ông. Chí ít không hề xa lạ với cô Sheila, *bởi vì chúng tôi biết cô ấy là vợ chưa cưới của anh ta.*”

16

QUÝ CÔ SHEILA

Sự im lặng nặng nề bao trùm căn phòng. Rõ ràng, cú đánh của Hurst đã công hiệu.

“Một câu chuyện thật hay!” Ông Gordon thốt lên, nhắc lấy chai whisky và rót đầy ly của mọi người. “Thật sự, thưa ông thanh tra, ông vừa thể hiện trí tưởng tượng chỉ trong một đêm vượt xa tôi trong cả sự nghiệp của mình.”

“Cái ‘câu chuyện’ như ông gọi, ông Gordon, là ‘sự thật’.”

“Thôi nào! Người ta biến mất như phép màu và sau đó xuất hiện trở lại một cách kỳ diệu không kém. Hẳn là một trò đùa! Ngay cả những cây viết trinh thám giàu sức tưởng tượng nhất cũng chưa bao giờ dám viết ra giấy tình tiết kỳ cục như thế. Thưa nhận đi, ông đang trêu đùa chúng tôi rồi!”

“Như vậy ý ông là ông không hề biết David Cohen phải không?” Hurst hỏi, đôi mắt nhú lại vẻ đáng ngại.

“Xin đừng gán lời vào miệng tôi. Dĩ nhiên chúng tôi biết anh ta, mặc dù phải nhấn mạnh rằng: anh ta chỉ đến đây một hay hai lần thôi. Chúng tôi đã biết về vụ án này trên báo. Giờ tôi mới nhớ lại, anh ta được tìm thấy trong một thùng rác với một vết thương ở bụng.”

“Hai nhát dao đâm, chính xác là vậy,” Hurst xác nhận. “Và báo chí chỉ cung cấp những chi tiết qua loa bởi chúng tôi không cho phép họ in thêm. Còn bây giờ, thưa các quý ông, tôi muốn có lời giải thích cho hành vi kỳ lạ của các ông.”

“Hành vi kỳ lạ nào chứ?” Gordon Miller la lối. “Ông không định buộc chúng tôi tội giết người, chỉ vì có mấy kẻ đê tiện giả trang như... như con búp bê này đây chứ?”

“Tôi đang hỏi, tại sao khi biết về vụ án mạng của David Cohen, ông lại không đến gặp cảnh sát? Anh ta là bạn trai của con gái ông kia mà!”

Gương mặt hồng hào tự nhiên của viên thanh tra đã chuyển sang sắc tía và

giọng ông cất lên đầy hăm dọa.

“Việc ra mặt khiến cô ấy, hay ông, hoặc ít nhất một ai đó trong nhà này cảm thấy không thoải mái sao?”

Ông Gordon nói, nhắm mắt lại như thể đang kìm cơn giận, “Ông thanh tra, tôi mong ông thông cảm cho. Xin hãy tin rằng tôi chưa bao giờ tán thành mối quan hệ này của con gái tôi. Tôi chẳng hề thù ghét các nhạc công nói chung, nhưng đám cú đêm chuyên biểu diễn ở những cơ sở hạng ba thì chưa bao giờ khiến tôi thấy tin tưởng cả. Ngay từ đầu tôi đã không ưa gã. Trông gã như một tên lưu manh và gốc gác không rõ ràng. Nói thẳng, tôi xem gã là một kẻ đào mỏ. Rất tiếc, Sheila lại có vẻ mến gã. Nhưng tôi luôn khoan dung với con bé trong quá trình nó khôn lớn, vì sợ rằng nếu tôi áp đặt luật lệ quá nghiêm khắc thì nó sẽ nổi loạn. Cho nên, tôi duy trì ứng xử kiên nhẫn, chưa bao giờ trách cứ con bé vì mối quan hệ của nó và cần rằng chịu đựng trong vài lần hiểm hoi con bé đưa gã về đây. Tôi cảm thấy chắc chắn, con bé sớm muộn rồi cũng nhận ra sai lầm của mình, nhưng chẳng ai biết được mọi việc sẽ kết thúc thế nào.

“Tôi phải thừa nhận mình đã thờ phào khi biết tin gã chết. Cái chương ấy trong cuộc đời con gái tôi, mặc dù kết cục của nó có thể bi thảm, giờ đã khép lại và tôi không còn muốn nhắc nhở đến gã đó nữa. Các tình tiết về cái chết của gã không phải mối quan tâm của tôi, vì tôi khá chắc chắn đó là sự sắp đặt của lũ trộm cắp. Ngoài ra, tôi không có ý định để tên tuổi mình dính dáng đến vụ việc bẩn thỉu ấy. Sheila hiểu rất rõ tình hình, tôi không phải nói gì nhiều. Bất luận thế nào, tôi tin thái độ của con bé đối với gã đã bắt đầu thay đổi rồi.”

Hurst trầm ngâm nhìn ông Gordon một lúc, sau đó đưa mắt sang Donald Ransome, người dường như vừa phát hiện ra mũ, giày của mình khá thú vị.

“Rất tốt, các quý ông,” viên thanh tra tuyên bố và chuẩn bị đứng lên ra về. “Chúng tôi cần hỏi cô Forrest vài câu trước khi đi. Chúng ta sẽ có cơ hội tiếp tục câu chuyện này vào một ngày sắp tới.”

Sheila Forrest không thể cung cấp thêm thông tin nào về Peter Moore. Cô chẳng biết gì về đời tư của anh ta. Anh luôn cư xử đúng mực với cô và cô không nhớ anh tâm sự bất kỳ chuyện gì ngoài phạm vi công việc của mình.

Thư viện là một căn phòng rất dài với những giá sách từ sàn tới tận trần ộp

khắp các bức tường. Những đồ đạc rải rác gồm một chiếc bàn nhỏ, một chiếc đèn sàn và hai chiếc ghế bành. Cô con gái riêng của vợ ông Gordon ngồi thu lu trên một trong hai chiếc ghế đó. Mặc chiếc váy dạ hội vải kim tuyến màu bạc, cô khớp với mô tả của Peter Moore. Mái tóc đen, mượt mà buông xuống hai vai càng làm nổi bật vẻ xanh xao trên gương mặt có những đường nét thanh tú và đôi môi đỏ như hoa lựu. Phần eo thon thả của cô gợi nhớ các cô người mẫu đại diện cho thời trang nước Pháp. Có gì đó bối rối ở ánh nhìn xa xăm, trống lỗng trong đôi mắt to đen, lấp lánh kỳ lạ của cô.

Im lặng. Hai nhà thám tử nhìn cô chăm chú suốt thứ hai. Tiến sĩ Twist nhận ra bàn tay cô run run. Suốt từ đầu ông là người duy nhất đặt câu hỏi cho cô gái trẻ, nhưng bây giờ đến lượt Hurst. Viên thanh tra đề nghị cô thuật lại buổi tối với Ransome. Sheila khẳng định những gì người tình cô đã nói. Anh ta ít khi rời khỏi tầm mắt của cô ngoại trừ quãng 11 giờ. Trong bao lâu? Hai mươi phút hay nửa tiếng thì cô không thể nhớ chính xác. Viên thanh tra muốn làm rõ chi tiết này nhưng Twist đã đổi chủ đề.

“Thời niên thiếu của cô ở Hoa Kỳ, cô không nhớ nơi đó sao?”

“Cuộc sống ở đây rất khác. Nhưng tôi không phải người hoài cổ.”

“Ồ, tôi cứ nghĩ...” Twist cau mày. “Có phải mấy năm trước cô quay lại đó không nhi?”

Một nét u ám thoáng hiện lên mặt Sheila và cô phải mất một lúc mới trả lời được.

“Vâng, để học hành. Tôi chỉ định ở một năm, nhưng mẹ tôi mất. Tôi muốn đợi một thời gian... trước khi quay về.”

Twist gật đầu thông cảm rồi tiếp tục. “Thật lạ, nhưng tên của cô, hoặc đúng hơn của cha cô, nghe rất quen. Tôi nghĩ là tôi đã gặp ông ấy, nhưng chắc phải hơn hai mươi năm rồi. Không, hay tôi nhầm chẳng, bởi vì tôi chưa bao giờ đặt chân lên đất Mỹ.”

Hurst ngờ vực nhìn bạn mình, Sheila thì không nhận ra điều gì cả.

“Ông ấy chỉ đến Anh một lần, và đúng lần ấy thì gặp mẹ tôi, ở Bristol.”

“Bristol,” tiến sĩ Twist nhắc lại, mắt lim dim. “Thế thì đúng rồi. Chú tôi sống ở đó và tôi thường đến thăm ông cụ.”

Hurst ngờ ngác. Bạn ông chưa bao giờ kể về một người họ hàng nào như vậy.

“Trí nhớ của tôi thật sự sa sút rồi. Tôi không tài nào nhớ được hoàn cảnh

có thể khiến chúng tôi gặp nhau.”

“Đợi một chút,” cô gái nói và đứng lên. “Tôi nghĩ tôi có một bức ảnh của ông ấy.”

Lúc cô trở lại, Hurst ném cho nhà tội phạm học một cái nhìn giễu cợt, nhưng Twist ra dấu cho ông đừng xen vào. Twist cầm lấy bức ảnh Sheila đưa và cảm ơn cô bằng một nụ cười thân thiện. Hurst ngó qua vai bạn mình, nhìn thấy một đôi vợ chồng tay cầm tay, đang dựa vào lan can một chiếc tàu thủy vượt đại dương.

Sheila giải thích, “Đó là cha và mẹ tôi, không lâu sau đám cưới, ngay sau khi họ rời Anh. Nhưng xin đừng kể với cha dượng tôi về bức ảnh này, bởi vì ông đã yêu cầu mẹ hủy tất cả hình ảnh của người chồng cũ. Ông... ông rất hay ghen.”

Twist trấn an cô, nhưng không rời mắt khỏi bức ảnh. Anna Radcliffe trông rất rạng ngời, thân hình mảnh dẻ của bà xem chừng còn mảnh mai hơn cả con gái mình. Mái tóc dài vàng óng thả bay trong gió, hoàn toàn trẻ trung bên cạnh Roy Forrest bấy giờ đang ở độ trung niên và phát phì. Ông ta thấp người, có gương mặt tàn nhang, tròn, dễ ưa với mái tóc vàng cắt cua.

Twist thú nhận, “Chắc tôi nhầm, tôi không nghĩ tôi từng gặp người này.”

Với tiếng thở dài hậm hực, như để nguyên rùa trí nhớ tệ hại và sự nhầm lẫn do nó gây ra, nhà tội phạm học trao trả bức ảnh cho thiếu nữ và cô lại cất nó vào chỗ cũ.

“Cô đính ước với Donald Ransome chưa lâu nhỉ,” Hurst nhận xét một cách vô tình.

Sheila ngồi xuống chiếc ghế bành, dõi nhìn về cánh cửa ở mé bên kia phòng mà như chẳng nhìn thấy gì. “Vâng, chỉ mới vài tuần.”

“Cô đã quen anh ta một thời gian rồi,” viên thanh tra tiếp tục, vẫn cố gắng tỏ ra không hề có chủ đích.

“Vâng, từ... từ lúc tôi rời Mỹ. Mẹ và tôi gặp anh ấy trong chuyến hải trình, khi tôi mới mười lăm tuổi.”

“Tôi chắc cô sắp kết hôn rồi nhỉ?”

“Vâng, mùa xuân năm sau.”

“Xin chúc mừng cô. Giờ tôi chợt nghĩ ra, tôi có đọc đâu đó rằng Donald Ransome có kế hoạch trở về Mỹ. Đúng thế không nhỉ?”

“Vâng, Donald đang dự tính thế.”

“VẬY là cô cũng sẽ trở về nơi mình chào đời.”

Sheila im lặng và vẫn bất động. Cô không hề có vẻ bối rối trước những câu hỏi hay muốn mau chóng kết thúc cuộc phỏng vấn. Gương mặt cô vô hồn và đầu óc như đang ở nơi khác, nhưng bàn tay lại mân mê cái móc chiếc túi dạ tiệc của mình vẻ bồn chồn.

Hurst có cảm giác mình như người vừa nói một câu bông đùa rồi chỉ có mình cười cợt. Ông đã đề cập đến chủ đề này mà chẳng hề báo trước, chờ đợi cơ hội thích hợp một cách vô vọng. Cuối cùng ông đành tiếp tục.

“Hai tháng trước, cô hẹn hò với người khác, anh David Cohen, có phải thế không?”

Sheila vụt nhìn ông với vẻ ngạc nhiên lẫn bối rối.

Chẳng đợi lời đáp, viên thanh tra tiếp tục kể qua về cái chết của chàng nhạc công, cẩn thận nhấn mạnh đến khía cạnh kỳ lạ và rùng rợn.

“Thật không thể tin nổi,” cô lẩm bẩm sau khi ông kể xong. “Tôi có đọc trên báo rằng anh ấy đã chết. Nhưng ai kể với các ông về chúng tôi chứ?”

“Một người bạn nhạc công của cậu ta,” viên cảnh sát nói dối. “Câu hỏi đầu tiên của tôi là thế này: cậu ta cố kẻ thù nào không? Hay cô có ý tưởng gì về kẻ tạo ra trò lừa tàn ác và kỳ quái này? Tóm lại, cô có bất kỳ thông tin gì may ra có ích cho việc điều tra của chúng tôi không?”

“Không, tôi không có ý tưởng gì cả,” Sheila trả lời, rút ra một điều thuốc nữa.

“Cứ nghĩ cho kỹ, thưa cô. Ai trong... trong giới của cậu ta có thể phải chịu trách nhiệm cho việc này?”

“Tôi không biết. Thật sự là tôi không biết.”

“Tốt lắm. Giờ đến câu hỏi thứ hai của tôi. Tại sao cô lại không liên hệ với nhà chức trách để tìm hiểu thêm xem chuyện gì đã xảy ra? Xét về mối quan hệ của hai người, tôi thấy điều đó là đương nhiên.”

Sheila cuống cuống nhìn quanh. Ánh mắt cô bắt gặp tiến sĩ Twist, ông đang quan sát cô, bình thản và hơi buồn. Cô châm điều thuốc, rít vài hơi rồi trả lời, “Lúc đó, David và tôi không được hòa hợp. Thực tế, tôi vừa định nói với anh ấy tôi sẽ ra đi. Khi nghe tin anh ấy chết...”

Cô dừng lại và, lần đầu tiên, các nhà thám tử thấy một tia cảm xúc trong đôi mắt to đen đã bắt đầu ươn ướt, “Tôi rất đau đớn. Chúng tôi không sinh ra để dành cho nhau. Nhưng dù sao, tất cả đã qua rồi. Đó là số phận. Vâng, là

vậy: số phận. Tôi nghĩ mình xuất hiện cũng chẳng để làm gì. Tôi không muốn nghĩ về David nữa. Tôi muốn quên anh ấy.”

“Tôi hiểu,” Hurst nói vội. “Thế ông Gordon có chấp nhận cuộc phiêu lưu đó không?”

Ánh nhìn xa xăm trở lại trong mắt người thiếu nữ. “Ông chưa bao giờ nhắc đến nó một cách cụ thể. Ông luôn nói tôi được tự do làm những gì tôi muốn. Mỗi lần David đến chơi, ông đón tiếp anh nhiệt tình, trò chuyện với anh như thể anh là bạn cũ, và...”

Lại một lần nữa, giọng cô lạc đi.

“Thế anh Ransome có gây ảnh hưởng gì đến... mối quan hệ của cô với người yêu cũ không?”

“Các ông muốn biết khi đó anh ấy đã yêu tôi chưa phải không?” Cô mỉm cười rầu rĩ, “Rồi, từ trước kia, thậm chí trước cả khi tôi gặp David. Nhưng Donald cảm thấy tôi còn quá trẻ, coi tôi là một đứa con nít.”

Viên thanh tra nói với vẻ nhăn nhó bi ẩn, “Nếu tôi hiểu đúng, thì ông ấy không quan tâm đến người yêu cũ của cô?”

“Họ khá hòa thuận. Rõ ràng Donald muốn đi xa hơn quan hệ bạn bè với tôi, nhưng không tính đến chuyện đó thì tôi nghĩ anh ấy thích David. Dù sao đi nữa họ cũng không thường xuyên gặp gỡ.”

Viên thanh tra trầm ngâm một lúc, rồi tiếp tục. “Cô có thể nói gì về David Cohen? Anh ta là tuýp người nào? Bạn bè anh ta là ai?”

“Bạn bè ư? Thật sự David không giao du với ai ngoài mấy người cùng chơi nhạc. Anh ấy hòa thuận với tất cả mọi người, nhưng chỉ ở mức xã giao. Là người cô độc xuất thân từ một gia đình nghèo, anh ấy ít khi đề cập đến bố mẹ, như thể thấy xấu hổ vì họ. Anh ấy có một ông bác trùng tên, đã chết trẻ trong bệnh viện tâm thần. Sự thật là, chúng tôi có rất ít điểm chung, ngoài âm nhạc và...” Sheila không kết thúc được câu nói vì nhận thấy tiến sĩ Twist đang chăm chú nhìn bàn tay cầm điều thuốc của cô, với vẻ buồn bã, u ám lộ rõ.

17

BƯỚC NGOẶT

Chủ nhật

Ngày hôm sau, cuối buổi sáng, tiến sĩ Twist ghé vào gặp thanh tra Briggs tại Sở Cảnh sát Luân Đôn. Ông chào hỏi người đàn ông thấp lùn có gương mặt nhăn nheo, và anh mỉm cười đáp lại mặc dù thiếu ngủ thấy rõ.

“Anh thấy đấy, công việc của chúng tôi ở Sở chẳng bao giờ hết cả. Tôi trực tối qua và giờ lại ở đây, vào một ngày Chủ nhật.”

“Cậu cần nghỉ một chút đi, thanh tra.”

“Nghỉ à? Phải đến cả tỉ năm kể từ lần cuối cùng tôi nghe nói đến cụm từ đó. Nghe này, đêm qua...”

“Một vụ án nữa à?”

“Một vụ mưu sát, nhưng không thành. Xe cứu thương chở nạn nhân, với hình hài biến dạng, lờ trốn một khúc cua. Mấy người có mặt thoát nạn, chỉ bị vài vết trầy xước, nhưng nạn nhân thì kẹt bên trong. Sự cố đã kết thúc nốt công việc của kẻ thủ ác. Anh ta là một... nhưng mà khỏi cần. Anh có đủ việc phải giải quyết rồi tôi đoán thế?”

“Liên quan đến vụ Moore, thanh tra. Tôi muốn hỏi cậu vài câu.”

“Được thôi, tôi sẽ đến và gặp anh ở văn phòng của Hurst ngay. Tôi sắp xong việc rồi.”

Twist hăng giọng, có vẻ bối rối.

“Tôi muốn tiến hành bây giờ. Nếu cậu không phiền. Có vài chi tiết nhỏ tôi muốn làm rõ, nhưng tôi e rằng nếu ông bạn Archibald của tôi nghe phong thanh được thì ông ấy lại đi lạc hướng mất. Và vì đến chính tôi cũng chưa chắc nên tôi không muốn chọc tức ông ấy. Cậu biết ông ấy thế nào rồi đấy: một khi đã vào cuộc thì không cách gì kéo ông ấy lại được.”

“Anh không cần phải giải thích với tôi đâu. Vậy mấy chi tiết nhỏ ấy là gì nào?”

Twist giải thích, khiến Briggs kêu lên:

“Thế thôi à? Đó là chuyện anh gọi là nhỏ à? Và anh thậm chí còn không có ý niệm rõ ràng về chi tiết thứ hai.”

Vài phút sau, Twist thấy Archibald Hurst trong văn phòng, vùi đầu vào một bản báo cáo.

“Có gì mới không, bạn của tôi?”

Viên thanh tra đặt đồng giấy tờ sang bên và ngả người ra ghế, vẻ mặt trầm ngâm.

“Không nhiều. Tôi đã gọi cho trung sĩ Masters, người phụ trách quầy rượu trong bữa tiệc của Guy Williams. Anh ấy xác nhận lời khai của Donald Ransome, mặc dù nghĩ gã vắng mặt lúc 11 giờ, cũng như cô Forrest, lâu hơn mười lăm phút một chút. Anh ấy đoán từ giữa 11 giờ kém 5 phút đến 11 giờ 20 phút. Ransome có hai mươi lăm phút để đến South Kensington và quay lại, làm cái công việc lừa đảo gì đó mà gã phải làm, và trở lại quán. Với bốn mươi lăm phút thì có thể. Với hai mươi lăm phút thì không. Gã có một bằng chứng ngoại phạm vững vàng. Tôi thậm chí đã kiểm tra tàu điện ngầm, chỉ để cho chắc. Tuyến South Kensington đóng cửa vào thời điểm đó. Tôi cũng đã gọi cho các đồng nghiệp ở Leeds. Mẹ của Peter Moore không bị ốm, và bố mẹ anh ta cũng không đón đợi con trai vào kỳ nghỉ cuối tuần. Anh ta không thông báo cho họ như thường làm khi có kế hoạch về thăm.

“Anh ta đã làm gì từ lúc rời nhà ông George Miller cho đến lúc chúng ta thấy anh ta bên cạnh bộ giáp? Chuyện gì xảy ra với mấy cái va-li và túi du lịch của anh ta? Tôi chưa có thông tin nào vào lúc này. Và tôi không nín thở chờ đợi.

“Theo kết quả toàn bộ các cuộc điều tra, chẳng có gì đối lập với lời khai của ông Gordon. Phát đạn chết người được bắn ra từ khẩu Remington và những dấu tay trên đó là của ông ta. Vụ trộm cắp đường như là thật và việc tự vệ trông có vẻ chính đáng. Bất luận thế nào, tôi cũng không lo lắng cho tương lai của con người này. Ông ta bào chữa được cho bản thân và có đủ quan hệ ở vị thế cao để thoát khỏi án phạt. Điểm chủ yếu giúp chúng ta kết tội ông ta là tàng trữ một khẩu súng lên đạn trong tư gia.”

Twist rút chiếc tàu bằng gỗ thạch nam của mình ra và trầm ngâm nhìn ông

bạn.

“Cho đến giờ thì nhận định của anh thế nào?”

Hurst thở dài.

“Tôi nghĩ, chúng ta đành phải chấp nhận rằng Peter Moore muốn cướp tài sản của ông chủ mình.”

“Thế theo anh, ý nghĩa câu chuyện anh ta kể là gì?”

“Nhận định còn rất mơ hồ. Nghĩ về chuyện đó xem, Twist: Điểm chính yếu của câu chuyện là gì? Phản ứng của chúng ta sau khi Moore về là gì? Tóm gọn lại: có một vụ giết người đang được lên kế hoạch, hoặc bởi ông Gordon hoặc bởi Donald Ransome. Moore biết rõ rằng chúng ta quen bọn họ.”

“Tôi hiểu. Moore muốn chúng ta khiến họ chú ý đến câu chuyện, trực tiếp hoặc gián tiếp.”

“Chính xác. Dĩ nhiên, anh ta nài nỉ chúng ta đừng kể với họ, nhưng điều đó chẳng có ý nghĩa gì cả. Chúng ta sẽ nghi ngờ nếu anh ta không làm vậy ấy chứ. Cứ nghĩ kỹ hơn mà xem: nếu kế hoạch khừ ai đó đã bị chúng ta phát hiện, mà Gordon Miller và Donald Ransome còn cố hoàn thành kế hoạch ấy, thì quả là một hành vi mạo hiểm, tệ hại. Có thể coi việc tố giác sớm này như một lời báo động, một loại bảo hiểm tử vong, mà Peter Moore là người hưởng lợi.”

“Có thể nói cách khác rằng: Moore lo sợ một hoặc cả hai người họ đều đang âm mưu giết anh ta, nên đây chính là cách anh ta làm nhục ý chí của họ. Anh cố thể đề xuất một động cơ không?”

“Chúng ta chỉ có thể suy đoán, nhưng tôi hình dung rằng dính dáng đến chuyện tổng tiền.”

“Liên quan đến vụ Cohen?”

“Giả dụ thế.”

“Đúng vậy. Nhưng vấn đề là thế này: Peter Moore bị Gordon Miller giết. Một vụ sắp xếp cao tay do ông ta thực hiện, giết được một người, lý do là tự vệ chính đáng. Đừng quên sự thật là ông Gordon chắc chắn nghi ngờ chúng ta đã biết về vụ thách thức. Thật sự, như vậy rất khó tin.”

“Nếu chúng ta cho rằng Moore là một kẻ tổng tiền bậc thầy và vì thế là một kẻ lừa gạt, chúng ta cũng có thể cho rằng anh ta sẽ chẳng chút do dự chuyện cướp của chính ông chủ mình. Dù thế nào, cũng chỉ trùng hợp ở chỗ

anh ta gặp bất ngờ và chết dưới tay ông Gordon.”

“Vậy anh gạt bỏ ý niệm về một vụ thách thức chết người?”

“Đương nhiên,” viên thanh tra mỉm cười trả lời. “Khi phải thừa nhận rằng thực tế chúng ta đã mê mẩn nó...”

Có tiếng gõ cửa và Briggs bước vào.

“Được rồi. Cậu nói hết đi,” Hurst nói thay lời chào. “Tôi nghĩ cậu không đến đây để nhìn chăm chăm vào đôi mắt đẹp của tôi.”

Thanh ứa Briggs, tỉnh bơ trước những lời châm chọc của đồng nghiệp, ngồi xuống, trên mặt hiện hữu nụ cười đã thành thói quen.

“Không có gì chắc chắn, tôi xin báo trước với các anh. Nhưng đã phần nào xác thực rằng câu chuyện của Peter Moore là bịa đặt. Vợ của một người bạn tôi biết Anna Miller rất rõ và bà ấy chắc chắn Anna không hề có người tình. Bà ấy tự nhận mình đủ thân với Anna để phát giác được bất kỳ dấu hiệu nào về một mối quan hệ thân mật. Vợ ông Gordon là một phụ nữ chung thủy, thành thật, ngay thẳng và không biết bội tín. Thỉnh thoảng họ có nói về Donald Ransome. Anh ta là một người bạn tốt của Anna Miller, không hơn. Nếu có gì đó giữa họ thì sớm muộn bà ấy cũng nhận ra. Trực giác phụ nữ mà.”

“Chà,” Hurst thở dài. “Có vậy thôi. Chết tiệt, chúng ta thật khờ khạo khi đã từng tin vào nó. Còn gì khác không?”

Briggs bình thản châm xì gà, rồi nói tiếp, “Vẫn theo chính người đó, mấy tuần cuối trước khi chết, bà Miller không được ổn lắm. Có vẻ bà ấy mất tinh thần, mỗi mệ, và gần như suy sụp, nhưng nguồn tin của tôi không biết tại sao.”

“Như vậy, vụ chết đuối có thể là một vụ tự tử?”

“Cũng không loại trừ khả năng, đặc biệt vì giả thuyết này được xác nhận bởi một nhân chứng có mặt trên bãi biển vịnh Herne vào cái ngày xảy ra bi kịch. Một đồng nghiệp kể tóm lược vụ việc cho tôi đã nói vậy, nhưng lúc nghe tôi không chú ý đến nó lắm. Nhân chứng chú ý đến vẻ mặt của người phụ nữ, tức bà Miller, khi bà ấy đến. Đó là gương mặt của người toàn những suy nghĩ u ám, không vui và ngã lòng. Nhân chứng khá cảnh giác theo dõi khi bà ấy đi ra chỗ bãi đá bởi nhận thấy bà không phải là người bơi giỏi. Nhưng, lạy Chúa! Ông ta lại không nhìn lúc bà ấy đi xuống nước để bơi ra biển.”

“Chà chà!” tiến sĩ Twist bật lên. “Có vẻ mọi việc trong nội bộ gia đình Miller không ổn tí nào.”

“Xem xét tất cả mọi chi tiết, tôi không thấy điều đó có gì lạ,” Hurst đáp lại vẻ châm biếm.

“Tôi không nói về hai vợ chồng Miller, Archibald, mà về cô Forrest, người dường như không hẳn là ngập tràn niềm vui. Nói chung, một thiếu nữ không bao giờ hút ma túy mà không có lý do. Đừng có nói với tôi là anh không nhận ra đồng tử cô ấy co nhỏ, gương mặt xanh xao, hai bàn tay run rẩy. Có thể chưa nghiêm trọng lắm, hoặc tôi nghĩ ông Gordon đã can thiệp. Một ít nhựa hoặc lá và hoa khô cần sa được trộn với sợi thuốc lá trong điếu thuốc của cô ấy... giống như loại tìm thấy trong phòng David Cohen. Rõ ràng cô ấy muốn ám chỉ nó khi nói về sở thích chung giữa họ.”

“Phố Fenchurch,” Briggs ngắt lời, đột nhiên tái nhợt. “Chính là nơi tổ chức buổi dạ hội hóa trang phải không nhỉ? Sự kiện mà Donald Ransome tham dự.”

“Đúng vậy,” Hurst cau mày trả lời. “Briggs, cậu cảm thấy không khỏe à?”

Briggs nói, “Twist, lúc này tôi có nói với anh về một vụ ám sát hụt trong đó nạn nhân chết vì tai nạn xe cứu thương. Vụ tấn công diễn ra đêm qua lúc 11 giờ ở phố Vine, chỉ cách phố Fenchurch một quãng ngắn đi bộ.”

Hurst bật lên vẻ bức tức, “Thì sao, chuyện đó thì liên quan gì...”

‘Nạn nhân là một ảo thuật gia. Tên anh ta chưa ghi chép trong hồ sơ cảnh sát. Nhưng là Kosminski... Stanley Kosminski.’

18

ÁN MẠNG TẠI PHỐ VINE

Khoảng 2 giờ chiều, hai nhà thám tử tới phố Vine. Hurst lái xe, trừng trừng nhìn về phía trước và chửi rủa mọi chiếc xe tình cờ chặn ngang lối của mình. Hai bàn tay nắm chặt vô lăng như dây leo, ông bấm còi inh ỏi với bất kỳ ai nhắc chân rời khỏi vỉa hè. Gương mặt ông phản ánh toàn bộ tâm trạng thích gây gổ, rất buồn cười là lại thể hiện qua mớ tóc cứ liên tục xòa xuống đôi lông mày cau lại.

“Có vẻ chuyện này chẳng hề làm anh bớt ngon miệng, Twist,” ông cầu nhàu. “Bạn rộn bù đầu nhưng thế nào mà anh vẫn có thời gian gọi đến món khai vị thứ hai, và cả tráng miệng nữa.”

“Theo định nghĩa, bất kỳ loại công việc nào cũng cần tiêu hao năng lượng. Mà năng lượng chỉ có thể được bổ sung nhờ hấp thụ thức ăn.”

“Tôi hiểu,” Hurst châm chọc. “Anh đang nói về công việc trí não của anh. Mà như thế, tôi sẽ không lo cho những tế bào chất xám của anh; chắc chắn chúng không chết đói rồi. Nhưng nói tôi nghe xem, anh nhồi nhét như vậy mà chúng không buồn ngủ à?”

“Chắc chắn là không.”

“Bất luận thế nào, nếu anh không bận tâm, thì gần đây chúng không được năng suất cho lắm. Dường như anh không phải là anh mọi khi.”

“Chúng ta phải thừa nhận vụ này khác hẳn bình thường.”

Hurst bấm còi, hai khách bộ hành khinh suất chạy vụt qua phố Oxford như những chú thỏ bị giật mình. Hurst nói, “Thực là một cơn ác mộng. Anh thấy không, chẳng có một mẫu dù kiện nào để chúng ta tin tưởng vào. Mỗi lần tưởng rằng đã nắm thóp được gì đó, thì hóa ra lại chẳng là gì cả và trở lại vạch xuất phát. Tôi có cảm giác chúng ta còn tệ hơn khi bắt đầu.”

“Peter Moore kể một câu chuyện bịa đặt, anh ta chết và chúng ta buộc phải chạy theo. Các thỏa thuận trong vụ thách thức dường như cho thấy Ransome

là thủ phạm. Anh ta có chứng cứ ngoại phạm vững chắc, chúng ta đã lần theo một đầu mối sai lệch, và anh chàng thư ký có vẻ là kẻ dối trá. Thật tình cờ, một vụ án nữa lại xảy ra đúng vào thời điểm Peter Moore bị ông Gordon giết. Nạn nhân là người chúng ta đang vô vọng tìm kiếm suốt hai tháng qua: kẻ tòng phạm bị ẩn trong vụ giết hại David Cohen, một vụ án mạng thực hiện trong tình thế gần như trò ảo thuật, kẻ rất có thể là một ảo thuật gia. Khi chúng ta vừa bắt đầu nghi vấn về sự tham gia của ông Gordon và tay bạn diễn viên của ông ta, thì lại xảy ra vụ giết hại Kosminski khiến mọi quân bài xáo trộn.

“Thêm một sự trùng hợp kỳ lạ nữa, vụ tấn công này xảy ra gần một bữa tiệc mà Ransome tham dự, anh ta đã lên ra ngoài khoảng hai mươi phút đúng thời điểm vụ tấn công. Mọi dấu hiệu tập trung về khả năng anh ta là thủ phạm. Nhưng đến thời điểm này, rõ ràng chúng ta không thể không nghĩ về trận so tài nổi tiếng kia. Nếu vậy, ông Gordon đã giết Kosminski và đổ trách nhiệm cho bạn mình. Nhưng ông Gordon lại có chứng cứ ngoại phạm vững vàng, cũng như Ransome có chứng cứ ngoại phạm vững vàng với cái chết của Peter Moore.

“Đủ để khiến người ta phát điên. Chúng ta biết rằng một vụ án đang được lên kế hoạch từ một lời thách thức đấu tay đôi và, khi anh còn chưa kịp biết nó là gì, thì đã có hai vụ, thực hiện gần như cùng thời điểm, một vụ ám chỉ đến âm mưu của ông Gordon, vụ kia lại là âm mưu của Donald Ransome. Mỗi người đều có chứng cứ ngoại phạm vững chắc cho cái bẫy của họ. Tóm lại, vụ việc kép này chính thức chứng minh cho giả thuyết về vụ thách thức, đồng thời cũng lại phủ nhận nó.

“Thỏa thuận trong lời thách thức chỉ rõ rằng bất kỳ ai mà số phận chỉ định sẽ thực hiện một tội ác theo cách quy tội cho người kia và người thứ hai có thể dùng bất kỳ hình thức tự vệ nào nhưng không được nhắc gì đến cuộc đấu. Bất kỳ hình thức tự vệ nào,” Twist trầm ngâm nhắc lại. “Sẽ thế nào nếu một người được cho là chủ thể của vụ án đầu tiên lại chọn ‘tấn công’ làm phương pháp tự vệ, và giăng một cái bẫy tương tự cho đối thủ của mình?”

“Cực chẳng đã, thì tôi có thể chấp nhận chuyện đó,” Hurst thở dài, “nếu cả hai vụ đều không được thực hiện chính xác cùng thời điểm. Hơn nữa, chứng cứ ngoại phạm của họ...”

“Mỗi người đều có thể có một đồng phạm,” nhà tội phạm học nói không

mấy thuyết phục. “Anh đúng đấy, Archibald, tôi khó lòng chấp nhận một sự trùng hợp quá rõ như thế. Tuy nhiên, có một lời giải khác: ông Gordon chỉ quan tâm đến việc giết anh chàng thư ký của mình còn Donald Ransome lo Kosminski. Không hề có chuyện thách đấu bí mật, chỉ là công việc. Động cơ cho các vụ giết người là gì? Kosminski rất có thể là một nhân chứng phiền phức trong vụ Cohen. Gã là đồng phạm của bọn họ, chừng nào còn sống thì gã cũng là mối hiểm họa cho họ. Về Peter Moore, bọn họ loại anh ta sau khi phái anh ta đến đánh lừa chúng ta về chuyện ‘thách thức’ để che mắt chúng ta trước những điều hiển nhiên.” Ông lắc đầu, “Mà không, không thể như thế. Không có câu chuyện của Peter Moore, chúng ta sẽ chẳng bao giờ có mối liên hệ tới vụ giết hại Cohen, chẳng bao giờ tìm thấy gì đáng ngờ về vụ đột nhập bí mật, và chẳng bao giờ điều tra ra Ransome có liên hệ với Kosminski.”

Hurst vào số rất mạnh. “Trời ơi, Twist, thôi nào. Tất cả những gì chúng ta làm trong hai ngày qua là hình thành hết giả thuyết quái dị này đến giả thuyết quái dị khác.”

“Nhưng nhất định phải có một giả thuyết đúng.”

“Tôi biết: cái thứ bảy. Giả thuyết thứ bảy nổi tiếng của anh. Với tốc độ chúng ta đang đi, chắc nó phải là cái thứ mười hoặc thậm chí mười hai ấy chứ.” Ông giận dữ ần còi hai lần. “Mẹ kiếp! Hôm nay mọi người làm sao vậy? Họ cứ lao vào bánh xe của tôi.”

Tiến sĩ Twist rất muốn thuyết phục bạn mình bình tĩnh, nhưng ông biết, dù gợi ý thế nào thì cũng sẽ chỉ đem lại hiệu quả ngược lại.

Ông nói, “Nếu chúng ta đứng lùi ra xa và xem xét lại vấn đề, thì dường như vụ giết hại David Cohen là xuất phát điểm hợp lý. Có ba khả năng: Một, Ransome thực hiện vụ đó. Hai, Miller thực hiện. Ba: họ cùng làm. Từ các sự việc, khả năng thứ ba có vẻ chắc chắn nhất. Chúng ta cũng có động cơ cho từng trường hợp: Donald, vì yêu Sheila, muốn loại bỏ tình địch; ông Gordon, lo ngại cho tương lai con gái mình, muốn loại bỏ kẻ đào mỏ.”

“Trừ phi có liên quan đến ma túy, mà trong trường hợp đó thì Miller và Ransome đều có thể là kẻ phải chịu trách nhiệm.”

“Ông Gordon ư? Với con gái ông ta là khách hàng ư? Anh đùa chẳng? Anh thật sự bị ám ảnh rồi. Nếu anh buộc phải đi theo luận điểm đó, thì hãy làm một chuyến đến câu lạc bộ nơi Cohen chơi nhạc. Anh sẽ thấy một gã bán ma túy tởm lợm và thế là kết thúc. Việc có thể làm là gán cho hai đối tượng

tình nghi của chúng ta một động cơ nữa, nếu họ tin Cohen môi giới ma túy cho Sheila. Nhưng chẳng có gì chứng minh rằng mọi việc không đi theo hướng ngược lại.”

“Anh có cơ sở nào cho nhận xét cuối cùng không?”

“Có và không. Nhưng tôi không muốn làm rối suy nghĩ của anh thêm nữa chỉ vì chuyện gì đó mà tôi chưa có chút bằng chứng nào. Nhưng tôi sẽ nói thế này: Xem chừng cô Forrest đang chất chứa một nỗi buồn rất khác thường so với một cô gái ở tuổi như vậy. Có thể nói là gần như chẳng còn động lực gì để sống tiếp nữa. Đừng hiểu chuyện này phức tạp lên, nhưng tôi cho rằng cô ấy đã sử dụng ma túy trước khi gặp anh Cohen.”

“Thế đấy, anh lại chơi trò ảo thuật rồi,” viên thanh tra cầu nhàu, răng nghiến chặt. “Xin anh nhớ cho, tôi thích như thế hơn là nghe anh đong đếm chuyện phải trái đúng sai của mọi tình tiết nhỏ nhặt trong vụ này.”

“Tôi xin nhắc anh rằng anh chưa hề biết ngại trong lĩnh vực đó.”

“Tôi biết, Twist, tôi biết. Đây chính là vấn đề. Dù có quay ngược thời gian đến đâu thì tôi cũng không thể nhớ nổi một vụ án khiến chúng ta phải tranh luận nhiều đến vậy, dựng lên nhiều giả định đến vậy, kết hợp nhiều khả năng đến vậy, nêu ra nhiều giả thuyết đến vậy, rồi gạt bỏ, và lại và nghiền ngẫm chúng...”

Họ không nói thêm lời nào cho tới khi đến phố Kenchurch, ở đây Hurst đi chậm lại. Ông chỉ về mặt tiền trang nhã và ấn tượng của một tòa nhà bên trái, gần cuối phố.

“Guy Williams sống ở đó đấy,” ông nói.

Đi tiếp một trăm thước nữa, họ vào phố Aldgate. Họ rẽ phải, phóng vào phố Jewry rồi rẽ trái, sang phố George, cuối cùng mới vào phố Vine chật hẹp và tối tăm.

Bên phải là bức tường ngăn buồn tẻ và gớm guốc của một nhà kho. Đối diện bức tường là cụm nhà ba tầng tua tủa những cây cột đang phơi đầy quần áo của cư dân: đúng là màn trình diễn của những mảnh cờ trắng nổi bật trên nền tường gạch đen và bầu trời xám xịt.

Chiếc xe chạy lạo xạo trên lớp đá cuội gồ ghề được vài thước, rồi dừng lại trước nhà số 8, đỗ sau một chiếc xe cảnh sát.

“Johnson đã tới rồi,” viên thanh tra nói và tắt máy. “Anh nghĩ sao, Twist? Từ đây tới nhà Guy Williams, chưa đây nửa dặm phải không? Như vậy là đi

bộ năm phút với tốc độ bình thường. Nếu rảo chân, chưa đầy bảy phút vừa đi vừa về, như thế dư ra ít nhất mười phút để... Ta đi nào.” Sau hồi chuông dài, một người phụ nữ có bộ mặt cáu kính ra mở cửa và nhìn họ đầy nghi ngại.

“Tầng ba, đầu tiên bên phải,” bà ta rít lên, trước khi họ kịp giới thiệu bản thân.

Hurst thở phì phò và hỗn hển sau ba đợt cầu thang họ đến một hành lang tối tăm nồng nặc mùi mốc meo. Ông đẩy một cánh cửa đã mở hé và, với những bước nặng trĩu, tiến vào căn hộ của Stanley Kosminski. Hạ sĩ Johnson đang khom mình bên cái bàn dưới cửa sổ, đứng thẳng lên và chào họ.

Hurst tiến vào căn phòng bần thiêu. Hai chiếc tủ lắp gương kê đối diện nhau; một chiếc giường bừa bộn loang lổ những đốm thẫm màu; bên trái giường là một chiếc bàn; bên phải là một chiếc tủ ngăn kéo chất đống sách. Các bức tường phủ giấy dán đã bạc màu, có rất nhiều hình chụp các nghệ sĩ xiếc và nhà hát ca múa nhạc. Cánh cửa để ngỏ dẫn tới một phòng tắm nhỏ xíu.

Viên hạ sĩ hất cằm ra dấu có gì đó trên bàn. Hai nhà thám tử nhìn cái hộp giày mà lúc họ vào đến anh ta đang kiểm tra, rồi cùng bật kêu lên ngạc nhiên khi thấy thứ bên trong.

“Tôi tìm thấy lúc các anh vào,” Johnson nói. “Nó ở trên nóc tủ.” Anh thọc tay vào hộp và rút ra một nắm tiền, “Chắc đây là thu hoạch cả năm trời ở cái nhà hát tồi tàn nơi anh ta làm việc.”

Viên thanh tra nhặt một nắm tiền và ướm nặng nhẹ trên tay, như thể đó là tiền lời từ một khoản đầu tư khôn ngoan. Nở nụ cười bi hiểm, ông trả bằng chứng về chỗ cũ rồi ngồi xuống một chiếc ghế và nhấc mũ ra.

“Động cơ của vụ án đã rõ ràng,” viên hạ sĩ nói.

“Tôi sẽ rất ngạc nhiên đấy,” Hurst đáp lại.

“Nhưng...”

“Tiền vẫn ở đây, phải không? Và nhất là lại được cất giấu chẳng kĩ càng.”

“Anh biết mà, kẻ tấn công không có nhiều thời gian để sục sạo, bởi vì...”

“Tôi biết, Briggs nói với tôi rồi. Nhưng hãy cho tôi biết, Johnson, liệu vụ này dễ dàng đến vậy, thì tôi có ở đây không?”

“Ồ, tôi...” viên hạ sĩ trẻ lăm bằm, đầu gằm xuống như một cậu học sinh bị bắt quả tang quay cốp.

“Được rồi. Kể cho chúng tôi mọi điều cậu biết đi.”

Johnson bước lại cái tủ ngăn kéo và chỉ bức ảnh người đàn ông cao, vóc dáng vạm vỡ đang cúi xuống một cái rương cắt làm đôi, bên trong có một thiếu nữ với phần đầu lấp ló ở một bên và chân ở phía bên kia.

“Là anh ta đấy, Stanley Kosminski. Áo thuật gia chuyên nghiệp. Cho tới tối qua, anh ta vẫn thường xuyên biểu diễn ở một nhà hát tồi tàn trong ngõ phía sau đường Commercial, không xa đây lắm.”

“Cảm ơn cậu. Tôi có biết khu đó.”

Johnson vờ như không nghe thấy và tiếp tục. “Sáng nay tôi có gặp ông chủ một lát. Nhà hát phải đóng cửa vài tuần để sửa chữa. Qua đó ta hiểu tại sao tối qua Kosminski lại ở nhà. Khoảng 11 giờ, mấy người thuê phòng gần đây nghe thấy những tiếng huỳnh huých rất rõ, có tiếng kêu bị tắc lại. Tất cả chỉ diễn ra có vài giây, sau đó một cánh cửa sập mạnh và ai đó chạy hùng hục xuống cầu thang. Người ở phòng cuối là nhân viên bảo vệ ban đêm và chuẩn bị vào ca trực. Anh ta thoáng thấy một cái bóng ở buồng cầu thang. Rất tiếc là anh ta lại không tả được nhiều bởi vì nguồn ánh sáng trong hành lang chỉ tới từ các phòng. Điều duy nhất anh ta có thể chắc chắn, đó là một người tóc sáng màu mặc bộ đồ sẫm màu.”

“Tóc vàng à?” Hurst hỏi, ngồi thẳng dậy.

“Vâng.”

“To cao? Thấp bé? Béo? Hay gầy?”

“Tôi đã hỏi anh ta một lúc lâu, như ông có thể hình dung, nhưng anh ta không tài nào kể nổi thêm điều gì nữa. Điều kỳ cục là, kẻ bỏ trốn bị ông Henry chồng của bà chủ nhà, lúc ấy đang trở về nhà, nhìn thấy ở góc phố George, cách đây chưa đầy năm mươi thước.”

“Có gì kỳ lạ ở chi tiết đó chứ?”

“À. Henry va phải một người đang vội vã, nhưng lại không phải tóc vàng. Ông ta cũng không thể mô tả chi tiết, bởi vì sau khi va phải người đàn ông và gã chạy biến đi, ông ta chỉ kịp nhìn thấy phần lưng. Henry nói đó là một người tâm thước, mặc đồ đen và có mái tóc đen hoặc thẫm.”

Hurst lặng người nhìn Twist.

Johnson hăng giọng.

“Rất kỳ lạ, tôi biết vậy. Nhưng tôi nghĩ nhân chứng nhầm ở điểm cuối cùng, ông ta vừa rời quán rượu ở góc phố. Ông ta chưa say hẳn, nhưng hơi

thở vẫn nồng mùi rượu. Với lại, ông ta quả quyết rằng cái kẻ va vào mình chính là kẻ tấn công, bởi vì khi về đến nhà thì được bà vợ kể cho nghe những gì vừa xảy ra.”

“Đám nhân chứng chết tiệt này lúc nào cũng như nhau,” Hurst hậm hực, nắm tay siết chặt. “Cứ như thế họ rất sung sướng khi đưa ra những lời khai mâu thuẫn. ‘Một người tầm thường’, như thế có nghĩa gì chứ? Đừng cố nói với tôi ông ta không thể mô tả chính xác hơn được nữa đấy.”

“Gã không to lớn cũng chẳng nhỏ con,” Johnson kiên nhẫn nhắc lại. “Ông ta khá chắc chắn về chi tiết đó, nhưng chỉ có vậy. Anh biết đấy, thưa thanh toa. Ban đêm ánh sáng ở khu vực này không được tốt, tôi nhận thấy điều đó từ hôm qua. Tôi thành thực nghĩ chúng ta vẫn còn may khi tìm được hai nhân chứng. Như thế là rất đáng chú ý ở dạng vụ việc này.”

“Chúng tôi đến đây vào khoảng 11 giờ rưỡi. Kosminski nằm trên giường, vẫn còn hơi tỉnh. Bộ đồ ngủ đầy máu. Mũi bị gãy và người toàn vết dao đâm, hai nhát bên cánh tay trái và đến nửa tá vết ở thân trên, ngay gần tim. Không nhát nào chí mạng cả. Tiến trình của vụ án rất dễ dựng lại. Kosminski ở trên giường, đã mặc đồ ngủ. Có khách gõ cửa, anh ta đứng dậy, mở cửa, bị đánh vào mặt và ngã ngược trở lại giường. Kẻ tấn công nhảy chồm lên anh ta với ý đồ hạ sát. Tôi nghĩ chẳng có nhiều nghi vấn về ý đồ này, vì tất cả các cú đòn đều nhằm vào tim. Kosminski, nửa tỉnh nửa mơ, không kháng cự được mấy...”

“Tôi rất muốn biết,” Hurst ngắt lời, “làm sao cậu phán đoán được như vậy.”

Johnson ra hiệu về phía cánh cửa.

“Cái chốt cửa,” tiến sĩ Twist nhận xét. “Nó vẫn y nguyên, tức là kẻ đột nhập không phải phá cửa. Và với số tiền Kosminski đang giữ, rất khó hình dung anh ta đi ngủ mà không chốt cửa.”

“Đúng vậy. Và tôi không thể hình dung kẻ tấn công bám theo anh ta với một con dao, lại vứt nó xuống để đánh nạn nhân, rồi mới nhặt dao lên. Rõ ràng việc đầu tiên hẳn làm là tìm cách hạ gục anh ta.”

Twist tiếp tục, “Nhưng Kosminski tiếp nhận cú đánh khá tốt, và đã kháng cự được một lúc.”

“Kẻ tấn công định kết liễu anh ta thật nhanh, vì nhận ra rằng tiếng động của vụ xô xát sẽ gây chú ý, và sự nôn nóng này của gã đã cứu mạng

Kosminski,” Johnson thở dài kết luận.

“Như vậy đáng lẽ anh ta đã sống sót, nhưng cuối cùng lại chết vì vụ tai nạn trên đường xe đưa cấp cứu?”

“Nhân viên phục vụ nói thế. Anh ta mất rất nhiều máu, nhưng tính mạng không có vẻ nguy hiểm.”

“Cậu có tìm cách hỏi chuyện anh ta trước lúc xe cứu thương đến không?”

“Anh ta quá đau đớn. Chỉ một vài tiếng rên rĩ rất khẽ, có vậy thôi.”

19

ANH TRAI CỦA KOSMINSKI

Tin tức về cái chết của Kosminski, nhìn chung, không gây nhiều đau xót và thương tiếc cho lắm. Nhưng riêng với một người thì nó lại gây ra ảnh hưởng rất gớm ghê. Đó là Philip Lester, chủ rạp hát Whitechapel, vốn chỉ là một tiệm tạp kỹ ăn uống với sân khấu biểu diễn bên trong.

Ngoài số tiền lớn đựng ở hộp giày, và mặc dù đã kiểm tra kỹ càng khu nhà, các thám tử vẫn rời căn hộ của Kosminski với hai bàn tay trắng, không có lấy một manh mối khả dĩ nào chỉ dẫn cho họ.

Hurst đã thẩm vấn Henry và không thành công. Phần mô tả của ông ta về cái kẻ đã va vào mình chẳng có gì đáng tham khảo hơn so với lời thuật lại của Johnson.

“Quả là tin buồn,” Philip Lester, một người nhỏ thó mập mạp với khuôn mặt dường như luôn nhóp nhóp mồ hôi, than vãn. “Người ta nói chẳng có ai là không thể thay thế, nhưng tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu bất kỳ lúc nào trong tương lai mà tìm được một người có phẩm chất như cậu ấy, tất nhiên là về mặt chuyên môn, và có nhu cầu tài chính khiêm nhường đến vậy. Các ông hiểu cho, với các vị khách quen ở khu này của thành phố, tôi rất khó cạnh tranh được với khu West End chẳng hạn. Trời ơi! Trời ơi! Cậu ấy khiến tôi rắc rối to rồi. Thật sự cậu ấy chọn thời điểm có lẽ là tồi tệ nhất. Như các ông thấy đấy, tôi đang tiến hành một số cải tạo. Nhưng bây giờ, tôi băn khoăn liệu việc đó còn đáng không.”

Nhìn quanh, Hurst và Twist có thể thấy, đằng sau những chỗ cải tạo, căn phòng trong tình trạng xuống cấp thấy rõ.

“Ông nói rằng anh Kosminski là một ảo thuật gia xuất sắc,” Twist nhận xét, mắt nhìn những dụng cụ khác nhau nằm rải rác dưới sàn.

“Rất cừ, đúng vậy. Không còn nhiều người như thế đâu,” Philip Lester hãnh diện đáp. “Tiết mục tử của cậu ấy là những màn diễn biến mất.”

Một ánh nhìn đầy quan tâm hiện lên trong mắt viên thanh tra. Twist nói tiếp, “Ông Lester, không có ý xúc phạm đâu nhưng tôi thấy rất lạ là một ai đó có tài năng như anh Kosminski lại không tìm cách thử làm việc ở đâu đó... chẳng hạn trong các nhà hát nơi anh ta có thể kỳ vọng một khoản thù lao hậu hĩnh hơn.”

“Tôi hiểu rất rõ. Nhưng, ông thấy đấy, bốn hay năm năm trước, Kosminski gặp chuyện không may. Cậu ấy đang trình diễn màn phi dao của mình, không hề dùng mưu mẹo, ngược hẳn với trò diễn của hầu hết các đồng nghiệp. Một lưỡi dao đã cắm vào vai bạn diễn đồng thời cũng chấm dứt tương lai sự nghiệp của cậu.” Im lặng. “Nhưng ở đây, các ông thấy đấy, chúng tôi sẵn sàng bỏ qua những chi tiết như thế.”

“Ông có biết liệu anh ta có kẻ thù nào không?”

Philip Lester ngẫm nghĩ một lúc.

“Tôi không nhận thấy ai cả. Nhưng tôi nghĩ anh trai cậu ấy có thể trả lời rõ hơn tôi.”

Twist nói, “Theo lời bà chủ nhà trọ của anh ấy, Kosminski cất giữ các thiết bị ảo thuật ở đây. Chúng tôi ngó qua được không?”

Philip Lester gật đầu và mời họ theo ông. Vài phút sau họ đã ở trong một gian phòng khá âm thấp chất đầy vaili đủ mọi kích cỡ.

“Tôi sẽ để các ông xử lý thứ đó,” ông chủ tiệm tạp kỹ nói. “Nếu các ông cần tôi vì bất kỳ điều gì, thì tôi ở trong văn phòng mình.”

Ông ta vừa đi khỏi, Hurst bật ra tiếng cười khùng khục. “Chuyên về các trò biến mất. Điều gì đó mách bảo tôi rằng nó không thể không có liên hệ tới một vụ án mạng nào đó.”

Twist dường như không lắng nghe, ông đang lục lọi các thiết bị của anh chàng ảo thuật gia quá cố, như một con chó săn đang lần tìm dấu mùi. Trước con mắt ôn hòa của viên thanh tra, ông lần lượt mở các va-li, để lộ ra những thứ rất đỗi quen thuộc với ông: gương, dây thừng, kiếm, thanh kim loại, khăn, mũ chóp cao và nhiều thứ khác.

Sau mười lăm phút, nhà tội phạm học đứng lên và đập đập hai tay cho bớt bụi.

“Anh định tìm cái gì vậy, anh bạn?” viên thanh tra vui vẻ hỏi. “Trang phục bác sĩ dịch hạch ư? Bọn họ sẽ cởi bỏ ngay, anh có thể đoán chắc như vậy.”

Tiến sĩ Twist ngẫm nghĩ một lát, rồi chỉ một chiếc rương cỡ bằng cổ quan

tài. “Anh có biết thứ đó làm gì không?”

“Để tôi xem? Có các rãnh ở phần sườn hẹp... một loại dụng cụ liên quan đến việc cưa một phụ nữ làm đôi chẳng?”

“Chính nó. Đúng như chúng ta thấy trên bức ảnh. Nhưng, Archibald, anh có biết màn biểu diễn được thực hiện như thế nào không?”

“Không, trời ơi, tôi không biết. Tôi xem màn đó trên sân khấu cũng nhiều và lần nào tôi cũng căng óc tìm lời giải thích.”

“Hay lắm,” nhà tội phạm học trả lời, nhặt một cái cưa lên. “Tôi đề nghị một thử nghiệm nhanh. Lại đây nào.”

“Sao cơ?” Viên thanh tra kêu lớn, làm rơi cả điều xì gà. “Nếu anh nghĩ tôi sẽ chui vào trong thứ đó thì anh nhầm đấy.”

“Được rồi,” Twist đáp, rõ ràng hết sức nghiêm túc. “Thế thì anh sẽ không biết được đáp án đâu.”

Hurst lăm bằm rồi mạnh tay giật mở một cánh tủ quần áo, như để trút bỏ tâm trạng thất vọng của mình.

“Ồi chà, chúng ta có gì thế này? Quần áo của cái gã trong cỗ máy Maelzel. Anh nhớ không, cái tay chơi cờ ấy.” Twist bước lại. Hai bộ đồ Ấn Độ treo trong cái tủ quần áo nhỏ.

“Và, theo lời ông Gordon, anh chỉ phải chui vào mấy bộ đồ này là trở thành một cao thủ cờ. Ha ha!”

Vẻ cao hứng của viên thanh tra không được hưởng ứng. Twist thậm chí còn tỏ ra nghiêm nghị hơn. Trầm ngâm một lúc, ông kiểm tra tủ quần áo, trên giá treo rất nhiều loại quần áo khác nhau. Sau đó, ông cúi xuống, mở một chiếc va-li lớn ra và sững người, nhìn chăm chăm những thứ bên trong: một cái áo chèn dẹt từ những sợi kim loại dày gắn vài thanh kim loại, các thanh này dài, ngắn khác nhau, một số còn có ốc vít và đai ốc đặng mút cuối.

“Nếu chúng ta giải quyết được vụ này, Archibald, công lao sẽ lại thuộc về anh đấy.”

Khi đồng hồ điểm năm tiếng, không khí im phăng phắc. Nguồn sáng duy nhất phát ra từ ngọn đèn trên bàn ông Gordon. Thứ ánh sáng dịu dịu của nó soi tỏ gương mặt tay diễn viên và nhà viết kịch ngồi đối diện, những đường nét cứng đờ của họ thậm chí còn gây khó chịu hơn cả những chiếc mặt nạ

xung quanh. Donald Ransome vừa báo tin về cái chết của Kosminski cho bạn mình. Đáp lại, Gordon Miller nhặt bốn viên bi từ ngăn kéo và bắt đầu mân mê trên tay. Ngoài cử chỉ đó, ông ta vẫn im lặng, nét mặt vừa giận dữ, vừa bồn loạn.

“Cũng cần phải như vậy,” cuối cùng ông ta nói. “Mà ai cung cấp tin cho cậu vậy?”

“Guy Williams. Ông ấy gọi điện cho tôi đầu giờ chiều nay. Ông ấy sống gần Stanley, anh biết mà.”

“Cũng cần phải như vậy,” ông Gordon lặp lại, giọng điệu đầy sát khí.

“Ở một số khía cạnh, tôi không thể không thắc mắc liệu vụ tai nạn xe cứu thương có phải là may mắn không,” Ransome thờ dãi. “Giờ thì anh ta chẳng nói gì được nữa rồi.”

“May mắn! Cậu tưởng đám cảnh sát là lũ đàn sao? Trước đó, bọn họ không biết Kosminski là ai, nhưng giờ... Chắc chắn cậu không nghĩ bọn họ sẽ không lần ra mối liên hệ đấy chứ. Cứ đặt mình vào địa vị họ xem. Chúng ta sẽ nói gì với họ đây? Rằng chúng ta không biết hử à? Họ sẽ nhanh chóng bác bỏ điều đó. Và khi đối chiếu với câu chuyện cậu kể về cú điện thoại từ một người hâm mộ tối qua... Tốt hơn cả là cậu nên ngậm miệng lại.”

“Vậy theo anh tôi có nên nói cho họ biết tên của người gọi không?”

“Không, dĩ nhiên là không. Như thế sẽ càng tệ hại hơn.”

“Chỉ muốn nhắc anh, bấy giờ tôi không thể biết rằng có ai đó đang tìm cách giết Stanley.”

“Đúng, rõ ràng là vậy,” nhà viết kịch nhẹ nhàng tán thành. “Nhưng mục đích của cuộc gọi đó là cái quỷ gì? Và kẻ tấn công là ai?”

Ransome châm một điếu thuốc và lắc đầu.

“Thật sự, tôi không thấy có manh mối gì để đoán ra được.”

Ông Gordon đứng dậy để lấy một chai whisky và hai cái ly rồi lặng lẽ rót đầy, “Tôi băn khoăn liệu nói cho họ sự thật về Peter có tốt hơn không.”

Ransome ngược lên, môi thoáng nụ cười. “Gã đã nhận cái giá xứng đáng với gã. Những gì gã thêm vào câu chuyện của mình rõ ràng đã chứng minh thái độ giả dối. Ít nhất chúng ta có thể nói vụ trộm đó chẳng giúp ích được gì cả. Tôi hy vọng anh nhận ra: nếu chúng ta tiết lộ cái bẫy của mình, hành động của anh sẽ rất đáng ngờ, nếu không bị coi là có dự mưu.”

“Tôi hiểu mà. Tôi đâu có ngốc,” ông Gordon vặc lại. “Nhưng giờ, ngọn

triều đang chống lại chúng ta đây. Chúng ta đang mắc kẹt trong những lời dối trá. Nếu chỉ có hai chúng ta thì không đến nỗi tệ. Nhưng còn Shoila. Chỉ cần cảnh sát hỏi con bé những câu đúng trọng điểm là chúng ta rất dễ gặp phiền phức đấy.”

Ransome uống cạn ly của mình. “Tôi sẽ nói chuyện với cô ấy.”

“Tôi đã hướng dẫn con bé rồi.”

Nam diễn viên chậm rãi lùa tay qua mái tóc vàng của mình, nhặt một viên bi của Gordon lên, ngắm nghía nó một lúc rồi nói.

“Tôi tự hỏi tiến sĩ Twist và cái lão thanh tra đần độn nọ nghi gì về chúng ta. Chắc họ tin chúng ta đang trong quá trình tiêu diệt lẫn nhau theo lời thách thức trứ danh kia.”

Quãng 8 giờ tối, chiếc Talbot màu xanh dương của thanh tra Hurst từ từ chạy dọc phố Commercial. Đường sá vắng lặng, bảng lảng sương mù, phủ mở mấy ngọn đèn đường lác đác lẫn những cái bóng thừa thớt của khách bộ hành.

Viên thanh tra gò người xuống vô lăng, vừa nhìn đường vừa nói. Tôi không biết liệu anh có để ý không, Twist, nhưng trừ nhà của Miller và Ransome, mọi sự kiện đều diễn ra ở khu vực này của Luân Đôn. Nhà Guy Williams ở ngay rìa phía Đông thành phố. Xa hơn một chút là phố Vine, cách phố Goring nơi David Cohen chết độ năm phút đi bộ, và đi thêm một dặm nữa sẽ đến tiệm tạp kỹ của tay Lester đen đũi từng nói với chúng ta rằng có thể tìm được anh trai Kosminski mà gã này thì đang ở quán Ten Bells, không xa đây lắm.”

Twist, với vẻ cương quyết trên mặt, quan sát những ngôi nhà buồn thảm ở khu Whitechapel vùn vụt trôi qua.

“Chẳng rõ nơi này đã hồi phục sau sự kiện ghê gớm nửa thế kỷ trước chưa,” ông rầu rĩ đáp. “Nhìn mấy tòa nhà hung hiểm, tường vách, gạch ngói kia xem, dường như vẫn toát ra mùi máu tanh. Máu của những nạn nhân bất hạnh của con quái vật ấy.”

“Thật sự anh tin đây là lúc để nhớ lại vụ giết người hàng loạt ghê tởm đó à?” Hurst càu nhàu, cố kìm một cơn rùng mình.

“Từng viên đá dường như đều gợi nhớ mùa thu đẫm máu đó. Bóng dáng

tên sát nhân vẫn còn lảng vảng trên đường phố, anh vẫn có thể cảm thấy mà.”

“Đủ rồi đấy! Chỉ nói thêm một lời về Jack Đồ tế là anh tự đi mà thăm vấn Joseph Kosminski. Thề có Chúa, anh bị ám ảnh với gã này rồi! Nếu tôi không biết anh lâu như vậy thì tôi rất lo ngại về trạng thái mất cân bằng tâm lý của anh đấy. Người ta gần như có thể nghĩ là anh ngưỡng mộ hẳn!”

“Theo tôi biết thì hẳn là tên tội phạm duy nhất thuộc tầm cỡ hạ gục được Sở Cảnh sát Luân Đôn. Cho nên, chúng ta có thể coi hẳn là một nghệ sĩ - hoặc, đúng hơn, một kẻ theo chủ nghĩa thuần túy. Hẳn chỉ sử dụng gươm kiếm và luôn ‘làm việc’ ở cùng một khu vực: tại đây, nơi chúng ta đang có mặt. Hẳn còn ghi điểm cộng bằng cách thông báo với cảnh sát trước mỗi vụ tấn công, như thế cho họ cơ hội để bắt hẳn... Nhưng, tôi nghĩ chúng ta tới nơi rồi.”

Hurst đỗ xe gần nhà thờ Công giáo Spitalfields, với phần mặt tiền vươn cao vượt màn sương. Họ vừa mới ra khỏi xe thì chuông nhà thờ điểm 8 giờ. Chắc hẳn tiếng chuông cuối cùng đã đánh thức một chú chó gần đó nên nó bắt đầu cật tiếng sủa. Có thể thấy một khuôn cửa sổ lồi tỏa ánh sáng vàng vàng ở góc phố kế tiếp và cả tiếng cười chói tai nữa. Hurst đi về phía quán Ten Bells, nhưng Twist thì vẫn đứng yên, nhìn xoáy vào một lối đi tối tăm đối diện nhà thờ.

“Chính ở đây, trong cái ngõ này, hẳn thực biện tội ác cuối cùng, vụ kinh khủng nhất. Một vụ tàn sát thực sự.”

Viên thanh tra, vừa dừng lại để đợi Twist, thất vọng quay gót bước đi.

Mùi bia và thuốc lá sực lên chào đón khi họ bước chân qua ngưỡng cửa quán rượu, nơi dân địa phương đang hào hứng thấy rõ. Họ không khó khăn gì nhận ra Joseph Kosminski trong đám đông. Mặc dù thấp hơn Stanley, nhưng anh ta rất giống em trai với đôi vai chắc khỏe, mái tóc đen dày, khuôn mặt chữ điền và ánh nhìn dữ dội. Anh ta đang đứng bên quầy rượu cùng một người bạn. Hai chầu bia đủ để xua đi mọi ngờ vực và vài phút sau anh trai nạn nhân đã ngồi trong góc phòng với hai nhà thám tử.

Joseph Kosminski làm việc tại chợ Spitalfields và có quan hệ rất tốt với em trai mình, người thân duy nhất của anh ta ở đất nước này, gần như tuần nào họ cũng gặp nhau. Cái chết đột ngột của em trai khiến anh choáng váng và chẳng may may hay biết ai đã gây ra vụ đó.

“Tin tôi đi, nếu biết gì tôi sẽ là người đầu tiên giúp các ông. Nhưng, dù hết

sức cố gắng, tôi cũng không thể nghĩ ra ai lại muốn làm hại nó.”

Hurst nói, nhìn thẳng vào mắt anh, “Anh có biết rằng em trai anh cất giữ một số tiền lớn trong nhà không?”

“Số tiền đó bị đánh cắp à?”

“Trả lời câu hỏi đi, anh Kosminski.”

“Ờ, loáng thoáng. Nó có nói qua.”

“Cách đây bao lâu?”

“Khoảng nửa tháng,” Joseph trả lời, giờ rõ vẻ đề phòng. “Nhưng chắc các ông không nghĩ chính tôi...”

“Không, cứ yên tâm. Trộm cướp có vẻ không phải là động cơ của vụ án này, đặc biệt là tiền không hề bị lấy đi. Nhưng chính xác cậu ta đã nói gì với anh?”

Joseph nhíu mày như thể đang cố tập hợp lại các suy nghĩ.

“Nó đến tìm tôi vào một buổi tối và mời tôi tới một nhà hàng, bảo rằng để nó trả tiền. ‘Hôm nay, anh Jo, em trúng mánh! Thế thôi, và chẳng cần phải cố gắng nhiều.’ Tôi hỏi có phải nó có hợp đồng mới không và nó nói: ‘Chẳng có gì. Rất tiếc, em không thể kể với anh cụ thể hơn.’ Nó bắt đầu cười và nói, vẻ bí hiểm: ‘Hơi ám muội một chút. Anh biết càng ít thì càng tốt cho tất cả mọi người.’ Tôi không ép nó. Em trai tôi khá hài hước, tôi không xác định được nó đang trêu chọc tôi hay nó nghiêm túc nữa.”

“Tôi sẽ hỏi anh một câu hỏi tế nhị và khuyên anh nghĩ thật kỹ trước khi trả lời. Số tiền này, liệu có phải là kết quả của công việc gì đó bất lương, chẳng hạn như tổng tiền không?”

Joseph Kosminski tìm cách né tránh câu hỏi, nhưng cuối cùng cũng phải thừa nhận rằng, nếu em trai mình sở hữu một số tiền lớn như vậy, và căn cứ vào việc anh ta im lặng về vấn đề này, thì không thể loại trừ khả năng đó, mặc dù không có gì để chứng minh cả.

Hurst gọi thêm một chén, và tiếp tục. “Có phải ông Gordon Miller và Donald Ransome là bạn bè của em trai anh không?”

Joseph trả lời không chút do dự. “Vâng, nó có nhắc đến họ một lần.”

Mặc dù đã trông đợi một câu trả lời tích cực nhưng viên thanh tra vẫn há hốc miệng vì ngạc nhiên lẫn vui mừng.

“Anh Kosminski,” ông nhẹ nhàng nói, như thể đang nói với một sinh vật hoang dã mà ông sợ có thể chạy mất bất kỳ lúc nào, “anh có thể nói chính xác

hơn về quan hệ của họ không?”

“Chà, cũng chưa lâu lắm đâu. Tôi nghĩ họ gặp nhau khá thường xuyên. Có lẽ để nói về các trò ảo thuật. Theo như tôi nhận định, họ là những người ưa bông đùa giống như nó. Các ông biết đấy, em trai tôi chẳng yêu thích gì ngoài các trò đùa bỡn. Đó gần như là một phản xạ với nó vậy. Cũng chẳng có gì là lạ, nhất là trong nghề của nó. Tôi chỉ có thể nói được đến thế thôi.”

“Khi anh nói ‘cũng chưa lâu lắm đâu’, liệu tôi có thể suy luận từ câu đó rằng họ đã không gặp nhau một thời gian không?”

“Giờ thì ông hỏi quá nhiều rồi. Tất cả những gì tôi biết là, nó không nói về họ đã vài tuần rồi.”

“Khoảng hai tháng, anh định nói vậy chẳng?”

“Vâng, có lẽ.”

Hurst thở dài và ngẫm nghĩ một lát.

“Hai tháng trước, bảy giờ mới đầu tháng Chín. Hãy cố nhớ, anh Kosminski: khoảng thời gian đó em trai anh có nhắc nhòm gì đến một trò bịp hay trò đùa nào có liên quan đến ông Gordon và anh chàng diễn viên không?”

Đến lúc đó, bia được mang ra và Joseph Kosminski uống cạn nửa ly của mình, dường như nó đã giúp ích cho trí nhớ của anh ta.

“Có,” anh ta trả lời với cái cau mày đầy tập trung.

“Tôi lảng máng nhớ ra một chuyện. Nhưng không rõ liệu có liên quan gì đến ông Gordon bạn ông ta không. Chuyện khoảng một tháng trước. Tôi đến thăm Stan và nó mở một chai rượu gin mà... mà đến hết buổi tối thì gần như cạn sạch. Lúc đó chúng tôi không còn tỉnh táo nữa.

Nó ngồi trên giường và có vẻ đang nói với chính mình.

Tôi vẫn nhớ những lời độc thoại ấy bởi thái độ của Stan khiến tôi tò mò: ‘Không dấu vết.. không dấu không máu... đáng lẽ phải có chứ. Chuyện quái gì đây nhỉ?’ Tôi hỏi chuyện gì khiến nó phiền muộn, dường như câu hỏi khiến Stan bừng tỉnh khỏi trạng thái lơ mơ. Nó tỏ vẻ khó chịu và trả lời: ‘Không có gì, Jo, không có gì. Chỉ là một trò bịp bị thất bại thôi.’ “

20

VIẾNG THĂM BUỔI TỐI

Sau khi mở khóa và khởi động xe, viên thanh tra nhìn đồng hồ đeo tay. “8 giờ rưỡi. Tuyệt vời. Ransome đợi chúng ta lúc 9 giờ, tôi đã gọi cho anh ta trước lúc chúng ta đi.”

Ông quay xe vào đường Commercial, rồi nói tiếp, “Như thế, chúng ta có thời gian đánh giá lại. Tôi cho rằng nhân dạng của bộ ba bí mật ở phố Goring, đám bác sĩ Marcus, Ross và Sheldon, đã rõ ràng không cần bàn: một biên kịch trình thám, một diễn viên và một ảo thuật gia chuyên về các trò biến mất. Không cần phải đoán tên họ nữa. Kosminski đóng vai Sheldon, chẳng còn gì phải nghi ngờ chuyện đó. Xin nhớ, nhà Minden mô tả gã cao trội hẳn lên trong khi bác sĩ Marcus và bác sĩ Ross tương ứng là ông Gordon và Ransome, hoặc ngược lại.”

“Ông bạn ơi, tôi sợ rằng trong các giả định của anh có một chút sai lầm đấy. Một trong những đối tượng nghi vấn của chúng ta không thể là tay bác sĩ nào được... nhưng hãy tạm gạt chuyện đó sang bên đã.”

“Điều gì khiến anh nói vậy?” Hurst hỏi, không hề giấu vẻ căm kinh của mình.

“Giờ tôi biết cách David Cohen biến mất trong hành lang rồi, điều đó cho phép tôi củng cố luận điểm trước kia của mình. Archibald. hãy để ý đèn đường đi! Anh suýt lao lên vỉa hè đấy.”

“Twist, nếu anh không nói với tôi ngay về chuyện...”

“Tôi sẽ giải thích trong tối nay, tôi hứa. Nhưng, như tôi nói, đó chỉ là một chi tiết trong vụ này và chứa đựng nhiều khía cạnh vẫn chưa rõ ràng. Chẳng hạn, mấy cụm từ bí ẩn ‘Không dấu vết... không dấu vết... không máu...’ đáng lẽ phải có chú. Chuyện quái gì đây nhỉ!’ có ý nghĩa gì? Kosminski đang trăn trở điều gì qua những câu đó? Thậm chí còn rất nghịch lý. Nếu đây là những nghi vấn đối với một trò bịp bị thất bại - giả định là cái chết của Cohen

- và do đó trở thành một cái chết vô tình, thì tôi không hiểu ý nghĩa của mấy từ: ‘Không máu, đáng lẽ phải có chứ.’ vốn đã gợi ý về một tội ác được lên kế hoạch từ trước.”

“Tại sao anh lại bận tâm toàn những chuyện vặt, hơn nữa lại chỉ là mấy lời mơ hồ được thuật lại cho chúng ta nghe chứ? David Cohen bị giết bởi hai nhát đâm bằng dao, đây là sự thật. Tôi không phủ nhận Kosminski có thể coi đó là một trò đùa. Biết đâu hai kẻ kia đã lừa dối anh ta tin như vậy, nhưng bọn họ có một mục đích rất cụ thể: loại bỏ Cohen, chỉ vậy thôi.”

“Lập luận của anh rất ổn, Archibald, ít nhất xét theo toàn cảnh. Nhưng tôi sợ mọi việc không đơn giản như thế.”

“Tôi chẳng bao giờ hiểu được anh, Twist,” Hurst mệt mỏi trả lời. “Cứ mỗi khi chúng ta có được một lập luận tương đối xác đáng là anh lại ra sức nghi ngờ bài bác nó. Sự thật rằng Kosminski đang tổng tiền ông Gordon, hoặc Ransome, hoặc cả hai bọn họ là rất rõ ràng, phải không? Theo như tôi biết thì toàn bộ số tiền chúng ta tìm thấy trong căn hộ của anh ta không phải món quà của ông già Noel.”

“Cách đây chưa lâu anh còn chắc chắn Peter Moore là một kẻ tổng tiền bậc thầy cơ mà.”

“Hay Kosminski và anh ta cùng một phe chẳng?”

“Lần nào chúng ta cũng gút lại về mấy câu hỏi na ná nhau, Archibald, và khả năng cũng na ná nhau: hoặc người này, hoặc kẻ kia, hoặc cả hai. Ai làm vụ này? Ai làm vụ kia? Là người này hay kẻ kia. Ai tấn công Kosminski? Một nhân chứng nói kẻ chạy trốn có tóc vàng. Người khác lại nói tóc đen. Ông Gordon hay Donald Ransome? Hay có lẽ cả hai, giả định rằng cả hai lời khai đều chính xác.

“Không, thật sự thì chúng ta chưa ở chặng cuối của mớ rắc rối này đâu. Chúng ta đối mặt với một bức tranh ghép mà chưa một mảnh nào khớp với mảnh nào và số lượng các mảnh ghép tăng lên theo từng sự kiện. Chẳng hạn, xem xét hai vụ giết người, mà tôi xin nói là ‘hai vụ được cho là giết người’, bởi vì chúng ta chưa dám khẳng định đó đều là mưu sát, với nạn nhân là Peter Moore và Stanley Kosminski, kẻ tấn công là ông Gordon và Ransome.

“Nhưng, hãy lưu ý những lời Peter Moore kể với chúng ta, chúng ta có lý do giả định về điều ngược lại, về một âm mưu được dựng lên bởi hai kẻ tình nghi với mục đích hưởng sự nghi vấn cho nhau. Nói cách khác, từng manh

mỗi, từng lời khai quy kết cho kẻ này hoặc kẻ kia ‘tội danh của mình’ đều có thể là bằng chứng cho sự vô tội của hắn.”

Nhìn thẳng vào con phố phủ sương mù, Twist nói thêm, “Cho dù có một đốm sáng ở chân trời, Archibald, thì sự thật là chúng ta vẫn cứ lúng túng một cách thảm thương.”

Trái ngược với phòng khách nhà Gordon Miller, thiết kế nội thất của Donald Ransome tương đối hiện đại. Anh ta sống trong một ngôi nhà đẹp xây từ thời Victoria ở phố Curzon. Các chủ nhân đầu tiên ở đây thậm chí còn không thể tưởng tượng, nói gì đến có quan niệm, về phong cách trang trí siêu hiện đại pha lẫn lập dị mà nam tài tử này sử dụng. Tuy nhiên, lúc này, không ai trong ba người đang có mặt tỏ ra quan tâm lắm đến vấn đề trang trí.

Archibald Hurst, giống như một chiếc xe lu, liên tục truy vấn chủ nhà.

“Chúng ta bắt đầu lại nhé, anh Ransome. Anh không thể giải thích hành vi của mình vào quãng 11 giờ, là thời điểm Kosminski bị tấn công, cách tư gia của Guy Williams không xa. Vì những lý do mà chúng tôi đã giải thích với anh tối qua, chúng tôi nghi ngờ nạn nhân dính líu đến vụ sát hại David Cohen, một vụ án xem chừng anh cũng có liên can. Người ta đã nhìn thấy kẻ tấn công Kosminski, và rất lạ là nhân chứng cung cấp phần mô tả giống anh: tầm vóc trung bình, tóc vàng, mặc bộ đồ sẫm màu... giống như bộ anh mặc tối qua.”

Viên thanh tra nhào người tới để gỡ tàn thuốc rơi xuống đứng gạt tàn trên chiếc bàn kính, rồi nói tiếp, “Thêm vào đó, thực tế là thứ Sáu tuần trước có một người xuất hiện và tuyên bố với chúng tôi rằng có 50% khả năng anh sẽ sớm phạm tội. Và anh dễ dàng hiểu rằng chúng tôi thừa sức tiến hành tố tụng chống lại anh.”

Nam diễn viên ngả đầu ra sau và cười phá lên. Anh ta vỗ vỗ mái tóc vàng của mình và kéo chiếc áo vét nhung khếp chặt hơn. Trong đôi mắt xanh xám của anh ta có nét giễu cợt.

“Thế mà tôi lại nghi ngờ việc ấy, ông thanh tra ạ. Ông vẫn còn tin câu chuyện về lời thách thức sao? Nó đầy những điều ngớ ngẩn đến mức chẳng ai đầu óc bình thường lại tin vào nó cả, nhưng ông thì vẫn cứ tiếp tục. Từ một chi tiết rất nhỏ, sự thật là ông bạn tôi tình cờ chọn đúng con búp bê bác sĩ

dịch hạch, ông liền suy diễn rằng chúng tôi tham gia vụ sát hại David Cohen. Còn về vụ tấn công Kosminski.. có bao nhiêu cư dân Luân Đôn khớp với lời mô tả của nhân chứng và không có chứng cứ ngoại phạm vào thời điểm đó? Tôi nhường cho ông suy nghĩ.

“Và, chắc chắn, để kết tội một người là sát nhân - nếu thật sự chúng ta đang nói đến án mạng, vì Kosminski chết trong vụ tai nạn xe cấp cứu cơ mà! - gánh nặng bằng chứng sẽ thuộc về người buộc tội đấy. Và, thẳng thắn nhé, tôi chưa thấy thứ gì phù hợp để gọi là bằng chứng cả. Mà xét đến bằng chứng, ông còn gì thuyết phục hơn nữa không? Tôi thấy là không đâu.”

Ransome nói mấy từ cuối cùng kèm một nụ cười, nhưng nụ cười ấy mau chóng đông cứng trên mặt anh ta vì câu hỏi của Twist.

“Anh hẹn hò với cô Forrest bao lâu rồi, anh Ransome?”

Nam tài tử xẵng giọng đáp, “Tôi không thấy việc đó thì liên can gì tới ông.”

“Anh đang từ chối trả lời thì phải? Xem nhé, tôi thường không bận lòng về cuộc sống riêng của người khác, nhưng trong trường hợp này, điều đó có thể quan trọng đấy. Rõ ràng, anh không phối hợp.”

Ransome miễn cưỡng nói, “Tốt thôi, vài tuần nay rồi. Ông còn muốn biết gì nữa không?”

Twist tiếp tục, “Như vậy, anh thân thiết với cô ấy ngay sau cái chết của David Cohen.”

Donald Ransome ngời thẳng người, gương mặt anh ta đỏ tía.

“Ông đang ám chỉ gì vậy?”

Twist dăm dăm nhìn anh ta một lúc lâu rồi mới trả lời, “Tôi nghĩ anh đủ thông minh để hiểu. Được rồi, nếu chủ đề này khiến anh không vui thì chúng ta tạm dừng ở đó. Tuy nhiên, tôi vẫn muốn anh nói cho chúng tôi biết về vợ chưa cưới của mình. Để tôi giải thích. Chúng tôi có dịp trò chuyện với cô ấy, tối qua, chắc anh đã biết. Cô ấy là một thiếu nữ...”

“Điều này ám chỉ đến chênh lệch tuổi tác của chúng tôi chẳng?” nam tài tử buông giọng cộc lốc.

“Chắc chắn là không. Đó không phải là mối bận tâm của tôi. Cô ấy có vẻ, nói sao nhỉ? Không hẳn là buồn... Dĩ nhiên, cha dượng cô ấy vừa giết chết một người, khó lòng mong cô ấy mừng rỡ, nhưng còn một điều gì khác nữa. Dường như cô ấy đang che giấu một bí mật, nó cản trở cô ấy thể hiện sự nhiệt

tình và sức sống mà người ta thường bắt gặp ở một thiếu nữ ở cùng độ tuổi.”

“Có lẽ vậy,” Ransome trả lời với ánh nhìn dò xét.

“Anh quen cô Forrest từ khi cô ấy sang đây sống, anh Ransome. Cô ấy ở đây hai năm rồi về Mỹ một thời gian, sau đó quay trở lại. Câu hỏi của tôi là: ở lần trở lại này, cô ấy khác hẳn phải không?”

Nam tài tử châm một điếu thuốc, im lặng hồi lâu, rồi nói, “Dĩ nhiên, các ông biết bà mẹ mất trong lúc Sheila ở bên kia.” Lại một lúc im lặng nữa, Ransome trầm ngâm nhìn tấm thảm dày, rồi ngược lên. “Và đúng, thưa hai ông, tấn bi kịch có ảnh hưởng sâu sắc. Ồ, cô ấy chưa bao giờ tâm sự với tôi về chuyện đó, và tôi rất cẩn thận tránh gợi nhắc. Nhưng cái chết của Anna Miller để lại trong Sheila một vết sẹo. Nó tác động sâu sắc đến cô ấy, chắc chắn rồi. Sự thật nói lên điều đó: cô ấy đã định trở về nhà, nhưng thay vào đó cô ấy nán lại thêm vài tháng.”

“Tốt lắm, anh Ransome,” Hurst cắt lời, rõ ràng là muốn thay đổi chủ đề. “Giờ thì chuyện đó đã rõ ràng, chúng ta trở lại với những vấn đề bức thiết hơn, nhất là chứng cứ ngoại phạm của anh. Trước hết, anh vẫn khẳng định đó là sự thật chứ?”

“Ông thích tôi nói dối hơn chẳng? Nếu vậy, hãy hướng dẫn tôi những gì cần nói. Tốt hơn cả là cho tôi biết phải bịa ra điều gì mới khiến ông hài lòng.”

Viên thanh tra tiếp tục với nụ cười của người hiểu rõ sự hài hước ở mọi hình thái của nó, “Anh Ransome, tôi sử dụng thuật ngữ ‘chứng cứ ngoại phạm’, nhưng anh phải thừa nhận nó chưa thỏa đáng. Anh không thể nhớ chính xác tên của người ái mộ mình, không thể cung cấp cho chúng tôi bản mô tả và không biết người đó từ đâu đến - nói cách khác, anh không biết gì về cô ta. Một phụ nữ vô danh gọi điện, anh đi gặp và quay trở lại. Một phụ nữ vô danh mà, tôi tin chắc, cả anh lẫn chúng tôi đều sẽ không tìm ra. Nói cho nhanh, đó là chứng cứ ngoại phạm của anh. Khó mà coi là đủ vững chắc cho một vụ án giết người, anh không định phủ nhận chứ? Mặc dù tôi không bị thuyết phục rằng việc đó chiếm toàn bộ hai mươi phút vắng mặt, nhưng tôi biết anh sẽ nói rằng cô ta quàng tay quanh cổ anh và phải mất ngần ấy thời gian anh mới gỡ được cô ta ra khỏi người mình, vân vân và vân vân. Cho nên để tôi hỏi anh thêm một lần nữa: anh chắc chắn với lời khai của mình chứ?”

Không biết là lập luận, lời lẽ hay tính cách của viên thanh tra khiến Ransome thấy thú vị? Cho dù là gì thì nụ cười nhún nhường và thích thú của

nam tài tử cũng đã xuất hiện trở lại.

“Ông thanh tra,” Ransome trả lời, “tôi có thể thấy ông vẫn bám chằng lấy ý nghĩ về cuộc tranh chấp tay đôi. Tuy nhiên nếu đúng như vậy thì kẻ ông cần nghi ngờ không phải là tôi, mà là ông bạn Gordon của tôi. Theo quy tắc trò chơi, anh ấy chính là người đã giăng bẫy giết hại Kosminski và đổ hết cho tôi. Cho nên ông cần tra hỏi Gordon và tìm cách phá bỏ chứng cứ ngoại phạm của anh ấy trong vụ Kosminski, đồng thời cần chứng minh được rằng không phải Gordon đã bắn anh chàng thư ký, mà là một đồng phạm chẳng hạn. Thật ra ông có kế hoạch gặp anh ấy tối nay thì phải?”

Viên thanh tra liếc nhìn chiếc đồng hồ đã chỉ 9 giờ rưỡi.

“Ngày mai chúng tôi gặp ông ấy cũng được,” ông lưỡng lự nói.

“Ngày mai!” Ransome bật kêu với vẻ ngạc nhiên châm biếm. “Nhưng tôi cảm thấy anh ấy đang chờ đợi ông ghé thăm, xét theo tất cả những gì đã xảy ra. Phải, anh ấy biết rõ âm mưu giết người, tôi bảo đảm điều đó. Sự im lặng của ông có thể khiến anh ấy sốt ruột và thêm một đêm bất ổn nữa. Đợi nhé, tôi sẽ gọi cho anh Gordon.”

Ransome đi qua phòng tới chỗ điện thoại, trao đổi vài lời với người bạn của mình và gác máy.

“Anh thật là chu đáo vì đã quan tâm tới tiến trình cuộc điều tra,” Hurst nói, rõ ràng đang cố kiểm soát giọng điệu của mình. “Nhưng tôi muốn nhắc anh chúng ta không ở trong rạp hát... anh hiểu ý tôi chứ! Phải. Chúng tôi xin chúc anh ngủ ngon... Mà nhân tiện, tôi đã nói chúng tôi tìm thấy gần hai trăm bảng trong phòng Kosminski chưa nhỉ. Khá nhiều tiền với anh ta, phải vậy không? Thật khó tin anh ta lại tiết kiệm được khoản tiền như thế. Chúng tôi đã gặp anh trai nạn nhân và anh ta cũng cảm thấy như vậy.” Hurst đi lại chỗ giá treo áo choàng, cầm lấy mũ của mình, và xoay người nhìn nam tài tử. “Chậc, đó là phản ứng đầu tiên của anh ta, nhưng một lúc sau, anh ta đưa ra một giả thuyết hấp dẫn, mà tôi rất muốn nghe ý kiến của anh. Anh ấy nghĩ em trai mình đã tống tiền ai đó để tiêu xài.”

Viên thanh tra có vẻ định đội mũ lên, nhưng lại đổi ý và tiếp tục, “Nào, trong trường hợp đó, thì ai là nạn nhân? Ai? Anh có ý kiến gì không, anh Ransome?”

Nam tài tử ngồi im. Nét mặt chìm sau làn khói tỏa lên từ điều thuốc của anh ta.

Viên thanh tra cau mày, như thể một ý nghĩ đột ngột vụt đến trong tâm trí. Rồi một nụ cười tươi nở trên khuôn mặt, ông quay lại phía Donald Ransome lần nữa.

“Nhắc mới nhớ, tôi thậm chí còn chưa hề hỏi liệu anh có biết Stanley Kosminski không!”

Những viên bi nhỏ lanh canh di chuyển qua các ngón tay Gordon Miller, càng lúc càng nhanh. Cuối cùng ông gom chúng lại và trả lời câu hỏi mà viên thanh tra vừa đặt ra.

“Vâng, Stanley Kosminski là một người quen. Dĩ nhiên, tôi không thường lui tới với những người thuộc tầng lớp đó, nhưng cậu ta, Kosminski ấy, là một tay rất thú vị. Ở đẳng cấp thượng thừa trong lĩnh vực cậu ta lựa chọn. Thực tế, đó chính là lý do vì sao chúng tôi gặp nhau một hai lần gì đó. Còn về chuyện cung cấp cho ông các chi tiết về cuộc sống riêng của cậu ta, thì thật sự tôi không thể giúp được rồi. Những cuộc trò chuyện của chúng tôi chỉ xoay quanh ảo thuật và nghệ thuật trình diễn. Đó là tất cả những gì tôi có thể nói, ngoại trừ việc tôi đã không gặp cậu ta suốt vài tuần nay.”

Hurst dùng đầu bút chì gõ gõ lên cuốn sổ tay của mình.

“Thật lạ, ông Gordon, nhưng bạn của ông cũng nói đúng từng từ như vậy. Gần như LÀ... nhưng mà thôi. Chúng tôi vừa giải thích tình huống xảy ra cái chết. Ông suy nghĩ thế nào về vấn đề này?”

“Thật đáng tiếc, rất đáng tiếc...”

Gương mặt nhăn nhúm vì mệt mỏi và mái tóc thì rối bù, nhà viết kịch có vẻ bối rối hơn so với đêm trước. Ông phải rất cố gắng tỏ ra bình tĩnh, nhưng vẫn lộ rõ vẻ bồn chồn.

“VẬY Ừ?” Hurst hỏi.

“Ông muốn tôi nói gì đây?” ông trả lời vẻ khó chịu. “Rằng Donald và tôi âm mưu giết người chẳng?”

“Vừa rồi chúng tôi cũng có lời bình phẩm tương tự với người bạn của ông: thư ký Peter Moore đến chỗ chúng tôi, báo tin rằng một trong hai ông định thực hiện một vụ giết người và giờ chúng tôi có đến hai vụ phải giải quyết.”

“Chính xác!” ông Gordon kêu lên, nhấn mạnh lời lẽ của mình bằng ngón trỏ bật lên trong không khí. “Nhiều hơn một vụ còn gì! Đó là bằng chứng

tuyệt vời nhất cho thấy câu chuyện ngu ngốc về vụ thách thức là đối trá. Đối trá.”

“Về câu chuyện trứ danh ấy,” Twist xen vào, “ông có thể nói điều gì để làm rõ các vấn đề không?”

“Không. Thật sự là vậy.”

Câu nói không thực sự thuyết phục. Nhà viết kịch cụp mắt nhìn xuống.

Twist nghĩ một lúc rồi tiếp tục, “Cho phép tôi được nghi ngờ ông, ông Gordon. Tôi chỉ gặp Peter Moore một lần, nhưng tôi tin như vậy là đủ để định hình một ấn tượng. Tôi đã gặp đủ loại tội phạm để biết chúng có thể ẩn náu sau bất kỳ gương mặt nào. Tôi thừa nhận anh ta không trung thực, anh ta là một tên trộm hoặc thậm chí tệ hại hơn nữa. Nhưng tôi không tin anh ta biên soạn ra được một câu chuyện đáng ngạc nhiên và phức tạp như câu chuyện anh ta kể. Thật sự thì, rất hiếm người tôi gặp có khả năng tạo ra một kịch bản như vậy. Đúng hơn, tôi mới chỉ biết hai người: Donald Ransome, và ông.”

“Ông có thể nghĩ gì tùy ý, tiến sĩ Twvist,” nhà viết kịch lầm bầm, cố tránh ánh mắt của nhà tội phạm học.

“Câu chuyện gợi ra trong đầu tôi vụ tai nạn chết đuối của vợ ông. Chúng tôi vừa có những thông tin mới về chuyện này, và...”

“Ông sắp ngụ ý rằng tôi giết cô ấy đây mà.”

“Không, yên trí thư giãn đi. Ngược lại, có nhiều lý do để tin rằng đó là một vụ tự tử.”

Ông Gordon đứng lên, đi tới giữa phòng, và làm động tác khoát tay bao quát toàn bộ bộ sưu tập vũ khí và mặt nạ trên các bức tường.

“Và, giống như ‘ông Jack’ người chặn cừu, ông sẽ nói rằng chính căn nhà và môi trường này, đây là chưa nói đến bản thân tôi, đã khiến cô ấy rơi vào trạng thái khốn khổ đến mức cô ấy kết liễu cuộc đời mình.”

“Tôi chưa hề nói gì như vậy,” Twvist đáp. “Tôi chỉ hỏi ông, liệu cách hành xử của vợ ông ở thời điểm đó có khẳng định giả thuyết ấy không mà thôi.”

Ông Gordon quay lại và ngồi phịch xuống ghế. “Chà, đúng là thể trạng của Anna không phải là tốt nhất ở thời điểm đó,” ông ta thú nhận. “Cô ấy mệt và bơ phờ, nhưng chỉ vậy thôi. Một trạng thái xảy ra với tất cả mọi người, lúc này hoặc lúc khác.”

“Có lý do nào cho trạng thái ấy không?”

Phản ứng đáp lại như một lần roi. “Không hề có.”

Rồi im lặng, nhưng không kéo dài lâu, vì nó bị phá vỡ bởi tiếng những viên bi lăn tới lăn lui trong bàn tay ông Gordon. Một cảnh tượng kỳ lạ mà nhà tội phạm học xuất chúng thường thức một cách say mê.

Tiếng động ngừng lại.

“Thật sự, tiến sĩ Tvvist, tôi không hiểu nguyên nhân cho sự công kích trong câu hài của ông. Ông có một âm mưu giết người trong tay, và...”

“Tốt lắm,” nhà tội phạm học ngắt lời với thái độ cộc lốc mà hiếm khi ông thể hiện. “Hay ông gợi ý một động cơ cho vụ tấn công đi. Đây không phải là vấn đề với một người giàu trí tưởng tượng như ông mà.”

Câu nói dường như khiến nhà viết kịch ngạc nhiên, ông nhìn hai thám tử một lúc lâu rồi mới trả lời.

“Tôi không biết. Trả thù. Một vụ thanh toán thù hận. Phụ nữ. Trộm cắp...”

“Trộm cắp u? Có lý do gì để gợi ý như thế không?”

“Không, tự nhiên tôi nói thế thôi.”

“Thật lạ, bởi vì chúng tôi đã tìm thấy rất nhiều tiền tại hiện trường vụ án, được Kosminski giấu trên nóc tủ quần áo. Gần hai trăm bảng. Như ông có thể nhận ra, đó là một số tiền lớn đối với anh ta.”

Ông Gordon cau mày.

“Vâng, rất lạ. Một số tiền như thế mà cậu ta lại không đưa vào ngân hàng. Thực tế là rất lạ.”

Hurst hòa nhã xen vào, “Chúng tôi thấy là Kosminski có thể đang tổng tiền ai đó. Ông nhận xét thế nào về khả năng này?”

“Tổng tiền ai đó ư?” nhà viết kịch lặp lại với vẻ ngạc nhiên, đặt mấy viên bi lên bàn. “Nhưng ai mới được chứ?”

Hurst lơ đãng kiểm tra móng tay mình.

“Có một tay Kosminski chắc chắn can dự vào vụ sát hại người yêu cũ của con gái ông, chúng tôi đã kể từ trước rồi. Giả sử đó là anh chàng của chúng ta, chính là gã Kosminski này, và giả sử những đồng phạm của gã không túng thiếu như gã. Thêm nữa, giả sử gã cảm thấy sự im lặng của mình xứng đáng với một khoản đền bù khiêm tốn... Ông hiểu điều tôi đang hướng đến chứ?”

Gương mặt ông Gordon nhăn nhó.

“Không, tôi chẳng hiểu gì cả. Không, không hề.”

PHẦN BỐN
BẮT ĐẦU HỒI KẾT

21

NGƯỜI CHẾT CÓ ĐIỀU MUỐN NÓI

*Tuần thứ hai
của tháng Mười một.*

Tôi đang đợi chính thông tin ấy đây,” Twist trịnh trọng nói, khi trả lời cuộc gọi. “Cậu thu lượm được ở đâu thế?”

Giọng thanh tra Briggs lạo xạo qua điện thoại, “Ở bác sĩ Lee, bác sĩ cũ của ông ta. Tình cờ tôi biết ông ấy. Thực sự là khá may mắn. Nếu không, như anh có thể hình dung...”

“May mắn! Briggs, cậu quả khiên tốn rồi. Việc kiểm tra ở chỗ ông ấy là một ý tưởng xuất chúng. Tôi không nghĩ ra nổi. Về mấy ngày tháng mà tôi hỏi, cậu có thông tin gì không?”

Twist chăm chú lắng nghe, xong thì cảm ơn và gác máy. Ông đứng bên điện thoại mấy phút, chìm vào những suy nghĩ âm ảm. Ông đi tới bên cửa sổ, nét mặt không thay đổi. Đã gần 5 giờ và những ngọn đèn đường đang sáng lên. Gần một tuần trôi qua kể từ tấn bi kịch kếp, màn mây mù bao phủ cái chết bí ẩn của Peter Moore và Stanley Kosminski vẫn chưa tan.

Rõ ràng những tiết lộ của thanh tra Briggs làm tiến sĩ Twist vô cùng băn khoăn, vì ông không hề nhận ra đồng hồ đã điểm năm tiếng, là giờ ông vẫn hay uống trà. Ông có vẻ say sưa với cảnh giao thông Luân Đôn, nhưng ánh mắt bất động đã để lộ dòng suy nghĩ u buồn. Thêm vài phút trôi qua, nét mặt tiến sĩ Twist sầm lại. Mặc dù rất nhiều câu hỏi vẫn chưa được giải đáp, nhưng những động cơ dẫn dắt bàn tay của nhóm tội phạm thì đã rõ ràng trong đầu nhà tội phạm học. Ngay từ đầu, bản năng đã mách bảo ông đây sẽ là một vụ việc hiểm độc và xảo quyệt, nhưng rõ ràng ông đã đánh giá thấp mức độ của nó.

Lúc 6 giờ, tiếng chuông cửa kéo ông ra khỏi mớ suy nghĩ của mình.

Một lát sau, ông ngồi bên lò sưởi cùng thanh tra Archibald Hurst. Ông không bỏ phí thời gian và đi thẳng vào vấn đề.

“Chẳng có gì. Vẫn chẳng có gì. Chúng ta biết Cohen biến mất trong hành lang như thế nào, xuất hiện trở lại trong thùng rác ra sao và ít nhiều ai là người đứng sau tất cả. Nhưng giờ chúng ta đang húc đầu vào một bức tường gạch. Thật điên tiết! Và chúng ta lại ở đây, ngồi thu lu trên ghế bành, bất lực nghĩ ra những phỏng đoán, cái sau lại phi lý hơn cái trước. Chúng ta đã mất bao nhiêu thời gian cho việc ngẫm nghĩ một cách vô ích rồi? Câu đố chết tiệt này thậm chí còn làm tôi mất ngủ.”

“Nghe điều này may ra anh sẽ cảm thấy ổn hơn chẳng? Tôi cũng không ngủ được nhiều. Nhưng tôi đồng ý với anh, chúng ta đang nhìn nhận sự việc từ một góc độ sai, từ góc độ toán học. Chúng ta bám theo lối mòn mà tôi đã cảnh báo từ đầu và, lóa mắt trước việc có quá nhiều cách kết hợp phạm pháp, nên chúng ta bỏ mất thứ quan trọng nhất: *nhân tố con người*.”

Twist dừng lại, gục đầu về ăn năn.

“Một giả thuyết mới chẳng?” Hurst hỏi, nhướn mày về nghi ngờ.

Nhà tội phạm học vẫn im lặng.

“Twist, dường như anh đang giấu giếm điều gì đó.”

“Chà, phải. Briggs đã gọi cho tôi. Tôi đã nhờ cậu ta xác nhận một số việc.”

Mặt viên thanh tra đỏ gay lên.

“Ồ, tuyệt đấy nhỉ,” ông càu nhàu. “Lại tiến hành sau lưng tôi phải không? Và vẫn là tay ấy, đương nhiên rồi. Lần nào cũng như lần nào: hể anh tìm thấy một manh mối mới là tôi không còn được tin tưởng nữa. Trong lúc đó đồng nghiệp của tôi lại tiến hành điều tra bí mật cho anh và sáng ra chào tôi bằng một nụ cười giả dối, cứ như thể chẳng có chuyện gì xảy ra vậy. Cái tay Briggs đó đúng là đồ đạo đức giả. Nếu không vì tuổi tác của hã thì tôi đã cho hã một cú đá vào... Không biết điều gì ngăn cản tôi báo với sếp mình rằng có nhân viên nào đó đang phạm tiền của ông ấy vào việc tìm kiếm manh mối cho các thám tử tư.”

“Làm ơn bình tĩnh đi nào, Archibald. Anh thừa biết rằng, không có những nghiên cứu nhằm chán của Briggs, chúng ta cũng không giải quyết được rất nhiều vụ việc từng làm cho anh trở thành huyền thoại ở Sở. Có lẽ anh không nhận ra điều này, nhưng danh tiếng của anh đã lan rất xa. Mùa hè năm nay tôi

có sang Paris và tất cả mọi người trong lực lượng cảnh sát điều tra đều biết đến tên anh. Họ gọi anh là ‘Thám tử của những điều không thể’, hoặc ‘Người khám phá được những điều huyền diệu’ cơ đấy.”

“Như thế có vẻ hơi phóng đại rồi,” viên thanh tra đáp lời, tay vuốt mớ tóc bướng bỉnh trước trán ra phía sau.

Toàn bộ các dấu hiệu của tâm trạng khó chịu tan biến khỏi gương mặt đờ ửng của ông.

“VẬY thì, quay lại với Briggs. Tôi đã đề nghị cậu ta tìm hiểu về cuộc sống riêng của cô Sheila, đặc biệt là ngay trước khi cô lên đường về Mỹ, chi tiết luôn khiến tôi tò mò, như anh đã biết, để tìm kiếm lý do. Briggs thừa tình ranh để tìm tới ông bác sĩ đã điều trị cho cô ấy, bác sĩ Lee, một người bạn cũ và cũng là bạn ông Gordon. Và bác sĩ cho biết, bấy giờ cô ấy đã có thai ba tháng. Không lâu sau khi chẩn đoán, bác sĩ Lee đã tiếp vợ chồng ông Gordon, với tư cách một người bạn của gia đình. Họ đề nghị xem xét ‘giải phóng’ cô khỏi nỗi khổ đang phải chịu đựng. Họ nói rõ rằng sự can thiệp và giữ im lặng của ông ấy sẽ được đền đáp xứng đáng. Ông từ chối thẳng thừng và đề nghị họ suy nghĩ một cách nghiêm túc về việc tìm bố đứa bé và cha mẹ anh ta, để cùng nghĩ ra cách dàn xếp hợp lý. Họ trả lời một giải pháp như vậy có thể gây rắc rối cho tương lai cô con gái và ít lâu sau đó Sheila rời Anh Quốc.”

“Để thực hiện phá thai ở đâu đó xa xôi một cách bí mật và để tránh xa người tình của cô ấy,” Hurst nói thêm. “Mà nhân tiện, anh ta là ai?”

“Lee không biết. Ông ấy cho rằng cậu chàng thuộc tầng lớp không được hoan nghênh, đánh giá theo thái độ của ông bố bà mẹ. Ai đó mà nhà Miller dù thế nào cũng không muốn chấp nhận làm rể.”

Hurst xoa xoa cằm. “Nếu tôi hiểu đúng ý anh, thì anh tin rằng sự kiện đó không phải không liên quan gì đến vụ việc hiện tại.”

“Đúng vậy. Dù thế nào, ở một chừng mực nhất định, việc ấy cũng đã làm rõ cách ứng xử của cô Sheila.”

Nhà tội phạm học im lặng trọn một phút, rồi nói tiếp, “Archibald thân mến của tôi, xin anh hãy kiên nhẫn. Đoạn kết của vụ việc không còn xa nữa đâu, và tôi hứa anh sẽ biết tất cả mọi chi tiết, ít nhất những gì có liên hệ với khía cạnh con người, bởi rất nhiều chi tiết khác vẫn còn chưa rõ ràng cho đến lúc này. Briggs cho tôi biết một vài ‘chuyện vặt vãnh’ khác mà, lạy Chúa, chúng khẳng định những nỗi e ngại tồi tệ nhất của tôi. Chẳng có gì chắc chắn,

nhưng có đủ thực tế nhỏ nhặt để gieo mầm nghi vấn. Và đó mới là chuyện tệ hại nhất, Archibald ạ. Rõ ràng không đáng thương hại gã tác giả của những mưu toan này, nhưng xét đến cùng thì vẫn có những tình tiết giảm nhẹ. Nhưng điểm cuối cùng thì không thể tha thứ và vô cùng hèn hạ. Kẻ giết người đã gây vài tội ác, nhưng tệ hại nhất lại không phải là những gì anh có thể nghĩ ra. Có một chuyện khiến tôi thấy ghê tởm và phẫn nộ đến mức anh không thể hình dung nổi đâu. Tôi thề là tôi chưa bao giờ gặp phải một vụ việc tởm lợm và xấu xa như vậy trong đời mình. Tôi muốn giữ một phần chỉ riêng mình tôi biết, Archibald ạ. Bởi vì, chắc chắn rằng cơn thịnh nộ của anh sẽ chẳng kém gì tôi, và những phản ứng của anh sẽ thể hiện khi có mặt kẻ sát nhân, có thể đồng thời ngăn trở công lý được thực thi đấy. Anh hiểu cho, không chắc chúng ta có thể khiến hãn phải đối diện với bằng chứng hữu hình đâu, bởi hãn quá quý quýệt, chẳng để lại gì đằng sau cả.

“Giờ xin hãy cho tôi biết kết quả điều tra của chính anh về cuộc đời anh chàng độc thân cùng ông góa vợ của chúng ta nào.”

“Bắt đầu từ ông Gordon. Từ khi vợ chết, ông ta không có mối quan hệ nghiêm túc với người phụ nữ nào khác. Hiển nhiên là cũng không hề có bất kỳ cuộc phiêu lưu thoáng qua nào. Có tin đồn về việc ‘bóc bánh trả tiền’ không thường xuyên, nhưng chẳng có gì để khẳng định.

“Donald Ransome lại là một câu chuyện khác, ít nhất trước khi anh ta đính ước với cô con gái của bạn mình. Anh ta là kẻ gạ tình khét tiếng. Rất nhiều nhân tình, tất cả đều trẻ.”

“Tất cả đều trẻ,” Twist nhắc lại dè dặt. “Thật lạ! Anh còn nhớ Chủ nhật trước anh ta đã khó chịu thế nào khi tôi nhắc tới sự chênh lệch về tuổi tác giữa anh ta và cô Sheila không? Với tôi, điều đó rất quan trọng. Anh ta là một tay quyền rũ, bốn mươi tuổi đời nhưng có vẻ trẻ trung hơn nhiều. Nhưng anh ta cũng không còn ở tuổi hai mươi nữa. Anh có nhận thấy những cử động bất ngờ của anh ta, dáng đi quả quyết, tiếng cười vui sướng của anh ta không? Có thể là vô thức, nhưng anh ta đang cố tỏ ra năng nổ và tràn đầy sinh lực như một gã thanh niên trẻ trung hơn rất nhiều. Kiểu như người từ chối chấp nhận tuổi tác của mình và cố tạo ra một thế giới tưởng tượng cho bản thân. Thậm chí căn hộ của anh ta...”

“Anh đang nói gì cơ?” viên thanh tra hỏi, ngơ ngác thấy rõ.

Đôi mắt tiến sĩ Twist nheo lại sau cặp kính kẹp.

“Khi màn sân khấu buông xuống và ảo ảnh chấm dứt, việc trở về với thực tiễn có thể trở nên rất nguy hiểm. Tôi đang nói gì ư? Chẳng có gì. Tôi chỉ đang nói ra ý nghĩ của mình thôi. Nhưng hãy cho tôi biết, vì chúng ta đang nói về chủ đề nghiên cứu tính cách và cá tính, xem anh cảm nhận thế nào về tay diễn viên và bạn anh ta? Anh đánh giá hành vi của họ gần đây như thế nào?”

“Ông Gordon rất lo lắng, ít nhất là vậy. Ông ta cố tỏ ra bình tĩnh, dĩ nhiên, và tỏ ra vô tội, nhưng anh có thể thấy ông ta rất lo lắng. Ông ta thường xuyên nghịch mấy viên bi đó. Tôi thấy ông ta đã để lòi đuôi ra ngoài. Donald Ransome cũng không còn thái độ kên kiệu. Anh ta tìm cách lảng tránh khá hợp lý cho tới khi tôi nhắc đến Kosminski, anh nhớ chứ? Từ lúc đó, anh ta hành xử như kẻ bị dồn vào thế bí, cố gắng lừa phỉnh bằng thái độ đả kích và xác xược. Anh ta không còn ở đỉnh cao thể trạng của mình nữa. Xem chừng anh ta dồn dập trong các sự kiện, giống như bạn của mình. Cứ như thế có gì đó bất ngờ làm họ rối loạn. Nhưng họ đang cố khắc phục, những con quỷ xảo trá. Nếu chúng ta không tìm thêm được manh mối nào trong thời gian tới thì tôi sợ rằng họ sẽ chuồn được mà không bị trừng phạt. Chúng ta phải ra tay khi còn kịp.”

“Có gì đó bất ngờ làm họ rối loạn,” Twist trầm ngâm. “Anh nói rất chính xác, Archibald ạ. Và nếu...”

Viên thanh tra giơ tay lên như thể đề nghị giữ im lặng, sau đó đi tới đi lui trước bếp lửa.

Một phút sau, gương mặt Twist sáng lên. “Anh nói đúng. Chúng ta phải hành động ngay.”

“Nhưng lạ Chúa, bằng cách nào chứ?”

“Archibald, anh biết tôi khá rõ để hiểu rằng tôi không có thói quen hạ đối thủ một cách hiểm độc. Nhưng lần này là ngoại lệ. Tôi sẽ ra tay với hẳn ở vị trí thăm dò nhất: Sheila Forrest. Cô ấy sẽ nói, tôi cảm thấy rất chắc. Một lần nữa, những nhận xét sáng suốt của anh đã làm tôi thấy sáng tỏ nhiều điều. Ví như điều bất ngờ phá tan cỗ máy tinh vi được tên sát nhân dựng lên. Anh không thấy ư? Đó là vụ tai nạn xe cứu thương, cái chết của Kosminski. Đó là những gì không có trong kế hoạch.”

Nhất thời, viên thanh tra có vẻ nghi ngờ sự sáng suốt của bạn mình.

“Nhưng anh ta cần phải chết, phải vậy không?” ông phản bác, không mấy

quả quyết.

“Không, không hề. Anh ta được giả định ở vị thế hé lộ mọi việc. Giờ nghĩ về chuyện này, những gì tôi định làm chính là những gì tên sát nhân hy vọng tôi sẽ làm. Nhưng tôi phải theo đúng lộ trình hãn vạch ra cho chúng ta. Vấn đề của hãn là không biết tôi đã lật tẩy âm mưu tàn ác của hãn. Tội phạm loại này, chuyên gia tội phạm học như tôi chỉ có thể quỳ gối ngưỡng mộ mà thôi. Trong đời mình tôi chưa bao giờ thấy một kế hoạch nào quỷ quyệt và phức tạp như vậy, với những lối mòn quanh co và gây chệch hướng tai ác mà chúng ta cứ mù quáng đi theo hết đường này đến đường khác. Tôi có thể nói với anh, chúng ta đang đối phó với một kẻ có đầu óc không bình thường, ở nhiều khía cạnh. Một kẻ, và chỉ mình hãn, đã giết cả David Cohen và Peter Moore rồi tấn công Stanley Kosminski, chưa kể một tội ác khác đã được chuẩn bị và có lẽ là tàn ác nhất trong số tất cả đấy.”

22

BUỔI TỐI "TRÒ CHƠI VÀ ÁN MẠNG"

Tối Chủ nhật tiếp theo, ông Gordon Miller đón thanh tra Archibald Hurst và tiến sĩ Alan Twist. Donald Ransome cũng có mặt. Như một cuộc hội ngộ nhỏ của những chuyên gia tội phạm, được tổ chức theo mệnh lệnh của tiến sĩ Twist dưới tiêu đề 'trò chơi và án mạng'. Sheila Forrest không có mặt, vì đã lên thủ đô vào chiều hôm đó và sẽ lưu lại Devon vài ngày, tại nhà một người bạn.

Bốn người đàn ông lựa thế ngồi thoải mái trong những chiếc ghế hàng trước lò sưởi nổ lép lép. Ông Gordon mang ra chai Whisky hảo hạng nhất của mình. Ông ta đùa cợt, "Một tạo vật kỳ diệu, một món quà từ ông bạn Jack Radcliffe, người chặn cừu." Ngọn lửa lung linh phản chiếu từ thứ chất lỏng màu hổ phách, nhảy múa trong ba cặp mắt long lanh đầy vẻ đề phòng và trong tròng kính của tiến sĩ Twist. Trầm ngâm và bình tĩnh, nhà tội phạm học có vẻ chìm vào trạng thái mộng tưởng êm dịu. Ransome, ngả người ra sau với hai chân bắt chéo, toát lên vẻ bình tĩnh vắng bóng ở anh ta suốt cả tuần qua. Bàn tay phải của anh ta, luôn luôn cử động, nghịch một chiếc khăn lụa quấn hờ quanh cổ. Còn những cử chỉ của chủ nhân ngôi nhà thì chậm và uể oải hơn, nhưng ánh mắt bồn chồn của ông ta cho thấy vẻ lo lắng tiềm ẩn.

Hurst thì như sôi sùng sục. Cả buổi tối hôm trước ông đi tới đi lui trong căn hộ của mình, chờ Twist, trong lúc đó nhà tội phạm học đã đi vắng được vài tiếng, tới rạp chiếu phim phổ Oxford nơi Sheila Forrest có thói quen tìm đến vào các chiều thứ Bảy. Hút hết điếu xì gà này đến điếu xì gà khác trong khi tiếp tục mài mòn lớp thảm, ông không sao ngăn được những hình dung về người bạn của mình, trong một chiếc áo choàng thể thao lạ lẫm, hòa lẫn vào đám đông trước cửa rạp hát giống như một người hâm mộ trẻ tuổi đang đợi mình tinh xuất hiện. Mãi đến tận 11 giờ, Twist mới chường mặt, và ngồi đến nửa đêm rời rời nhà Hurst, để lại ông bạn trong trạng thái gần như mất trí, tuy

thế Hurst vẫn nhớ như in một vài đoạn hội thoại giữa họ.

‘Một ngày đáng nói, Archibald ạ, một ngày đáng nói! Và một cô gái đáng bàn! Tôi luôn nghĩ cô ấy buồn tẻ và thiếu sinh khí. Thật là một sai lầm! Một sinh linh nhạy cảm với những cảm xúc rất sâu sắc, mẫu người hiếm khi gặp được, lạ Chúa!’

‘Twist, anh tìm hiểu được gì từ cô Forrest?’

‘Rất nhiều điều tôi chưa hề biết. Cô ấy thật tinh tế, thật nhạy cảm làm sao. Tôi xin thề với anh, bạn của tôi ạ, nếu tôi trẻ lại ba mươi năm...’

‘Trời ạ, anh sẽ kể với tôi những gì cô ấy nói cho anh biết chứ? Và chuyện gì khiến anh đi lâu như vậy?’

‘Sau bộ phim, chúng tôi uống nước ở quán Britannia. Rồi đi ăn tối. Và đi dạo... Thật là một buổi tối đáng giá, Archibald ạ, tôi không nghĩ mình có thể quên được những thời khắc ấy! Nếu anh thật sự hiểu cô ấy, nếu anh hình dung được tất cả xúc cảm mãnh liệt ẩn giấu trong người thiếu nữ nhỏ bé đó...’

Viên thanh tra phải mất hơn nửa giờ mới kéo được bạn mình trở lại mặt đất.

‘Giờ thì tôi đã biết thực chất mọi chuyện,’ Twist tuyên bố, vẻ mặt ông đột nhiên sa sầm. ‘Cô ấy đã thành thật kể với tôi mọi chuyện tôi muốn biết. Tôi không cần phải gượng ép, nhưng tôi thấy xấu hổ với sự lá mặt lá trái của mình. Thật là một vai khó chịu! Không, Archibald, tôi sẽ không nói gì thêm với anh lúc này đâu. Nhưng đêm mai tôi có kế hoạch tổ chức một bữa tiệc nhỏ. Hang ổ của ông Gordon dường như rất phù hợp. Tôi tin chắc ông ta sẽ không từ chối. Cuối cùng chúng ta sẽ biết về *giả thuyết thứ bảy*. Một vài điểm còn chưa rõ ràng, nhưng tôi tự tin sẽ moi được từ hai kẻ tình nghi của chúng ta. Những yếu tố cơ bản của vụ việc tôi đã biết từ trước khi cô Forrest thú thực với tôi ngày hôm nay, và chắc chắn tôi sẽ suy luận được phần còn lại mà không cần lời khai của cô ấy. Nhưng giờ, tôi có thể đi theo những chi tiết khiến một số kẻ phải lăn mò ở phố Goring vào cái đêm cuối cùng của tháng Tám ấy, với độ chính xác có thể khiến Gordon Miller và Donald Ransome phải sửng sờ. Họ sẽ thấy rằng tôi có khả năng suy luận siêu hạng và thiên tài hiếm có về phân tích khoa học. Đã bị lừa gạt rồi, nên tôi sẽ xuất hiện trước họ như một nhà tiên tri, và tôi chẳng hề ngại ngần lãnh nhận vai trò này.’

Chính chủ nhân ngôi nhà, sau khi móc những viên bi thép ra khỏi túi, là

người mở đầu cuộc thảo luận.

“Ông đã nói với tôi, thưa tiến sĩ Twist, về buổi tối ‘trò chơi và án mạng’. Tôi hình dung việc này không thể không liên quan gì đến những sự kiện gần đây phải không?”

Donald Ransome góp lời, nhìn nhà tội phạm học với vẻ giễu cợt, “Về phần mình, tôi mạo muội cho rằng, ông sẽ không tạm biệt chúng tôi cho tới khi tìm ra lời giải cuối cùng cho bí ẩn này.”

“Tất cả đều không phải là không thể,” Twist trả lời. “Nhưng để tìm được lời giải ấy, mỗi người các ông phải cam kết trung thực và tuân thủ luật chơi, kể cả nếu như làm thế đồng nghĩa với việc nhận tội giết người. Nên gìn giữ tinh thần trọng danh dự đó, như các bậc thầy của một môn phái thể hiện khi đối diện với nhau. Chẳng hạn, chúng ta hãy xem xét hai nhân vật chính của câu chuyện mà một anh chàng tên Peter Moore nói đến...”

Miller và Ransome đáp lại bằng nụ cười mỉm.

“Bình thường, trong những tình huống tương tự, lời giải thích cho điều bí ẩn nhất sẽ được tôi để dành đến phút cuối cùng, mà theo lý thuyết trong trường hợp này chính là sự biến mất của David Cohen nơi hành lang dẫn tới phòng anh ta. Nhưng xét thực tế thì dĩ nhiên đó không phải là một bí ẩn nữa, bởi tất cả mọi người đều đã biết nó được thực hiện như thế nào: đơn thuần chỉ là một trò bịp. Một mưu mẹo khéo léo, rõ ràng rồi, nhưng tôi sẽ cho quý vì thấy rằng suy luận dựa trên lý trí thuần túy sẽ đưa tới một và chỉ một lời giải duy nhất mà thôi.

“Để phòng hờ có người không nhớ, tôi sẽ nhắc lại sơ qua tình huống vụ án. Bắt đầu từ thời điểm bác sĩ Marcus, lấy cớ là nhận diện, đề nghị nhà Minden đến nhìn anh chàng ở trọ của họ, lúc này đang khổ sở vì một ‘cơn bệnh’, nằm run rẩy trên chiếc càn có hai bác sĩ dịch hạch khiêng. Ngay sau đó, bác sĩ Marcus và nhà Minden rời phòng nạn nhân và bước ra hành lang, dừng lại trao đổi độ một phút trước lối vào phòng của vợ chồng Minden. Rồi bác sĩ Marcus ra hiệu cho những người khiêng cáng cứ đi tới. Đám rước nhỏ bắt đầu đi dọc hành lang và, đến giữa chừng, xảy ra một sự cố để Cohen biến mất. Lưu ý rằng hoạt cảnh ấy rất mơ hồ, diễn ra sấp bóng trước thứ ánh sáng mờ mờ hắt ra từ phòng của anh chàng thuê nhà. Do đó, có thể lúc đám rước bắt đầu thì nạn nhân đã không còn ở trên cáng nữa. Và vì vậy, anh ta biến mất theo đúng nghĩa. Lời khai của vợ chồng Minden, những người đáng tin cậy

duy nhất, rất chắc chắn ở một điểm: không ai có thể thoát khỏi hành lang, xét từ phía họ đang đứng.

“Do đó, bài toán đặt ra là thế này: Cohen biến mất, hoặc từ trong phòng hoặc từ hành lang tương ứng với quãng đường mà những người khiêng cáng đã đi. Tường, trần nhà, sàn nhà, chấn song của ô cửa sổ duy nhất: tất cả đều được kiểm tra kỹ, không cho kết quả gì. Không có cách thoát ra được. Cũng không hề có chỗ ẩn núp nào trong phòng. Vậy David Cohen đi đâu? Cứ cho rằng anh ta đã đổi quần áo với một bác sĩ dịch hạch đi, thì anh ta đã đi đâu mới được chứ?”

“Ba người khởi hành và chỉ có hai người đến nơi. Xét về lý trí thì chúng ta không thể chấp nhận chuyện một con người bỗng dưng biến mất, cho dù đó là ai, và chúng ta buộc phải xem xét lại các giả định cơ bản: liệu thực tế ban đầu có đúng là có ba người trong phòng của anh chàng thuê nhà kia không?”

“David Cohen đang nằm trên cáng, quờ quạng chân tay. Bác sĩ Sheldon thì bật ra những tiếng thở dài nôn nóng. Ít nhiều chắc chắn Sheldon chính là Kosminski, căn cứ theo chiều cao của anh ta. Như thế thì còn bác sĩ Ross đứng ở đầu cáng. Anh ta chưa hề phát ra âm thanh gì. Thực tế, dấu hiệu sống duy nhất là anh ta hơi lắc lư, như thể đang cố giữ thăng bằng cho chiếc cáng bị rung lắc bởi cơn vật vã của kẻ được cho là người bệnh.”

Tiến sĩ Twist dùng lại để nhìn cử tọa của mình, lúc này vẫn im lặng. Ông nói tiếp:

“Việc lắc lư có thể thực hiện dễ dàng bởi bác sĩ Sheldon, với việc rung lắc chiếc cáng. Do đó chẳng có gì chứng minh rằng bác sĩ Ross là một người băng xương băng thịt. Thật trùng hợp, trang phục của anh ta lại không để lộ ra một phân da thịt nào. Nhân vật bí ẩn của chúng ta được phủ kín tới tận mắt. Thậm chí, đôi tay cũng được bảo vệ bằng loại bao tay dày. Trông anh ta khá chắc nịch và mặc chiếc áo choàng dài tới mắt cá chân. Cổ áo dựng lên bao lấy mặt nạ bằng giấy bồi dày, và anh ta còn mặc thêm một chiếc áo khoác ngắn dài gần tới hông. Giả sử đó chỉ là một hình nộm rỗng, tương tự nhân vật kỳ thú của Maelzel mà thật tình cờ, ông Gordon đây đã chế tạo ra rất khéo. Giả sử chiếc áo khoác ngắn vừa được nhắc đến có một lỗ mở ở phía lưng cho phép ai đó lách vào trong ‘người rỗng’. Giả sử có ai đó là David Cohen và anh ta thực hiện màn trình diễn này trong lúc vợ chồng Minden và bác sĩ Marcus đang ở đầu kia hành lang. Một màn trình diễn mà chắc chắn không mất đến

một phút và không có nhân chứng nào nhìn thấy cả, nhất là khi nó diễn ra sau lưng ‘bác sĩ Ross’. Có cần tôi tiếp tục không, các quý ông?”

Donald Ransome liếc mắt sang Gordon Miller với vẻ giễu cợt và châm biếm, và ông này trịnh trọng nhận xét, “Trời ơi, quả là một lời giải thích hợp lý. Nhưng trò bịp này để làm gì chứ? Ông có thể khai sáng cho chúng tôi được không, tiến sĩ Twist?”

“Được thôi,” chuyên gia tội phạm trả lời, húng hàng ho, “nhưng họng tôi đang khô khốc rồi.”

“Ông muốn rót thêm chứ?” vị chủ nhà hỏi, như thể vừa nhận ra sự chênh mảng trong tiếp đãi của mình.

“Không... ồ, vâng. Họng tôi khô khốc vì nói, các ông hiểu cho. Tốt rồi, tôi sẽ trả lời câu hỏi của ông, và sau đó đến lượt ông. Hãy nhớ quy tắc cuộc chơi của chúng ta nhé.”

Ông Gordon và Ransome gật đầu một lượt, rất hòa nhã và nhẹ nhàng.

“Chúng ta hãy xem xét các chi tiết thực, và chỉ chi tiết thực thôi,” tiến sĩ Twist tiếp tục, chụm các đầu ngón tay lại với nhau và ngả người trên ghế bành. “Lời giải thích cho vụ biến mất, như chúng ta vừa thấy, hàm ý về sự đồng lõa của chính David Cohen, và dĩ nhiên cả bác sĩ Sheldon cùng bác sĩ Marcus. Vì thế, trò lừa gạt này nhằm vào vợ chồng Minden. Hãy quan sát họ một chút và đánh giá tác động tổng thể của trò bịp mà họ là nạn nhân.

“Vợ chồng Minden rất tần tiện, nói một cách nhẹ nhàng là vậy. Những căn phòng cho thuê đều bẩn thỉu và được bảo trì rất kém. Cảnh sát Watkins nhận thấy căn hộ của họ không có hệ thống sưởi ấm, hoặc sưởi ấm không đáng kể, và tự chúng ta có thể khẳng định điều này. Thêm nữa, cái chết của anh chàng thuê nhà dường như chỉ khiến họ bận tâm vì một lý do: mất đứt ba tháng tiền nhà mà anh ta còn nợ. Bác sĩ Marcus nhấn mạnh với họ tình trạng tồi tàn của các căn phòng và nói rõ rằng, nếu một người thuê nhà bị nhiễm dịch hạch thì họ sẽ phải chịu trách nhiệm. Giờ hãy đặt mình vào vị trí của họ. Họ tin khu nhà đã bị nhiễm dịch hạch và hình dung những người thuê nhà đang chết dần, mặt xám ngoét và đầy mụn mủ; họ thấy những cái bóng hắc ám của các bác sĩ dịch hạch; và nghe bác sĩ Marcus nói rằng thuốc, dấm và những túi hương liệu nhỏ sẽ không có tác dụng gì với những người đã bị nhiễm bệnh. Họ thấy ba vị bác sĩ rời đi, đứng trơ lại chờ đợi... Một anh chàng thuê nhà đã bị nhiễm dịch hạch không thể đi được xa và có thể xuất hiện đột ngột như lúc

anh ta biến mất. Ai có lý do để thực hiện một vở lừa hèn hạ như thế, nhằm hăm dọa họ và nhấn mạnh thói tham lam của họ cùng các hậu quả? Một người thuê nhà của họ, chắc chắn vậy, và chỉ có thể là David Cohen.

“Lúc đó anh ta đang đi lại với cô Forrest và năm thì mười họa tới thăm ông, ông Gordon. Chính ông cũng thừa nhận thời gian đó thỉnh thoảng có gặp Kosminski. Hãy hình dung một buổi tối như thế này với ông, David Cohen, Stanley Kosminski và Ransome. Hãy hình dung rằng Kosminski kể về một chuyến công diễn mà anh ta đang lên kế hoạch cùng những khó khăn đang gặp phải và ông, Gordon Miller, dẫn các vị khách của mình xuống xưởng để cho họ xem những hình nộm và, đặc biệt là bản tái tạo nhân vật kỳ thủ Maelzel. Hãy hình dung Kosminski, được khích lệ rằng việc giúp đỡ ông cho phép anh ta chế tạo được hình nộm cần thiết cho chuyến công diễn của mình. Nhưng chắc chắn là anh ta cần được tập dượt. Rồi hãy hình dung rằng David Cohen xen vào với mong muốn cần dạy cho những người chủ nhà trọ của mình một bài học. Những ý tưởng bắt đầu manh nha. Nói cho cùng, căn phòng này toàn những nhân vật biết bày trò và David Cohen thì quá ư sung sướng vì đang nhận được sự thông cảm từ gia đình người yêu. Ai đó để mắt tới hình nộm bác sĩ dịch hạch và kế hoạch dần đã hình thành. Tôi giả định vai bác sĩ Marcus do một trong những diễn viên xuất sắc nhất thời đại của chúng ta đảm nhận: anh Donald Ransome. Và bây giờ, thưa các quý ông, tôi nhường lại sân khấu cho các ông.”

“Cảm ơn vì lời khen tặng,” nam tài tử nói, nhấc ly lên, trong khi ông Gordon ngăm nhìn tiến sĩ Twist với thái độ ngưỡng mộ của người trong nghề. Ransome uống cạn ly rượu, châm một điếu thuốc, nhìn ông bạn và nhún vai, “Có lẽ chúng ta cũng nên trút bỏ gánh nặng rồi.”

Ông Gordon đặt những viên bi thép xuống, vẫn nhìn thẳng vào mắt nhà tội phạm học.

“Ông rất am tường, tiến sĩ Twist. Thật sự đấy! Và đúng, thực tế đó là những gì đã diễn ra. Cohen hành động đúng như ông đã mô tả. Gã quá sung sướng khi thấy mình cũng có giá trị và muốn chứng tỏ với chúng tôi bản thân gã không thiếu ý tưởng. Gã mô tả về mấy vị chủ nhà trọ đúng như ông vừa suy luận, nói rằng gã muốn chuyển đi từ lâu rồi, rằng chẳng có điều gì khiến gã sung sướng hơn là dạy cho họ một bài học rồi tếch.

“Từ đầu mùa hè, Kosminski đã chia sẻ hy vọng của cậu ta về một ‘chuyến

lưu diễn kỹ thuật biến mất'. Đây là dự án được lên ý tưởng từ vài năm trước, công trình của một trong những ảo thuật gia vĩ đại nhất của thế kỷ chúng ta. Tuy nhiên, đó sẽ vẫn chỉ là một ý tưởng trừ phi cậu ta chế tạo được 'người rỗng'. Tôi bảo cậu ta việc này có thể làm được, và một tháng sau tôi thực hiện cùng sự có mặt của David Cohen. Một tháng làm việc vô cùng cật lực. Ông không thể hình dung được mức độ phức tạp thế nào: phải đủ chắc chắn và cứng cáp để chịu được trọng lượng của một người nằm trên cáng và không sụp xuống khi người đó chui vào trong; thế nhưng nó vẫn phải đủ linh hoạt, với các khớp nối, để người bên trong có thể di chuyển tới trước mà không khiến các nhân chứng nghi ngờ."

"Một kỳ công nho nhỏ mà chúng tôi đã nhìn thấy khi kiểm tra tư trang của Kosminski." Twist nhận xét.

"Một kỳ công nho nhỏ," Ransome nhắc lại đầy mai mỉa, "nhưng chưa hẳn hoàn hảo."

"Đúng vậy," nhà viết kịch xác nhận, chậm rãi gật đầu. "Thoạt tiên, những người khiêng cáng dự định sẽ là người Ấn Độ, giống như..."

"Giống như cách của người đầu tiên sáng tạo ra màn đánh lừa này. Tôi biết chương trình lưu diễn và nhà ảo thuật mà ông đang nói đến," Twist ngắt lời. "Tôi đoán là lúc Cohen nhắc đến vợ chồng Minden với các ông, thì Kosminski đang cầm con búp bê bác sĩ dịch hạch trên tay."

"Đúng," Ransome nói, "và tôi nhận xét rằng một bộ trang phục như thế sẽ rất hoàn hảo để che kín bất kỳ ai, một đề xuất khiến tất cả mọi người phấn khích, đương nhiên vì cái vẻ đáng sợ của nó. Dần dần chúng tôi hình thành một ý tưởng. Và trong vòng hai tuần, chúng tôi đã sẵn sàng."

"Tôi hình dung tất cả mọi cử động đều vận hành chính xác như cỗ máy đồng hồ," Twist nhận xét.

"Vâng," Gordon Miller nói, giọng điệu hãnh diện thấy rõ. Ông muốn để mọi người biết rằng chính mình đóng góp một phần rất lớn trong việc tạo ra màn lừa gạt này.

"Và lúc 10 giờ tối ngày 31 tháng Tám, Kosminski và tôi tới thăm Cohen: cậu ta giả trang làm một bác sĩ dịch hạch còn tôi là một thầy thuốc đáng kính thời Victoria. Cohen đã đợi chúng tôi và lo vụ hình nộm cùng cái cáng," Ransome tiếp tục.

"Và các anh đi lại trên phố đúng như thế," Hurst kêu lên.

“Tôi đi xe hơi của mình còn Kosminski sống cách đó không xa. Chúng tôi muốn đóng vai diễn của mình ngay từ đầu. Thật tình cờ, chúng tôi dụng phải một sĩ quan cảnh sát, và suýt nữa bị tóm.”

“Và ông, ông Gordon, ông không tham gia bữa tiệc này à?” Twist hỏi.

“Không, tôi đã quá già cho những việc như thế rồi. Đây là nói về chuyện diễn xuất,” ông nói thêm đầy ác ý. “Và đúng là may vì tôi không tham gia!”

Ransome mỉm cười cay đắng. “Mọi việc xảy ra ít nhiều như ông mô tả, thưa tiến sĩ Twist. Chính Kosminski, tức bác sĩ Sheldon, bị vấp ngã, dĩ nhiên là rất tinh vi, trong phần biến mất giả vờ của bệnh nhân giữa hành lang. Cohen, tức Ross đang nằm nên không thể ngã được, đã chui vào trong hình nộm.

Cohen giữ nhiệm vụ đứng gần khu vực cầu thang trong khi nhóm còn lại: Kosminski, vợ chồng Minden và tôi đi tới phòng Cohen để tìm kiếm anh chàng thuê nhà vừa biến mất. Sau đó, mọi việc chuyển hướng xấu đi. Tôi đã nói với các ông rằng kỳ công nhỏ của ông bạn tôi vẫn chưa hẳn hoàn hảo mà.”

“Đã bao nhiêu lần tôi nhắc cậu hãy cẩn trọng nhỉ,” ông Gordon vặc lại vẻ gắt gỏng. “Cậu không thể chối rằng tôi đã cảnh báo rất nhiều lần, Donald.”

Ông quay sang hai nhà thám tử. “Ở trước chiếc áo chên có hai thanh kim loại mỏng có thể rất nguy hiểm nếu người chui vào hình nộm cúi xuống. Chúng rất cần thiết để... xin khỏi bận tâm đến mấy chi tiết này nữa. Nhưng tôi đã dặn Cohen nhiều lần rằng đừng cúi xuống với bất kỳ giá nào.”

“Tôi đoán, các ông đã hiểu chuyện gì xảy ra rồi phải không?” Ransome nói. “Chắc hẳn gã có một cử động sai và...” Anh ta làm một động tác cửa cổ. “Trong khi Kosminski và vợ chồng Minden vẫn còn ở trong phòng phía sau, tôi đi tới đầu kia hành lang, làm ra vẻ như muốn hỏi gã xem có nhìn thấy bất kỳ ai không. Cohen đang dựa vào tường với bộ dạng rất lạ lùng, như thể sắp gục xuống. Mà chắc chắn đã gục xuống thật nếu không có bộ khung hình nộm giữ gã đứng thẳng. Cohen không nhúc nhích và không trả lời. Tôi lập tức vỡ lẽ chuyện gì đã xảy ra, gã đã có một cử động sai và bị mấy thanh kim loại cắt vào bụng.

“Sau khi gạt được vợ chồng Minden, tôi giải thích tình hình với Kosminski. Chúng tôi đã rơi vào một nghịch cảnh thật sự. Cohen rõ ràng đã tới số. Mạch ngừng đập. Nếu còn chút hy vọng mong manh cứu sống được gã

thì chúng tôi cũng sẽ cố gắng giúp, xin hãy tin tôi. Nhưng chẳng thể làm được gì hơn. Gây chú ý cho cảnh sát sẽ chẳng ích gì, ngoài việc khiến chúng tôi phiền phức to. Vì thế chúng tôi gạt bỏ giải pháp đó, đặc biệt khi chẳng có gì để quy trách nhiệm cái chết ấy cho chúng tôi. Chúng tôi nghĩ về những gì vợ chồng Minden có thể nói với cảnh sát, một câu chuyện lạ thường đến mức chẳng cảnh sát nào tin được, đặc biệt nếu không có ai trong nhà. Rõ ràng chúng tôi phải mang hình nộm và cái xác đi. Không suy tính nhiều, và vì đang vội, chúng tôi cáng cả đôi ra, rồi vùi cái xác vào chỗ đầu tiên mình gặp: một cái thùng rác ở ngưỡng cửa cách đó không xa. Trong lúc vội vã, chúng tôi quên xóa bỏ lớp hóa trang dịch hạch. Tự chúng tôi đẩy mình...”

Ransome ngừng lại một lúc, rồi tiếp tục. “Nhưng có một điều tôi muốn làm thật rõ với ông, tiến sĩ Twist. Câu chuyện ông từng kể với chúng tôi về viên cảnh sát phải xử lý một gã điên đã làm cái xác của Cohen biến mất rồi xuất hiện trở lại là một mớ bịa đặt từ đầu chí cuối!”

23

THÔNG LỘNG XIẾT CHẶT

Tiến sĩ Twist bật ho. “Chúng ta sẽ trở lại chuyện đó sau. Trước tiên, tôi muốn ông Gordon kể cho chúng tôi biết ông đã thuyết phục Peter Moore như thế nào để anh ta đến chỗ chúng tôi với câu chuyện kỳ lạ của mình, và chính xác mục đích của trò này là gì. Vì chẳng cần phải nghi ngờ gì rằng câu chuyện bịa đặt này là sản phẩm mấy bộ óc các ông kết hợp lại. Không thể khác được.”

Ông Gordon nhìn nhà thám tử với một nụ cười trầm ngâm, rồi bắt đầu. “Đúng vậy đấy. Xin nhớ cho, tôi ngờ rằng ông đã biết ngay từ đầu ai là tác giả thật sự của câu chuyện hoang đường ấy. Và, bên cạnh đó, tôi muốn thừa nhận là tôi và Donald đứng đằng sau sớm hơn nhiều nhưng tôi bắt quả tang Peter Moore đang ăn trộm và buộc phải bắn gã. Vì sự cố không may đó, cái bẫy của chúng tôi đã sụp xuống chính chúng tôi, hoặc chính xác hơn, xuống tôi. Ông biết ý tôi là gì mà.

“Hồi đầu năm, gã thư ký của tôi phát hiện có một món vũ khí biến mất khỏi bộ sưu tập của tôi, một thứ rất hiếm và đắt tiền, tôi xin nói thêm vậy. Hôm đó là Chủ nhật và tối hôm trước tôi tiếp đón khá nhiều khách khứa. Hai tháng sau, Peter báo cáo một vụ mất trộm nữa, vẫn lại sau bữa tiệc đêm trước. Ai trong số bạn bè của tôi đang tùy tiện lấy cắp kho báu của tôi? Dù cảnh giác, tôi vẫn không thể nào tóm được kẻ đó và rồi không có thêm sự cố nào nữa. Nhưng một ngày, một người bạn nhắc tôi rằng gã thư ký có thể không đáng tin cậy bởi đã bắt gặp gã áp tai vào cửa phòng làm việc của tôi. Tôi rất ngạc nhiên, nhưng quyết định bí mật để mắt đến Peter Moore. Thực tế tôi chưa bao giờ bắt tận tay, nhưng có ấn tượng rõ rệt rằng đã tóm hụt gã vài lần. Liệu có phải gã, người vẫn khiến tôi hài lòng cho tới lúc này, lại có thể thiếu khôn ngoan như vậy chẳng? Và, nếu vậy, có phải gã chính là kẻ đã lấy đi hai món bảo vật trong bộ sưu tập của tôi không? Tôi cần biết chắc, để thử lòng

gã, để giăng bẫy gã. Tôi đã ngỏ lời với Donald, và chúng tôi cũng nghĩ ra câu chuyện mà ông đã biết. Tôi xin nhắc lại cho ông đòan chính yếu: hai biến cố đầy kịch tính để gây sự chú ý tới đối tượng, tiếp đó là một vụ án mạng dựa trên những tình huống cổ xưa nhất, nhưng vẫn là hiệu quả nhất: cái trục tam giác vĩnh cửu gồm vợ, chồng và người tình. Rồi cuộc chiến giữa hai đối thủ, với vụ án mạng sắp xảy ra.”

Ransome thận trọng bằng giọng. “Tôi vẫn lo liệu chúng tôi có làm quá trớn hay là không. Nghĩ lại thì nó hơi giả tạo. Nhưng gã đã cắn câu.”

“Nếu tôi hiểu đúng ý ông,” tiến sĩ Twist nói, “kế hoạch của ông là dụ Moore đến khai báo với cảnh sát những kế hoạch giết người của ông, để xác định xem liệu anh ta có nghe trộm hay không.”

“Vâng, chính là như thế,” ông Gordon thừa nhận, hơi lúng túng. “Dĩ nhiên không có gì bảo đảm rằng Peter sẽ đến chỗ cảnh sát ngay cả khi gã khinh suất. Và, nếu gã quyết định đi, thì rất dễ có khả năng cảnh sát sẽ tiến hành điều tra, mà điều đó đã xảy ra rồi.”

“Như vậy ông biết đích xác tại sao chúng tôi lại ở Green Man vào tối hôm đó,” Hurst lầm bầm.

“Sự hiện diện của các ông ở đó có thể là tình cờ,” ông Gordon đáp, “nhưng khi các ông tiết lộ kế hoạch về câu chuyện bí ẩn liên quan đến một cuộc đấu tay đôi sinh tử giữa hai nhà văn trinh thám thì chúng tôi biết Peter đã tới gặp các ông. Và gã không để lộ gì cả, đồ khốn kiếp.”

“Tôi có cảm giác tối đó mọi việc diễn ra quá trớn tru,” viên thanh tra gặm gờ, bàn tay nắm chặt. “Chúa ơi, chắc là các ông đã cười chúng tôi đến chết.”

“Sẽ là dối trá nếu nói khác đi,” Ransome cười khẩy.

Hurst phải cố kiềm chế, rồi hỏi, “Vậy làm sao ông biết chắc Peter Moore nghe trộm vào ngày hôm đó?”

“Đây này, Archibald,” Twist xen ngang. “Còn nhờ sự xuất hiện đột ngột của tay chặn cừu là một người bà con của bà Miller quá cố, ăn vận như một kẻ du thủ du thực và có những chuyện khó tin để kể không? Như thế đã đủ khiến bất kỳ ai cũng phải chú ý, nói gì đến người có thói quen nghe trộm. Thêm nữa, tôi biết chắc ông Gordon đã kích thích sự quan tâm của gã khi gã thông báo về vị khác.”

“Vâng, đúng thế,” nhà viết kịch đồng ý. “Thực tế, tất cả những gì tôi phải làm là vờ như mất tinh thần, nhưng cố tìm cách che giấu.”

“Gớm thật, quả là khó tin,” Hurst quát to. “Toàn bộ vụ này, chỉ để tóm một tên đây tố phản trắc. Hẳn ông thật sự là...”

“Xin cứ gọi là bệnh nghề nghiệp,” ông Gordon xen ngang. “Giờ, tôi muốn ông đặt mình vào vị trí của tôi khi, vừa bắn gục một tên trộm, tôi phát hiện kẻ đó không phải ai khác ngoài Peter Moore, kẻ tôi đã nghi ngờ về hành vi trộm cắp và gian dối, điều đã được khẳng định trong cuộc gặp của chúng ta tại Green Man. Liệu tôi có thể chạy đến chỗ ông và nói: ‘Người tôi vừa bắn là một tên trộm; tôi biết điều đó trước cả khi gã ăn cắp, và giải thích lý do...’ Ngay cả tay luật sư kém cỏi nhất cũng có thể bác bỏ lời bào chữa của tôi và khẳng định rằng tôi đã cố ý bắn gã.”

“Rõ ràng,” Hurst cay đắng thừa nhận.

“Rất may, Donald nhanh trí hiểu tình hình. Vì, nếu cậu ấy thừa nhận chúng tôi đã giăng bẫy Moore sau khi tôi nói chưa hề biết đến chuyện như vậy thì quả là một tai hoa. Các ông sẽ tin chắc rằng tôi chỉ đợi đúng thời điểm để hạ Moore.”

Hurst ngẫm nghĩ một lúc rồi nói, “Trong lời khai của ông có gì đó mà tôi không hiểu rõ: ông Gordon, hành động của ông khi nhặt con búp bê bác sĩ dịch hạch. Hẳn ông không nhận ra chúng tôi sẽ liên hệ đến vụ việc của Cohen đúng không?”

“Nhưng anh Gordon không hề làm vậy,” Ramome thốt lên. “Moore bịa ra tất cả! Điều đó chứng minh sự dối trá của gã. Gã đã theo dõi chúng tôi trong lúc chúng tôi đang chuẩn bị màn trình diễn trước vợ chồng Minden. Chắc hẳn gã cho rằng chúng tôi hạ sát Cohen và quyết định nhân cơ hội tiêu diệt chúng tôi. Tên chấy rận!”

“Xin thừa nhận tôi thật ngớ ngẩn,” ông Gordon nói thêm.

“Tôi biết ‘hành động’ đó không nằm trong sự chuẩn bị của ông cho câu chuyện của Moore,” tiến sĩ Twist bình thản tuyên bố. “Tôi nhớ rất rõ những phản ứng của ông ở Green Man. Khi ông bạn Archibald của tôi nói về hai kẻ ăn mặc như những bác sĩ dịch hạch có dính líu đến vụ việc của Cohen, anh Ransome đây gần như đánh rớt ly của mình còn ông thì ngạc nhiên không kém. Nhưng ông không hề chớp mắt khi chúng tôi nói đến ‘cuộc đấu tay đôi’.

“Đến giờ vẫn rất ổn. Người ta có thể chấp nhận rằng cái chết của Peter Moore là một vụ tai nạn. Nhưng lại còn cái chết của Stanley Kosminski gần như diễn ra cùng thời điểm, và có vẻ quá giống một sự trùng hợp. Nói đến

Kosminski, anh Ramsome, tôi muốn quay lại buổi tối bị thương vào cuối tháng Tám đó, lúc anh và anh ta chia tay sau khi vứt xác Cohen vào thùng rác.”

“Nhưng tôi đã nói với các ông hết rồi,” nam tài tử phản đối. “Tôi đi xe hơi của tôi còn Kosminski đi đường của cậu ta.”

“Lúc đó là mấy giờ?”

“Ông muốn tôi nhớ bằng cách nào chứ? Chúng tôi chỉ vừa rời nhà Minden. Mấy cái thùng rác thì không xa lắm, trong một cái ngõ nhỏ xíu. Chúng tôi đổ hết một thùng và đặt cái xác vào trong, sau khi đã gỡ ‘người rỗng’. Rồi chúng tôi ra về. Toàn bộ vụ việc chỉ mất chưa đầy năm phút.”

“Anh cầm cái cang còn Kosminski cầm hình nộm?”

“Vâng, cậu ta bọc nó trong áo choàng, cùng với đồ hóa trang của mình. Cũng là một gói khá lớn, nhưng cậu ta không phải đi xa lắm.”

“Và, sau đó, anh có nhìn thấy Kosminski nữa không?”

Ramsome quệt mồ hôi trên trán.

“Ngày hôm sau, ở ngay đây. Để kết thúc nốt mọi việc.”

“Bao gồm cả việc loại bỏ ‘trò bịp’ khỏi trí nhớ của anh phải không, tôi cho là vậy?”

“Ít nhiều như vậy. Đặc biệt sau khi chúng tôi đọc báo, trong đó vụ việc được mô tả như một án mạng. Sau đó, chúng tôi không gặp nhau nữa.”

“Vụ tai nạn giội nước lạnh lên mọi việc,” ông Gordon nói thêm.

“Rất tốt,” tiến sĩ Twist nói, nhắm mắt lại để tập trung. “Archibald, tôi nghĩ đã đến lúc lấy cái vật trong cốp xe anh ra rồi.”

Hurst đứng lên và đi ra, trong khi ông Gordon và bạn mình liếc nhau vẻ hoang mang. Vài phút sau, viên thanh tra quay lại và mở ra một vali lớn.

“Ông Gordon, tôi cho rằng ông sẽ nhận ra thứ này,” Twist tuyên bố, nhặt lên một chiếc áo chèn dệt bằng sợi kim loại. “Đây là tác phẩm của ông, phải vậy không? Đây là ‘kỳ công nho nhỏ’ mà ông mất rất nhiều thời gian và công sức phải không? Như đã đề cập, chúng tôi tìm thấy nó trong mớ đồ nghề của Kosminski. Anh ta đã không vứt bỏ nó. Có lẽ anh ta nghĩ có thể dùng nó vào một ngày nào đó, khi vụ việc Cohen bị lãng quên. Không phải là không thể, bởi vì còn có hai bộ trang phục Ấn Độ trong cùng tủ quần áo. Giờ hãy xem phần trước cái áo chèn, hai thanh kim loại được nói là nguyên nhân gây ra cái chết của Cohen. Chúng khá mỏng và gần như không hề sắc.” Giọng ông

chùng xuống. “Hai nhát đâm chí mạng là do lưỡi một con dao lớn, và dù sao cũng không thể do hai thanh kim loại không hề có dấu máu này gây ra. Tôi rất tiếc thông báo với ông rằng David Cohen thật sự bị giết hại.”

Không khí lặng phắc.

“Bị giết hại,” Hurst nhắc lại. “Bị giết bởi hai nhát dao. Không còn gì để nghi ngờ.”

Ông rút cuốn sổ tay ra xem. “Lúc xấp xỉ 10 giờ 35 phút tối, Cohen biến mất - và giờ chúng ta biết là ‘hóa thành’ bác sĩ Ross. Anh ta nấu mình ở cuối hành lang, gần lối cầu thang trong khi những người còn lại tìm kiếm trong phòng Cohen. Hai hoặc ba phút sau, bác sĩ Marcus, nói cách khác là anh, Ransome, đến chỗ anh ta, ba mươi giây sau thì những người khác đến. Cohen chết vào thời điểm đó. Điều này chắc chắn là thật, bởi ngoài lời khai của chính anh, và lời khai của nhà Minden, nói với tôi rằng anh giữ ‘bác sĩ Ross’ một cách rất lạ lùng và họ không nhìn thấy anh ta nhúc nhích sau đó, còn có lời xác minh của bác sĩ về thời điểm chính xác xảy ra vụ án. Rõ ràng là có rất ít người có điều kiện thực hiện vụ giết người. Và khi tôi nói rất ít người thì chủ yếu là anh đấy, anh Ransome! Anh đã ở một mình bên bác sĩ Ross trong nửa phút, nhiều hơn cả lượng thời gian để đâm anh ta hai lần.”

Nam tài tử tái mặt, lắc đầu, nhưng không nói gì.

“Lúc 10 giờ 45 phút tối,” Hurst tiếp tục bằng đúng ngữ điệu cũ, “anh mang cái xác đi với sự giúp đỡ của Kosminski, người cứ đinh ninh tin rằng kẻ đồng lõa của mình đã chết vì hai thanh kim loại cắt vào bụng do một cử động sai lầm của chính anh ta. Giờ thì, chuyển sang lời khai của cảnh sát Watkins, một sĩ quan cá nhân tôi biết rõ và tin tưởng nhiều nhất. Ông ấy nhìn thấy, lúc 11 giờ 5 phút tối, bác sĩ Marcus của chúng ta đứng dựa vào một thùng rác.”

“Không đúng!” Ransome la lớn.

“Anh nghĩ là không phải ư?” tiến sĩ Twist bình thản hỏi. “Tôi không biết liệu chúng tôi đã nói với anh hay chưa, nhưng Watkins, sau khi phát hiện ra cái xác trong thùng rác, đã gặp một đồng nghiệp đi tuần trong khu vực và kể với người ấy về cuộc trò chuyện của mình với bác sĩ Marcus. Và việc này diễn ra trước khi ông ấy nghe lời khai của vợ chồng Minden. Nếu chúng ta giả sử Watkins sáng tác ra câu chuyện, cho dù tôi không thấy lý do gì để một sĩ quan cảnh sát bình thường lại làm vậy, thì làm sao ông ấy có thể sáng tạo ra nhân vật bác sĩ Marcus khi mà chưa hề nghe nói đến gã trước đó chứ? Đó sẽ là một sự trùng hợp cực kỳ phi thường, các ông có nghĩ thế không?”

“Nhưng điều đó thì có ý nghĩa gì chứ?” nam tài tử vặn lại, trán vã mồ hôi. “Và việc cái xác xuất hiện lại trong thùng rác, chuyện đó xảy ra như thế nào?”

Chẳng điều gì có ý nghĩa cả.”

“Thực tế thì đó là một trò bịp đơn giản. Trong ngõ, chỉ có ba thùng rác, các vị nhớ chứ. Hai cái dựa vào tường bên trái, và cái kia phía đối diện. Watkins nói rằng kẻ ông ấy nhìn thấy lúc đầu đang dựa vào thùng rác thứ nhất bên trái. Sau khi kiểm tra, ông ấy xác định nó trống rỗng. Sau đó, bác sĩ Marcus thu hút sự chú ý của ông sang thùng đối diện, vốn đựng ngập rác. Watkins vứt nắp ra, vừa lục lọi bên trong vừa lầm bầm kêu ca. Một thao tác đơn giản, tiến hành trong không gian không hoàn toàn yên lặng và chỉ kéo dài vài giây mà bác sĩ Marcus khôn ngoan tận dụng: gã tóm lấy thùng rác thứ nhất đã được kiểm tra - trống không, như chúng ta đã biết - và đặt nó về phía sau cái thứ hai, vốn chứa xác Cohen và lúc này thế chỗ cho cái thứ nhất. Như vậy khi Watkins nhìn vào bên trong thứ ông ấy nghĩ là ‘thùng rác cuối cùng’, thực tế nó chính là ‘cái đầu tiên’. Một trò bịp rất trẻ con, được hỗ trợ nhờ tình trạng thiếu ánh sáng tại hiện trường.

“Thưa các quý ông, toàn bộ việc này nói cho chúng ta rất nhiều điều về tính cách của bác sĩ Marcus. Một kẻ máu lạnh được trời phú khả năng phản xạ nhanh và tài ứng biến hiếm có. Hãy thử đặt mình vào vị trí của gã, kẻ có lẽ đã nhận ra viên sĩ quan cảnh sát chưa đầy một giây trước khi viên cảnh sát phát hiện ra gã, và bị mắc kẹt trong ngõ hẹp với một xác chết. Chính trong khoảnh khắc đó, gã đã thực hiện xong một chiến tích lừa gạt phi thường. Bất chấp tình thế nguy cấp của mình, gã vẫn tìm ra cách đánh lừa ngoạn mục Watkins tội nghiệp. Viên cảnh sát nghi ngờ gã có vấn đề về đầu óc, nên gã giả vờ làm một bác sĩ tội phạm. Sinh mạng đang gặp nguy hiểm, nhưng gã vẫn có thể khai thác được khía cạnh hài hước của tình thế để đạt mục tiêu. Hơn thế nữa, gã xỏ viên cảnh sát trước khi bỏ đi bằng cách nói vờ với ông ấy chỗ tìm cái xác. Thật là một màn trình diễn xuất thần! Thật sự đó, anh Kansome, tôi không biết một ai khác có khả năng thực hiện được như thế. Chỉ một tài năng xuất chúng như anh mới có thể làm được. Nếu chúng ta ở trong nhà hát, tôi sẽ vỗ tay tán thưởng anh.”

Mắt Donald Ransome sắc lém.

“Lượng thứ cho tôi, tiến sĩ Twist ạ, nhưng lần này tôi không thể cảm ơn ông vì lời khen được rồi. Và tôi rất tiếc phải nói với ông rằng ông...”

“Để tôi nói hết đã, và anh sẽ thấy rằng các dữ liệu khớp với nhau một cách hoàn hảo. Sau khi ông Gordon cảnh báo David Cohen về sự nguy hiểm mà

hai thanh kim loại gây ra, anh nhận thấy nó có thể là một cơ hội tốt để loại bỏ cái kẻ dám tán tỉnh người phụ nữ mà anh thèm khát bấy lâu. Đừng tìm cách phủ nhận, chính cô Forrest đã khẳng định điều này.

“Do đó, anh có thể loại bỏ đối thủ và khiến nó được xem như một vụ tai nạn, ít nhất là với những người tham gia màn lừa gạt. Cô Forrest khuây khỏa trong vòng tay anh và mọi thứ diễn ra xuôi chèo mát mái cho tới khi Kosminski nhận ra không hề có máu trên mấy thanh kim loại... mà lẽ ra *phải có mới đúng*. “Nguyên văn từng lời anh ta nói với anh trai mình vào buổi tối say sưa rượu gin là: *‘Không dấu vết... không dấu vết... không máu... đáng lẽ phải có chứ. Chuyện quái gì đây nhỉ?’*”

“Tôi ngờ rằng anh ta mất khá lâu để mới được chuyện gì đã xảy ra. Kosminski, như các ông biết rõ, không sung túc cho lắm. Nhưng đột nhiên anh ta nắm giữ một số tiền lớn. Anh ta tổng tiền anh, anh Ransome, chuyện đó rành rành rồi. Anh mà không đưa tiền sớm thì anh ta sẽ tố giác mọi việc. Cuộc điện thoại bí ẩn vào tối Chủ nhật là của anh ta, phải vậy không? Tôi cho rằng anh ta đòi gặp bởi anh đang ở ngay gần đó. Anh thấy nếu không có biện pháp mạnh, anh ta sẽ tiếp tục giở trò thêm. Tài ứng biến của anh quả là xuất chúng... Kosminski sống ở ngay góc phố... Ai chú ý thấy sự vắng mặt của anh trong vài phút khi bữa tiệc đang tới lúc cao trào chứ?”

“Trong vòng mười đến mười lăm phút, anh có thể dàn xếp tất thảy. Anh đến nhà Kosminski, anh ta mở cửa, anh xô vào anh ta và vung dao đâm liên tiếp. Nhưng Kosminski kháng cự và anh buộc phải bỏ chạy. Để tôi nhắc cho anh nhớ rằng có một nhân chứng mô tả kẻ tấn công là một người đàn ông tóc vàng mặc bộ đồ đen, giống như anh đấy!”

Ransome đứng bật dậy, mặt tái nhợt như người chết. “Không đúng! Tôi thề rằng điều đó không đúng!”

Tiến sĩ Twist chỉnh lại cặp kính của mình và trả lời, bằng giọng đầy thuyết phục, “Còn tôi khẳng định điều đó là đúng: Kosminski tổng tiền anh và gọi điện vào tối hôm đó để đòi anh gặp mặt.”

Nam tài tử dường như định trả lời nhưng lại đổi ý và đứng yên, miệng há hốc.

“Tôi hiểu rằng anh không thể thú nhận,” nhà tội phạm học tiếp tục. “Nhưng anh biết hai điểm vừa rồi đều đúng. Hãy hình dung vụ tai nạn xe cấp cứu không xảy ra và Kosminski vẫn còn sống. Hãy hình dung vị thế của anh

nếu anh ta có thể khai báo. Chỉ một người có lý do kết liễu kẻ tổng tiền, đó là nạn nhân bị tổng tiền. Chắc chắn Kosminski sẽ không do dự tố cáo anh, dù bản thân thì cũng chẳng tốt đẹp gì. Thậm chí không kể chuyện tổng tiền, những gì anh ta biết về vụ sát hại Cohen cũng đủ là lý do cho anh loại bỏ anh ta rồi. Lời khai của anh ta về vụ Cohen sẽ khiến *anh* bị treo cổ. Anh là người duy nhất có *động cơ* sát hại David Cohen, và cũng là người duy nhất có *cơ hội* giết anh ta. Anh có thể cảm ơn thần may mắn của mình, thừa anh Ransome, vì người lái chiếc xe cấp cứu không kiểm soát được chiếc xe.”

Một sự im lặng kéo dài, cuối cùng Ransome bắt đầu lắp bắp, “Nhưng... nhưng như thế...”

“Sau như thế,” Twist nhắc lại, quay về phía ông Gordon, lúc này lại đang mân mê những viên bi thép, “như thế nghĩa là tất cả những kết luận mà tôi vừa mô tả đều được hình thành, lên kế hoạch và thực hiện bởi một người, hành động đơn độc, một trong những âm mưu hiểm độc nhất mà tôi từng thấy, với mục đích duy nhất là tròng sợi dây vào cổ anh. Và đó lẽ ra đã là số phận của anh đấy, anh Ransome, nếu không có vụ tai nạn ‘may mắn’ của chiếc xe cấp cứu.

“Âm mưu ắp ủ bởi một bộ óc xuất sắc - từng chi tiết đều được kiểm soát với sự chính xác như bánh răng đồng hồ, độ phức tạp vượt xa bất kỳ thứ gì anh từng hình dung. Một âm mưu trong đó từng bước đi đều được lên chương trình tỉ mỉ và tuyệt đối không để điều gì sơ sẩy. Vụ giết hại David Cohen, câu chuyện của Peter Moore và vụ sát hại anh ta sau đó cùng vụ tấn công Kosminski - chỉ do một và chỉ một người thực hiện. Thực lòng, tôi không tin mình từng gặp tên tội phạm nào thông minh một cách đáng sợ và hèn hạ như ông đấy, ông Gordon.”

24

GIẢ THUYẾT THỬ BẢY

Im lặng một lúc khá lâu, không hề nghe thấy tiếng gì ngoại trừ âm thanh của những viên bi thép trong tay Gordon Miller. Sau đó Donald Ransome bật cười to, một tiếng cười oang oang như cuồng loạn, và rồi vị chủ nhà cũng cười theo.

“Rõ ràng, tiến sĩ Twist,” nam tài tử líu lười, “ông rất có biệt tài gây ấn tượng khiến cho kẻ chuyên nghiệp nhất cũng phải hổ thẹn. Lời buộc tội kỳ cục chẳng kém gì điều ông vừa gán cho tôi.”

“Nói thật,” ông Gordon chêm vào, “Tôi đã dự đoán trò quay ngoắt 180 độ như thế này rồi. Nhưng tôi không trách ông, đó là một phần của *trò chơi* phải không nhỉ? Nhưng trước hết, lý do gì tôi phải căm ghét bạn mình đến mức nghĩ ra một âm mưu như vậy chứ?”

“Tôi muốn,” tiến sĩ Twist tuyên bố, đôi mắt xanh biếc xoáy thẳng vào nhà viết kịch, “giữ riêng điều đó cho mình một thời gian nữa. Vì giờ, nếu tôi nói ra toàn bộ sự thật, ông Gordon, chắc chắn một trong những người có mặt ở đây sẽ không để ông được sống đầu. Tôi biết mọi chuyện rồi, ông Gordon, *tất cả mọi chuyện*, và tôi muốn ông hiểu rõ điều đó.”

Trước những lời này, sắc mặt Gordon Miller thay đổi rất kín đáo, nhưng Donald Ransome lại có vẻ hứng khởi, buông giọng châm chọc, “Chúng tôi đang nghe đây mà, tiến sĩ Twist. Xin cứ thoải mái. Tất cả những gì chúng tôi được yêu cầu là tin ở ông, phải không Gordon?”

Nhà viết kịch miễn cưỡng mỉm cười.

“Mặc dù tôi đã nói định giữ một số điều cho riêng mình,” Twist tiếp tục, như thể không nghe thấy những lời nhận xét vừa rồi, “nhưng tôi phải nói rõ ràng vài việc, ông Gordon. Ông rất khó chịu về mối quan hệ của con gái mình với David Cohen, lại càng khó chịu hơn nữa về mối quan hệ sắp tới... vì nhận ra rằng anh bạn Ransome của mình rất mê cô Sheila và dường như cô

ấy không hề hờ hững. Nói luôn là ông phản đối bất kỳ mối quan hệ nào như vậy và sẵn sàng làm bất kỳ việc gì để phá hoại. Đó là xuất phát điểm. Liệu tôi nói thế đã đủ rõ ràng chưa?”

“Rõ ràng,” cả hai người bạn đồng thanh trả lời. “Tốt. Chúng ta vừa biết ‘trò lừa gạt’ của mấy ông bác sĩ dịch hạch hình thành như thế nào. Có lẽ chính vào thời điểm đó, ông đã vạch ra kế hoạch của mình, ông Gordon ạ, và nó như sau: lợi dụng tình huống để loại bỏ Cohen trong khi sắp xếp các sự kiện theo cách khiến con gái ông - biết rõ màn chơi khăm kia, như chúng ta biết - nghi ngờ anh Ransome phải chịu trách nhiệm cho cái chết của người yêu mình. Điều đó sẽ làm ảnh hưởng xấu đến mối quan hệ của họ và chấm dứt luôn mối tình đang nảy nở. Nhưng vì tình yêu mù quáng, rất có khả năng cô ấy sẽ tha thứ, quên đi tội ác được cho là của anh Ransome và vẫn ngã vào vòng tay anh ấy. Ông đã phải rất thận trọng để phòng kết cục này, nhưng hóa ra mọi việc lại xảy ra đúng như thế.

“Nếu anh không đính ước với cô Sheila, anh Ransome, tất cả sẽ kết thúc ở đó và anh Cohen sẽ là người duy nhất phải chết. Nhưng số phận lại quyết định khác đi và ông Gordon buộc phải khởi động giai đoạn thứ hai trong kế hoạch của ông ta. Trong đó bao gồm tất cả, và ý tôi thực sự là tất tần tật, những sự kiện tiếp theo lẽ ra sẽ đẩy anh tới giá treo cổ, như tôi vừa giải thích.

“Trước khi trình bày kỹ giai đoạn này, tôi muốn quay lại buổi tối cuối tháng Tám. Anh nói với chúng tôi mọi hành động và chuyển động của những người có liên quan đều được lên kế hoạch trước, có phải không nhỉ? Và tôi cho rằng chính ông Gordon là người dàn dựng? Phải rồi. Giờ, trước khi tiếp tục, tôi muốn bàn về cái hình nộm. Hôm đó, tôi lấy nó ra và kiểm tra. Một lần nữa, tôi không thể không thán phục độ phức tạp trong cấu trúc của nó. Nhưng tôi nhận thấy một điều: hai thanh kim loại ở phía trước ngực là *không cần thiết* với cơ chế vận hành của bộ máy. Khống hề. Anh Ransome, phiền anh thử xem qua nhé?”

Nam tài tử đứng lên, kiểm tra phần ngực trong vài giây, nhún vai và ngồi xuống.

“Như tôi đã nói,” Twist tiếp tục, “mọi chi tiết đều được lên kế hoạch. Ông Gordon lớn tiếng khẳng định về mối nguy hiểm tiềm tàng từ hai thanh kim loại. Bản thân chúng, hóa ra chẳng có liên quan gì đến cái chết của Cohen, sẽ trở thành một thứ vũ khí đáng sợ chống lại anh Ransome. Một quả bom nổ

chậm, các vị có thể nói như vậy. Giống như vài thứ khác đã được cài đặt sẵn vào tối hôm đó, để cảnh sát biết về trò ảo thuật trong hành lang và người thực hiện, nói chung là soi tỏ toàn bộ hoạt cảnh, mà như chúng ta đã biết, không hề có lợi cho anh Ransome.

“Từ 10 giờ 30 phút đến 10 giờ 40 phút, có khoảng hai đến ba phút Cohen chỉ có một mình trong hành lang. Đó là lúc anh ta bị đâm. Ai biết anh ta sẽ ở đó vào thời điểm chính xác ấy? Rõ ràng là chỉ có những người vạch ra màn chơi khăm này. Chúng ta có thể đếm được họ trên đầu ngón tay: Kosminski, Ransome, Cohen, cô Forrest và ông Gordon. Người đầu tiên trong số này không phạm tội giết người bởi vì lúc ấy anh ta đang ở trong phòng Cohen. Và chúng ta có thể loại trừ người thứ hai, vì anh ấy là mục tiêu của âm mưu này. Người thứ ba chính là nạn nhân. Vì những lý do tôi chưa nói đến, tôi sẽ loại trừ cô Forrest. Như vậy chỉ còn lại ông, ông Gordon. Ông là người duy nhất có thể giết Cohen. Thực tế, đó chỉ là một trò trẻ con với ông. Ông lọt vào qua sảnh ngoài chật hẹp, đẩy hé cửa vào hành lang để xem xét tình hình, đâm Cohen khi anh ta còn lại một mình và chuồn đi mà không một ai hay biết.

“Sang màn tiếp theo. Lời khai của vợ chồng Minden không trực tiếp đồn nghi vấn xuống ba *bác sĩ* trong cái chết của Cohen. Anh ta biến mất từ hành lang nhờ một trò bịp, nhưng không thể đi xa hơn thế. Điều quan trọng là cần xác lập mối liên hệ giữa họ, đặc biệt là bác sĩ Marcus và vụ án mạng. Để làm vậy, ông Gordon cũng cải trang giống hệt bạn mình, tức bác sĩ Marcus và hành xử theo cách bảo đảm thu hút sự chú ý của cảnh sát. và dẫn dắt họ đến chỗ cái xác. Không thể lên kế hoạch trước điều gì, bởi ông không biết trước bạn mình sẽ phản ứng ra sao trước cái chết của Cohen. Họ sẽ gọi cảnh sát chẳng? Khó tin lắm, xét theo tình trạng rắc rối mà họ đang vướng phải, nhưng nếu họ làm vậy, điều đó cũng chẳng khiến ông lo ngại: Ransome sẽ nộp mình cho đàn sói. Chúng ta sẽ không quay lại những dữ kiện buộc tội, nhưng nếu các điều tra viên truy lùng động cơ thì tôi tin rằng ông sẽ tìm được cách kín đáo làm họ lạc hướng. Các bạn của ông cũng có thể quyết định bỏ lại cái xác. Không có gì hứa hẹn, dựa vào tình huống khó xử kia và lời khai của vợ chồng Minden. Tuy nhiên, tôi dám chắc, ông đã có sẵn một kế hoạch nếu họ làm vậy. Đem Cohen tới một nơi cách xa chẳng? Quá mạo hiểm, lúc đó họ đi bộ mà. Cho nên ông Gordon, ông ít nhiều khẳng định được rằng họ sẽ giấu cái xác đâu đó ở khu vực lân cận, có lẽ ông đã nghiên cứu khu vực ấy

và vẽ cả sơ đồ lộ trình đi tuần của cảnh sát.

“Gần 11 giờ kém 10 phút thì Kosminski và bác sĩ Marcus ‘thật’ cho xác Cohen vào một trong ba thùng rác, và lúc 11 giờ 5 phút thì Watkins đến. Như thế ông có mười lăm phút để chuẩn bị màn kịch nhỏ của mình, rất xuất sắc - xét ở một vài khía cạnh. Trước hết, ông vờ nhận lầm Watkins là đồng phạm của mình bằng cách thốt ra mấy lời: ‘Đến lúc rồi, Kosminski. Tôi nghĩ cậu chuồn rồi chứ. Bối khi, tôi hy vọng đừng có ai phát hiện ra hãn quá sớm. Lẽ ra chúng ta nên quảng hãn ở chỗ nào đó khác. Tôi nói đấy, Kosminski, cậu nghe chưa?’ Việc này chắc chắn khiến cảnh sát biết có ai đó tên là Kosminski dính líu vào vụ việc, một manh mối dường như không mấy quan trọng vào thời điểm đó xét trên thực tế là có vô khối người trùng tên trong một thành phố lớn cỡ Luân Đôn này, nhưng hóa ra nó lại rất quan trọng về sau. Những lời ấy cũng khẳng định rằng ‘bác sĩ Marcus’ đã giấu một cái xác trong thùng rác. Và tiếp đến là thái độ của bác sĩ Marcus: người bị bắt quả tang, tiếp tục hành động để xoay chuyển tình thế với điệu bộ của... một *diễn viên*. Chất kịch càng gây ấn tượng cho Watkins bằng sự xuất hiện bất ngờ của cái xác. Thực tế, dường như đó là mục đích duy nhất của toàn bộ trò chơi, trừ phi ông bị chính vai diễn ‘Bác sĩ Tội phạm’ của mình cuốn đi, phải không ông Gordon? Sau đó, khi cảnh sát bắt đầu lờ mờ có ý niệm về các tác giả của vụ án, sẽ không khó để gán một cái tên cho người đóng vai bác sĩ Marcus. Một nhân vật của kịch trường với tài năng ứng biến xuất chúng... còn ai khác có thể là người đó ngoài anh Ransome? Giờ các vị đã thấy tất cả những cái bẫy từ từ được giăng ra như thế nào chưa?”

Lại một lần nữa, ông Gordon cười ngặt nghẽo.

“Tiến sĩ Twist, nếu ông có ý định thử bắt tay viết kịch trinh thám, xin hãy thông báo trước để tôi tìm việc khác! Rõ ràng tôi bị lu mờ rồi.” Ông ta uống cạn ly của mình, ổn định trên ghế bành, khoanh tay và ngang ngược mỉm cười trước chuyên gia tội phạm học. “Thật vô cùng thú vị, nhưng ông không có lấy một mẫu bằng chứng.”

“Chuyện đó vẫn đang được xem xét. Tuy nhiên, tôi có thể chứng minh rằng cái tay bác sĩ Marcus mà vợ chồng Minden nhìn thấy không phải kẻ tiếp xúc với Watkins.”

“Thật ư?” Gordon Miller kêu lên bằng giọng ngạc nhiên hào hứng. “Như thế nào vậy?”

“Vợ chồng Minden và Watkins cùng nhất trí rằng giọng của bác sĩ Marcus nghe không tự nhiên, nhưng họ không thống nhất về ngữ điệu. Theo Watkins, gã có giọng vang, mạnh mẽ - giống như của ông, ông Gordon - trong khi vợ chồng Minden nói rằng...”

“Và ông gọi đó là bằng chứng à?” nhà viết kịch cười hô hố.

“Không, dĩ nhiên là không. Còn một chi nhỏ nữa.” Twivist quay sang nam tài tử. “Anh Ransome, anh không mang theo cây can cho màn trình diễn trước vợ chồng Minden phải không?”

“Đúng vậy,” nam tài tử dè dặt trả lời.

“Tôi cho rằng anh đánh mất nó trên đường, có lẽ là lúc 10 giờ, thời điểm Watkins đuổi theo khi thoáng thấy anh và Kosminski ở phố Bury.”

“Rất có thể, nhưng sao ông biết?”

“Thứ nhất vì nó được tìm thấy trong một con hẻm ngay gần phố Bury, và thứ hai vì vợ chồng Minden, vốn cung cấp lời khai rất chính xác về cái buổi tối định mệnh đó, không hề nói đến cây can. Do vậy, bác sĩ Marcus mà nhà Minden nhìn thấy không hề mang can mà đúng ra phải có, và cái người kia - gã ‘Bác sĩ Tội phạm’ - thì lại có. Watkins mô tả rất rõ chi tiết này: ‘nó là một cây can sáng lấp lánh với phần tay nắm bằng bạc’.” Twivist lại xoay sang ông Gordon. “Điều đó dường như chứng tỏ rằng không cùng là một bác sĩ Marcus. Hai nhân vật đáng chú ý, ăn mặc giống hệt nhau, xuất hiện gần như cùng thời điểm và ở cùng địa điểm không thể là một sự trùng hợp được. Ai đó đã cải trang theo đúng phong cách với anh Ransome nhằm mạo nhận mình là anh ta, nhưng lại mắc sai lầm vì xuất hiện cùng với một cây can. Một sai lầm rất nghiêm trọng, ông Gordon ạ, bởi vì nếu ông chú ý hơn một chút trong khi nhìn mò những người bạn của mình, ông sẽ thấy rằng anh Ransome không còn mang cây can của mình nữa. Hơn thế, nếu chúng ta lại tự hỏi câu tương tự: ai biết mọi chi tiết của kế hoạch, và do đó biết chính xác anh Ransome sẽ cải trang như thế nào, thì chúng ta có cùng câu trả lời như trước. Chính là ông, ông Gordon.”

Nhà viết kịch cười nhả nhổ, nhưng Donald Ransome cau mày và nhìn bạn mình với vẻ ngờ vực.

“Giờ chúng ta sang giai đoạn thứ hai,” Twivist tuyên bố, với vẻ hứng khởi mà không ai khác có kể từ lúc đó trở đi. “Ông Gordon, khi không gieo được mầm mống ngờ vực vào đầu con gái của mình, hoặc ít nhất không đủ để cô

ấy từ chối những lời tán tỉnh của anh Ransome, ông bèn tiếp tục tấn công. Và chúng ta sẽ xem tác động của tất cả những chiếc bẫy ông giương ra.

“Hành động thứ nhất: Câu chuyện của Peter Moore. Ngay khi chúng tôi nghe câu chuyện này, chúng tôi đã tự hỏi hai câu hỏi lớn (xin đừng quên khả năng về một màn chơi khăm). Thứ nhất: liệu có đúng là một vụ giết người đang được lên kế hoạch không? Và, nếu vậy, ai sẽ là thủ phạm, ông Gordon hay Donald Ransome? Thứ hai: có phải đúng hai người này dính líu đến vụ Cohen không? Chà, hóa ra *mục đích duy nhất trong câu chuyện của Peter Moore là khiến chúng tôi tự hỏi hai câu hỏi đó*. Không còn động cơ nào khác. Ông Gordon, ông muốn chúng tôi biết: rằng ông và anh Ransome đều dính dáng đến ‘vụ án bác sĩ dịch hạch’. Vụ án đó gắn với tên tuổi của anh chàng Kosminski bí ẩn, như thế khi anh ta bị tấn công một cách dã man sau này, mọi nghi ngờ đương nhiên sẽ rơi vào ông và bạn ông, đặc biệt vì câu chuyện của Moore đã chỉ rõ rằng các ông đang lên kế hoạch về một vụ giết người!

“Dĩ nhiên, Peter Moore chẳng hề hờ hênh hay là kẻ trộm, hay bất kỳ điều gì khác, ngược hẳn với những gì ông đã nói với anh Ransome. Vụ việc là như thế, mà làm cách nào ông khiến anh ta nghe lỏm được cái gọi là cuộc đấu tay đôi, câu chuyện vô lý bịa đặt mà ông trình diễn cùng với bạn mình vậy? Trước khi ông trả lời câu đó, tôi xin nhấn mạnh rằng ông cần câu chuyện có hai điểm chính yếu: nó phải ám chỉ đến ‘vụ án bác sĩ dịch hạch’...”

“Nhưng anh Gordon không hề cầm lấy con búp bê bác sĩ dịch hạch!” Ransome ngờ vực xen vào.

“Anh chắc chắn chứ? Anh có nhớ khi bạn mình đưa ra tuyên bố rằng cái gắn kết hai người là ‘diễn xuất và viết kịch bản: *trò chơi và án mạng*’, ông ấy xoay lưng lại nhưng vẫn liếc mắt nhìn anh. Anh có thể xác thực rằng ông ấy không hề cầm con búp bê vào thời điểm đó không?”

“Tôi... tôi...”

“Không, anh không thể. Nhưng anh có thể hiểu rõ tác động của hoạt cảnh đó đối với chúng ta theo cách nó được kể lại. Phải. Tôi đến đâu rồi nhỉ? Vâng, điểm thứ hai là một vụ giết người đang được chuẩn bị. Có thể anh chịu trách nhiệm cho phần lớn câu chuyện của Moore, anh Ransome ạ, nhưng tôi sẵn sàng đánh cược rằng chi tiết về một vụ giết người đang được lên kế hoạch là từ ông bạn của anh. Tôi nói đúng chứ?”

Nam tài tử vẫn bất động.

“Như vậy, làm thế nào ông Gordon lại thuyết phục được gã thư ký của mình nghe trộm cuộc trò chuyện của các ông? Vì Peter Moore không còn trên đời này nữa nên tôi khó đoán được những ngôn từ ông đã sử dụng, ông Gordon ạ. Có đến nửa tá cách giải thích nảy ra trong đầu, nhưng tôi sẽ chỉ nêu ra một cách để làm ví dụ. Peter Moore đứng ở cửa sổ báo có kẻ lang thang tự xưng là bà con của người vợ quá cố của ông. Ông trả lời: *‘Lão đó trông thật đáng ngờ. Một ông bác của Anna à? Tôi ngờ lắm. Phải, quá kỳ lạ. Nghe này, Peter, tôi muốn anh ở gần quanh đây, bên ngoài cửa, và để mắt đến những gì sắp diễn ra qua lỗ khóa. Đừng có bỏ sót một phút nào đấy, anh hiểu ý tôi chứ? Chẳng ai biết được chuyện gì có thể xảy ra.’* Sau đó, khi anh Ransome ra về, ông nói: *‘Anh có nghe được hết không, Peter? Đúng, cái tay tự xưng là bạn của tôi đó ít nhiều đã thừa nhận giết vợ tôi. Tôi có điên mới gợi ý lời thách thức đó, nhưng tôi muốn xem cậu ta sẽ tiến tới đâu. Số phận đã xui khiến cậu ta phạm tội ác. Tôi sợ điều tệ hại nhất. Hãy nghe thật cẩn thận lời tôi đây. Đến chỗ tiến sĩ Twist và kể với ông ấy mọi điều anh nhìn và nghe thấy. Tất cả, tất tần tật. Hãy giả vờ anh tình cờ nghe lỏm được cuộc trò chuyện. Hãy hành động thật tự nhiên, như một người đang lo lắng mất vị trí của anh nếu chuyện mách lẻo đến tai tôi, nhưng cũng phải tỏ ra đủ lo lắng muốn thông báo cho một bên thứ ba hữu trách phòng trường hợp có gì đó không hay xảy ra. Tiến sĩ Twist có thể không tin anh, không sao cả nếu Ransome không làm những gì cậu ta hăm dọa, nhưng ít nhất ông ấy sẽ cảnh giác chuyện Ransome giết ai đó và đổ tội cho tôi. Tay diễn viên này là con cáo già quỷ quyệt. Và đừng có quên nhắc lại những gì tôi nói khi tôi nhặt con búp bê bác sĩ dịch hạch...’*

“Ông biết câu chuyện sẽ đến tai ông bạn Hurst của tôi, và vì ông quen một vài quan chức có địa vị cao tại Sở nên ông biết rằng ông ấy đảm nhận vụ Cohen. Tôi có thể hình dung được vẻ hứng khởi của ông khi chúng tôi xuất hiện ở Green Man tối hôm đó. Kế hoạch của ông đang diễn ra như mong muốn. Một kế hoạch mà ông tiếp tục tiến hành một cách hoàn hảo bằng việc vờ ngạc nhiên khi bạn tôi nhắc đến vụ giết hại Cohen. Điều đó lập tức củng cố những nghi ngờ của chúng tôi, vốn chính là điều ông đã dự tính.

“Mọi thứ đều đầu vào đấy để ông tiếp tục màn thứ hai của giai đoạn thứ

hai: giết hại Moore và tấn công Kosminski, người phải sống sót để tự khai báo. Peter Moore, mặt khác, phải chết bởi những gì anh ta biết về vụ đấu tay đôi. Nhưng đó không phải là lý do duy nhất...”

“Nhưng ông đúng là điên rồi!” Ransome gào lên. “Gordon không thể tấn công Kosminski bởi vì vào đúng thời điểm đó anh ấy vừa bắn Peter Moore.”

“Đây chính là phần tinh vi nhất của âm mưu,” Twist nói. “Nhờ tên trộm bị bắn ở cự ly gần, ông Gordon có một bằng chứng ngoại phạm quá vững chắc đối với vụ tấn công anh chàng ảo thuật gia. Hãy phân tích chỗ này một

chút, anh Ransome: hai biến cố ấy phát sinh cùng một thời điểm, 11 giờ đêm thứ Bảy. Một sự trùng hợp quá ư kinh ngạc, quá khó để xảy ra trên thực tế.”

“Nếu như ông giải thích được bằng phép màu nào mà tôi có thể xuất hiện ở cả hai nơi khác nhau vào cùng một thời điểm, thưa tiến sĩ Twist, thì tôi sẽ rất vui lòng thú nhận bất kỳ điều gì ông muốn,” Gordon Miller mĩa mai, mân mê những viên bi một cách hăng say.

Tiến sĩ Twist phả ra vài làn khói thuốc rồi mới nhìn vị chủ nhà với ánh mắt khó lòng dò đoán được, sau đó tiếp tục, “Bằng phép màu gì ư? Xin đừng phóng đại. Trước hết, điều gì chứng minh ông ở nhà vào lúc 11 giờ đêm ấy? Hoặc, nếu không, điều gì chứng minh rằng ông bắn tay thư ký của mình vào đúng thời điểm đó và ở đúng địa điểm đó? Chỉ có một ‘bằng chứng’, nếu các vị có thể gọi như vậy: những người hàng xóm của ông nghe thấy một tiếng nổ. Một khẩu súng nạp đạn rỗng và kích nổ bằng máy đồng hồ, xong! Quá ư tầm thường so với những kỳ tích máy móc chất đầy trong xưởng của ông. Tiếp theo: ông gọi điện cho cảnh sát vào khoảng 11 giờ 10 phút và họ đến sau hai mươi phút, thấy ông ở nhà cùng tên trộm đã chết. Có gì chứng minh ông đã có mặt ở đó suốt thời gian ấy? Cú điện thoại của ông à? Chắc chắn là không: ông có thể thực hiện cuộc gọi từ bất kỳ đâu.

“Giờ hãy xem xét diễn biến thật sự đã xảy ra. Tôi V không biết ông đã nói với tay thư ký những gì để anh ta hỗ trợ ông thực hiện tất cả những thủ đoạn của mình, nhưng tôi tin chắc ông đủ khả năng làm cho anh ta phải tuân theo mệnh lệnh của mình chính xác đến từng lời. Anh ta bắt đầu gói ghém hành lý vào sáng hôm đó. Sau khi con gái ông và Ransome đi đến bữa tiệc do Guy Williams chủ trì, ông dàn dựng cảnh một vụ trộm cắp: cửa sổ mở hé, những vết trầy xước ở bản lề, bộ áo giáp trên sàn, vân vân và vân vân. Ông đặt máy

thực hiện phát đạn nổ chậm khi ông đi, xin nói là sau 10 giờ một chút. Lúc 11 giờ kém 5 phút, Peter Moore, rõ ràng hành động theo lệnh của ông, gọi điện đến bữa tiệc của Guy Williams, từ một quầy điện thoại ngay góc phố không xa căn hộ của Kosminski, và hỏi gặp Donald Ransome. Có lẽ anh ta mạo nhận là Kosminski và đề nghị Ransome đi ngay lập tức, vì một lý do nào đó. Vì đúng là Kosminski, hoặc ai đó vờ là anh ta, đã gọi điện cho anh, có phải không, Ransome? Và tôi cho rằng cuộc gọi đó không rõ ràng thì phải?”

Nam tài tử gật đầu, mắt dán chặt vào bạn mình.

“Và chính xác thì anh ta nói gì với anh?”

“*‘Đến ngay lập tức. Có chuyện rất nghiêm trọng.’* Rằng anh ta không thể nói với tôi qua điện thoại.”

“Và anh đến đó phải không?”

“Đúng, nhưng khi tới trước cửa nhà, tôi thấy có chuyện lộn xộn. Tôi nghe nói ai đó là nạn nhân của một vụ giết người, nhưng không biết là ai. Tôi quay xe và về luôn.”

“Đúng vậy. Trong lúc Peter Moore đang gọi điện cho anh Ransome, thì ông Gordon đội một mớ tóc giả màu vàng gõ cửa nhà anh chàng ảo thuật gia. Khi Kosminski mở cửa, ông nện rất mạnh vào quai hàm anh ta. Ông mặc đúng bộ trang phục mà bạn mình mặc tới dự tiệc. Giờ chúng tôi biết rằng ý định của ông không phải là giết Kosminski. Điều rất quan trọng với các kế hoạch của ông là anh ta phải cung cấp một bản mô tả người tấn công mình - mà dĩ nhiên là tương ứng với Donald Ransome - và có thể xác thực về vụ án Cohen. Ông đâm anh ta vài lần, vừa đâm vừa la hét âm ỉ để đánh động hàng xóm, sau đó chạy ào xuống cầu thang bốn bậc một lần. Khi đã ra phố, ông lột bỏ bộ tóc giả, có lẽ vì không muốn mạo hiểm để thất lạc nó. Nhưng ông đâm thẳng vào vị chủ nhà đang trên đường về, và ông ta thề rằng người va vào ông ta có tóc sẫm màu.

“Lúc này đã là 11 giờ. Ông gặp Moore, theo sắp xếp đang đợi ông trên xe, và lái nhanh hết mức về nhà. Vào giờ đó thì chuyển đi mất không đến hai mươi phút (chúng tôi đã xác thực điều này). Quãng dừng lại rất ngắn để thực hiện cuộc gọi cũng rất ngắn - chỉ vài phút - cho cảnh sát và thông báo rằng ông vừa giết chết một tên trộm. Khi còn cách nhà một quãng ngắn, và tính toán rằng mình đang bị giới hạn về thời gian, cứ cho là như vậy, ông rút khẩu súng ra và bắn Peter Moore ở cự ly gần. Tiếng súng nổ sẽ bị át đi, tôi cho

rằng bằng một hồi còi xe thật to, hoặc được cho là tiếng xe nổ ngược.

“Ông phóng hết tốc lực về nhà và đặt cái xác cùng vũ khí như kế hoạch. Ông cất cỗ máy kích nổ chậm và tất cả đã sẵn sàng đợi cảnh sát, sẵn sàng để ông đóng nốt vai vị chủ nhà vừa giết ai đó bị bắt quả tang trộm cắp. Thời gian tính toán cho toàn bộ vụ việc có vẻ rất sát sao, nhưng khá dễ thực hiện. Nếu mọi việc sai lệch, ông thừa sức từ bỏ kế hoạch bắn Peter Moore và chối bay chối biến việc thực hiện cuộc gọi. Đó là một chứng cứ ngoại phạm ấn tượng, thừa ông Gordon, bởi vì khó lòng không tin người vừa thừa nhận giết người khác.

“Thêm nữa, cảnh sát không thể nhận ra thủ đoạn lừa gạt nào liên quan đến phát súng giết chết Peter Moore bởi lẽ ông bắn anh ta ở cự ly rất gần bằng thứ vũ khí được tìm thấy gần cái xác. Trên thực tế, rủi ro duy nhất ông gặp phải là một cảnh sát nào đó kiểm tra bên trong xe của ông. Ông đã đỗ ở phía sau nhà để nó không đập vào mắt khách đến và sử dụng lối ra vào của người phục vụ để vào nhà. Cảnh sát có thể không nhận thấy động cơ vẫn còn nóng, nhưng chắc chắn sẽ phát hiện ra mùi thuốc súng trong xe. Nhưng rủi ro đó rất nhỏ, tôi thừa nhận như vậy.”

Tiếng động duy nhất vang lên trong phòng vẫn là tiếng những viên bi trong tay ông Gordon. Ransome nhìn ông ta với vẻ kinh ngạc lẫn khiếp hãi.

“Còn một điểm cuối cùng cần làm rõ,” Twist tiếp tục rất nhanh, “và đó là màn tổng tiền do Kosminski thực hiện. Tôi không nghĩ anh ta là người mở màn... thực tế tôi gần như chắc chắn vậy. Tất cả bằng chứng đều hướng về một trò lấu cá nữa của ông, ông Gordon. Tôi cho rằng chính ông đã bí mật thu hút sự chú ý của anh ta đến chi tiết không hề có máu trên hai thanh kim loại, và để anh ta tự suy luận. Thế rồi, một thời gian ngắn sau, có lẽ ông giả vờ tình cờ nói gì đó kiểu: *‘Tôi không thích phải nói điều này, Kosminski, nhưng tôi sợ rằng Ransome đã lợi dụng trò đùa của chúng ta để loại trừ Cohen. Tôi không thấy cách giải thích nào hợp lý cho chuyện không có máu ở phần thanh kim loại. Cậu ta thèm khát Sheila đã một thời gian dài, cậu biết đấy, và giờ họ muốn kết hôn. Nhưng đừng tưởng tôi sẽ cho phép con gái mình kết hôn với một kẻ sát nhân. Tôi có một ý này: giả dụ cậu nói với cậu ta nghi ngờ của cậu và đòi cậu ta một số tiền nhỏ để mua sự im lặng. Không hẳn là tổng tiền, cậu hiểu mà, chỉ là một khoản tiền nhỏ để cậu vượt qua giai đoạn*

khó khăn. Nếu cậu ta chấp nhận, chúng ta sẽ biết sự thật là gì. Hãy hiểu cho, Kosminski, nếu tương lai của Sheila không gặp rủi ro, tôi sẽ không bao giờ đề nghị cậu một việc như thế. Đây, cầm lấy chút tiền mọn này trước đã.’ Anh Ransome, vài tuần trước có đúng là Kosminski tìm đến anh với một đề nghị như vậy không?”

“Đúng vậy, khốn kiếp, và tôi không muốn chi tiền. Và đầu đuôi là tại anh, Gordon, anh đề nghị tôi chấp nhận yêu sách của Kosminski để tên tuổi chúng ta không bị dính dáng đến bất kỳ chuyện phiền phức gì. Thậm chí anh còn hỗ trợ phân nửa khoản tổng tiền để thuyết phục tôi. Gordon, hãy nói với tôi rằng tất cả chuyện này đều không đúng!”

“Chỉ một vài lời nữa, tôi tin rằng cuối cùng sẽ thuyết phục được anh, Ransome,” Twist tuyên bố, vẫn nhìn thẳng vào mắt Gordon Miller. “Anh có thể nhận ra cách hành xử của bạn mình ngay từ đầu cuộc điều tra. Ông ta tạo ấn tượng về việc muốn giúp đỡ anh, che chắn cho anh, và giấu giếm mọi tình tiết của cái buổi tối cuối tháng Tám ấy. Nhưng thực ra ông ta chẳng làm gì cả. Thực tế, ông ta cung cấp cho chúng tôi những đầu mối rất tinh vi về các sự kiện đã xảy ra. Chỉ xin viện dẫn một ví dụ: buổi tối Peter Moore chết, ông ta mời chúng tôi tới thăm gian xưởng của mình. Ông ta nằng nặc mời chúng tôi xem bản phục dựng người máy của Maelzel. Chính tôi là người giải thích cách vận hành của nó cho bạn tôi đây, cả chuyện một người lách vào trong người nộm để nấp. Sau đó ông Gordon lớn tiếng nói mãi về chủ đề ấy, gợi ý một cách rất khéo rằng đây chính là cách David Cohen biến mất. Đó chỉ là một chi tiết. Nhưng còn một bằng chứng, một bằng chứng chắc chắn sẽ khiến bất kỳ ai biết ông ta không còn nghi ngờ gì về vai trò ông ta đóng.

“Ông Gordon, các bạn thân đều biết quá rõ thói quen mân mê bốn viên bi thép kia mỗi khi lo lắng trước một vấn đề hoặc tâm trí đang tập trung cao độ cho điều gì đó. Vào cái đêm Peter Moore chết, ông không hề lấy những viên bi đó ra! Không một lúc nào cả. Và tôi tin chắc rằng điều đó không thoát khỏi sự chú ý của thanh tra Hurst bạn tôi, và của anh Ransome. Dường như lúc đó ông không hề để tâm đến thế giới, dù vừa giết chết một tên trộm mà không ai khác hơn chính là thư ký riêng của mình.

“Tôi chỉ thấy một cách giải thích, đó là tội lỗi ông vừa phạm phải không làm ông lo lắng vì nó đã được lên kế hoạch.

“Mặt khác, vào Chủ nhật trước, khi chúng tôi đến hỏi chuyện và ông biết

rằng Kosminski đã chết do một vụ tai nạn, *mấy viên bi kia cứ va vào nhau suốt*. Vì một lý do rõ ràng: sự kiện đó khiến ông rơi vào trạng thái cực kỳ lo lắng. Chúng tôi hiểu tại sao: Kosminski, vũ khí bí mật của ông, lá át chủ của ông, cái bẫy tối thượng của ông, với lời khai sẽ hạ gục Ransome và buộc anh ta tội sát nhân cũng như tấn công người khác... nay vừa qua đời và toàn bộ kế hoạch của ông sụp đổ. Hoặc gần như vậy. Ông đành hy vọng rằng chúng tôi có khả năng tái hiện sự thật. Dĩ nhiên, ngoại trừ phần của ông.”

Suốt khoảng thời gian im lặng kéo dài sau đó, ông Gordon bình thản đặt những viên bi lên bàn, đứng lên và đi tới bàn làm việc của mình, mở một ngăn kéo, đóng lại và rót đầy một ly whisky mà ông ta uống cạn chỉ với một hớp. Sau đó, ông ta quay sang tiến sĩ Twist với một nụ cười ngọt xót.

“Màn tái hiện về vụ biến mất trong hành lang và những suy luận của ông liên quan đến những bước chuẩn bị cho màn lừa gạt nhỏ của chúng tôi thật đáng nể, nếu không nói là xuất sắc. Tôi đã biết đến tài năng phi thường của ông từ lâu, tiến sĩ Twist, nhưng lần này ông thực sự vượt xa chính mình. Tuy nhiên, hãy nói cho tôi biết, Sheila có tình cờ nói chuyện với ông không?”

“Có. Hay đúng hơn, cô ấy cung cấp những chi tiết cuối cùng. Đặc biệt liên quan đến màn lừa gạt diễn trước vợ chồng Minden. Rõ ràng, tôi không thể tự mình suy luận được một chuyện như thế. Nhưng đó cũng là một phần kế hoạch của ông, bởi vì ông hy vọng cô ấy sẽ không giữ im lặng, phải vậy không?”

Nét mặt ông Gordon thoáng vẻ đau đớn nhưng ông ta cố nhoẻn cười để che giấu. Ông ta nói, rất cố gắng, “Và tôi nghĩ ông đã dàn xếp để con bé không có mặt ở đây tối nay phải không?”

Nhà tội phạm học gật đầu.

Donald Ransome như biến thành một người hoàn toàn khác, cứ trừng trừng nhìn người bạn của mình với vẻ không hiểu.

“Vì sao? Vì sao, Gordon?” anh ta hỏi.

Gordon Miller cố nặn một nụ cười. Ông ta nhìn những viên bi. Đột nhiên, mặt ông chuyển sang màu tím rất lạ và cơ thể cứng đờ.

“Cái ngăn kéo,” Hurst kêu lên. “Chắc chắn ông ta đã nuốt gì đó.”

Trước khi đổ gục lên bàn, và bằng sự gắng sức cuối cùng, ông Gordon thốt ra những lời sau chót, “Sheila. Vì Sheila.”

HỒI KẾT

Chiều hôm sau, báo chí đưa tin ông Gordon Miller tự sát. Động cơ cái chết của ông ta có khác nhau giữa các báo: *Cực kỳ hối hận vì đã vô tình giết thư ký riêng, Gordon Miller - nhà viết kịch lừng danh đã tự kết liễu đời mình... Chưa bao giờ thực sự bình tâm sau cái chết của vợ trong một vụ tai nạn đuối nước, ông Gordon Miller tự sát... ông Gordon để lại cho chúng ta một câu đố cuối cùng... Tờ Times thậm chí còn gợi ý rằng nhà viết kịch tự sát vì đã cạn kiệt ý tưởng.*

Thám tử Hurst, sau khi đọc bài báo của *Times*, buông tờ báo xuống và nhún vai.

“Họ đã có một ngày tương bưng,” Donald Ransome chua chát nhận xét.

“Như thế lại tốt hơn là biết sự thật, anh không nghĩ thế à?” Tiến sĩ Twist mang trà chiều ra cho các vị khách của ông.

“Tôi vẫn không thể vượt qua được,” nam tài tử thở dài. “Tất cả những âm mưu ấy, là vì điều gì? Sự thật thì ông đã vạch rõ, nhưng nguyên nhân là gì? Tôi có thể hiểu anh ấy không chịu chấp nhận David Cohen làm con rể, nhưng còn tôi? Người bạn thân nhất của anh ấy? Tôi không phải là một triển vọng tệ hại, đúng không nào?”

“Như tôi đã nói lúc trước, bất kỳ người nào muốn kết hôn với Sheila, cho dù đó có thể là ai, đều bị kết tội chết,” Twist rầu rĩ tuyên bố. “Ông ta không chịu được ý nghĩ nhìn thấy cô ấy ra đi, không còn cô ấy bên cạnh mình nữa. Anh Ransome, anh đã nghe nói về những bà mẹ chiếm hữu gương móng vuốt ra ngay khi có bất kỳ sinh vật mặc váy nào lảng vảng gần con trai mình phải không? Có phần giống như thế đấy; Gordon Miller coi Sheila là thứ tài sản riêng của mình.”

“Nhưng anh Gordon không có vẻ chiếm hữu. Anh ấy để Sheila làm bất kỳ việc gì theo ý muốn. Tôi chưa bao giờ thấy anh ấy cấm cản điều gì.”

“Ông ta tỏ ra như vậy thôi. Không muốn cô gái cảm thấy mình là tù nhân, mà muốn cô ấy nhìn nhận ông ta như một đồng minh. Dĩ nhiên, điều đó không ngăn ông ta hành động sau lưng cô để đạt được những mục tiêu riêng. Chẳng hạn, xin hãy nhớ cách ông ta hành xử với David Cohen. Ông ta không hề chấp nhận Cohen, nhưng đã bao giờ để lộ với cô Forrest chưa? Không phải ông ta luôn tỏ ra nhiệt thành đó sao?”

“Đúng, nhưng cho dù vậy... Mà Sheila thậm chí không phải là con gái ruột của anh ấy. Tôi vẫn thấy khó tin. Nhưng, mặt khác, Sheila có phản ứng rất lạ khi tôi báo tin với cô ấy sáng nay. Đó là một cú sốc, dĩ nhiên, nhưng dường như cô ấy, nói thế nào nhỉ..., gần như thờ phào.”

“Đó, anh thấy rồi đấy!” tiến sĩ Twist nói, rót trà đầy các tách. “Nếu tôi có thể mạnh dạn đưa ra lời khuyên, thì Ransome ạ, anh hãy tránh nhắc đến việc này trong tương lai. Chỉ có chúng ta là biết toàn bộ sự thật thôi. Tốt nhất là cô ấy đừng tìm ra.”

“Rõ rồi”, nam tài tử lẩm bẫm. “Và, vì chuyện đó, tôi hy vọng có thể thỏa thuận với các ông rằng sự thật sẽ không bao giờ lọt ra khỏi gian phòng này,” anh ta nói thêm, nhìn đăm đăm vào hai nhà thám tử.

“Tôi xin hứa với anh,” nhà tội phạm học đáp lời, “và tôi tin chắc bạn tôi cũng như vậy. Này, Archibald?”

“Gì cơ... Vâng, dĩ nhiên rồi,” viên thanh tra trả lời, phờn phơ nhìn đăm đăm trần nhà. “Tôi đang nghĩ đến một chuyện. Cuộc đấu tay đôi giữa anh và ông Gordon, trong đó một trong hai vị thực hiện giết người và đổ lỗi cho người kia: Đó chính là những gì ông Gordon đã làm. Ông ta thực hiện một loạt án mạng mà ông ta gán hết cho anh, và thậm chí còn ít nhiều dám công khai nói với anh. Thực tế, ai là người thắng trong lần tung đồng xu? Tôi nhớ không nhầm thì nếu là ‘sấp’ anh sẽ thực hiện, còn nếu là ‘ngửa’ thì ông ta. Vậy là gì?”

“Ngửa,” Ransome trả lời, hai tay ôm đầu. Anh đứng lên và hít một hơi dài. “Dù sao, tiến sĩ Twist, tôi nợ ông một món nợ ân tình. Tôi không biết cảm ơn ông như thế nào.”

“À, không sao, tôi vẫn chưa đưa hóa đơn của mình mà.”

Ransome và Hurst đều há hốc miệng trước nhà tội phạm học.

“Thực tế,” Twist ho khẽ, “khoản tiền phí sẽ không quá đắt đâu. Tất cả những gì tôi đề nghị chỉ là một việc thôi, anh Ransome. Một việc rất nhỏ,

nhưng tôi đặc biệt quan tâm: anh hãy hứa với tôi một lời.”

“Xin lỗi, là gì cơ?”

“Anh sẽ trở lại Hoa Kỳ, đúng vậy chứ?”

“Vâng, cũng sớm thôi.”

“Cô Sheila đi cùng anh phải không?”

Nam tài tử đỏ mặt. “Vâng. Tôi thậm chí có thể khẳng định rằng chúng tôi sẽ sớm kết hôn thôi. Đó là những gì ông muốn biết, phải vậy không?”

Twist gật đầu và châm tẩu thuốc.

“Điều tôi đề nghị, anh Ransome, là anh hãy hứa làm mọi việc trong khả năng của mình để cô Forrest được hạnh phúc. Vì nếu tôi nghe được bất kỳ tin tức không hay nào, và tôi có tai mắt khắp thế giới, anh biết đấy, tôi có thể bảo đảm rằng anh sẽ rất hối tiếc. Âm mưu mà anh vừa thoát khỏi sẽ chẳng là gì so với những điều tôi tung ra.”

Cái nhìn sững sờ kinh ngạc xuất hiện trên gương mặt nam tài tử, sau đó là nụ cười đến mang tai và một lời hứa trịnh trọng kèm lời khẳng định rằng đó chính là những gì anh mong ước. Khoảng mười lăm phút sau anh ta ra về.

“Chà, phải nói anh thật có bản lĩnh,” viên thanh tra nói khi cánh cửa khép lại. “Anh không chi can thiệp vào chuyện chẳng hề liên quan đến mình mà còn hăm dọa anh ta nếu không chịu làm theo lệnh của anh.”

“Anh thấy đấy, Archibald, tôi rất quan tâm tới hạnh phúc của cô Forrest. Cô ấy chịu đựng đủ rồi. Nhưng tôi không lo lắng, Ransome chắc chắn sẽ là một người chồng tốt. Cả hai đều yêu và được yêu. Về điểm cuối cùng, tôi thừa nhận lúc trước mình đã lầm. Anh còn nhớ lần đầu tiên chúng ta phỏng vấn và hỏi về người yêu của cô ấy không, cô ấy tạo ấn tượng rằng không nhiệt tình cho lắm. Điều đó chỉ cho thấy bề ngoài có thể là giả dối. Không phải ý nghĩ về người yêu làm cô ấy phiền muộn, mà chính là chuyện người cha dượng tìm cách không để chuyện hôn nhân xảy ra. Đồ quái vật! Không, cô ấy thật sự đã chịu đựng quá nhiều nên không thể không có một tương lai hạnh phúc.”

Archibald Hurst nhìn bạn mình, hít một hơi dài và nện mạnh nắm tay xuống bàn, khiến mấy tách trà không cũng nảy bật lên.

“Còn bây giờ, Twist, tôi đang đợi anh giải thích đây! Đừng có mất thời gian tưởng tượng rằng tôi tin câu chuyện anh vừa nói với Ransome về bà mẹ chiếm hữu sợ mất con trai. Thế anh đang nói về đồ quái vật nào? Nếu thực ra

Gordon Miller yêu con ghẻ của mình, như anh đã ám chỉ, thì tôi không thấy nó đáng dẫn tới cái cụm từ vừa rồi. Nếu coi đó là tội ác ghê tởm, thì tôi có thể nói với anh rằng có rất nhiều quái vật đang nhõn nhợ trên thế giới này.”

Twist chậm chậm lắc đầu. “Rõ ràng, anh không hiểu một điều: Cô Sheila không có bầu với một người tình vô danh bí mật, cô ấy có bầu với ông Gordon! Giờ anh đã hiểu tại sao lại không thể đạt được một kiểu ‘dàn xếp’ nào đó chưa? Anna Miller không hề biết mặt ngang mũi dọc ‘người yêu’ của Sheila và chấp nhận những câu chuyện của con gái mình, dĩ nhiên do ông Gordon mớm cho. Thực tế, bà ấy tin tưởng câu chuyện đến mức thấy rằng nên gửi Sheila đi xa một thời gian. Tôi nghĩ chính Sheila cũng muốn thoát khỏi cái tổ đó. Sau ca nạo thai, có lẽ được thực hiện ở Thụy Sĩ, cô ấy ra đi để theo đuổi việc học tập tại Mỹ, và Anna Miller chết trong lúc con gái đi xa. Theo vài nhân chứng, dường như bà ấy tự kết liễu đời mình. Tôi thì có xu hướng tin rằng đó là một vụ tự tử chứ không phải tai nạn chết đuối. Phản ứng của Sheila, thậm chí không trở về Anh dự tang lễ của mẹ, là bằng chứng thuyết phục nhất. Anh không đoán được chuyện gì xảy ra ư?”

Hurst ngả người ra lưng tựa ghế bành và trầm ngâm rít xì gà.

“Có chứ. Hẳn bà Miller đã biết nhân dạng người yêu của con gái mình.”

“Chính thế. Và thậm chí có lý do để tin rằng chính Sheila đã nói cho bà mẹ. Có lẽ qua một phong thư. Cô còn quá trẻ để giữ kín một bí mật như vậy. Gần như chắc chắn trong một giai đoạn bức bách, bị những suy nghĩ tội lỗi chi phối, cô ấy đã tâm sự với mẹ mình để tâm trí thanh thản đồng thời cầu xin được tha thứ. Nếu anh biết rõ cô Forrest như tôi, anh sẽ hiểu cô ấy hơn: cô cực kỳ thành thực nên không thể giữ được một bí mật kinh khủng như vậy trước mẹ mình cho dù nó có thể dẫn tới phản ứng thế nào đi nữa. Thế rồi, không lâu sau đó, cô biết tin cái chết của người mẹ. Chắc chắn, Sheila nghĩ chính lời thú nhận của cô là nguyên nhân của bi kịch ấy: bà Miller không thể chịu được vụ việc và đã tự kết liễu đời mình. Trộn thực tế, điều đó là sự thật. Anh có hình dung được điều gì diễn ra trong đầu cô Sheila không? Cô *đã giết* chính mẹ đẻ, lời thú nhận chẳng khác gì một viên đạn xuyên qua tim bà ấy. Tôi cho rằng đó là lúc cô bắt đầu dùng ma túy. Cô bé tội nghiệp.”

“Và chính cô ấy đã kể tất cả với anh?”

“Không. Không cần phải nói, tôi đâu vụng về đến mức gợi lên giai đoạn đau buồn ấy trong cuộc đời cô gái. Nhưng tôi chắc chắn về những gì mình

nói và nhiều sự việc xác minh điều đó.”

Hurst im lặng một lúc, rồi tuyên bố, “Thế cũng được. Nhưng dù vậy, tôi vẫn thấy phản ứng của bà Miller rất lạ. Nếu bà ấy không muốn gặp lại con gái, hoặc muốn rời bỏ chồng mình ngay lập tức, thì tôi còn có thể hiểu. Nhưng tự tử ư? Đây không phải phản ứng ‘bình thường’ của một người phụ nữ trong tình cảnh đó. Ngay cả trong trường hợp xấu nhất, một người bốc đồng có thể quay lại đối mặt với chồng mình, vợ lấy vật đầu tiên trong tay, và đập vỡ sọ hãn. Hoặc tìm an ủi ở đâu đó, hoặc...”

Viên thanh tra nhìn nhà tội phạm học và nhận thấy nét kỳ lạ đằng sau cặp kính, phản ánh một biểu hiện mà hiếm khi ông nhìn thấy: một sự pha trộn giữa chua chát và ghê tởm.

“Phải, dĩ nhiên rồi, còn một điều khác: tội danh ti tiện nhất của Gordon Miller. Lão ta không thể không biết, nhất định lão biết sự thật, và đó chính là điều giết chết bà Miller khốn khổ. Cô Sheila không biết điều này, nhưng chắc cô ấy cảm nhận được có gì đó bất thường trong tình cảnh của mình, trong ‘tình cảm nồng nàn’ - nếu có thể sử dụng cụm từ ấy - của Gordon Miller. Lão ta rất bệnh hoạn: một sinh vật bất thường theo mọi nghĩa của từ này. Anh thấy đấy, Archibald, cái cách lão cứ vắn những viên bi khiến tôi nghi ngờ ngay từ đầu. Đó không phải là điều một người bình thường, tỉnh táo làm, nó cho thấy có sự mất cân bằng nhất định về tâm thần và thậm chí là hoang tưởng. Tùy cấp độ, dĩ nhiên. Tôi không ngạc nhiên về mức độ quý quyết trong những âm mưu của lão. Nhưng...”

“Nhưng sao?” viên thanh tra làu bàu. “Nói hết cho tôi những gì anh phải nói đi nào. Anh đang khiến chính tôi nghi ngờ bởi cái kiểu luôn né tránh đi thẳng vào vấn đề của mình đấy!”

“Thế cũng được. Tháng Chín năm 1917, Roy Forrest gặp Anna Radcliffe, thời điểm đó đã đính hôn với một chàng Gordon Miller. Bà ấy và Forrest gần như lập tức lên đường sang Mỹ, và chỉ một tháng sau thì họ kết hôn với nhau. Điều đó chúng ta đã biết rồi. Nhưng tôi đã đề nghị Briggs xác nhận ngày tháng chính xác. Cậu ta đã tìm ra thời gian Roy Forrest đặt chân lên đất Anh lần đầu tiên: ngày 12 tháng Chín năm 1917.”

“Tôi thật sự không hiểu...”

“Anh có biết Sheila Forrest chào đời khi nào không? Ngày 13 tháng Năm năm 1918. Đẻ non, tôi nghe Briggs nói vậy. Chắc Roy Forrest cũng tưởng

thế. Bây giờ, hãy thử nhớ lại trong đầu bức ảnh cô Sheila cho chúng ta xem. Roy Forrest thấp, khá mập mạp với tóc sáng màu và mặt tàn nhang. Bà Anna Forrest, tương tự, cũng có tóc sáng màu. Cô Sheila mảnh mai và tóc lại đen như mun, giống như... Xin nói rằng nếu nhìn Gordon Miller và ‘con ghẻ’ của lão đứng cạnh nhau, anh không thể không thấy có nét giống nhau, phải vậy không?”

Hurst, hoảng hốt, bật kêu, “Ý anh muốn nói là...?”

“Phải. Gordon Miller là cha đẻ của Sheila Forrest.”

HẾT

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 04 38 222 135

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM TRUNG ĐÌNH

Chịu trách nhiệm bản thảo:

NGUYỄN THỊ ANH THƯ

Biên tập: NGUYỄN MINH PHƯỚC

NGUYỄN MINH THÙY

Vẽ bìa: NGUYỄN ĐÌNH HIẾU

Sửa bản in: NGUYỄN MINH THÙY

Chế bản: THÙY TIÊN

In 3.000 cuốn, khổ 13,5x20,5cm, tại Nhà in báo Nhân dân - TP. Hồ Chí Minh

Số XNDKXB: 3681-2015/CXBIPH/64-134/HNV

Quyết định xuất bản số: 1957/QĐ-NXBHNV cấp ngày 25/12/2015

Mã số ISBN: 978-604-53-5303-5. In xong nộp lưu chiểu năm 2016.

